

Số: 948 /QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 23 tháng 6 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo  
các ngành trình độ Đại học hệ chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ vào Quyết định số 34/CP ngày 24/01/1979 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ vào Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y Thái Bình thành trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định 666/QĐ-YDTB ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Căn cứ Quyết định 1084/QĐ-YDTB ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ Đại học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo các ngành trình độ Đại học hệ chính quy.

(Có đề cương chi tiết kèm theo)

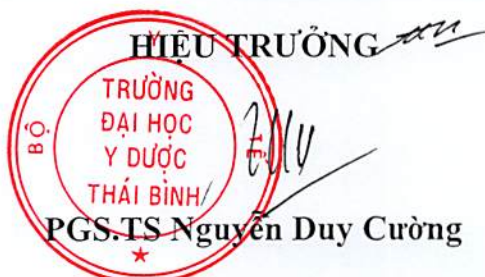
**Điều 2.** - Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Đề cương chi tiết tại Điều 1 được áp dụng với khóa tuyển sinh từ năm 2021.

**Điều 3.** Trường phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 948/QĐ-YDTB ngày 29/6/2023)*

**(QUYỂN 4)**

**THÁI BÌNH, NĂM 2023**

## MỤC LỤC

|                                                                 |     |
|-----------------------------------------------------------------|-----|
| Tâm lý học – Y đức .....                                        | 3   |
| Dịch tễ học 1.....                                              | 14  |
| Sức khỏe môi trường 1 .....                                     | 32  |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học .....                           | 41  |
| Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm 1 .....                 | 49  |
| Sức khỏe nghề nghiệp 1.....                                     | 60  |
| Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1 .....                   | 68  |
| Thực tập cộng đồng 1 .....                                      | 76  |
| Tổ chức và quản lý y tế .....                                   | 84  |
| Kinh tế y tế .....                                              | 96  |
| Y xã hội học và Nhân học y học.....                             | 106 |
| Sức khỏe lứa tuổi .....                                         | 114 |
| Sức khỏe môi trường 2 .....                                     | 124 |
| Sức khỏe nghề nghiệp 2.....                                     | 138 |
| Sức khỏe nghề nghiệp 3.....                                     | 149 |
| Dịch tễ học 2.....                                              | 160 |
| Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm 2 .....                 | 176 |
| Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm 3 .....                 | 186 |
| Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 2 .....                   | 196 |
| Dân số học .....                                                | 207 |
| Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng.....                  | 217 |
| Thống kê y học .....                                            | 226 |
| Chương trình y tế quốc gia .....                                | 235 |
| Một sức khỏe .....                                              | 246 |
| Sức khỏe môi trường 3 .....                                     | 258 |
| Thực tập cộng đồng 2 .....                                      | 265 |
| Thực tập cộng đồng 3 .....                                      | 273 |
| Thực tập tốt nghiệp.....                                        | 280 |
| Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm (Học phần thay thế)..... | 287 |
| Sức khỏe nghề nghiệp (Học phần thay thế).....                   | 295 |
| Dịch tễ học (Học phần thay thế).....                            | 303 |
| Tổ chức và quản lý y tế (Học phần thay thế) .....               | 317 |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tâm lý học – Y đức**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Tâm lý học – Y đức**

Tên tiếng Anh: **Psychology and Medical Ethics**

Mã học phần: 3110MEDPSY0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                             |                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                   | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:            | <input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                  | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS)    | 02 LT                                                                                                                                                                      |
| Số tiết Lý thuyết           | 32                                                                                                                                                                         |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng | 0                                                                                                                                                                          |
| Số giờ tự học               | 68                                                                                                                                                                         |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): | Giữa học phần: 01<br>Kết thúc học phần: 01                                                                                                                                 |
| Học phần học trước:         | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin                                                                                                                          |
| Học phần tiên quyết:        |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:         |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:      | Bộ môn Xã hội học sức khỏe                                                                                                                                                 |

## 2. Mô tả chung về học phần

**Tâm lý học – Y đức** là một trong nhiều môn học nghiên cứu về con người. Môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được đời sống tinh thần phong phú, đa dạng nhưng vô cùng phức tạp của con người. Trong hoạt động nghề nghiệp, cán bộ y tế phải thường xuyên tiếp xúc với nhiều người bệnh khác nhau. Quá trình thăm khám và điều trị hiệu quả hơn khi cán bộ y tế vững chuyên môn nghiệp vụ và hiểu được tâm lý người bệnh. Đặc biệt, qua môn học, người cán bộ y tế trong tương lai sẽ được trang bị nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện nhân cách con người. Đào tạo con người Tài – Đức vẹn toàn là nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp “trồng người” của dân tộc. **Tâm lý học – Y đức** là một trong những môn học đảm nhận trọng trách đó.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên                 | Học hàm /học vị | Số điện thoại | Email                        | Ghi chú   |
|----|------------------------|-----------------|---------------|------------------------------|-----------|
| 1  | Trần Thị Thu Hà        | ThS-BSCKII      | 0989535028    | hatlyd@gmail.com             | Phụ trách |
| 2  | Nguyễn Văn Thịnh       | ThS             | 0989187178    | thinhnv6374@gmail.com        | Tham gia  |
| 3  | Nguyễn Thị Minh Phương | ThS             | 0977993710    | nguyenminhphuong84@gmail.com | Tham gia  |
| 4  | Bùi Thị Huyền Diệu     | TS              | 0889581410    | huyendieu1410@gmail.com      | Tham gia  |
| 5  | Đặng Thị Bích Hằng     | ThS             | 0977267116    | dangbichhang@gmail.com       | Tham gia  |
| 6  | Phạm Thị Hương Ly      | ThS             | 0981100678    | phamly2504@gmail.com         | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Thị Hà Phương   | Trợ giảng       | 0384507552    | hphuong.950522@gmail.com     | Tham gia  |

## 4. Mục tiêu học tập

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | <b>Kiến thức:</b><br>1.Trình bày được bản chất, chức năng, cách phân loại các hiện tượng tâm lý.<br>2.Trình bày được Stress tâm lý và các liệu pháp tâm lý ứng dụng trong y học.<br>3.Trình bày được những thành tựu chủ yếu của lịch sử y học Thế giới và Việt Nam.<br>4.Trình bày được khái niệm đạo đức, đạo đức y học, phân tích | <b>PEO 1, 4</b>     |

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|    | được 4 nguyên lý và các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế.                                                                                                                                                                                                                                  |                     |
| 2  | <b>Kỹ năng:</b><br>1.Ứng dụng được tâm lý y học, tâm lý học lứa tuổi, liệu pháp tâm lý trong CSSK bệnh nhân và cộng đồng.<br>2.Thiết lập được mối quan hệ giữa thầy thuốc – bệnh nhân trong quá trình điều trị.<br>3.Nâng cao kỹ năng giao tiếp trong quá trình thăm khám và chẩn đoán              | PEO 3, 4            |
| 3  | <b>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b><br>1.Nâng cao vai trò trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế. Trung thực khách quan khiêm tốn, có tinh thần học tập vươn lên.<br>2.Có ý thức tự học, có phương pháp học tập. Tôn trọng chân thành, hợp tác với đồng nghiệp. | PEO 5               |

### 5.Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1  | Vận dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế phù hợp với người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | S: PLO 1, 2,<br>H: 8, 9                        |
| 2  | Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong quá trình hành nghề.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | S: PLO 1,2, 12<br>H: PLO 10, 14                |
| 3  | Người học có kiến thức, có kỹ năng và gắn với thái độ học tập tích cực thông qua bài giảng của thầy cô, kết hợp cùng phương pháp học tích cực là cơ sở để trau dồi và tích lũy tri thức. Trên cơ sở đó, học viên tự nhìn nhận và tự điều chỉnh bản thân trong suốt quá trình rèn giũa kỹ năng lâm sàng và phát triển chuyên môn. Quan trọng hơn, giúp họ nhìn nhận được vai trò và giá trị của các nhân viên y tế trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hướng tới sự hài lòng của người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp. | S: PLO 1, 2, 8, 9, 10<br>H: PLO 11, 12, 13, 14 |

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

## II.Nội dung

### 1.Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                     | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>BÀI 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÂM LÝ HỌC Y HỌC</b><br><b>1. Bản chất tâm lý người</b><br>1.1. Một số quan niệm về bản chất hiện tượng tâm lý người<br>1.2. Quan niệm duy vật biện chứng về bản chất hiện tượng tâm lý người<br><b>2. Chức năng của tâm lý</b><br><b>3. Phân loại hiện tượng tâm lý</b><br>3.1. Phân loại theo thời gian tồn tại và vị trí của tâm lý trong nhân cách<br>3.2. Phân loại dựa vào ý thức: hiện tượng tâm lý được chia thành hai loại:<br><b>4. Các quan niệm về tâm lý học y học</b><br><b>5. Mối quan hệ giữa tâm lý học và y học</b><br><b>6. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học y học</b><br><b>7. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lý</b><br>7.1. Các nguyên tắc phương pháp luận<br>7.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý | 2       | 1.Trình bày được bản chất tâm lý người.<br>2.Phân tích được chức năng của tâm lý người.<br>3.Phân loại được các hiện tượng tâm lý.<br>Trình bày được các phương pháp nghiên cứu tâm lý.                                                                                              | 1, 3   |
| 2  | <b>BÀI 2. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ</b><br><b>PHẦN I. NHẬN THỨC CẢM TÍNH</b><br>1. Cảm giác<br>2. Tri giác<br>3. Đặc điểm chung của nhận thức cảm tính<br><b>PHẦN II. NHẬN THỨC LÝ TÍNH</b><br>1. Tư duy<br>2. Tưởng tượng<br><b>PHẦN III. TÌNH CẢM – Ý CHÍ &amp; TRÍ NHỚ</b><br>1. Tình cảm<br>2. Ý chí<br>3. Trí nhớ<br><b>PHẦN IV. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH</b><br>1. Khái niệm chung về nhân cách<br>2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách<br>3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách                                                                                                                                                                                                                                            | 4       | 1.Trình bày được khái niệm, quy luật và cách phân loại các quá trình nhận thức<br>2.Trình bày được các đặc điểm và các 6 quy luật cơ bản của tình cảm và ý chí<br>3.Trình bày được khái niệm, cấu trúc của nhân cách<br>4.Vận dụng được các hiện tượng tâm lý trong thực hành y khoa | 1, 3   |
| 3  | <b>BÀI 3. TÂM LÝ LÚA TUỔI</b><br><b>1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lớn lên và sự phát triển</b><br>1.1. Các yếu tố di truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4       | 1.Trình bày được đặc trưng tâm lý con người qua các giai đoạn cuộc đời.                                                                                                                                                                                                              | 1, 3   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                       | CĐR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | <p>1.2. Các yếu tố môi trường</p> <p><b>2. Các giai đoạn trong cuộc đời</b></p> <p>2.1. Tuổi bé bỏng</p> <p>2.2. Tuổi nhà trẻ (1-3)</p> <p>2.3. Tuổi mẫu giáo (3-6)</p> <p>2.4. Tuổi thiếu nhi (6-12)</p> <p>2.5. Tuổi thiếu niên (12-16)</p> <p>2.6. Tuổi thanh niên (16-30)</p> <p>2.7. Tuổi trung niên (30-60)</p> <p>2.8. Tuổi già (trên 60)</p> <p><b>3. Vận dụng trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |         | <p>2. Ứng dụng được tâm lý học lứa tuổi trong CSSKBĐ ở mỗi giai đoạn lứa tuổi.</p>                                                                                                                                     |        |
| 4  | <p><b>Bài 4: TÂM LÝ THẦY THUỐC</b></p> <p><b>1. Đặc điểm hoạt động của nghề y</b></p> <p>1.1. Sự tiếp xúc thường xuyên với bệnh tật</p> <p>1.2. Tính đa dạng, phức tạp của đối tượng hoạt động</p> <p>1.3. Là một nghề nhân đạo</p> <p>1.4. Mọi hành vi, cử chỉ, lời nói... của thầy thuốc đều tác động mạnh mẽ đến người bệnh.</p> <p>1.5. Có sự trợ giúp của nhiều phương tiện, công cụ</p> <p><b>2. Một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc</b></p> <p>2.1. Xu hướng nghề nghiệp của người thầy thuốc</p> <p>2.1.1. Nhu cầu</p> <p>2.1.2. Hứng thú nghề nghiệp</p> <p>2.1.3. Lí tưởng nghề nghiệp</p> <p>2.2. Tính cách người thầy thuốc</p> <p><b>3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh</b></p> <p>3.1. Đặc trưng của giao tiếp</p> <p>3.2. Chủ thể và đối tượng giao tiếp</p> <p>3.3. Các yếu tố môi trường và điều kiện giao tiếp</p> | 2       | <p>1. Trình bày được đặc điểm đặc thù của nghề y.</p> <p>2. Trình bày được một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc.</p> <p>3. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh.</p> | 1, 3   |
| 5  | <p><b>BÀI 5. ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH</b></p> <p><b>1. Bệnh và người bệnh</b></p> <p>1.1. Khái niệm về bệnh</p> <p>1.2. Khái niệm về người bệnh</p> <p><b>2. Các biểu hiện tâm lý thường gặp ở người bệnh</b></p> <p><b>3. Tâm lý của người bệnh và các mối quan hệ chủ yếu</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4       | <p>1. Trình bày được khái niệm người bệnh. Phân tích được đặc điểm tâm lý người bệnh.</p> <p>2. Trình bày được mối quan hệ giữa tâm lý người bệnh và môi trường sống</p> <p>3. Trình bày được việc</p>                 | 1, 3   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                        | CDR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 3.1. Với môi trường tự nhiên<br>3.2. Với môi trường xã hội<br>3.3. Với môi trường nơi điều trị<br>3.4. Với thầy thuốc và nhân viên y tế<br><b>4. Ứng dụng tâm lý học trong điều trị và chăm sóc người bệnh</b><br>4.1. Căn cứ tính chất bệnh của người bệnh<br>4.2. Căn cứ độ tuổi của người bệnh                                                                                                                                                                                                                                         |         | vận dụng tâm lý trong chăm sóc, điều trị với đối tượng người bệnh cụ thể.                                                                                                                                                                               |        |
| 6  | <b>BÀI 6. ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG</b><br><b>1. Quan hệ giữa cán bộ y tế với cộng đồng</b><br><b>2. Nhu cầu sức khỏe cộng đồng</b><br><b>3. Sự chăm sóc và phục vụ y tế</b><br><b>4. Hành vi sức khỏe cộng đồng</b><br>4.1. Khái niệm về hành vi, hành vi sức khỏe<br>4.2. Quá trình hình thành và thay đổi hành vi<br>4.3. Đặc điểm tâm lý của cộng đồng trong quá trình thay đổi hành vi                                                                                                                   | 2       | 1. Trình bày được khái niệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng và các yêu cầu của cán bộ y tế trong mối quan hệ với cộng đồng.<br>2. Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.                                                            | 1, 3   |
| 7  | <b>BÀI 7. STRESS</b><br><b>1. Khái niệm</b><br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Cấu thành của Stress<br>1.3. Tác động của Stress<br>1.4. Phân loại<br><b>2. Các giai đoạn của phản ứng Stress</b><br>2.1. Giai đoạn báo động<br>2.2. Giai đoạn thích nghi<br>2.3. Giai đoạn kiệt quệ<br><b>3. Nguyên nhân gây ra stress tâm lý</b><br>Yếu tố khách quan<br>3.2. Yếu tố chủ quan<br><b>4. Các bệnh lý liên quan đến Stress</b><br><b>5. Giải tỏa và quản lý Stress</b><br>5.1. Thay đổi suy nghĩ<br>5.2. Thay đổi hành vi<br>5.3. Thay đổi lối sống | 4       | 1. Trình bày được khái niệm và 3 giai đoạn của phản ứng Stress.<br>2. Trình bày được nguyên nhân gây ra Stress.<br>3. Giải thích được cơ chế dẫn đến một số bệnh lý liên quan đến Stress.<br>4. Vận dụng được các biện pháp quản lý và giải tỏa Stress. | 1, 3   |
| 8  | <b>BÀI 8. LIỆU PHÁP TÂM LÝ</b><br><b>1. Định nghĩa</b><br><b>2. Cơ sở khoa học của các liệu pháp tâm lý</b><br><b>3. Các liệu pháp tâm lý cơ bản</b><br>3.1. Liệu pháp tâm lý gián tiếp<br>3.2. Liệu pháp tâm lý trực tiếp<br>3.2.1. Liệu pháp cá nhân<br>3.2.2. Liệu pháp nhóm                                                                                                                                                                                                                                                           | 2       | 1. Trình bày được khái niệm và mục đích liệu pháp tâm lý<br>2. Trình bày được các liệu pháp tâm lý gián tiếp<br>3. Trình bày được định nghĩa, chỉ định và                                                                                               | 1, 3   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                    | CĐR HP |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 3.3. Liệu pháp xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         | chống chỉ định các liệu pháp tâm lý cá nhân                                                                                                                                                                                         |        |
| 9  | <b>BÀI 9. LỊCH SỬ Y HỌC</b><br><b>PHẦN I: LỊCH SỬ Y HỌC THẾ GIỚI</b><br><b>I.Y học trong xã hội nguyên thủy</b><br><b>II.Y học trong xã hội chiếm hữu nô lệ</b><br><b>III.Y học cổ đại phương Đông</b><br><b>IV. Y học cổ Hi Lạp và La mã</b><br>- Y học thời cổ Hi Lạp<br>- Y học cổ La mã<br><b>V.Y học trong xã hội phong kiến</b><br>1.Y học Ả Rập dưới chế độ phong kiến<br>2.Y học Trung Quốc dưới chế độ phong kiến<br>3.Y học Châu Âu trong xã hội phong kiến<br><b>VI. Y học thời kỳ TBCN</b><br><b>VII. Y học trong XH XHCN</b><br><b>PHẦN II: LỊCH SỬ Y HỌC VIỆT NAM</b><br><b>I.Y học thời cổ Việt Nam</b><br><b>II. Y học Việt Nam trong xã hội phong kiến</b><br><b>III. Y học Việt Nam dưới chế độ thuộc địa</b><br><b>Y học Việt Nam trong XH XHCN</b> | 2       | 1.Trình bày thành tựu y học thế giới và y học Việt Nam qua các thời kỳ.<br>2.Phân tích được 6 bài học rút ra từ lịch sử y học.                                                                                                      | 2, 3   |
| 10 | <b>BÀI 10. ĐẠO ĐỨC Y HỌC</b><br><b>1. Lịch sử của đạo đức và đạo đức ngành y</b><br><b>2. Tính chất đặc thù của ngành y tế</b><br><b>3. Bốn nguyên lý cơ bản của Đạo đức y học</b><br>3.1. Tôn trọng quyền tự chủ<br>3.2. Lòng nhân ái<br>3.3. Không làm việc có hại/không ác ý.<br>3.4. Công bằng<br><b>4. Những yêu cầu trong các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế.</b><br>4.1. Quan hệ với nhân dân<br>4.2. Quan hệ với người bệnh<br>4.3. Yêu cầu trong mối quan hệ với đồng nghiệp<br>4.4. Yêu cầu trong mối quan hệ với công tác khoa học kỹ thuật<br>4.5. Yêu cầu trong mối quan hệ với pháp luật                                                                                                                                                      | 4       | 1.Nêu được lý tưởng đạo đức của một số danh y tiêu biểu<br>2.Trình bày được tính chất đặc thù của ngành y tế<br>3.Phân tích được 4 nguyên lý cơ bản của đạo đức y học<br>4.Trình bày được những mối quan hệ chủ yếu của cán bộ y tế | 2, 3   |

### III.Phương pháp dạy/học

Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm.

#### IV. Phương tiện, vật liệu dạy học

Lý thuyết: Máy chiếu Projector, case, phấn, bảng, câu hỏi lượng giá.

#### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10 (Học phần này được lượng giá cuối kỳ thông qua hình thức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính. Có 1 bài kiểm tra giữa học phần, 01 bài thi cuối kỳ).
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá                                                                    | Hình thức đánh giá         | Tiêu chí đánh giá                                                                     | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | Hàng ngày                                                                       | Điểm danh                  | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.                            | 1,2,3             | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,2                | 1 bài kiểm tra 45 phút gồm 3 câu hỏi ngắn bao gồm các nội dung kiến thức đã học | Thi viết câu hỏi ngắn      | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 3,5 điểm/2 câu, 3 điểm/1 câu. 3 câu là 10 điểm | 1,2,3             | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,7                | 1 bài kiểm tra 60 phút gồm 60 câu hỏi ngắn                                      | Thi trắc nghiệm khách quan | Tổng 60 câu là 10 điểm                                                                | 1,2,3             | 10          |

**Công thức tính điểm: ĐHP = 0,1 x ĐCC + 0,2 x ĐGHP + 0,7 x ĐKTHP**

#### Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm

| Tiêu chí            | Điểm trừ                                                                       |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Không vắng          | Không trừ                                                                      |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/tiết (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do điều động của Nhà trường) |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết                                                                  |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần (nếu đi muộn >15 phút sẽ tính vắng không lí do)                   |

#### Rubic 2: Kiểm tra giữa học phần (viết)

| <b>Mức độ đạt chuẩn quy định</b> |                     |                           |                                                |                                                                     |                                                             |
|----------------------------------|---------------------|---------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>Tiêu chí đánh giá</b>         | <b>Điểm (0-3.9)</b> | <b>Điểm (4.0-5.4)</b>     | <b>Điểm (5.4-6.9)</b>                          | <b>Điểm (7.0-8.4)</b>                                               | <b>Điểm (8.5-10)</b>                                        |
| Nội dung câu hỏi                 | Không giải được     | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu nhưng còn 1 số câu sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

#### **VI. Tài liệu học tập và tham khảo** (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

##### **1. Tài liệu học tập**

1. Nguyễn Văn Nhận (2006), *Tâm lý học Y học*, Nhà xuất bản Y học.
2. Phùng Kim Bảng, Lê Quang Hoành (1997), *Y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe ban đầu*, Nhà xuất bản Y học.

##### **2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Quang Uẩn (2005), *Tâm lý Đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Học viện Quân Y, Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học Y học (2007), *Tâm thần học và Tâm lý học Y học*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
3. Bộ Y tế (1995) *Sơ lược lịch sử y tế Việt Nam tập I* - Nhà xuất bản Y học.
4. Vũ Thị Nho (2003), *Tâm lý học phát triển*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

#### **VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập.**

#### **VIII. Hướng dẫn tự học**

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                    | <b>Thời lượng (tiết)</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                   |
|-------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1           | Bài 1. Đại cương về tâm lý học y học                         | 8                        | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1]      |
| 2           | Bài 2. Các hiện tượng tâm lý                                 | 8                        | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2] |
| 3           | Bài 3. Tâm lý lứa tuổi                                       | 8                        | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [2]<br>+ TLTK [1], [4]      |
| 4           | Bài 4. Tâm lý thầy thuốc                                     | 4                        | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2] |
|             | Bài 6. Ứng dụng tâm lý học trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng | 4                        |                                                                 |

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                     | <b>Thời lượng (tiết)</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                       |
|-------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 5           | Bài 5. Ứng dụng tâm lý học trong chăm sóc sức khỏe người bệnh | 8                        | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2]      |
| 6           | Bài 7. Stress                                                 | 8                        | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2]      |
| 7           | Bài 8. Liệu pháp tâm lý                                       | 4                        | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2], [3] |
|             | Bài 10. Lịch sử y học                                         | 6                        |                                                                     |
| 8           | Bài 9. Đạo đức y học                                          | 10                       | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2], [3] |

## **IX. Quy định với sinh viên**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

### **2. Quy định về điều kiện dự thi**

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt  $\geq 4$  điểm.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Trần Thị Thu Hà       |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Trần Thị Thu Hà       |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Trần Thị Thu Hà       |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Trần Thị Thu Hà**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Dịch tễ học 1**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dịch tễ học 1**

Tên tiếng Anh: **Epidemiology 1**

Mã học phần: 3120EPIDEM1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                                                                                                  |                                                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                        | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                 | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                       | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>03 (02 LT, 01 TH)</b><br><b>28</b><br><b>32</b><br><b>90</b>                                                                                                            |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):                                                                      | Giữa học phần: 01<br>Thực hành: 01<br>Kết thúc học phần: 01                                                                                                                |
| Học phần học trước:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần tiên quyết:                                                                             |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                           | Bộ môn Dịch tễ học                                                                                                                                                         |

**2. Mô tả chung về học phần**

Học phần Dịch tễ học sẽ cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng những khái niệm liên quan tới những nguyên lý và các phương pháp cơ bản của dịch tễ học được áp dụng trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng. Học phần này sẽ giúp sinh viên ứng dụng các nguyên tắc dự phòng (cấp 1, 2, 3) ở cấp độ cá nhân trong thực hành y khoa (điều trị, chăm sóc và tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà).

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên          | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                    | Ghi chú   |
|----|-----------------|--------------------|---------------|--------------------------|-----------|
| 1  | Trần Thị Khuyên | TS                 | 0915539417    | khuyendhytb@gmail.com    | Phụ trách |
| 2  | Nguyễn Hữu Ngự  | ThS                | 0913260712    | huunguytb@gmail.com      | GV        |
| 3  | Đặng Bích Thủy  | TS                 | 0985201899    | đangbichthuy71@gmail.com | GV        |
| 4  | Vũ T Kim Dung   | ThS                | 0912792567    | kimdung.ytb@gmail.com    | GV        |
| 5  | Lê Đức Cường    | TS                 | 0938042668    | cuongldvn@gmail.com      | GV        |
| 6  | Trần Thị Phương | PGS.<br>TS         | 0969816605    | phuong170978@gmail.com   | GV        |
| 7  | Lê Trần Hoàng   | CN                 | 0765891557    | Hoangmata3697@gmail.com  | Trợ giảng |
| 8  | Vũ Việt Trung   | BS                 | 0966635218    | Viettrung17b9@gmail.com  | Trợ giảng |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | <p><b>* Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương.</li> <li>- Lập kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp.</li> <li>- Xác định một số vấn đề sức khỏe, bệnh tật cần sàng tuyển phát hiện sớm tại cộng đồng.</li> <li>- Thiết kế cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng.</li> <li>- Mô tả được các vấn đề sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng.</li> <li>- Xử lý phân tích các thông tin đã thu được, biết nhận xét các kết quả đã được trình bày.</li> <li>- Xác định các yếu tố nguy cơ của một bệnh trạng tại cộng đồng và đề xuất được các giải pháp thích hợp loại trừ yếu tố nguy cơ.</li> </ul> | PEO 1, PEO 2        |
| 2  | <p><b>* Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế được một cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | PEO 1, PEO 2        |

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|    | - Xây dựng được kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                     |
| 3  | * <i>Thái độ:</i><br>Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học là một môn y học cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về y tế công cộng, liên quan đến quá trình đặt câu hỏi về tình trạng sức khỏe cũng như bệnh tật của quần thể, đưa ra phương pháp để tiến hành điều tra những vấn đề sức khỏe, tìm ra những yếu tố căn nguyên có thể của vấn đề để đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao sức khỏe và đánh giá hiệu quả của các giải pháp can thiệp đó. | PEO 3, PEO 4        |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR học phần                                                                                                                                                                         | Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)                    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1  | CLO 1: Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong thực hành chuyên môn y học dự phòng                                                                                                     | S: PLO 1, 4<br>H: PLO 3, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 |
| 2  | CLO 2: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động y học dự phòng                                                                         | S: PLO 1, 4<br>H: PLO 3, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 |
| 3  | CLO 3: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đầy đủ và thành thạo khi chăm sóc người bệnh                                                                                                  | S: PLO 1, 4<br>H: PLO 3, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 |
| 4  | CLO 4: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại cộng đồng. Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương. Đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch | H: PLO 3, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14<br>S: PLO 1,4,5,7    |
| 5  | CLO 5: Đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh                                                                       | H: PLO 3, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14<br>S: PLO 1,4,5,7    |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                   | CDR   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1  | <b>Bài 1. Các đề cập dịch tễ học</b><br><b>1. Khái niệm về dịch tễ học</b><br><b>2. Mục tiêu của dịch tễ học</b><br>2.1. Mục tiêu chung<br>2.2. Mục tiêu cụ thể <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định sự phân bố</li> <li>- Bộc lộ nguy cơ</li> <li>- Cung cấp phương pháp đánh giá biện pháp can thiệp cải thiện sức khỏe con người</li> </ul> <b>3. Đề cập dịch tễ học</b><br><b>3.1. Đối tượng nghiên cứu của dịch tễ học</b><br><b>3.2. Nhiệm vụ các nội dung của dịch tễ học</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch tễ học mô tả</li> <li>- Dịch tễ học phân tích</li> <li>- Dịch tễ học thực nghiệm</li> <li>- Dịch tễ học lý thuyết khái quát</li> </ul> | 01      | 1. Trình bày được khái niệm, mục tiêu và đối tượng nghiên cứu của dịch tễ học<br>2. So sánh sự khác nhau giữa đề cập dịch tễ học và đề cập lâm sàng<br>3. Trình bày những đặc điểm chung của một nghiên cứu dịch tễ học                                            | CLO 1 |
| 2  | <b>Bài 2. Số đo mắc bệnh và số đo tử vong</b><br><b>1. Số đo mắc bệnh</b><br>1.1. Số tuyệt đối và số tương đối liên quan đến kích thước quần thể<br>1.2. Tỷ lệ mới mắc và tỷ lệ hiện mắc<br>1.2.1. Tỷ lệ hiện mắc<br>1.2.2. Tỷ lệ mới mắc tích lũy<br>1.2.3. Mật độ mới mắc<br>1.3. Mối quan hệ giữa tỷ lệ tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mới mắc<br><b>2. Số đo tử vong</b><br>2.1. Tỷ lệ tử vong thô (CDR)<br>2.2. Tử vong và tuổi<br>2.3. Tỷ lệ tử vong riêng phần (hoặc tỷ lệ tử vong đặc hiệu theo tuổi)<br>2.4. Tỷ lệ tử vong chuẩn hóa theo tuổi<br>2.5. Tỷ lệ tử vong đặc hiệu theo giới<br>2.6. Tỷ lệ tử vong theo nguyên nhân<br>2.7. Tỷ lệ chết/mắc                                | 01      | 1. Trình bày được khái niệm về tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mới mắc<br>2. Trình bày được mối quan hệ giữa tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mới mắc<br>3. Trình bày được ý nghĩa và công thức tính một số tỷ lệ tử vong thường dùng<br>4. Nêu ý nghĩa của chuẩn hóa tỷ lệ tử vong | CLO 1 |
| 3  | <b>Bài 3. Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học</b><br><b>1. Đại cương về thiết kế nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu dịch tễ học</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu quan sát</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 01      | 1. Nêu được các loại thiết kế nghiên cứu mô tả, vai trò của các thiết kế nghiên cứu mô tả<br>2. Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu                                                                                                                        | CLO 2 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | CDR   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|    | <p>Các thiết kế nghiên cứu mô tả</p> <p>Các thiết kế nghiên cứu phân tích</p> <p>- Nghiên cứu can thiệp</p> <p><b>2. Các thiết kế nghiên cứu quan sát</b></p> <p>a. Các thiết kế nghiên cứu quan sát mô tả</p> <p>i. Nghiên cứu mô tả ca bệnh</p> <p>ii. Nghiên cứu mô tả chùm bệnh/ nghiên cứu loạt trường hợp</p> <p>iii. Nghiên cứu cắt ngang mô tả</p> <p>b. Các thiết kế nghiên cứu quan sát phân tích</p> <p>i. Nghiên cứu thuần tập</p> <p>ii. Nghiên cứu bệnh - chứng</p> <p>iii. Nghiên cứu cắt ngang có phân tích</p> <p>iv. Nghiên cứu tương quan/ nghiên cứu sinh thái</p> <p><b>3. Các thiết kế nghiên cứu can thiệp</b></p> <p>a. Can thiệp cộng đồng</p> <p>i. Nghiên cứu so sánh trước - sau can thiệp</p> <p>ii. Nghiên cứu có nhóm chứng</p> <p>b. Thử nghiệm lâm sàng</p> <p>i. Nghiên cứu đơn nhóm</p> <p>ii. Nghiên cứu đa nhóm</p> <p>iii. Phân bố ngẫu nhiên</p> <p>iv. Làm mù</p> <p>v. Nhóm chứng lịch sử</p> <p>vi. Thử nghiệm phòng bệnh</p> |         | <p>phân tích</p> <p>3. Nêu được ưu nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu phân tích</p> <p>4. Trình bày được các loại nghiên cứu can thiệp</p>                                                                                                                                                                     |       |
| 4  | <p><b>Bài 4. Sàng tuyển phát hiện bệnh</b></p> <p><b>1. Định nghĩa</b></p> <p><b>2. Xác định những bệnh cần sàng tuyển</b></p> <p>2.1. Bệnh có tính chất nghiêm trọng</p> <p>2.2. Có nghiệm pháp phát hiện được ở thời kỳ tiền lâm sàng</p> <p>2.3. Khả năng điều trị sớm có hiệu quả</p> <p><b>3. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt</b></p> <p>3.1. Hai kỹ thuật phát hiện hàng loạt</p> <p>3.2. Xây dựng một kế hoạch phát hiện hàng loạt</p> <p>3.2.1. Bệnh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 02      | <p>1. Trình bày được khái niệm về sàng tuyển và tiêu chuẩn của các bệnh cần sàng tuyển trong cộng đồng.</p> <p>2. Phân loại các kỹ thuật (trắc nghiệm) sử dụng để sàng tuyển phát hiện bệnh.</p> <p>3. Xác định được những bệnh cần sàng tuyển và các trắc nghiệm tương ứng sử dụng để sàng tuyển các bệnh đó.</p> | CLO 4 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                 | CDR   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|    | 3.2.2. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt<br>3.2.3. Quần thể bị đe dọa<br><b>4. Các trắc nghiệm áp dụng trong sàng tuyển</b><br>4.1. Độ nhạy và độ đặc hiệu<br>4.2. Giá trị tiên đoán của trắc nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |                                                                                                                                                                                                                                  |       |
| 5  | <b>Bài 5. Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin</b><br><b>1. Kỹ thuật thu thập thông tin</b><br>1.1. Phỏng vấn<br>1.2. Quan sát<br>1.3. Thảo luận nhóm<br>1.4. Sử dụng thông tin có sẵn<br>1.5. Thăm khám, xét nghiệm<br><b>2. Công cụ thu thập thông tin</b><br>2.1. Những tư liệu cần thiết để xây dựng bộ câu hỏi<br>2.1.1. Mục tiêu của cuộc điều tra<br>2.1.2. Loại điều tra<br>2.1.3. Những thông tin cần có sau khi điều tra<br>2.2. Trình tự xây dựng bộ câu hỏi<br>2.2.1. Lựa chọn xếp đặt các cụm thông tin<br>2.2.2. Xếp đặt câu hỏi cụ thể trong mỗi cụm thông tin<br>2.2.3. Mã hóa câu hỏi, câu trả lời<br>2.2.4. Dạng câu hỏi trong phiếu điều tra<br>2.3. Kiểm tra đánh giá bộ câu hỏi<br>2.3.1. Tổ chức đào tạo cán bộ phỏng vấn<br>2.3.2. Tổ chức điều tra thử trên cộng đồng<br>2.3.4. Sửa chữa bổ sung hoàn chỉnh bộ câu hỏi | 02      | 1. Trình bày được khái niệm và cách phân loại biến số<br>2. Liệt kê được các kỹ thuật thu thập thông tin chủ yếu<br>3. Nêu những cân nhắc lựa chọn công cụ thu thập thông tin, ưu nhược điểm của các kỹ thuật thu thập thông tin | CLO 4 |
| 6  | <b>Bài 6. Nghiên cứu bệnh chứng</b><br><b>1. Định nghĩa</b><br><b>2. Thiết kế nghiên cứu</b><br>- Định nghĩa và chọn nhóm bệnh<br>- Chọn nhóm chứng<br>- Thu thập thông tin<br><b>3. Phân tích số liệu</b><br><b>4. Các sai lệch trong nghiên cứu bệnh chứng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 01      | 1. Trình bày được định nghĩa, thiết kế, các sai lệch và ưu nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng.<br>2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng<br>3. Phân tích được kết                                 | CLO 3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                | CDR   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sai chệch lựa chọn</li> <li>- Sai chệch quan sát</li> <li>- Sai chệch nhớ lại</li> <li>- Sai chệch xếp loại</li> </ul> <b>5. Ưu nhược điểm</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ưu điểm</li> <li>- Nhược điểm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         | quả của nghiên cứu bệnh chứng<br>4. Vận dụng được nghiên cứu bệnh chứng vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng                                                                                                                                                                                                       |       |
| 7  | <b>Bài 7. Nghiên cứu thuần tập</b><br><b>1. Định nghĩa</b><br><b>2. Các loại thiết kế nghiên cứu thuần tập</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuần tập hồi cứu</li> <li>- Thuần tập tương lai</li> <li>- Thuần tập vừa hồi cứu vừa tương lai</li> </ul> <b>3. Thiết kế nghiên cứu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn phơi nhiễm</li> <li>- Chọn nhóm đối chứng</li> <li>- Thu thập thông tin</li> </ul> <b>4. Phân tích số liệu</b><br><b>5. Ưu nhược điểm</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ưu điểm</li> <li>- Nhược điểm</li> </ul>                                                                                                                                                                             | 01      | 1. Trình bày được định nghĩa, các loại nghiên cứu, thiết kế và ưu nhược điểm của nghiên cứu thuần tập.<br>2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập<br>3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu<br>4. Áp dụng được phương pháp nghiên cứu thuần tập vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. | CLO 2 |
| 8  | <b>Bài 8. Nghiên cứu can thiệp</b><br><b>1. Định nghĩa</b><br><b>2. Các loại nghiên cứu can thiệp</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thử nghiệm lâm sàng</li> <li>- Thử nghiệm phương pháp điều trị</li> <li>- Thử nghiệm thuốc điều trị</li> <li>+ Thử nghiệm phòng bệnh</li> </ul> <b>3. Những vấn đề đặc biệt trong nghiên cứu can thiệp</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đạo đức</li> <li>+ Khả năng thực hiện</li> <li>+ Giá thành</li> </ul> <b>4. Thiết kế nghiên cứu can thiệp</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn quần thể nghiên cứu</li> <li>- Chỉ định chế độ nghiên cứu</li> <li>- Xác định bệnh với tỷ lệ cao và đồng nhất</li> <li>- Kết thúc thử nghiệm</li> </ul> <b>5. Phân tích số liệu</b> | 01      | 1. Trình bày được định nghĩa, các loại nghiên cứu, những vấn đề đặc biệt và thiết kế nghiên cứu can thiệp.<br>2. Tính được cỡ mẫu trong nghiên cứu can thiệp<br>3. Phân tích được kết quả trong nghiên cứu can thiệp<br>4. Vận dụng được nghiên cứu can thiệp vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng.                | CLO 2 |
| 9  | <b>Bài 9. Nghiên cứu mô tả</b><br><b>1. Định nghĩa</b><br><b>2. Các phương pháp nghiên cứu mô tả</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 01      | 1. Trình bày được định nghĩa và các phương pháp nghiên cứu mô tả<br>2. Nêu được các đặc                                                                                                                                                                                                                         | CLO 2 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | CDR   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tương quan</li> <li>- Báo cáo bệnh hay đợt bệnh</li> <li>- Điều tra ngang</li> </ul> <b>3. Các đặc trưng mô tả</b> <p>3.1. Con người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuổi</li> <li>- Giới</li> <li>- Nhóm dân tộc, chủng tộc</li> <li>- Tầng lớp xã hội</li> <li>- Nghề nghiệp</li> <li>- Tình trạng hôn nhân</li> <li>- Các đặc trưng về gia đình</li> <li>- Các đặc trưng khác về con người</li> </ul> <p>3.2. Không gian</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên giới tự nhiên</li> <li>- Sự phân vùng hành chính</li> <li>- Bản đồ yếu tố môi trường, bản đồ điểm</li> <li>- Sự khác nhau giữa thành phố và nông thôn</li> <li>- So sánh quốc tế</li> <li>- Nghiên cứu người di cư</li> </ul> <p>3.3. Thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự tăng tần số mắc bệnh trong một khoảng thời gian</li> <li>- Tính chu kỳ</li> <li>- Xu thế của bệnh</li> </ul> |         | <p>trung sử dụng trong nghiên cứu mô tả</p> <p>3. Vận dụng được phương pháp nghiên cứu mô tả vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng</p>                                                                                                                                                                                                                                |       |
| 10 | <p><b>Bài 10. Nguyên lý dịch tễ học các Bệnh truyền nhiễm</b></p> <p><b>I. Bệnh truyền nhiễm</b></p> <p><b>1. Khái niệm, phân loại bệnh truyền nhiễm</b></p> <p><b>2. Đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm</b></p> <p>2.1. Bệnh truyền nhiễm phải do một loại vi sinh vật ký sinh gây nên</p> <p>2.2. Bệnh truyền nhiễm thường phát triển theo mùa, mang tính chu kỳ và trải qua 4 thời kỳ</p> <p>2.3. Bệnh truyền nhiễm thường lây lan và phát triển thành dịch</p> <p>2.4. Hầu hết các bệnh truyền nhiễm đều để lại miễn dịch sau khi mắc bệnh</p> <p><b>3. Ý nghĩa lâm sàng và dịch tễ học của 4 thời kỳ trong bệnh truyền</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 04      | <p>1. Nêu được đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm</p> <p>2. Trình bày được ý nghĩa lâm sàng và ý nghĩa dịch tễ của các thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm</p> <p>4. Nêu được các khâu của quá trình dịch và trình nguyên tắc phòng chống dịch</p> <p>5. Nêu những nội dung chính trong điều tra dịch</p> <p>6. Trình bày được các biện pháp xử lý khu dịch</p> | CLO 4 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|-----|
|    | <p><b>nhiễm</b></p> <p>3.1. Thời kỳ ủ bệnh</p> <p>3.2. Thời kỳ khởi phát</p> <p>3.3. Thời kỳ toàn phát</p> <p>3.4. Thời kỳ lui bệnh</p> <p><b>II. Quá trình dịch</b></p> <p><b>1. Khái niệm</b></p> <p><b>2. Các yếu tố của quá trình dịch</b></p> <p>* Động lực trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn truyền nhiễm</li> <li>- Yếu tố truyền nhiễm</li> <li>- Khối cơ thể cảm thụ</li> </ul> <p>* Động lực gián tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yếu tố của môi trường tự nhiên</li> <li>- Yếu tố của môi trường xã hội</li> </ul> <p><b>III. Điều tra xử lý dịch</b></p> <p><b>1. Khái niệm về vùng dịch, khu dịch</b></p> <p>1.1. Ổ dịch</p> <p>1.2. Vùng dịch (khu dịch)</p> <p><b>2. Nguyên tắc phòng chống dịch</b></p> <p><b>3. Điều tra dịch</b></p> <p>3.1. Điều tra trường hợp mắc bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện người bệnh</li> <li>- Xác định các chỉ số mắc, chết</li> <li>- Mô tả tình hình mắc bệnh</li> </ul> <p>3.2. Điều tra các yếu tố liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dân số</li> <li>- Trình độ phát triển kinh tế, xã hội</li> <li>- Vệ sinh môi trường</li> <li>- Các thông tin về phát triển sản xuất</li> <li>- Các ổ chứa mầm bệnh tự nhiên</li> <li>- Điều kiện đại lý, khí hậu</li> </ul> <p><b>4. Xử lý khu dịch</b></p> <p>4.1. Khai báo</p> <p>4.2. Cách ly và điều trị người bệnh</p> <p>4.3. Tẩy uế</p> <p>4.4. Thành lập ban phòng chống dịch</p> <p>4.5. Khoanh vùng dịch</p> <p>4.6. Các biện pháp đối với người lành trong vùng dịch</p> <p>4.7. Các biện pháp đối với ngoại cảnh</p> <p>4.8. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe</p> |         |                  |     |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | CDR   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 11 | <b>Bài 11. Dịch tễ học HIV/AIDS</b><br><b>1.Một số khái niệm</b><br>1.1.HIV là gì?<br>1.2.AIDS là gì?<br>1.3.Dịch tễ học HIV/AIDS<br><b>2.Tình hình dịch HIV/AIDS trên thế giới và Việt Nam</b><br>2.1.Tình hình dịch HIV/AIDS trên thế giới<br>2.2.Tình hình dịch HIV/AIDS tại Việt Nam<br><b>3.Các đường lây truyền và không lây HIV</b><br>3.1. Các đường lây truyền HIV<br>3.1.1. Lây truyền HIV qua đường tình dục<br>3.1.2. Lây truyền HIV qua máu và chế phẩm của máu<br>3.1.3. Lây truyền HIV từ mẹ sang con<br>3.2. Các đường không lây truyền HIV<br><b>4. Các biện pháp phòng tránh lây nhiễm HIV</b><br>4.1. Phòng tránh lây nhiễm HIV qua đường tình dục<br>4.2. Phòng tránh lây nhiễm HIV qua đường máu<br>4.2.1. Phòng tránh lây truyền HIV qua truyền máu<br>4.2.2. Phòng lây nhiễm HIV ở người nghiện chích ma túy<br>4.2.3. Dự phòng phơi nhiễm HIV trong môi trường nghề nghiệp<br>4.3. Phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con<br>4.3.1. Dự phòng sớm lây truyền HIV cho phụ nữ<br>4.3.2. Phòng tránh mang thai ngoài ý muốn cho phụ nữ nhiễm HIV | 03      | 1. Trình bày được những đặc điểm riêng của dịch HIV/AIDS<br>2. Nêu và giải thích được các phương thức lây truyền HIV<br>3. Trình bày được các yếu tố nguy cơ làm tăng lây truyền HIV<br>4. Trình bày mục tiêu của xét nghiệm HIV và các phương pháp giám sát dịch tễ học HIV/AIDS<br>5. Trình bày các biện pháp phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS. | CLO 4 |
| 12 | <b>Bài 12. Chương trình tiêm chủng mở rộng</b><br><b>1.Đại cương</b><br>a. Lịch sử của chương trình TCMR<br>b. Tình hình tiêm chủng hiện nay<br>c. Một số thành quả của chương trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 02      | 1. Liệt kê được các nguyên tắc tiêm chủng<br>2. Trình bày được các nội dung cơ bản của Chương trình Tiêm chủng Mở rộng                                                                                                                                                                                                                          | CLO 3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | CDR   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|    | <b>2. Cơ sở khoa học của chương trình</b><br>a. Cơ sở khoa học<br>b. Phân loại miễn dịch<br>c. Khái niệm cơ thể cảm nhiễm và cơ thể miễn dịch<br><b>3. Khái niệm, phân loại và bảo quản vắc xin</b><br><b>4. Khái niệm và nguyên tắc tiêm chủng</b><br><b>5. Cách tổ chức buổi tiêm chủng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         | (TCMR).<br>3. Kể tên, cấu tạo, tác dụng, cách sử dụng đối với các vacxin trong Chương trình TCMR.<br>4. Trình bày được lịch tiêm chủng đối với trẻ em dưới 1 tuổi và phụ nữ có thai.<br>5. Liệt kê được các bước thực hiện một buổi tiêm chủng tại cộng đồng                                                                                      |       |
| 13 | <b>Bài 13. Quần thể và mẫu</b><br><b>1. Khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu</b><br>1.1. Mẫu nghiên cứu (Study sample).<br>1.2. Đơn vị mẫu và đơn vị quan sát<br>1.3. Tham số mẫu<br>1.4. Khung mẫu<br>1.5. Phân bố mẫu<br>1.6. Quần thể nghiên cứu và quần thể đích<br>1.7. Tham số quần thể<br><b>2. Cỡ mẫu</b><br>2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến cỡ mẫu<br>2.2. Công thức tính cỡ mẫu<br>a. Cỡ mẫu cho ước tính một tỷ lệ<br>b. Cỡ mẫu cho ước tính một giá trị trung bình<br>c. Cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập<br>d. Cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng<br>e. Cỡ mẫu cho nghiên cứu can thiệp<br><b>3. Các kỹ thuật chọn mẫu</b><br>3.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn<br>3.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống<br>3.3. Chọn mẫu chùm<br>3.4. Chọn mẫu phân tầng | 04      | 1. Trình bày được các khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu.<br>2. Trình bày được các công thức tính cỡ mẫu.<br>3. Trình bày định nghĩa, cách tiến hành, ưu nhược điểm của 4 kỹ thuật chọn mẫu cơ bản: Ngẫu nhiên đơn, ngẫu nhiên chùm, ngẫu nhiên hệ thống và ngẫu nhiên phân tầng.<br>4. Áp dụng để giải các bài tập và các tình huống cụ thể | CLO 5 |
| 14 | <b>Bài 14. Dịch tễ học bệnh Dịch hạch</b><br><b>1. Đặc điểm dịch tễ học</b><br>- Vùng<br>- Mùa<br>- Hình thái dịch<br><b>2. Quá trình dịch</b><br>- Mầm bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 01      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | CLO 4 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|-------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn truyền nhiễm</li> <li>- Đường truyền nhiễm</li> <li>- Bệnh sinh</li> <li>- Cơ thể cảm nhiễm</li> </ul> <b>3. Phòng chống dịch</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>3.1. Biện pháp đối với nguồn truyền nhiễm</li> <li>3.2. Biện pháp đối với đường truyền nhiễm</li> <li>3.3. Biện pháp đối với cơ thể cảm nhiễm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                           |         |                  |       |
| 15 | <b>Bài 15. Dịch tễ học viêm gan virus</b> <b>1. Đặc điểm dịch tễ học của viêm gan virus</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng</li> <li>- Mùa</li> <li>- Hình thái dịch</li> </ul> <b>2. Quá trình dịch</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Nguồn truyền nhiễm</li> <li>b. Yếu tố truyền nhiễm</li> <li>c. Cơ thể cảm nhiễm</li> </ul> <b>3. Biện pháp phòng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Biện pháp phòng đối với nguồn truyền nhiễm</li> <li>b. Biện pháp phòng đối với yếu tố truyền nhiễm</li> </ul> Biện pháp phòng đối với khối cơ thể cảm nhiễm                                | 01      |                  | CLO 4 |
| 16 | <b>Bài 16. Dịch tễ học sốt xuất huyết Dengue</b> <b>1. Đặc điểm dịch tễ học của bệnh sốt xuất huyết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>1.1. Vùng</li> <li>1.2. Mùa</li> <li>1.3. Hình thái dịch</li> </ul> <b>2. Quá trình dịch</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>2.1. Nguồn truyền nhiễm</li> <li>2.2. Yếu tố truyền nhiễm</li> <li>2.3. Cơ thể cảm nhiễm</li> </ul> <b>3. Biện pháp phòng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>3.1. Biện pháp phòng đối với nguồn truyền nhiễm</li> <li>3.2. Biện pháp phòng đối với yếu tố truyền nhiễm</li> </ul> Biện pháp phòng đối với khối cơ thể cảm nhiễm | 01      |                  | CLO 4 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|-------|
| 17 | <b>Bài 17 :Tẩy uế</b><br><b>1. Đại cương</b><br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Nhiệm vụ của tẩy uế<br><b>2. Các loại tẩy uế</b><br>2.1. Tẩy uế chống dịch<br>2.2. Tẩy uế dự phòng<br><b>3. Các phương pháp tẩy uế</b><br>3.1. Phương pháp cơ học<br>3.2. Phương pháp vật lý<br>3.3. Phương pháp hóa học<br>3.4. Phương pháp sinh học<br>3.5. Kiểm tra tẩy uế | 01      |                  | CLO 4 |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                          | CDR   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1  | <b>Bài 1. Thực hành xây dựng bài tuyên truyền về phòng chống dịch</b><br>Các nội dung bắt buộc:<br>- Loại dịch gì, lây truyền thế nào?<br>- Mức độ nguy hiểm của bệnh dịch này?<br>- Biểu hiện như thế nào? Khi bị mắc bệnh phải làm gì?<br>- Phòng chống lây nhiễm cho bản thân và cộng đồng như thế nào?                    | 02      | Xây dựng được 01 bài truyền thông về phòng chống dịch                                                     | CLO 4 |
| 2  | <b>Bài 2. Sàng tuyển phát hiện bệnh</b><br>1. Sử dụng các nghiệm pháp sàng tuyển vào thực tế<br>2. Áp dụng để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm<br>3. Tìm hiểu về ý nghĩa của các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm<br>4. Làm các bài tập tình huống về các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm | 04      | 1. Áp dụng lý thuyết để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm.<br>2. Làm được các bài tập | CLO 4 |
| 3  | <b>Bài 3. Thực hành thiết kế nghiên cứu thuần tập</b><br><b>1. Thiết kế nghiên cứu</b><br>a. Chọn nhóm phơi nhiễm<br>b. Chọn nhóm so sánh<br>c. Xác định tình trạng bệnh<br><b>2. Phân tích và phiên giải số liệu</b><br>a. Tính tỷ lệ mắc mới<br>b. Tính nguy cơ tương đối                                                   | 04      | 1. Thực hành thiết kế nghiên cứu<br>2. Làm được các bài tập                                               | CLO 3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số tiết | Mục tiêu học tập         | CDR   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------|-------|
|    | c. Tính nguy cơ quy thuộc<br><b>3. Xác định các sai số</b><br>a. Sai số chọn<br>b. Sai số xếp loại<br>c. Sai số quan sát<br>d. Sai số do mất đối tượng<br><b>4. Khắc phục và hạn chế sai số</b><br><b>5. Xác định các ưu, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập</b>                                                                                                                                                         |         |                          |       |
| 4  | <b>Bài 4. Thực hành tính cỡ mẫu và chọn mẫu</b><br>1. Bài tập thực hành tính cỡ mẫu<br>1.1. Tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ<br>1.2. Tính cỡ mẫu ước tính một giá trị trung bình<br>2. Bài tập thực hành chọn mẫu<br>2.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn<br>2.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống<br>2.3. Chọn mẫu chùm<br>2.4. Chọn mẫu phân tầng<br><b>3. Xác định cỡ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu trong các nghiên cứu được báo cáo</b> | 02      | Làm được các bài tập     | CLO 5 |
| 5  | <b>Bài 5. Thực hành xây dựng công cụ thu thập thông tin</b><br>1. Bộ câu hỏi phỏng vấn<br>2. Phiếu điều tra trong quan sát                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 02      | Xây dựng được bộ câu hỏi | CLO 4 |
| 6  | <b>Bài 6. Chương trình tiêm chủng mở rộng</b><br>1. Tìm hiểu thực tế về quy trình tổ chức buổi tiêm chủng tại Trạm y tế<br>2. Đóng vai quy trình tổ chức một buổi tiêm chủng<br>3. Thảo luận nhóm để đưa ra những khó khăn, hạn chế khi thực hiện quy trình tiêm chủng<br>4. Áp dụng lý thuyết để làm các bài tập tình huống về tư vấn cho các đối tượng tiêm chủng                                                       | 02      |                          | CLO 4 |

### III. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành:** Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy học

- Lý thuyết:** Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints.

**2. Thực hành:** Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints.

**V. Phương pháp lượng giá**

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá     | Tiêu chí đánh giá                            | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|------------------------|----------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                | 1            | Theo quy định          | - Qua sổ nhật ký<br>- Thái độ học tập của SV | CLO 1,2,3,4       | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                | 1            | Viết                   | ≥ 4: Đạt                                     | CLO 1,2,3,4,5     | 10          |
| Điểm Thực hành (ĐTH)           | 20%                | 1            | Theo quy định          | ≥ 4: Đạt                                     | CĐR 1,2,3,4,5     | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 60%                | 1            | Trắc nghiệm khách quan | ≥ 4: Đạt                                     | CĐR 1,2,3,4,5     | 10          |

**Công thức tính điểm: 1:1:2:6**

**Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | 1        |
| Nghỉ học không phép | 2        |
| Đi muộn             | 0,5      |

**Rubic 2: Thi viết (giữa học phần): 10 điểm**

| Tiêu chí đánh giá | Điểm (0-3,9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
|-------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Nội dung câu hỏi  | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)**

1. Dịch tễ học (1993), Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.
2. Phạm Ngọc Đính (2013), Dịch tễ học, giáo trình giảng dạy sau đại học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Nhà xuất bản y học.

3. Thực hành Dịch tễ học (1996), Bộ môn Dịch tễ học Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập.

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                         | <b>Thời lượng (tiết)</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                                                     |
|-------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b>    | Bài 1. Các đề cập dịch tễ học                                     | 3                        | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống,<br>TLTK [3]. |
|             | Bài 2. Số đo mắc bệnh và số đo tử vong + Thảo luận                | 4                        |                                                                                                   |
| <b>2</b>    | Bài 3. Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học + Thảo luận | 10                       | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].    |
| <b>3</b>    | Bài 4. Sàng tuyển phát hiện bệnh + Thảo luận                      | 8                        | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].    |
| <b>4</b>    | Bài 5. Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin + Thảo luận     | 7                        | Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].      |
| <b>5</b>    | Bài 6. Nghiên cứu bệnh chứng + Thảo luận                          | 4                        | Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2], TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].         |
| <b>6</b>    | Bài 7. Nghiên cứu thuần tập + Thảo luận                           | 4                        | Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2], TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].         |
| <b>7</b>    | Bài 8. Nghiên cứu can thiệp + Thảo luận                           | 4                        | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2], TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].       |
|             | Bài 9. Nghiên cứu mô tả + Thảo luận                               | 3                        |                                                                                                   |
| <b>8</b>    | Bài 10. Nguyên lý dịch tễ học các Bệnh truyền nhiễm + Thảo luận   | 9                        | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].    |

|           |                                                     |   |                                                                                                   |
|-----------|-----------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>9</b>  | Bài 11. Dịch tễ học HIV/AIDS                        | 5 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>Làm bài tập tình huống,<br>TLTK [3].  |
| <b>10</b> | Bài 12. Chương trình tiêm chủng mở rộng + Thảo luận | 7 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>Làm bài tập tình huống,<br>TLTK [3].  |
| <b>11</b> | Bài 13. Quần thể và mẫu + Thảo luận                 | 9 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống,<br>TLTK [3]. |
| <b>12</b> | Bài 14. Dịch tễ học bệnh Dịch hạch                  | 4 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].    |
| <b>13</b> | Bài 15. Dịch tễ học viêm gan virus                  | 4 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]<br>+Làm bài tập tình huống, TLTK [3].    |
| <b>14</b> | Bài 16. Dịch tễ học sốt xuất huyết Dengue           | 4 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [3]                                          |
|           | Bài 17 :Tắc uế                                      | 4 | +Làm bài tập tình huống, TLTK [3].                                                                |

## IX. Quy định với sinh viên

**1. Nhiệm vụ của sinh viên:** nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.

**2. Quy định điều kiện dự thi:** Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần.

## X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| TT       | Cập nhật đề cương chi tiết/lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật  |
|----------|--------------------------------|----------------|-----------------|
| <b>1</b> | Lần 1                          | 05/2019        | Trần Thị Khuyên |
| <b>2</b> | Lần 2                          | 05/2021        | Trần Thị Khuyên |
| <b>3</b> | Lần 3                          | 05/2023        | Trần Thị Khuyên |
| <b>4</b> | Dự kiến Lần 4                  | 05/2025        |                 |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Trần Thị Khuyên**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Sức khỏe môi trường 1**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Sức khỏe môi trường 1**

Tên tiếng Anh: **Environment Health 1**

Mã học phần: 3120ENVHLT1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>3 (2LT, 1TH)</b><br><b>28</b><br><b>32</b><br><b>90</b>                                                                                                                 |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | <b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                                                       |
| Học phần học trước:                                                                               | Sinh lý bệnh, miễn dịch; Sinh hóa; Vi sinh; Ký sinh trùng.                                                                                                                 |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               | Dịch tễ                                                                                                                                                                    |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Sức khỏe môi trường                                                                                                                                                        |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Sức khỏe môi trường 1 nghiên cứu về môi trường, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường, vệ sinh cơ sở điều trị và các biện pháp dự phòng, khắc phục.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Học và tên              | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Đặng Thị Vân Quý        | ThS                | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 4  | Lê Thị Kiều Hạnh        | ThS                | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 5  | Vũ Đức Anh              | ThS                | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 6  | Đặng Thị Thu Ngà        | ThS                | 0942909348    | ngadang21388@gmai.com          | Tham gia  |
| 7  | Đặng Thị Ngọc Anh       | ThS                | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | Nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 9  | Nguyễn Thị Cúc Phương   | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học tập

| TT | Mục tiêu học tập                                                                    | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được mối quan hệ giữa môi trường đến sức khỏe con người                   | PEO: 1              |
| 2  | Trình bày được ảnh hưởng của môi trường đất, nước, không khí đến sức khỏe con người | PEO: 2              |
| 3  | Đánh giá được tiêu chuẩn môi trường đất, nước, không khí                            | PEO: 1,2            |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần | Mức độ đạt |
|----|--------------|------------|
|----|--------------|------------|

|   |                                                                                                                                                                                                   | (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1 | CLO 1. Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người                                                                                                                             | S:<br>H: PLO: 1,4         |
| 2 | CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích được các yếu tố nguy cơ và đề xuất được các biện pháp can thiệp môi trường an toàn và quản lý được các nguy cơ | S:<br>H: PLO: 3, 4,5,7,8  |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | CĐR HP   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1  | <b>Bài 1 : Đại cương sức khỏe môi trường và các yếu tố nguy cơ</b><br>1. Một số khái niệm về môi trường, sức khỏe, sức khỏe môi trường<br>2. Mối tương tác giữa con người và môi trường<br>3. Các nguy cơ về môi trường<br>4. Nguy cơ lây nhiễm trong ngành y tế | 4       | 1. Trình bày được định nghĩa môi trường, sức khỏe môi trường, nguy cơ, yếu tố nguy cơ và tương tác giữa con người – môi trường?<br>2. Xác định được các nguy cơ môi trường tới sức khỏe, nguy cơ trong ngành y tế<br>3. Hiểu và tư vấn được các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường<br>4. Trình bày được các biện pháp đảm bảo an toàn nghề nghiệp trong ngành y tế? | CLO: 1,2 |
| 2  | <b>Bài 2: Vệ sinh nước</b><br>1. Phân bố của nước trong tự nhiên<br>2. Vai trò và nhu cầu về nước<br>3. Tiêu chuẩn vệ sinh để đánh giá nước sạch<br>4. Ô nhiễm nước<br>Biện pháp bảo vệ nguồn nước                                                               | 8       | 1. Trình bày được vai trò và nhu cầu về nước<br>2. Trình bày được các tiêu chuẩn của nước<br>3. Phân tích được tác hại của ô nhiễm nước<br>4. Hiểu và tư vấn được các biện pháp phòng ô nhiễm nước                                                                                                                                                                        | CLO: 1,2 |
| 3  | <b>Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí</b><br>1. Các yếu tố vật lý của không khí<br>2. Các tầng khí quyển và đặc điểm không khí của từng tầng<br>3. Các thành phần hóa học của không khí<br>4. Ô nhiễm không khí                                                 | 4       | 1. Trình bày các chỉ số đánh giá vệ sinh môi trường không khí và mối liên quan giữa môi trường không khí và sức khỏe con người.<br>2. Trình bày được khái niệm và các chất gây ô nhiễm không khí.<br>3. Phân tích được các ảnh hưởng của ô nhiễm không khí<br>4. Trình bày được các biện pháp                                                                             | CLO: 1,2 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                       | CDR HP   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                            |         | phòng chống ô nhiễm không khí                                                                                                                                                                                                          |          |
| 4  | <b>Bài 4: Vệ sinh môi trường đất</b><br>1. Các chỉ tiêu đánh giá tình trạng vệ sinh của đất và quá trình tự làm sạch của đất<br>2. Ô nhiễm đất và bệnh tật do ô nhiễm đất                                                                  | 4       | 1. Xác định được ô nhiễm đất liên quan đến ô nhiễm môi trường và sức khỏe con người<br>2. Trình bày được tầm quan trọng của xử lý các chất thải<br>3. Trình bày được các phương pháp xử lý chất thải góp phần phòng bệnh cho con người | CLO: 1,2 |
| 5  | <b>Bài 5: Sinh vật và môi trường</b><br>1. Các khái niệm và nguyên lý<br>2. Những yếu tố sinh thái chính và ảnh hưởng của chúng nên đời sống sinh vật<br>3. Quần thể sinh vật và hệ sinh thái                                              | 4       | 1. Trình bày được những nguyên lý và khái niệm cơ bản về sinh vật với môi trường.<br>2. Trình bày được những đặc trưng cơ bản của quần thể trong mối liên quan với môi trường                                                          | CLO: 1   |
| 6  | <b>Bài 6: Hệ sinh thái nông nghiệp</b><br>1. Lịch sử hình thành và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp<br>2. Cuộc cách mạng xanh<br>3. Những đặc trưng của nền nông nghiệp hiện đại<br>4. Các xu hướng phát triển của nông nghiệp hiện đại | 4       | 1. Trình bày được sự hình thành và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp<br>2. Trình bày được nội dung cuộc cách mạng xanh và xu thế phát triển nông nghiệp hiện đại                                                                     | CLO: 1   |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                 | CDR HP  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | <b>Bài 1: Xét nghiệm nước (các chỉ tiêu hóa học)</b><br>- Chỉ tiêu hữu cơ<br>- Chỉ tiêu amoniac<br>- Chỉ tiêu nitrit<br>- Chỉ tiêu muối | 12      | 1. Trình bày được các nguyên tắc của xét nghiệm<br>2. Làm được các xét nghiệm hóa nước<br>3. Nhận định được tiêu chuẩn của mẫu nước              | CLO:1,2 |
| 2  | <b>Bài 2: Xét nghiệm nước (các chỉ tiêu hóa học)</b><br>- Chỉ tiêu sắt<br>- Chỉ tiêu độ cứng<br>- Chỉ tiêu clo hoạt động<br>- Test clo  | 4       | 1. Trình bày được các nguyên tắc của xét nghiệm<br>2. Làm được các xét nghiệm vi sinh vật<br>3. Nhận định được tiêu chuẩn vi sinh vật trong nước | CLO:1,2 |
| 3  | <b>Bài 3: Xác định các yếu tố nguy cơ trong ngành y tế</b><br>- Lập cây vấn đề về hậu quả của rác thải y tế                             | 8       | 1. Xây dựng được cây vấn đề về yếu tố nguy cơ của một vấn đề<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ                                             | CLO:1,2 |

| TT | Tên bài                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                         | CĐR HP |
|----|------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------|--------|
|    | - Phân tích các nguy cơ do rác thải<br>- Các biện pháp khắc phục |         | 3. Đưa ra được các giải pháp dự phòng các yếu tố nguy cơ |        |

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. **Thực hành:** thuyết trình, làm mẫu, học theo từng ca.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy học

1. **Lý thuyết:**

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.

- Máy chiếu Projector, bảng, phấn.

2. **Thực hành:**

- Giáo trình.

- Thiết bị thí nghiệm, dụng cụ, hóa chất.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá    | Tiêu chí đánh giá                                              | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | -            | Điểm danh             | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,     |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Thi viết câu hỏi ngắn | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                              | CLO:1             | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4                | 1            |                       | 1. Làm được xét nghiệm<br>2. Xác định được yếu tố nguy cơ      | CLO:1,2           | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4                | 1            | Báo cáo chuyên đề     | Hoàn thành báo cáo theo quy định<br>Báo cáo và trả lời câu hỏi | CLO:1,2           | 10          |

**Công thức tính điểm:** ĐHP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4

**Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí   | Điểm trừ |
|------------|----------|
| Không vắng | 0        |

|                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| Nghỉ học có phép    | 0,5 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết học   |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần        |

## Rubic 2: Vấn đáp (báo cáo chuyên đề)

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                      |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)                                         | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## V. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản giáo dục.
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

### 2. Tài liệu tham khảo

- Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
- Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
- <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
- <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

## VI. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình.

## VII. Hướng dẫn tự học

### Phần Lý thuyết

| STT | Tên bài                                                            | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                |
|-----|--------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------|
| 1   | <b>Bài 1 : Đại cương sức khỏe môi trường và các yếu tố nguy cơ</b> | 2       | - Nghiên cứu trước + Tài liệu HT [1], |

|   |                                                                                                               |   |                                                                                                                                   |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | Thảo luận các khái niệm, thuật ngữ                                                                            |   | + TLTK [2],[3]<br>Tìm các tài liệu liên quan                                                                                      |
|   | Thảo luận về mối liên hệ qua lại giữa con người và môi trường                                                 | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các mối nguy cơ môi trường                                                                          | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các nguy cơ trong ngành y tế                                                                        | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các biện pháp giảm thiểu nguy cơ                                                                    | 2 |                                                                                                                                   |
| 2 | <b>Bài 2: Vệ sinh nước</b><br>Thảo luận các nguồn nước trong tự nhiên                                         | 4 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [3],[4]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống            |
|   | Thảo luận các nhóm chỉ điểm tiêu chuẩn hoá học của mẫu nước                                                   | 4 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các nhóm chỉ điểm tiêu chuẩn vi sinh vật của mẫu nước                                               | 4 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận về các biện pháp xử lý nước                                                                         | 4 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các nguy cơ ô nhiễm nước                                                                            | 4 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các giải pháp phòng chống ô nhiễm nước                                                              | 2 |                                                                                                                                   |
| 3 | <b>Bài 3: Vệ sinh môi trường không khí</b><br>Thảo luận các thuật ngữ                                         | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [2], [3], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống      |
|   | Thảo luận các yếu tố vật lý                                                                                   | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận đặc điểm không khí của các tầng khí quyển                                                           | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận thành phần hóa học của không khí                                                                    | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các nguy cơ gây ô nhiễm không khí và biện pháp phòng                                                | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các biện pháp phòng ô nhiễm không khí                                                               | 2 |                                                                                                                                   |
| 4 | <b>Bài 4: Vệ sinh môi trường đất</b><br>Thảo luận các chỉ tiêu trong đất                                      | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống |
|   | Thảo luận các mối liên quan giữa đất và môi trường                                                            | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận quá trình tự làm sạch đất                                                                           | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các nguy cơ ô nhiễm đất và các hậu quả                                                              | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các biện pháp phòng ô nhiễm đất                                                                     | 2 |                                                                                                                                   |
| 5 | <b>Bài 5: Sinh vật và môi trường</b><br>Thảo luận các thuật ngữ                                               | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống |
|   | Thảo luận các yếu tố sinh thái ảnh hưởng đến đời sống sinh vật                                                | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Quần xã sinh vật                                                                                              | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Quần thể sinh vật                                                                                             | 2 |                                                                                                                                   |
|   | Hệ sinh thái                                                                                                  | 2 |                                                                                                                                   |
| 6 | <b>Bài 6: Hệ sinh thái nông nghiệp</b><br>Thảo luận lịch sử hình thành và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp | 2 |                                                                                                                                   |

|  |                                                            |   |  |
|--|------------------------------------------------------------|---|--|
|  | Thảo luận cuộc cách mạng xanh                              | 2 |  |
|  | Thảo luận những đặc trưng của nền nông nghiệp hiện đại     | 2 |  |
|  | Thảo luận các xu hướng phát triển của nông nghiệp hiện đại | 2 |  |

### Thực hành

| STT | Tên bài                                                                                                                                                                         | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Bài 1:</b> Xét nghiệm nước (các chỉ tiêu hóa học)<br>- Chỉ tiêu hữu cơ<br>- Chỉ tiêu amoniac<br>- Chỉ tiêu nitrit<br>- Chỉ tiêu muối                                         | 4       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1], [2]</li> <li>+ TLTK [1], [2], [3], [5]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
| 2   | <b>Bài 2:</b> Xét nghiệm nước (các chỉ tiêu hóa học)<br>- Chỉ tiêu sắt<br>- Chỉ tiêu độ cứng<br>- Chỉ tiêu clo hoạt động<br>- Test clo                                          | 4       |                                                                                                                                                                                                                 |
| 3   | <b>Bài 4:</b> Xác định các yếu tố nguy cơ trong ngành y tế<br>- Lập cây vấn đề về hậu quả của rác thải y tế<br>- Phân tích các nguy cơ do rác thải<br>- Các biện pháp khắc phục | 10      |                                                                                                                                                                                                                 |

## VIII. Quy định với sinh viên

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### 2. Quy định điều kiện dự thi

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

## IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/2025           |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Phương pháp nghiên cứu khoa học

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Tên tiếng Anh: **Scientific research method**

Mã học phần: 3120SREMTH0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. **Hành chính**

1. **Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | <b>Sinh viên Y học dự phòng</b>                                                                                                                                            |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>2 LT</b><br><b>32</b><br><b>0</b><br><b>68</b>                                                                                                                          |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): 2                                                                     | Giữa học phần: 1<br>Kết thúc học phần: 1                                                                                                                                   |
| Học phần học trước:                                                                               | Xác suất thống kê                                                                                                                                                          |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Khoa Y tế công cộng                                                                                                                                                        |

2. **Mô tả chung về học phần**

Học phần/module Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy-học ở học kỳ 6 của chương trình đào tạo. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy-học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Học và tên       | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                    | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|--------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc     | PGS.TS             | 0978626648    | tucvp@tbump.edu.vn       | Phụ trách |
| 2  | Phạm Văn Trọng   | PGS.TS             | 0912111921    | phamvantrong56@gmail.com | Tham gia  |
| 3  | Ngô Thị Nhu      | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn@gmail.com       | Tham gia  |
| 4  | Ninh Thị Nhung   | PGS.TS             | 0912850028    | nhungntytb@yahoo.com     | Tham gia  |
| 5  | Phạm Thị Dung    | PGS.TS             | 0989981359    | dungpt@tbmc.edu.vn       | Tham gia  |
| 6  | Đặng Thị Thu Nga | ThS                | 0942909348    | ngadang21388@gmail.com   | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học tập

| TT | Mục tiêu học phần                                                                        | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | CLO 1. Xác định được một vấn đề nghiên cứu, viết được tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu  | PEO 1, PEO 3        |
| 2  | CLO 2. Nắm được quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện đề tài | PEO 1, PEO 3, PEO 4 |
| 3  | CLO 3. Lập được một đề cương nghiên cứu                                                  | PEO 1, PEO 3, PEO 4 |
| 4  | CLO 4. Viết được tổng quan tài liệu                                                      | PEO 1, PEO 3, PEO 4 |
| 5  | CLO 5. Trình bày được kết quả nghiên cứu                                                 | PEO 1, PEO 3        |
| 6  | CLO 6. Viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học                                 | PEO 1, PEO 3, PEO 5 |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                                                                                                                                                  | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO)  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1  | Vận dụng được các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được các nghiên cứu trong lĩnh vực y sinh học.                                                                                                                                    | S: PLO 2<br>H: PLO 1, 4, 11              |
| 2  | Xây dựng được đề cương nghiên cứu và công cụ phục vụ việc thu thập thông tin                                                                                                                                                                                  | S: PLO 2, 3, 5<br>H: PLO 1, 4, 11, 13    |
| 3  | Vận dụng được kiến thức đã học để phân giải và trình bày kết quả bằng các phương pháp trình bày phù hợp với dạng dữ liệu.                                                                                                                                     | S: PLO 5, 8<br>H: PLO 1, 3, 4, 5, 11, 13 |
| 4  | Nhận thức được nghiên cứu khoa học là nền tảng cung cấp chứng cứ cho thực hành y khoa, không chỉ trong lĩnh vực lập chính sách y tế, dự phòng bệnh mà cả trong thực hành lâm sàng.                                                                            | S: PLO 8<br>H: PLO 1, 3, 4, 5, 13        |
| 5  | Nhận thức được nghiên cứu khoa học đúng phương pháp là yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển của y học, hạn chế lãng phí nguồn lực và cung cấp những chứng cứ khoa học có giá trị, đóng góp vào kho tàng tri thức nhân loại và nâng cao sức khỏe người dân. | S: PLO 8<br>H: PLO 1, 4, 10, 12, 14      |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                   | CDR HP   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1  | <b>Bài 1:</b><br><b>1. Đại cương về NCKH</b><br>1.1. Khái niệm về NCKH<br>1.2. Mối liên hệ giữa NCKH với các môn học khác<br>1.3. Mục đích và nhiệm vụ của NCKH<br>1.4. Điều kiện để NCKH<br><b>2. Phân tích và lựa chọn chủ đề cho NC</b><br>2.1. Cơ sở hình thành ý tưởng, chủ đề nghiên cứu<br>2.2. Tiêu chuẩn lựa chọn chủ đề nghiên cứu | 4       | 1. Nắm được mục đích, nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học y học<br>2. Cách lựa chọn và xây dựng chủ đề cho nghiên cứu<br>3. Trình bày được các loại sai số và các yếu tố nhiễu, phương pháp kiểm soát các yếu tố này trong nghiên cứu | CLO 1    |
| 2  | <b>Bài 2</b><br><b>1. Viết tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, xây dựng giả thuyết cho nghiên</b>                                                                                                                                                                                                                           | 4       | 1. Trình bày được cách viết tên đề tài nghiên cứu và cách viết mục tiêu cho nghiên cứu                                                                                                                                             | CLO 1, 3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                  | CDR HP      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    | <b>cứu</b><br>1.1. Tên đề tài - câu hỏi nghiên cứu<br>1.2. Tiêu chuẩn một câu hỏi nghiên cứu tốt và các giải pháp khắc phục<br>1.3. Mục tiêu nghiên cứu - giả thiết nghiên cứu<br>1.4. Một số ví dụ<br><b>2. Đề cương nghiên cứu.</b><br>2.1. Các phần chính trong một bản đề cương.<br>2.2. Sơ đồ các bước phát triển một đề cương nghiên cứu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         | 2. Trình bày được các phần chính của một bản đề cương nghiên cứu<br>3. Trình bày được sơ đồ phát triển một đề cương nghiên cứu                                                                                                                                                    |             |
| 3  | <b>Bài 3</b><br><b>1. Tổng quan tài liệu về vấn đề nghiên cứu</b><br>1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của tổng quan tài liệu<br>1.2. Các bước tiến hành và cách viết tổng quan tài liệu<br><b>2. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu</b><br>2.1. Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học và các nghiên cứu y sinh học cần quan tâm đến vấn đề đạo đức<br>2.2. Các nguyên tắc và nội dung cơ bản của đạo đức nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh học<br>2.3. Khái niệm, thành phần và nguyên tắc lấy phiếu chấp thuận tham gia nghiên cứu<br>2.4. Đánh giá khía cạnh đạo đức trong các giai đoạn nghiên cứu<br>2.5. Thành phần, vai trò và trách nhiệm của hội đồng đạo đức nghiên cứu | 4       | 1. Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng loại thiết kế nghiên cứu<br>2. Lựa chọn được phương pháp chọn mẫu phù hợp và lập kế hoạch chọn mẫu cho các nghiên cứu dịch tễ học khác nhau<br>3. Lựa chọn công thức phù hợp và tính được cỡ mẫu cho một nghiên cứu | CLO 2, 3, 4 |
| 4  | <b>Bài 4 :</b><br><b>1. Các thiết kế nghiên cứu cơ bản, lựa chọn thiết kế nghiên cứu</b><br>1.1. Sơ lược về các loại thiết kế nghiên cứu<br>1.2. Thiết kế nghiên cứu quan sát<br>1.3. Thiết kế nghiên cứu can thiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4       | 1. Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng loại thiết kế nghiên cứu                                                                                                                                                                                            | CLO 3,      |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                           | CDR HP     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    | 1.4. Bài tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |
| 5  | <b>Bài 5</b><br>Xác định cỡ mẫu và quy trình chọn mẫu cho từng loại nghiên cứu<br>1. Vai trò mẫu nghiên cứu<br>2. Một số khái niệm chung về quần thể nghiên cứu, mẫu nghiên cứu, ...<br>3. Tiêu chuẩn mẫu nghiên cứu<br>4. Các kỹ thuật chọn mẫu : xác xuất, không xác xuất<br>5. Công thức tính cỡ mẫu nghiên cứu cho nghiên cứu mô tả.<br>6. Bài tập | 4       | Lựa chọn được phương pháp chọn mẫu phù hợp và lập kế hoạch chọn mẫu cho các nghiên cứu dịch tễ học khác nhau<br>3. Lựa chọn công thức phù hợp và tính được cỡ mẫu cho một nghiên cứu                                                                                                                       | CLO 3      |
| 6  | <b>Bài 6</b><br>1. Sai số và khắc phục sai số<br>2. Sai số ngẫu nhiên<br>3. Sai số hệ thống<br>4. Sai số do nhiễu                                                                                                                                                                                                                                      | 2       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | CLO 3      |
| 7  | <b>Bài 7</b><br><b>1. Biến số và phân loại biến số</b><br>1.1. Biến định danh<br>1.2. Biến liên tục<br>1.3. Biến thứ hạng<br><b>2. Các kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu, công cụ NC và phương pháp thu thập thông tin</b><br>2.1. Bộ câu hỏi<br>2.2. Bảng kiểm<br>2.3. Câu hỏi phỏng vấn sâu                                                          | 4       | 1. Định nghĩa được biến số/chỉ số và tầm quan trọng của việc xác định biến số/chỉ số trong nghiên cứu<br>2. Phân biệt được các loại biến số<br>3. Trình bày được kỹ thuật và công cụ thu thập số liệu cơ bản và ưu điểm/hạn chế của mỗi loại<br>4. Thiết kế một phần công cụ cho chủ đề nghiên cứu đã chọn | CLO 3      |
| 8  | <b>Bài 8</b><br>1. Quy trình thực hiện một đề tài NCKH<br>2. Xây dựng đề cương<br>3. Cách viết báo cáo tổng kết đề tài<br>4. Trình bày kết quả nghiên cứu<br>5. Diễn giải<br>6. Trình bày bằng bảng<br>7. Trình bày bằng biểu đồ<br>8. Cách viết một bài báo khoa học                                                                                  | 4       | 1. Trình bày được quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học<br>2. Trình bày được các thành phần chính của một báo cáo tổng kết đề tài, một bài báo khoa học<br>3. Trình bày được ưu, nhược điểm của các                                                                                           | CLO 2, 5,6 |

| TT | Tên bài | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                       | CDR HP |
|----|---------|---------|------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | đề đăng |         | loại bảng, biểu đồ<br>4. Trình bày được cách viết một bài báo khoa học |        |

### III. Phương pháp dạy/học

**Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy học

**Lý thuyết:** Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa, máy chiếu Projector, bảng, phấn.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá        | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá                                                        | CDR được đánh giá |
|--------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                | Điểm danh hằng ngày | Điểm danh          | Điểm danh hằng ngày<br>Đi học đúng giờ<br>Đảm bảo nội quy của bộ môn     |                   |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 20%                | 1 bài viết          | Kiểm tra viết      | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm   | CLO 1,2,3         |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 70%                | 1 bài viết          | Thi test           | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm | CLO 1,2,3,4,5,6   |

**Công thức tính điểm:  $0,1 * \text{ĐCC} + 0,2 * \text{GHP} + 0,7 * \text{CHP}$**

**Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | Học bù   |
| Nghỉ học không phép | Nghỉ thi |
| Đi muộn             | 0.5      |

### VI. Tài liệu học tập và tham khảo

#### 1. Tài liệu học tập

Lưu Ngọc Hoạt (2014), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản y học.

## 2. Tài liệu tham khảo

- Hoàng Văn Minh (2019), Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Thiết kế và phân tích thống kê, NXB Y học.
- Hoàng Văn Minh (2018), Khái niệm và thuật ngữ cơ bản sử dụng trong các nghiên cứu khoa học sức khỏe định lượng, nhà xuất bản Hà Nội
- Phạm Văn Thúc (2012), Phương pháp nghiên cứu lâm sàng - dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học.

## VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| Nội dung giảng dạy                                                                               | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Bài 1. Đại cương về NCKH                                                                         | 02                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1]<br>+Tài liệu TK [3]                 |
| Bài 2. Viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu                                                    | 2                 |                                                                            |
| Thảo luận nhóm xây dựng tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu                                        | 4                 |                                                                            |
| Bài 3. Tổng quan tài liệu, vấn đề đạo đức trong nghiên cứu.                                      | 4                 |                                                                            |
| Thảo luận nhóm tìm , đọc                                                                         | 4                 |                                                                            |
| Khái quát tài liệu tham khảo, từ đó viết được một phần tổng quan tài liệu                        | 8                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+Tài liệu TK [1], [2].          |
| Bài 4. Thiết kế nghiên cứu cơ bản                                                                | 4                 |                                                                            |
| Bài 5. Xác định cỡ mẫu cho nghiên cứu và quy trình chọn mẫu                                      | 4                 |                                                                            |
| Thảo luận nhóm xác định cỡ mẫu                                                                   | 4                 |                                                                            |
| Thảo luận nhóm xác định các phương pháp chọn mẫu nghiên cứu cho phù hợp với thiết kế nghiên cứu. | 4                 |                                                                            |
| Bài 6. Các sai số có thể gặp phải và các khắc phục                                               | 4                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+Tài liệu TK [1], [2], [3]      |
| Bài 7. Biến số và công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học                           | 4                 |                                                                            |
| Thảo luận nhóm xác định biến số cho một chủ đề nghiên cứu                                        | 4                 |                                                                            |
| Thảo luận nhóm xây dựng bộ công cụ                                                               | 4                 |                                                                            |
| Bài 8: Quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu KH                                              | 4                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+Tài liệu TK [1], [2], [3], [4] |
| Thảo luận nhóm: xây dựng được dự kiến kết quả nghiên cứu                                         | 8                 |                                                                            |

## **IX. Quy định với sinh viên**

**1. Nhiệm vụ của sinh viên:** Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

**2. Quy định điều kiện dự thi:** Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học.

- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...).

- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do).

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**PGS.TS Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm 1

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dinh dưỡng & Vệ sinh an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)**

Tên tiếng Anh: **Nutrition and Food Safety 1**

Mã học phần: 3120NUTSFE1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

|                                                                |                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở) | <input checked="" type="checkbox"/> <b>Bắt buộc</b><br><input type="checkbox"/> <b>Tự chọn</b><br><input type="checkbox"/> <b>Không tính điểm</b>                                                      |
| Thuộc kiến thức:                                               | <input type="checkbox"/> <b>Giáo dục đại cương</b><br><input checked="" type="checkbox"/> <b>Cơ sở ngành</b><br><input type="checkbox"/> <b>Chuyên ngành</b><br><input type="checkbox"/> <b>Bổ trợ</b> |
| Đối tượng:                                                     | <b>Sinh viên Y học dự phòng</b>                                                                                                                                                                        |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):                                      | <b>2 (1 LT, 1TH)</b>                                                                                                                                                                                   |
| Số tiết Lý thuyết:                                             | <b>16</b>                                                                                                                                                                                              |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:                                   | <b>32</b>                                                                                                                                                                                              |
| Số giờ tự học:                                                 | <b>52</b>                                                                                                                                                                                              |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):                                    | <b>03</b>                                                                                                                                                                                              |
| Giữa học phần:                                                 | <b>01</b>                                                                                                                                                                                              |
| Thực hành                                                      | <b>01</b>                                                                                                                                                                                              |
| Kết thúc học phần:                                             | <b>01</b>                                                                                                                                                                                              |
| Học phần học trước:                                            | <b>Vi sinh, Ký sinh trùng</b>                                                                                                                                                                          |
| Học phần tiên quyết:                                           |                                                                                                                                                                                                        |
| Học phần song hành:                                            |                                                                                                                                                                                                        |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                         | <b>Bộ môn Dinh dưỡng &amp; An toàn thực phẩm</b>                                                                                                                                                       |

2.Mô tả chung về học phần

Học phần Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm 1 sẽ cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật. Sinh viên được nghiên cứu về vai trò, nhu cầu của các chất sinh năng lượng và các chất không sinh năng lượng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng qua các chỉ tiêu nhân trắc, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và thực hiện được các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, biết cách quản lý và dự phòng một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng, một số chế độ ăn cơ bản trong bệnh viện.

### 3.Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên              | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                  | Ghi chú   |
|----|---------------------|--------------------|---------------|------------------------|-----------|
| 1  | Phạm Thị Dung       | PGS.TS             | 0989981359    | dungpt@tbmc.edu.vn     | Phụ trách |
| 2  | Ninh Thị Nhung      | PGS.TS             | 0912850028    | nhungntytb@yahoo.com   | Tham gia  |
| 3  | Tạ Thúy Loan        | BSCCKII            | 0915585415    | loantt@tbmc.edu.vn     | Tham gia  |
| 4  | Phạm Thị Kiều Chinh | ThS                | 0389987259    | huanchinh225@gmail.com | Tham gia  |

### 4.Mục tiêu học tập

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                     | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp các chất sinh năng lượng và chất không sinh năng lượng.                                                                               | PEO 1,2             |
| 2  | Trình bày một số nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho các lứa tuổi và một số đối tượng ưu tiên tại cộng đồng (trẻ em dưới 1 tuổi, PNMT và PNNCB)                                          | PEO 1,2             |
| 3  | Trình bày được các biện pháp giám sát, can thiệp, phòng ngừa và quản lý một số vấn đề dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp ở cộng đồng Việt Nam                                 | PEO 2,5             |
| 4  | Áp dụng được các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng                                                                                                                           | PEO 2,5             |
| 5  | Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng và đảm bảo an toàn thực phẩm | PEO 2,4             |

### 5.Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR học phần | Mức độ đạt |
|----|--------------|------------|
|----|--------------|------------|

|   |                                                                                                                                                                                             | (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)       |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1 | CLO1: Trình bày được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp các chất sinh năng lượng và chất không sinh năng lượng.                                                                               | S: PLO 2,11<br>H: PLO 1         |
| 2 | CLO2: Trình bày một số nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho các lứa tuổi và một số đối tượng ưu tiên tại cộng đồng (trẻ em dưới 1 tuổi, PNMT và PNNCB)                                          | S: PLO 2,3,5,7<br>H: PLO 1      |
| 3 | CLO3: Trình bày được các biện pháp giám sát, can thiệp, phòng ngừa và quản lý một số vấn đề dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp ở cộng đồng Việt Nam                                 | S: PLO 4,13,14<br>H: PLO 3,5    |
| 4 | CLO4: Áp dụng được các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng                                                                                                                           | S: PLO 4,6<br>H: PLO 1,7        |
| 5 | CLO5: Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng và đảm bảo an toàn thực phẩm | S: PLO 5,8,12,13,14<br>H: PLO 1 |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

### III. Nội dung

#### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                         | CĐR HP |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1. Vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng</b><br><b>1. Protein</b><br>- Sinh lý và bệnh lý hấp thu Protid<br>- Vai trò của Protid trong cơ thể<br>- Nhu cầu Protid<br>- Nguồn cung cấp Protid<br><b>2. Lipid</b><br>- Sinh lý và bệnh lý hấp thu Lipid<br>- Vai trò của Lipid trong cơ thể<br>- Nhu cầu Lipid<br>- Nguồn cung cấp Lipid<br><b>3. Glucid</b><br>- Sinh lý và bệnh lý hấp thu Glucid<br>- Vai trò của Glucid trong cơ | 04      | 1. Trình bày được vai trò, nhu cầu protein đối với cơ thể và nguồn cung cấp protein.<br>2. Trình bày được vai trò, nhu cầu lipid đối với cơ thể và nguồn cung cấp lipid.<br>3. Trình bày được vai trò, nhu cầu và nguồn cung cấp glucid. | CLO1   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | CĐR HP         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|    | thể<br>- Nhu cầu Glucid<br>- Nguồn cung cấp Glucid                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |
| 2  | <b>Bài 2. Các chất dinh dưỡng không sinh năng lượng</b><br><b>1. Vitamin</b><br>- Vitamin A<br>- Vitamin D<br>- Vitamin B1 (Thiamin)<br>- Vitamin B2 (Riboflavin)<br>- Vitamin PP (Niacin, acid nicotinic)<br>- Vitamin C (acid ascorbic)<br><b>2. Chất khoáng</b><br>- Vai trò dinh dưỡng của các chất khoáng<br>- Canxi<br>- Photpho<br>- Iod<br>- Sắt<br>- Kẽm (Zn)<br><b>3. Nước</b><br><b>4. Chất xơ</b> | 04      | 1. Phân biệt được vi chất, đa chất dinh dưỡng, nắm được nguyên nhân, một số tình trạng bệnh lý chính do thiếu vitamin và khoáng.<br>2. Kể được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp của vitamin: A, E, D, B12, B1, B2, C<br>3. Kể được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp của một số chất khoáng: Sắt, Iod, Calcium, kẽm                  | <b>CLO 1</b>   |
| 3  | <b>Bài 3. Dinh dưỡng lứa tuổi</b><br>1. Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người trưởng thành.<br>2. Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú.<br>3. Đặc điểm và chế độ DD của trẻ em.<br>4. Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người cao tuổi.                                                                                                                                           | 04      | 1. Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người trưởng thành.<br>2. Phân tích được đặc điểm và chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú.<br>3. Trình bày được những đặc điểm và chế độ DD của trẻ nhỏ cho đến vị thành niên.<br>4. Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người cao tuổi. | <b>CLO 2</b>   |
| 4  | <b>Bài 4. Chăm sóc dinh dưỡng cộng đồng</b><br>1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng<br>2. Nội dung hoạt động chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng<br>2.1. Giáo dục truyền thông về dinh dưỡng hợp lý ở cộng                                                                                                                                                                            | 04      | 1. Trình bày được ý nghĩa và tầm quan trọng của chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng.<br>2. Phân tích được các nội dung chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng.<br>3. Áp dụng những kiến thức trên để thực hiện được hoạt động tư vấn chăm sóc nuôi dưỡng trẻ                                                                                   | <b>CLO 3,5</b> |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | CĐR HP         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|    | <p>đồng</p> <p>2.2. Phát triển hệ sinh thái VAC, sử dụng nguồn thực phẩm tại chỗ</p> <p>2.3. Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ em</p> <p>2.4. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, đặc biệt là thời kỳ có thai và cho con bú</p> <p>2.5. Nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em, người cao tuổi trong hộ gia đình</p> <p>2.6. Tiêm chủng phòng bệnh ở trẻ em đúng lịch, đầy đủ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         | nhỏ theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới và phù hợp điều kiện thực tế Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |
| 5  | <p><b>Bài 5: Giám sát dinh dưỡng</b></p> <p><b>1. Giám sát dinh dưỡng</b></p> <p>1.1. Khái niệm về giám sát dinh dưỡng</p> <p>1.2. Mục tiêu của giám sát dinh dưỡng</p> <p>1.3. Phân biệt giám sát dinh dưỡng với điều tra dinh dưỡng</p> <p><b>2. Nội dung hoạt động của giám sát dinh dưỡng</b></p> <p>2.1. Bản chất các vấn đề dinh dưỡng</p> <p>2.2. Xác định các yếu tố nguy cơ và nhóm đối tượng có nguy cơ nhất</p> <p>2.3. Xác định các yếu tố nguy cơ nhân</p> <p>2.4. Diễn biến các vấn đề dinh dưỡng</p> <p><b>3. Giám sát dinh dưỡng trong thời kỳ chuyển tiếp</b></p> <p><b>4. Xây dựng hệ thống cung cấp dữ liệu và sử dụng dữ liệu của giám sát dinh dưỡng</b></p> | 04      | <p>1. Trình bày được các mục tiêu của giám sát dinh dưỡng và phân biệt được giám sát dinh dưỡng và điều tra dinh dưỡng.</p> <p>2. Trình bày được các nội dung của giám sát dinh dưỡng.</p> <p>3. Phân loại và trình bày được ý nghĩa của việc xác định các yếu tố nguy cơ mắc bệnh liên quan đến dinh dưỡng.</p> <p>4. Phân loại và nêu được ý nghĩa của việc xác định nhóm đối tượng có nguy cơ cao nhất.</p> | <b>CLO 3,5</b> |
| 6  | <p><b>Bài 6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng</b></p> <p><b>1. Đại cương</b></p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Một số phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 04      | <p>1. Nêu được các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng.</p> <p>2. Nhận định được tình trạng dinh dưỡng của các đối tượng.</p> <p>3. Phân tích được ưu, nhược điểm các phương pháp đánh giá</p>                                                                                                                                                                                            | <b>CLO 4</b>   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tiết | Mục tiêu học tập       | CĐR HP |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------|--------|
|    | <b>2. Phương pháp nhân trắc học</b><br>2.1. Kỹ thuật thu thập số liệu<br>2.2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em<br>2.3. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành bằng chỉ số BMI<br>2.4. Một số phương pháp nhân trắc khác<br>2.5. Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp nhân trắc<br><b>3. Điều tra tiêu thụ lương thực, thực phẩm</b><br>3.1. Phương pháp hỏi ghi 24 giờ<br>3.2. Phương pháp hỏi ghi nhiều lần 24 giờ<br>3.3. Phương pháp cân đong tại hộ gia đình<br>3.4. Phương pháp điều tra tần xuất tiêu thụ thực phẩm<br><b>4. Phương pháp hóa sinh</b><br><b>5. Khám lâm sàng</b><br><b>6. Các yếu tố kinh tế, xã hội liên quan đến dinh dưỡng</b> |         | tình trạng dinh dưỡng. |        |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                     | CĐR HP |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1. Xây dựng kế hoạch</b><br><b>1. Một số khái niệm liên quan đến xây dựng kế hoạch</b><br>1.1. Chức năng của công tác quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm<br>1.2. Xây dựng kế hoạch là một quá trình xác định cái gì sẽ phải làm như thế nào?<br>1.3. Lý do cần phải lập kế hoạch<br>1.4. Tầm quan trọng của lập kế hoạch<br>1.5. Các phương pháp lập kế hoạch<br><b>2. Các bước lập kế hoạch</b><br>2.1. Phân tích tình hình<br>2.2. Xây dựng chiến lược/các biện pháp can thiệp (Các giải pháp, các hoạt động) | 04      | 1. Trình bày được một số khái niệm liên quan đến xây dựng kế hoạch<br>2. Trình bày được các bước lập kế hoạch<br>3. Áp dụng lập kế hoạch được chương trình dinh dưỡng tại địa phương | CLO 3  |
| 2  | <b>Bài 2. Tính tiêu hao năng lượng và xác định nhu cầu năng lượng, các chất</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 04      | 1. Tính tiêu hao năng lượng                                                                                                                                                          | CLO 5  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |                                                                                                                                                                                                                                                |              |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|   | <b>dinh dưỡng cho các đối tượng (1)</b><br><b>1. Tính tiêu hao năng lượng</b><br><b>2. Xác định nhu cầu năng lượng</b><br>2.1. Dinh dưỡng của người trưởng thành<br>2.2. Dinh dưỡng của phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú<br>2.3. Dinh dưỡng trẻ em<br>2.4. Dinh dưỡng của người cao tuổi                                                                          |    | 2. Xác định nhu cầu năng lượng cho các đối tượng                                                                                                                                                                                               |              |
| 3 | <b>Bài 3. Tính tiêu hao năng lượng và xác định nhu cầu năng lượng, các chất dinh dưỡng cho các đối tượng (2)</b><br><b>1. Tính tiêu hao năng lượng</b><br><b>2. Xác định nhu cầu năng lượng</b><br>2.1. Dinh dưỡng của người trưởng thành<br>2.2. Dinh dưỡng của phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú<br>2.3. Dinh dưỡng trẻ em<br>2.4. Dinh dưỡng của người cao tuổi | 04 | 1. Tính tiêu hao năng lượng<br>2. Xác định nhu cầu năng lượng cho các đối tượng                                                                                                                                                                | <b>CLO 5</b> |
| 4 | <b>Bài 4. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng</b><br><b>1. Kỹ thuật thu thập số liệu</b><br><b>2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em bằng các chỉ số CN/T, CC/T, CN/CC theo Z-Score.</b><br><b>3. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành bằng chỉ số BMI</b><br><b>4. Thực hành bài tập</b>                                                                 | 04 | 1. Trình bày được các kỹ thuật để đánh giá tình trạng dinh dưỡng<br>2. Mô tả một số kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng<br>3. Thực hành các thao tác để đánh giá tình trạng dinh dưỡng<br>4. Nhận định kết quả trong các tình huống cụ thể | <b>CLO 4</b> |

#### IV. Phương pháp dạy/học

**1. Lý thuyết:** Giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm.

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi – đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

**2. Thực hành:** Hướng dẫn thực hiện, cầm tay chỉ việc

#### V. Phương tiện, vật liệu dạy/học

**1. Lý thuyết:**

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa

- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

**2. Thực hành:** Sách thực hành, bài tập trường hợp.

## VI. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá      | Tiêu chí đánh giá       | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|-------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | 1            | Đi học đầy đủ, đúng giờ | Đi học đầy đủ, đúng giờ |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Viết câu hỏi ngắn       | Thang điểm              | CLO 1             | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,2                | 1            | Bài tập thực hành       | Thang điểm              | CLO 4             | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,6                | 1            | Test                    | Thang điểm              | CLO 1,2,3,4       | 10          |

**Công thức tính điểm:**  $\text{Đ.HP} = \text{Đ.GHP} \times 0,1 + \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.LT} \times 0,6 + \text{Đ.TH} \times 0,2$

### Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm

| Tiêu chí            | Điểm trừ             |
|---------------------|----------------------|
| Không vắng          | 0                    |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết học    |
| Đi muộn             | Trừ 0,5 điểm/lần     |

### Rubic 2: Viết (kiểm tra giữa học phần)

|                           |
|---------------------------|
| Mức độ đạt chuẩn quy định |
|---------------------------|

| <b>Tiêu chí đánh giá</b> | <b>Điểm (0-3.9)</b>       | <b>Điểm (4.0-5.4)</b>               | <b>Điểm (5.4-6.9)</b>              | <b>Điểm (7.0-8.4)</b>              | <b>Điểm (8.5-10)</b>                |
|--------------------------|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| Nội dung câu hỏi         | Trả lời đúng câu hỏi <39% | Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 % | Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69% | Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84% | Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100% |

## **VII. Tài liệu học tập và tham khảo**

### **1. Tài liệu học tập**

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, NXB Y học.
2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2014), Giáo trình thực hành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

### **2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng, Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2017, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016). Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## **VIII. Hướng dẫn tự học**

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                          | <b>Thời lượng (tiết)</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                                                                                              |
|-------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Lý thuyết:<br>Bài 1. Mở đầu + Vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng | 8,5                      | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.      |
| 2           | Lý thuyết:<br>Bài 2. Các chất dinh dưỡng không sinh năng lượng     | 8,5                      | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá. |
| 3           | Lý thuyết:<br>Bài 3. Dinh dưỡng lứa tuổi                           | 8,5                      | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá. |
| 4           | Lý thuyết:<br>Bài 4. Chăm sóc dinh dưỡng cộng đồng                 | 8,5                      | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá. |
| 5           | Lý thuyết:<br>Bài 5. Giám sát dinh dưỡng                           | 8,5                      | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].                                                                                             |

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                                                                               | <b>Thời lượng (tiết)</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                                                                                                                    |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                                         |                          | + Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                                                                         |
| 6           | Lý thuyết:<br>Bài 6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng                                                                     | 8,5                      | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                       |
| 7           | Thực hành:<br>Bài 1. Xây dựng kế hoạch                                                                                  | 4                        | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi thực hành. |
| 8           | Thực hành:<br>Bài 2. Tính tiêu hao năng lượng và xác định nhu cầu năng lượng, các chất dinh dưỡng cho các đối tượng (1) | 4                        | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi thực hành. |
| 9           | Thực hành:<br>Bài 3. Tính tiêu hao năng lượng và xác định nhu cầu năng lượng, các chất dinh dưỡng cho các đối tượng (2) | 4                        | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi thực hành. |
| 10          | Thực hành:<br>Bài 4. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng                                                                     | 4                        | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi thực hành. |

## **IX. Quy định với sinh viên:**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Đi học đúng giờ.
- Chuẩn bị bài học.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Chấp hành các nội quy của lớp học.

### **2. Quy định điều kiện dự thi**

Sinh viên phải có điểm thực hành  $\geq 4$  điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Lần cập nhật</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1               | 5/2019           | Phạm Thị Dung         |
| <b>2</b>  | Lần 2               | 5/2021           | Phạm Thị Dung         |
| <b>3</b>  | Lần 3               | 5/2023           | Phạm Thị Dung         |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4       | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Phạm Thị Dung**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Sức khỏe nghề nghiệp 1

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Sức khỏe nghề nghiệp 1**

Tên tiếng Anh: **Occupation health 1**

Mã học phần: 3120OCCHLT1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính

1.Thông tin chung

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | 2<br>16<br>32<br>52                                                                                                                                                        |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành:<br>Kết thúc học phần:                 | 3<br>1<br>1<br>1                                                                                                                                                           |
| Học phần học trước:                                                                               | Sức khỏe môi trường, dịch tể học đại cương, Sức khỏe môi trường 1                                                                                                          |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               | Dịch tể học cộng đồng,                                                                                                                                                     |

## 2.Mô tả học phần

Sức khỏe nghề nghiệp 1 là một môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người. Môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động, sức khỏe nghề nghiệp, xác định được nguyên nhân, triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp.

## 3.Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên                  | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Nguyễn Quốc Tiến        | PGS. TS            | 0913564374    |                                | Tham gia  |
| 4  | Đặng Thị Vân Quý        | Thạc sỹ            | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 5  | Trương công Đạt         | BSCKII. Ths        | 0989650075    |                                | Tham gia  |
| 6  | Lê Thị Kiều Hạnh        | Thạc sỹ            | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 7  | Vũ Đức Anh              | Thạc sỹ            | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 8  | Đặng Thị Thu Nga        | Thạc sỹ            | 0942909348    | ngadang21388@gmai.com          | Tham gia  |
| 9  | Đặng Thị Ngọc Anh       | Thạc sỹ            | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | Nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 11 | Nguyễn Thị Cúc Phương   | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

## 4.Mục tiêu học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                              | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe                                                                         | PEO: 1,2                                |
| 2  | Xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người                                                           | PEO: 1,2                                |
| 3  | Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe | PEO: 2,3                                |

## 5.Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                                                                                 | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | CLO 1: Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động                                                                                       | S: PLO 3<br>H: PLO 1,5                  |
| 2  | CLO 2: Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe | S:<br>H: PLO 7,8,13                     |
| 3  | CLO 3: Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp.                                                                                | S:<br>H: PLO 1, 3,4,7                   |

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                     | CDR HP        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1  | <b>Bài 1: Đại cương về sức khỏe nghề nghiệp</b><br>1.Đại cương y học lao động<br>2.Các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp<br>3.Bệnh nghề nghiệp                                                                               | 4       | 1. Trình bày được nhiệm vụ và đối tượng của Y học lao động<br>2. Mô tả cách phân loại và các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp<br>3. Trình bày được định nghĩa và các nguyên tắc chẩn đoán bệnh nghề nghiệp<br>Nhận thức được vai trò của ngành y học lao động và công tác chăm sóc sức khỏe người lao động | CLO:<br>1,2   |
| 2  | <b>Bài 2: Các tác hại nghề nghiệp và biện pháp phòng chống tác hại nghề nghiệp</b><br>1. Đại cương về tác hại nghề nghiệp<br>2. Các biện pháp dự phòng các tác hại nghề nghiệp                                        | 4       | 1. Trình bày được các biện pháp và nguyên tắc phòng chống các tác hại nghề nghiệp<br>2. Hướng dẫn được các biện pháp dự phòng                                                                                                                                                                        | CLO:<br>3     |
| 3  | <b>Bài 3 : Yếu tố sinh học trong lao động và bệnh nghề nghiệp liên quan</b><br>1. Đại cương<br>2. Một số bệnh nghề nghiệp do các yếu tố sinh học<br>3. Dự phòng phơi nhiễm HIV nghề nghiệp<br>Dự phòng phơi nhiễm Lao | 4       | 1. Trình bày được các yếu tố THNN vi sinh vật các ảnh hưởng của các yếu tố vi sinh vật trong môi trường lao động đến sức khỏe người lao động.<br>2. Nhận thức được tầm quan trọng của việc giám sát môi trường lao động và phòng tránh các tác hại nghề nghiệp về mặt                                | CLO:<br>1,2,3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | CDR HP        |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|    | nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                             |         | vi sinh vật.<br>4. Đề xuất được các giải pháp phòng chống tác hại của các yếu tố vi sinh vật trong môi trường lao động và các BNN do vi sinh vật                                                                                                                                                                                                                             |               |
| 4  | <b>Bài 4: Vi khí hậu</b><br>1.Đại cương<br>2.Các yếu tố của vi khí hậu<br>3.Điều hoà nhiệt<br>4. Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá ảnh hưởng của vi khí hậu nóng tới sức khoẻ người lao động<br>5. Các biện pháp phòng chống ảnh hưởng của Stress nhiệt | 4       | 1. Trình bày được các yếu tố đánh giá vi khí hậu trong sản xuất<br>2. Nêu được đặc điểm của vi khí hậu nóng và vi khí hậu lạnh<br>3. Trình bày được cơ chế điều nhiệt của cơ thể<br>4. Mô tả được những biến đổi sinh lý của cơ thể trong lao động<br>5. Giải thích được các rối loạn bệnh lý trong lao động<br>6. Đề xuất được các biện pháp phòng chống vi khí hậu bất lợi | CLO:<br>1,2,3 |

## 2.Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                   | CDR HP        |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1  | <b>Bài 1: Các nguyên tắc chung trong khảo sát môi trường lao động</b><br>1. Thu thập thông tin<br>2. Chuẩn bị giám sát môi trường lao động<br>Tiến hành khảo sát môi trường lao động | 4       | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh                                 | CLO:<br>1,2,3 |
| 2  | <b>Bài 2: Một số phương pháp đánh giá chức năng hệ tim mạch trong lao động</b><br>1. Ý nghĩa<br>2. Nghiệm pháp Martinet<br>3. Nghiệm pháp Letunop<br>Nghiệm pháp trèo bụi Harvard    | 4       | 1. Trình bày được mục đích của việc đánh giá chức năng tim mạch<br>2. Thực hiện được các nghiệm pháp và đánh giá được kết quả                      | CLO:<br>1,2,3 |
| 3  | <b>Bài 3: Xác định một số yếu tố vi khí hậu</b><br>1. Đo nhiệt độ không khí<br>2. Xác định độ ẩm tương đối<br>3. Xác định tốc độ lưu chuyển không khí<br>4. Đo độ chiếu sáng         | 4       | 1. Hiểu được nguyên lý hoạt động của các máy đo<br>2. Biết cách sử dụng các dụng cụ đo<br>3. Đọc được kết quả và đánh giá được môi trường lao động | CLO:<br>1,2,3 |

| TT | Tên bài                                                   | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                 | CDR HP     |
|----|-----------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 4  | <b>Bài 4: Thực địa đo và khảo sát môi trường lao động</b> | 4       | 1. Thu thập được các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động.<br>2. Đo được điều kiện vi khí hậu tại môi trường lao động<br>Phân tích điều kiện môi trường lao động và đưa ra một số giải pháp. | CLO: 1,2,3 |

## II. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.
- Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn.

## III. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Lý thuyết**
  - Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.
  - Máy chiếu Projector, bảng, phấn.
- Thực hành:** Giáo trình, dụng cụ.

## IV. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá       | Tiêu chí đánh giá                                              | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | -            | Điểm danh                | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,     |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Thi viết câu hỏi ngắn    | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                              | CLO: 1,2          | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4                | 1            | Tiến hành các xét nghiệm | Thực hiện được các xét nghiệm                                  | CLO: 1,2,3        | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4                | 1            | Báo cáo chuyên đề        | Hoàn thành báo cáo theo quy định<br>Báo cáo và trả lời câu hỏi | CLO: 1,2,3        | 10          |

**Công thức tính điểm:**  $\text{Đ.HP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,4 + \text{ĐKTHP} \times 0,4$

**Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí | Điểm trừ |
|----------|----------|
|----------|----------|

|                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| Không vắng          | 0                   |
| Nghỉ học có phép    | 0,5 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết học   |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần        |

## Rubic 2: Vấn đáp (báo cáo chuyên đề)

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                      |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)                                         | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## V. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Thực tập sức khỏe môi trường*, Tài liệu phát tay

### 2. Tài liệu tham khảo

- Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
- Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
- <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
- <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình.

## VIII. Hướng dẫn tự học

### Phần Lý thuyết

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Thời | Nhiệm vụ của sinh viên |
|------|--------------------|------|------------------------|
|------|--------------------|------|------------------------|

|   |                                                                            | <b>lượng<br/>(tiết)</b> |                                                                                      |
|---|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Bài 1. <b>Đại cương về sức khoẻ nghề nghiệp</b> + Thảo luận                | 2                       | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],                                              |
|   | Thảo luận các nhóm bệnh nghề nghiệp                                        | 4                       | - Liệt kê các bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm y tế đến thời điểm đã học         |
| 2 | Bài 2. <b>Các tác hại nghề nghiệp</b>                                      | 2                       | - Nghiên cứu trước                                                                   |
|   | Thảo luận các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp trong lao động        | 2                       | +Tài liệu HT [1],<br>TLTK [2], [3]                                                   |
| 3 | Bài 3. <b>Yếu tố sinh học trong lao động và bệnh nghề nghiệp liên quan</b> | 2                       | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ Làm bài tập tình huống LS,<br>TLTK [4]. |
|   | Thảo luận bệnh lao nghề nghiệp,                                            | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
|   | Thảo luận bệnh viêm gan vi rút                                             | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
|   | Thảo luận bệnh HIV nghề nghiệp                                             | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
| 4 | Bài 4. <b>Vi khí hậu nóng trong sản xuất</b>                               | 2                       | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>TLTK [2], [3]                             |
|   | Thảo luận. các yếu tố vi khí hậu                                           | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
|   | Thảo luận điều hoà nhiệt cơ thể                                            | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
| 5 | Thảo luận các biến đổi sinh lý                                             | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
|   | Thảo luận triệu chứng say nóng                                             | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
|   | Thảo luận triệu chứng say nắng                                             | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
| 6 | Thảo luận triệu chứng mệt lả                                               | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |
|   | Thảo luận triệu chứng co giật                                              | 2                       | + Làm bài tập tình huống                                                             |

### Thực hành

| <b>Tuần</b> | <b>Tên bài</b>                                                          | <b>Số tiết</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                                                  |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Bài 1: Các nguyên tắc chung trong khảo sát môi trường lao động          | 4              | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>- Tìm các tài liệu liên quan                   |
| 2           | Bài 2: Một số phương pháp đánh giá chức năng hệ tim mạch trong lao động | 6              | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],<br>- Đọc lại tài liệu: cách đếm mạch, cách đo huyết áp |
| 3           | Bài 3: Xác định một số yếu tố vi khí hậu                                | 4              | Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],            |
| 4           | Bài 4: Thực địa đo và khảo sát môi trường lao động                      | 4              | Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2],                                                          |

| <b>Tuần</b> | <b>Tên bài</b> | <b>Số tiết</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>        |
|-------------|----------------|----------------|--------------------------------------|
|             |                |                | Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [2] |

## **IX. Quy định với sinh viên**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1**

**Tên học phần:**

Tên tiếng Việt: **Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1**

Tên tiếng Anh: **Behavioral Science and Health Education 1**

Mã học phần 3120HLTEDU1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>2 (1/1)</b><br><b>16</b><br><b>32</b><br><b>52</b>                                                                                                                      |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành:<br>Kết thúc học phần:                 | <b>3</b><br><b>1</b><br><b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                               |
| Học phần học trước:                                                                               | Kỹ năng giao tiếp                                                                                                                                                          |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế                                                                                                                                             |

**2. Mô tả chung về học phần**

Giáo dục sức khỏe là một môn học của Y tế công cộng. Hiện nay, giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe đang là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của ngành y tế, của tất cả các cán bộ y tế, là giải pháp hàng đầu, có hiệu quả nhất trong các giải pháp bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân, là nội dung số một trong các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam và thế giới. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khóa được giảng dạy cho sinh viên ngành học Y học dự phòng trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên           | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                     | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|---------------------------|-----------|
| 1  | Nguyễn Đức Thanh | PGS. TS            | 0912357575    | bsthanh@hotmail.com       | Phụ trách |
| 2  | Trần Đình Thoan  | TS                 | 0979895118    | trandinhthoantb@gmail.com | Tham gia  |
| 3  | Đặng Văn Nghiễm  | TS                 | 0904269378    | nghiemdv1961@gmail.com    | Tham gia  |
| 4  | Phan Thu Nga     | ThS                | 0976625250    | phanthunga2710@gmail.com  | Tham gia  |
| 5  | Nguyễn Thị Ái    | ThS                | 0984391406    | nguyenai198@gmail.com     | Tham gia  |
| 6  | Nguyễn Hà My     | ThS                | 0976599971    | hamy0359@gmail.com        | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Văn Tiến  | ThS                | 0972213609    | tiennv@tbump.edu.vn       | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Quỳnh Hoa | ThS                | 0987324899    | quynhhoanckh@gmail.com    | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                       | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe.                               | PEO 1               |
| 2  | Phân tích được hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe, các phương pháp, phương tiện, kỹ năng TT-GDSK.    | PEO 2<br>PEO 4      |
| 3  | Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động cho một chương trình TT-GDSK tại cộng đồng, nơi làm việc. | PEO5                |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                           | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của<br>CTĐT (PLO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | CLO 1: Vận dụng được kiến thức TT-GDSK trong thực hành chuyên môn YHDP.                                                                | S: PLO 1<br>H: PLO 3                       |
| 2  | CLO 2: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng và đưa ra được các giải pháp để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.     | H: PLO 1, 11                               |
| 3  | CLO 3: Tham gia đào tạo cán bộ YHDP và nhân viên y tế.                                                                                 | S: PLO 9<br>H: PLO 13                      |
| 4  | CLO 4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp. | H: PLO 7,8                                 |
| 5  | CLO 5: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.                        | H: PLO 4,5,9<br>S: PLO 13                  |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập | CĐR HP  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
| 1  | <b>Bài 1: Đại cương về truyền thông giáo dục sức khỏe</b><br>1. Một số khái niệm<br>2. Mục đích cơ bản của TT – GDSK<br>3. Các mô hình TT – GDSK<br>4. Vị trí, vai trò của TT – GDSK trong CSSKBD<br>5. Trách nhiệm thực hiện TT – GDSK<br>6. Hệ thống tổ chức TT – GDSK<br>7. Mười điều cần ghi nhớ khi làm TT – GDSK<br>8. Các nguyên tắc TT – GDSK | 4       | MT 1             | CĐR 1   |
| 2  | <b>Bài 2: Sức khỏe, Hành vi sức khỏe, Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe</b><br>1. Sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng<br>2. Hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe                                                                                                                                                                      | 4       | MT 2             | CĐR 1   |
| 3  | <b>Bài 3: Phương pháp, phương tiện, nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe</b><br>1. Sáu nguyên tắc lựa chọn phương pháp, phương tiện TT – GDSK                                                                                                                                                                                                      | 2       | MT 3             | CĐR 2,3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập | CĐR HP  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
|    | 2. Các phương pháp TT – GDSK<br>3. Các phương tiện TT – GDSK<br>4. Nội dung TT – GDSK                                                                                         |         |                  |         |
| 4  | <b>Bài 4: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe</b><br>1. Giới thiệu về kỹ năng TT – GDSK<br>2. Các kỹ năng TT – GDSK cơ bản                                                 | 2       | MT 3             | CĐR 2,3 |
| 5  | <b>Bài 5: Quản lý truyền thông giáo dục sức khỏe</b><br>1. Chu trình quản lý<br>2. Lập kế hoạch TT – GDSK<br>3. Thực hiện kế hoạch TT – GDSK<br>4. Đánh giá kết quả TT - GDSK | 4       | MT 3             | CĐR 4,5 |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                     | Số tiết | Mục tiêu học tập | CĐR HP  |
|----|-------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
| 1  | Bài 1. Hành vi sức khỏe quá trình thay đổi hành vi sức khỏe | 4       | MT2              | CĐR 2,3 |
| 2  | Bài 2. Phương pháp TT-GDSK                                  | 4       | MT2              | CĐR 2,3 |
| 3  | Bài 3. Kỹ năng tư vấn TT-GDSK                               | 4       | MT2              | CĐR 2,3 |
| 4  | Bài 4. Lập kế hoạch TT-GDSK                                 | 4       | MT3              | CĐR 4,5 |

## III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi – đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

## IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector;
- Bảng, phấn;
- Câu hỏi phát vấn.

## V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá          | Tiêu chí đánh giá                            | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                | 1            | Theo quy chế của Nhà trường | - Qua sổ nhật ký<br>- Thái độ học tập của SV | CDR 4             | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                | 1            | Bài kiểm tra viết           | $\geq 4$ : Đạt                               | CDR 1,2,3,4,5     | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 40%                | 1            | Bài kiểm tra viết           | $\geq 4$ : Đạt                               | CDR 1,2,3,4,5     | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40%                | 1            | Bài kiểm tra test           | $\geq 4$ : Đạt                               | CDR 1,2,3,4,5     | 10          |

**Công thức tính điểm: ĐHP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4**

**Rubic 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | 1        |
| Nghỉ học không phép | 2        |
| Đi muộn             | 0,5      |

**Rubic 2: Thi viết (thực hành): 10 điểm**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                  |                                                              |                                                    |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**Rubic 3: Thi test (lý thuyết): 10 điểm**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |
|---------------------------|
|---------------------------|

| Tiêu chí đánh giá | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
|-------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Nội dung câu hỏi  | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

1. Trương Quang Tiến (2012), *Truyền thông sức khỏe*, Nhà xuất bản lao động xã hội, Hà Nội.
2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế - Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2019), *Truyền thông – Giáo dục sức khỏe*.

### 2. Tài liệu tham khảo

1. Klaus Krickeberg, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Bích (2014), *Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Dịp (2001), *Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
3. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho giảng viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho học viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| STT              | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                        | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                             |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lý thuyết</b> |                                                                                                                                                                                           |                   |                                                                                                    |
| 1                | Bài 1. Đại cương về truyền thông giáo dục sức khỏe<br>Câu hỏi thảo luận: Vì sao truyền thông giáo dục sức khỏe lại được xem là yếu tố quan trọng trong công tác phòng bệnh hơn chữa bệnh? | 2                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [1], [2],<br>+Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1]. |
| 2                | Bài 2. Sức khỏe, Hành vi sức khỏe, Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe<br>Câu hỏi thảo luận: Tại sao việc hiểu rõ quá trình thay đổi hành vi sức khỏe lại quan                            | 2                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [1], [2],<br>+Câu hỏi thảo luận,              |

| STT              | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                             |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  | trọng trong việc thiết kế các chương trình can thiệp sức khỏe cộng đồng?                                                                                                                          |                   | TLTK [1].                                                                                                          |
| 3                | Bài 3: Phương pháp, phương tiện, nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe<br>Thảo luận: Nhận xét kỹ thuật thiết kế của 1 tài liệu truyền thông                                                     | 4                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [1], [2],<br>+Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1].                 |
| 4                | Bài 4: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe<br>Thảo luận: Bài tập tình huống cụ thể tại một trạm y tế xã                                                                                        | 4                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [3], [4],<br>+ Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1].                |
| 5                | Bài 5: Quản lý truyền thông giáo dục sức khỏe<br>Thảo luận: Viết mục tiêu cho 1 chương trình truyền thông cụ thể                                                                                  | 4                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [3], [4],<br>- Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1], [2], [3], [4]. |
| <b>Thực hành</b> |                                                                                                                                                                                                   |                   |                                                                                                                    |
| 1                | Bài 1. Hành vi sức khỏe quá trình thay đổi hành vi sức khỏe<br>Bài tập tình huống: chương trình phòng chống hút thuốc lá, nêu các bước thay đổi hành vi sức khỏe của người nam giới hút thuốc lá. | 6                 | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4].                                                                 |
| 2                | Bài 2. Phương pháp TT-GDSK<br>Bài tập tình huống: Chương trình phòng chống tăng huyết áp ở người cao tuổi tại một xã nên lựa chọn phương pháp gì phù hợp? Giải thích tại sao chọn như vậy         | 6                 | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4].                                                                 |
| 3                | Bài 3. Kỹ năng tư vấn TT-GDSK<br>Bài tập tình huống: Chương trình phòng chống tiêu chảy cấp ở trẻ em dưới 5 tuổi. Sinh viên đóng vai buổi làm mẫu thực hành                                       | 12                | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4].                                                                 |
| 4                | Bài 4. Lập kế hoạch TT-GDSK<br>Bài tập tình huống: Lập kế hoạch TT-GDSK cho chương trình phòng chống tay-chân-miệng ở trẻ em                                                                      | 12                | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4].                                                                 |

## IX. Quy định với sinh viên

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đi học đúng giờ;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp;
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

## **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên;
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Nguyễn Đức Thanh      |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Nguyễn Đức Thanh      |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Nguyễn Đức Thanh      |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Nguyễn Đức Thanh**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Thực tập cộng đồng 1**

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Thực tập cộng đồng 1**

Tên tiếng anh: **Community internship 1**

Mã số học phần: 3120COMPRT1P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>2</b><br><b>0</b><br><b>60</b><br><b>40</b>                                                                                                                             |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | <b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                                                       |
| Học phần học trước:                                                                               | Sức khỏe môi trường <sup>1</sup> , Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP, XHHSK                                                                                                     |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Khoa y tế công cộng                                                                                                                                                        |

## 2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 1 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khỏe cho người dân tại cơ sở y tế tuyến xã. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

**Cán bộ phụ trách :** PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 -vuphongtuc@yahoo.com

**Cán bộ giảng dạy:** Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

## 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                  | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.                                                                                            | 1,2,3, 5            |
| 2  | Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương | 1,2,3, 5            |
| 3  | Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương                                                                                                       | 1,2,3, 5            |
| 4  | Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã                                                                                | 1,2,3, 5            |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                                                                                                           | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng                                                                                                                                 | H: 1,2,3                                |
| 2  | Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người dân. | H: 4,5,7,8                              |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

### 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1: Tổ chức quản lý y tế</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề          | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng. | 1,2    |
| 2  | <b>Bài 2 : Dịch tễ học</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề                  | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng. | 1,2    |
| 3  | <b>Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1,2    |

| TT | Tên bài                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | CDR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    |                                                                                                                               |         | <p>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.</p> <p>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.</p> <p>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |        |
| 4  | <b>Bài 4: Sức khỏe môi trường</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | <p>1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.</p> <p>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.</p> <p>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.</p> <p>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.</p> <p>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng</p> | 1,2    |
| 5  | <b>Bài 5: Xã hội học sức khỏe</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | <p>1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.</p> <p>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.</p> <p>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.</p> <p>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.</p> <p>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng</p> |        |

### III. Phương pháp dạy/học

**Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn, thảo luận nhóm

#### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

##### 1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn.

##### 2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ.
- Sơ đồ mẫu.

#### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần                   | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá                  | Tiêu chí đánh giá                                                      | CDR được đánh giá                    | Điểm tối đa |
|-----------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)         | 3                  | -            | Điểm danh                           | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,             | PLO:2,3,4, 10                        | 10          |
| Điểm hoàn thành môn học (ĐHTMH)   | 2                  | -            | Viết bài truyền thông, báo cáo tuần | Có bài truyền thông được phát thanh.<br>Có báo cáo công việc từng tuần | PLO:2,3,4, 10                        | 10          |
| Điểm viết báo cáo thu hoạch (ĐBC) | 3                  | 1            | Báo cáo                             | Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn                       | PLO:2,3,4, 10                        | 10          |
| Điểm hỏi vấn đáp (ĐVĐ)            | 2                  | -            | Trả lời câu hỏi                     | TRả lời được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi                            | PLO: 1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10,11 ,12,13 | 10          |

**Công thức tính điểm: Đ.HP = ĐCC + ĐHTMH + ĐBC + ĐVĐ**

##### Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

| Tiêu chí            | Điểm trừ                     |
|---------------------|------------------------------|
| Không vắng          | 0                            |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/1 tiết học (có bù) |
| Nghỉ học không phép | Không duyệt thi              |
| Đi muộn             | 0,25 điểm/2 lần              |

##### Rubric 2: Vấn đáp

| Mức độ đạt chuẩn quy định |
|---------------------------|
|---------------------------|

| <b>Tiêu chí đánh giá</b> | <b>Điểm (0-0.5)</b>                            | <b>Điểm (0.5-1,0)</b>        | <b>Điểm (1.2)</b>                            | <b>Điểm (2-2.5)</b>                                                    | <b>Điểm (2.75-3)</b>                                           |
|--------------------------|------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Nội dung câu hỏi         | Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót | Trả lời chưa hết các câu hỏi | Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót | Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## **VI. Tài liệu học tập và tham khảo**

### **1. Tài liệu học tập**

1. Ban chỉ đạo TTCĐ (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình.
2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.
3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.
4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục
5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

### **2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiền, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.
4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.
5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.
7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles
8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.

9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.

10 .Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.

11. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

12. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT | Tên bài                              | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bài 1: Tổ chức quản lý y tế          | 8       | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2],[3]<br>+ TLTK [1], [2], [3, [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Thu thập số liệu theo chủ đề của các bộ môn<br>- Thực hiện các nhiệm vụ cùng nhân viên y tế cơ sở |
| 2   | Bài 2 : Dịch tễ học                  | 8       |                                                                                                                                                                                                                        |
| 3   | Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm | 8       |                                                                                                                                                                                                                        |
| 4   | Bài 4: Sức khỏe môi trường           | 8       |                                                                                                                                                                                                                        |
| 5   | Bài 5: Xã hội học sức khỏe           | 8       |                                                                                                                                                                                                                        |

**IX. Quy định với sinh viên**

**1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

**2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành.
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau.

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tổ chức và quản lý y tế

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tổ chức và quản lý y tế

Tên tiếng Anh: Organization and Management Health

Mã học phần: 3130HEAMAN1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

|                              |                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                    | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:             | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                   | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):    | 2                                                                                                                                                                          |
| Số tiết Lý thuyết:           | 32                                                                                                                                                                         |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: | 0                                                                                                                                                                          |
| Số giờ tự học:               | 68                                                                                                                                                                         |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):  | 2                                                                                                                                                                          |
| Giữa học phần:               | 1                                                                                                                                                                          |
| Thực hành:                   | 0                                                                                                                                                                          |
| Kết thúc học phần:           | 1                                                                                                                                                                          |
| Học phần học trước:          |                                                                                                                                                                            |
| Học phần tiên quyết:         |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:          |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:       | Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế                                                                                                                                             |

2. Mô tả chung về học phần

Tổ chức và quản lý y tế là một khoa học của chuyên ngành Y xã hội học. Kiến thức về Tổ chức và quản lý y tế sẽ giúp cho cán bộ y tế sử dụng các nguồn lực của đơn vị, cộng đồng một cách có hiệu quả cao. Nội dung môn học Tổ chức và quản lý y tế được biên soạn theo phương châm: kiến thức cơ bản, hệ thống, nội dung chính xác, khoa học, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại và thực tiễn ở Việt Nam.

Tập tài liệu Tổ chức và quản lý y tế gồm 9 bài, đề cập đầy đủ các nội dung về tổ chức và quản lý các hoạt động y tế, cụ thể: hệ thống y tế và hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam, các chỉ số sức khỏe cộng đồng và quản lý thông tin y tế, đại cương về quản lý và quản lý y tế, lập kế hoạch y tế, tổ chức thực hiện, điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động chăm sóc sức khỏe, quản lý nguồn lực, bảo hiểm y tế, đại cương về kinh tế học và kinh tế y tế, đánh giá kinh tế y tế.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên           | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                     | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|---------------------------|-----------|
| 1  | Nguyễn Đức Thanh | PGS. TS            | 0912357575    | bsthanh@hotmail.com       | Phụ trách |
| 2  | Trần Đình Thoan  | TS                 | 0979895118    | trandinhthoantb@gmail.com | Tham gia  |
| 3  | Đặng Văn Nghiễm  | TS                 | 0904269378    | nghiemdv1961@gmail.com    | Tham gia  |
| 4  | Phan Thu Nga     | ThS                | 0976625250    | phanthunga2710@gmail.com  | Tham gia  |
| 5  | Nguyễn Thị Ái    | ThS                | 0984391406    | nguyenai198@gmail.com     | Tham gia  |
| 6  | Nguyễn Hà My     | ThS                | 0976599971    | hamy0359@gmail.com        | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Văn Tiên  | ThS                | 0972213609    | tiennv@tbump.edu.vn       | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Quỳnh Hoa | ThS                | 0987324899    | quynhhoanckh@gmail.com    | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                           | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được những ưu, nhược điểm của các mô hình hệ thống y tế trên Thế giới và hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam; các chỉ số đánh giá sức khỏe cộng đồng và các phương pháp nghiên cứu tỷ lệ mắc bệnh; hệ thống y tế | PEO 1<br>PEO 3      |
| 2  | Phân tích được hệ thống tổ chức y tế, nhiệm vụ và hoạt động của các cơ sở y tế                                                                                                                                              | PEO 3               |
| 3  | Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý                                                                                                                                                                             | PEO 4               |

| TT | Mục tiêu học phần                                                                       | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|    | các hoạt động nhân lực, tài chính cho một chương trình y tế tại cộng đồng, nơi làm việc | PEO 5               |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                          | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | CLO 1: Vận dụng được kiến thức TCQLYT trong thực hành chuyên môn y học dự phòng và chăm sóc người bệnh                                | H: PLO2<br>S: PLO4<br>H: PLO5           |
| 2  | CLO 2: Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương dựa trên các mô hình tổ chức y tế                            | H: PLO5<br>H: PLO7                      |
| 3  | CLO 3: Tham gia đào tạo cán bộ y học dự phòng và nhân viên y tế                                                                       | H: PLO5<br>H: PLO7                      |
| 4  | CLO 4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp | H: PLO5<br>H: PLO7<br>S: PLO9           |
| 5  | CLO 5: Có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ CSSK tại cộng đồng, nơi làm việc                                 | H: PLO5<br>H: PLO7<br>H: PLO8           |
| 6  | CLO 6: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, tài chính đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động CSSK         | H: PLO8<br>H: PLO12                     |

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

## II. Nội dung

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
| 1  | <b>Bài 1. Hệ thống tổ chức y tế Việt Nam</b><br>1. Hệ thống y tế<br>2. Nguyên tắc tổ chức mạng lưới y tế việt nam<br>3. Mô hình chung của mạng lưới y tế việt nam<br>4. Tổ chức và nhiệm vụ của từng tuyến<br>5. Y tế tư nhân | 4       | MT 1             | CLO 1   |
| 2  | <b>Bài 2. Tổ chức bệnh viện và ứng dụng nguyên tắc 5S trong y tế</b><br>1. Tổ chức bệnh viện<br>2. Ứng dụng nguyên tắc 5S trong y tế                                                                                          | 4       | MT 1,<br>MT 2    | CLO 1   |
| 3  | <b>Bài 3. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng và quản lý thông tin y tế</b><br>1. Thông kê tình trạng sức khỏe cộng đồng:<br>2. Quản lý thông tin y tế                                                                              | 8       | MT 1             | CLO 2,3 |
| 4  | <b>Bài 4. Đại cương về quản lý và quản lý y tế. Lập</b>                                                                                                                                                                       | 8       | MT 3             | CLO     |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
|    | <b>kế hoạch y tế</b><br>1. Đại cương về quản lý và quản lý<br>2. Lập kế hoạch y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |                  | 3,4,5   |
| 5  | <b>Bài 5. Tổ chức thực hiện, điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động chăm sóc sức khỏe</b><br>1. Một số khái niệm<br>2. Giám sát các hoạt động CSSK<br>3. Đánh giá các hoạt động y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4       | MT 3             | CLO 4,5 |
| 6  | <b>Bài 6. Bảo hiểm y tế</b><br>1. Một số khái niệm liên quan đến BHYT<br>2. Quá trình hình thành và phát triển<br>3. Nguyên tắc BHYT<br>4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về BHYT<br>5. Đối tượng, mức đóng, trách nhiệm và phương thức đóng BHYT<br>6. Quản lý và sử dụng thẻ BHYT<br>7. Phạm vi được hưởng BHYT<br>8. Tổ chức khám, chữa bệnh cho người tham gia BHYT<br>9. Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT<br>10. Quỹ BHYT<br>11. Quyền và trách nhiệm các bên liên quan đến BHYT<br>12. Thanh tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về BHYT | 4       | MT 3             | CLO 4,6 |

### III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi – đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector;
- Bảng, phấn;
- Câu hỏi phát vấn.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|-----------------|--------------------|--------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------|
|-----------------|--------------------|--------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------|

|                                |     |   |                             |                                              |                 |    |
|--------------------------------|-----|---|-----------------------------|----------------------------------------------|-----------------|----|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10% | 1 | Theo quy chế của Nhà trường | - Qua sổ nhật ký<br>- Thái độ học tập của SV | CĐR 4           | 10 |
| Điểm giữ học phần (ĐGHP)       | 20% | 1 | Bài kiểm tra viết           | $\geq 4$ : Đạt                               | CĐR 1,2,3       | 10 |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 70% | 1 | Bài kiểm tra test           | $\geq 4$ : Đạt                               | CĐR 1,2,3,4,5,6 | 10 |

**Công thức tính điểm:** Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,2 + Điểm kết thúc HP x 0,7

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | 1        |
| Nghỉ học không phép | 2        |
| Đi muộn             | 0,5      |

**Rubric 2: Thi viết (GHP): 10 điểm**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                  |                                                              |                                                    |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**Rubric 3: Thi test (kết thúc HP): 10 điểm**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                  |                                                              |                                                    |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo**

**1. Tài liệu học tập:**

1. Phạm Trí Dũng (2014), *Nguyên lý và các kỹ năng quản lý*, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2006), *Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế*, Nhà xuất bản Y học.
3. Vũ Xuân Phú (2012), *Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế và tài chính y tế*, Nhà xuất bản lao động.
4. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế (2018), *Giáo trình Tổ chức và Quản lý y tế*, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (*lưu hành nội bộ*).

## 2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Hiến (2013), *Quản lý và lãnh đạo*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trương Việt Dũng (2015), *Quản trị bệnh viện* (Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học), Nhà xuất bản Y học.
3. Trần Quốc Kham, Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã* (sách dùng cho giảng viên), Nhà xuất bản y học.
4. Trần Quốc Kham, Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã* (sách dùng cho học viên), Nhà xuất bản y học.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <p><b>Bài 1. Hệ thống tổ chức y tế Việt Nam</b></p> <p>Bài tập tình huống: Dịch bệnh bùng phát tại một thành phố ven biển A, dân số 500.000 người. Trong 5 ngày, hơn 2.000 trường hợp sốt cao, ho và tiêu chảy được ghi nhận. Bệnh viện chính quá tải, trạm y tế xã không đủ nhân lực.</p> <p>Thách thức: Thiếu giường bệnh, thiết bị xét nghiệm và thuốc điều trị. Nhân viên y tế kiệt sức, một số mắc bệnh. Người dân hoang mang, lan truyền tin sai lệch trên mạng xã hội.</p> <p>Phản ứng của ngành y tế sẽ là gì? Từ tình huống trên rút ra bài học gì và đề xuất các giải pháp tăng cường cho hệ thống y tế sau dịch bệnh?</p> | 12                | <p>- Nghiên cứu trước + Tài liệu HT [2], [4], TLTK [3], [4],</p> <p>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [3], [4]</p> |
| 2   | <p><b>Bài 2. Tổ chức bệnh viện và ứng dụng nguyên tắc 5S trong y tế</b></p> <p>Bài tập tình huống: Bệnh viện Đa khoa X với 300 giường bệnh, gần 500 nhân viên. Gặp nhiều vấn đề: lưu trữ hồ sơ y tế lộn xộn, vật tư thiếu kiểm kê, khu khám chữa bệnh lộn xộn, nhân viên thường xuyên tìm kiếm công cụ và thiết bị. Mục tiêu cải tiến: Tối ưu hóa quy trình</p>                                                                                                                                                                                                                                                                      | 12                | <p>- Nghiên cứu trước + Tài liệu HT [2], [4], TLTK [3], [4],</p> <p>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [2]</p>      |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <p>làm việc. Nâng cao trải nghiệm cho bệnh nhân và hiệu quả sử dụng tài nguyên. Tăng tính chuyên nghiệp, an toàn và giảm lãng phí.</p> <p>Câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân tích nguyên nhân vì sao Bệnh viện X gặp tình trạng quá tải và lộn xộn trong quy trình vận hành trước khi áp dụng 5S. Bạn có nhận thấy mô hình tương tự trong thực tế không?</li> <li>2. Theo bạn, nếu chỉ áp dụng Seiri (Sàng lọc) mà không thực hiện đầy đủ các bước còn lại trong 5S, liệu bệnh viện có đạt được hiệu quả như mong muốn không? Vì sao?</li> <li>3. Bạn nhận xét thế nào về cách bệnh viện huy động sinh viên năm cuối hỗ trợ vận hành khi thiếu nhân lực? Có nên áp dụng rộng hơn trong hệ thống y tế không?</li> <li>4. Giả sử bạn là điều dưỡng viên tại bệnh viện Vạn An. Việc áp dụng nguyên tắc Shitsuke (Sẵn sàng - kỷ luật) ảnh hưởng thế nào đến công việc hàng ngày và thái độ của bạn?</li> <li>5. Đề xuất thêm một nguyên tắc hoặc hoạt động bổ sung vào quy trình 5S để tăng hiệu quả vận hành bệnh viện trong bối cảnh nhiều áp lực từ người bệnh và hệ thống.</li> <li>6. Cách triển khai kiểm tra và đánh giá định kỳ về việc duy trì 5S nên được thiết kế ra sao để không gây áp lực nhưng vẫn giữ được hiệu quả lâu dài?</li> </ol> |                   |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3   | <p><b>Bài 3. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng và quản lý thông tin y tế</b></p> <p>Bài tập tình huống: Phường A là một khu vực ven đô với dân số khoảng 12.000 người. Theo số liệu khảo sát từ năm 2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ sử dụng nước sạch: 55% hộ gia đình</li> <li>- Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 5 tuổi: 67%</li> <li>- Tỷ lệ mắc bệnh tiêu chảy ở trẻ em: cao, ước tính 18% trong năm</li> <li>- Chỉ số BMI trung bình của người trưởng thành: 27.5 (thừa cân nhẹ)</li> <li>- Tỷ lệ tử vong mẹ: 52/100.000 ca sinh sống</li> <li>- Dịch vụ y tế tuyến cơ sở chỉ hoạt động 3 ngày/tuần, với một nhân viên y tế cố định</li> </ul> <p>Câu hỏi</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 12                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước + Tài liệu HT [2], [4], TLTK [3], [4],</li> <li>+ Làm bài tập tình huống, - Nghiên cứu trước + Tài liệu HT [2], [4], TLTK [3], [4],</li> <li>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [2]</li> </ul> |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <p>1. Trong các chỉ số sức khỏe cộng đồng đã cho, nhóm bạn đánh giá chỉ số nào là đáng lo ngại nhất? Vì sao?</p> <p>2. Tỷ lệ sử dụng nước sạch thấp có thể dẫn đến những hệ lụy nào về sức khỏe, đặc biệt ở trẻ nhỏ?</p> <p>3. Chỉ số BMI trung bình là 27.5 phản ánh điều gì về lối sống và nguy cơ bệnh không lây nhiễm tại địa phương?</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |                                                                                                                               |
| 4   | <p><b>Bài 4. Đại cương về quản lý và quản lý y tế. Lập kế hoạch y tế</b></p> <p>Bài tập tình huống: Phường A là một khu vực ven đô với dân số khoảng 12.000 người. Theo số liệu khảo sát từ năm 2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Tỷ lệ sử dụng nước sạch: 55% hộ gia đình</li> <li>-Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 5 tuổi: 67%</li> <li>-Tỷ lệ mắc bệnh tiêu chảy ở trẻ em: cao, ước tính 18% trong năm</li> <li>-Chỉ số BMI trung bình của người trưởng thành: 27.5 (thừa cân nhẹ)</li> <li>-Tỷ lệ tử vong mẹ: 52/100.000 ca sinh sống</li> <li>-Dịch vụ y tế tuyến cơ sở chỉ hoạt động 3 ngày/tuần, với một nhân viên y tế cố định</li> </ul> <p>Câu hỏi</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. So với chuẩn quốc gia, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ tại phường A còn thấp — những rào cản nào có thể tồn tại trong việc tiếp cận dịch vụ?</li> <li>2. Điều kiện hoạt động y tế tuyến cơ sở (3 ngày/tuần, 1 nhân viên y tế) ảnh hưởng thế nào đến sức khỏe bà mẹ và trẻ em?</li> <li>3. Có thể có mối liên hệ nào giữa chất lượng cơ sở hạ tầng và tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm không?</li> <li>4. Nếu nhóm được giao nhiệm vụ xây dựng chiến dịch truyền thông thay đổi hành vi, các bạn sẽ tập trung vào vấn đề gì trước tiên? Vì sao?</li> <li>5. Trong điều kiện ngân sách hạn chế, hãy thảo luận và lựa chọn 3 giải pháp ưu tiên để cải thiện tình hình sức khỏe tại địa phương.</li> <li>6. Làm sao để thu hút sự tham gia của cộng đồng trong việc cải thiện tỷ lệ sử dụng nước sạch và tiêm chủng?</li> </ol> | 12                | <p>- Nghiên cứu trước<br/>+Tài liệu HT [1], [2],<br/>TLTK [1], [3], [4],<br/>+Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [3], [4],</p> |
| 5   | <b>Bài 5. Tổ chức thực hiện, điều hành, giám</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 12                | - Nghiên cứu trước                                                                                                            |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <p><b>sát và đánh giá các hoạt động chăm sóc sức khỏe</b></p> <p>UBND xã A phối hợp với CDC triển khai chiến dịch chăm sóc sức khỏe cộng đồng kéo dài 6 tuần, gồm các hoạt động:</p> <p>Tuần 1–2: Khám sức khỏe tổng quát miễn phí cho người dân <math>\geq 40</math> tuổi</p> <p>Tuần 3–4: Truyền thông phòng chống bệnh không lây nhiễm (tiểu đường, tăng huyết áp)</p> <p>Tuần 5: Phát thuốc hỗ trợ và tư vấn thay đổi lối sống</p> <p>Tuần 6: Đánh giá kết quả, lấy ý kiến cộng đồng và lập báo cáo</p> <p>Lực lượng triển khai gồm: 6 cán bộ y tế từ tuyến huyện, 10 cộng tác viên y tế thôn bản, Tổ điều phối gồm 3 thành viên thuộc UB xã</p> <p>Dự kiến tiếp cận: hơn 1.500 người dân.</p> <p>Câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Những yếu tố nào cần xem xét khi xây dựng kế hoạch triển khai chiến dịch chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng như xã A?</li> <li>2. Phân tích vai trò của cộng tác viên y tế thôn bản trong việc tiếp cận người dân.</li> <li>3. Làm sao để đảm bảo các hoạt động khám sức khỏe diễn ra hiệu quả và đúng tiến độ?</li> <li>4. Tổ điều phối cần làm gì để kịp thời xử lý các tình huống phát sinh trong chiến dịch?</li> <li>5. Nhóm bạn đề xuất các biện pháp giám sát nào giúp kiểm soát chất lượng truyền thông và tư vấn sức khỏe?</li> <li>6. Những chỉ số nào có thể sử dụng để đánh giá thành công của chiến dịch?</li> <li>7. Làm sao để thu thập phản hồi của người dân một cách hiệu quả và có giá trị thực tiễn?</li> <li>8. Nếu một phần lớn người dân không tham gia khám sức khỏe, nhóm bạn đề xuất cách cải thiện tiếp cận ra sao?</li> </ol> |                   | <p>+Tài liệu HT [1], [2],</p> <p>TLTK [1], [3], [4],</p> <p>+Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [3], [4],</p>                           |
| 6   | <p><b>Bài 6. Bảo hiểm y tế</b></p> <p>Trạm Y tế xã B, một địa phương nông thôn với hơn 9.000 dân, đang triển khai chiến dịch khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện. Dù có nhiều ưu đãi, tỷ lệ người dân tham gia vẫn chỉ đạt 68%, thấp hơn trung bình toàn quốc.</p> <p>Một khảo sát gần đây ghi nhận:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8                 | <p>- Nghiên cứu trước</p> <p>+Tài liệu HT [1], [2],</p> <p>TLTK [1], [3], [4],</p> <p>+Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [3], [4],</p> |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|
|     | <p>-35% người dân chưa hiểu rõ quyền lợi bảo hiểm y tế</p> <p>-20% cho rằng thủ tục khám chữa bệnh bằng bảo hiểm phức tạp</p> <p>-Một số hộ dân làm nông hoặc lao động tự do gặp khó khăn về tài chính</p> <p>-Trạm y tế xã chưa có nhân viên chuyên trách về tư vấn bảo hiểm</p> <p>Trong 3 tháng tới, UBND xã và Trạm Y tế lên kế hoạch:</p> <p>-Mở 4 buổi truyền thông cộng đồng (tại chợ, trường học, nhà văn hóa)</p> <p>-Phát tờ rơi, tổ chức trò chơi dân gian lồng ghép thông tin bảo hiểm</p> <p>-Hợp tác với Bảo hiểm xã hội huyện để đào tạo cộng tác viên tuyên truyền</p> <p>Câu hỏi</p> <p>1. Theo bạn, nguyên nhân chính khiến người dân chưa mặn mà với bảo hiểm y tế là gì?</p> <p>2. Chính sách bảo hiểm y tế mang lại những quyền lợi nào mà người dân có thể chưa nhận ra?</p> <p>3. Việc thiếu nhân lực tư vấn tại trạm y tế ảnh hưởng thế nào đến hiệu quả truyền thông?</p> |                   |                        |

#### **IX. Quy định với sinh viên:**

##### **1. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

##### **2. Quy định điều kiện dự thi:**

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 4 trở lên mới được thi hết học phần.

#### **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| TT | Cập nhật đề cương chi tiết lần | Thời gian | Người cập nhật   |
|----|--------------------------------|-----------|------------------|
| 1  | Lần 1                          | 5/2019    | Nguyễn Đức Thanh |
| 2  | Lần 2                          | 5/2021    | Nguyễn Đức Thanh |

|          |               |         |                  |
|----------|---------------|---------|------------------|
| <b>3</b> | Lần 3         | 5/2023  | Nguyễn Đức Thanh |
| <b>4</b> | Dự kiến lần 4 | 5/ 2025 |                  |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Nguyễn Đức Thanh**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Kinh tế y tế**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Kinh tế y tế**

Tên tiếng Anh: **Medical Economics**

Mã học phần: 3130MEDECO0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                              |                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                    | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:             | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                   | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):    | <b>2 (1/1)</b>                                                                                                                                                             |
| Số tiết Lý thuyết:           | <b>16</b>                                                                                                                                                                  |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: | <b>32</b>                                                                                                                                                                  |
| Số giờ tự học:               | <b>52</b>                                                                                                                                                                  |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):  | <b>3</b>                                                                                                                                                                   |
| Giữa học phần:               | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Thực hành:                   | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Kết thúc học phần:           | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Học phần học trước:          | Tổ chức và quản lý y tế                                                                                                                                                    |
| Học phần tiên quyết:         |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:          |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:       | Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế                                                                                                                                             |

**2. Mô tả chung về học phần**

Môn học Kinh tế y tế là ngành khoa học vận dụng các quy luật của kinh tế học vào việc quản lý ngành y tế, giúp các nhà hoạch định các chính sách y tế nâng cao chất lượng hoạch định các chính sách, lập kế hoạch các hoạt động chăm sóc sức khỏe và ra các quyết định quản lý trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Nguyên lý cơ bản của kinh tế y tế là sử dụng một cách tối ưu các nguồn lực của ngành y tế để cải thiện sức khỏe cộng đồng.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên           | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                     | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|---------------------------|-----------|
| 1  | Nguyễn Đức Thanh | PGS. TS            | 0912357575    | bsthanh@hotmail.com       | Phụ trách |
| 2  | Trần Đình Thoan  | TS                 | 0979895118    | trandinhthoantb@gmail.com | Tham gia  |
| 3  | Đặng Văn Nghiễm  | TS                 | 0904269378    | nghiemdv1961@gmail.com    | Tham gia  |
| 4  | Phan Thu Nga     | ThS                | 0976625250    | phanthunga2710@gmail.com  | Tham gia  |
| 5  | Nguyễn Thị Ái    | ThS                | 0984391406    | nguyenai198@gmail.com     | Tham gia  |
| 6  | Nguyễn Hà My     | ThS                | 0976599971    | hamy0359@gmail.com        | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Văn Tiến  | ThS                | 0972213609    | tiennv@tbump.edu.vn       | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Quỳnh Hoa | ThS                | 0987324899    | quynhhoanckh@gmail.com    | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học tập

| TT | Mục tiêu học phần                                                      | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được cơ sở của kinh tế học và định nghĩa kinh tế y tế        | PEO 1               |
| 2  | Phân tích được các đặc điểm cơ bản của thị trường CSSK và chi phí y tế | PEO 2<br>PEO 4      |
| 3  | Đánh giá được chi phí y tế cho 1 chương trình can thiệp                | PEO5                |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                     | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1  | CLO 1: Vận dụng được kiến thức KTYT trong thực hành chuyên môn YHDP                                                                                              | S: PLO1<br>H: PLO3                        |
| 2  | CLO 2: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến kinh tế y tế | H: PLO7<br>H: PLO8                        |
| 3  | CLO 3: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động về tài chính y tế                                 | H: PLO4<br>H: PLO5<br>H: PLO9<br>S: PLO13 |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập | CĐR HP  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
| 1  | <b>Bài 1. Những khái niệm cơ bản của kinh tế học</b><br>1. Cơ sở của kinh tế học<br>2. Một số khái niệm của kinh tế học                                                                                                                                                                                                                 | 2       | MT 1             | CLO 1   |
| 2  | <b>Bài 2. Kinh tế y tế</b><br>1. Khái niệm<br>2. Chức năng, nhiệm vụ của kinh tế y tế<br>3. Trọng tâm nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu về kinh tế y tế vào thực tiễn hoạt động của ngành y tế<br>4. Các phương pháp nghiên cứu kinh tế<br>5. Các câu hỏi cơ bản của kinh tế y tế<br>6. Đặc điểm cơ bản của thị trường CSSK | 2       | MT 1             | CLO 1   |
| 3  | <b>Bài 3. Phân tích chi phí</b><br>1. Mở đầu<br>2. Các khái niệm về chi phí<br>3. Phân loại chi phí<br>4. Tiến trình phân tích chi phí<br>5. Tính toán chi phí<br>6. Lợi nhuận<br>7. Lợi ích ( U- Utility)                                                                                                                              | 4       | MT 3             | CLO 2,3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
| 4  | <b>Bài 4. Đo lường kết quả can thiệp</b><br>1. Đo lường kết quả<br>2. Đánh giá gánh nặng bệnh tật trong cộng đồng                                                                     | 2       | MT 3             | CLO 2,3 |
| 5  | <b>Bài 5. Đánh giá kinh tế y tế</b><br>1. Đánh giá kinh tế là gì?<br>2. Các phương pháp đánh giá kinh tế y tế                                                                         | 4       | MT 3             | CLO 2,3 |
| 6  | <b>Bài 6. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế</b><br>1. Ngân sách là gì ?<br>2. Các dạng ngân sách<br>3. Lập ngân sách<br>4. Mẫu ngân sách<br>5. Tính toán và theo dõi ngân sách | 2       | MT 3             | CLO 2,3 |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR     |
|----|--------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
| 1  | <b>Bài 1. Phân tích chi phí</b>                        | 4       | MT2              | CLO 2,3 |
| 2  | <b>Bài 2. Đo lường kết quả can thiệp</b>               | 4       | MT2              | CLO 2,3 |
| 3  | <b>Bài 3. Đánh giá kinh tế y tế</b>                    | 4       | MT2              | CLO 2,3 |
| 4  | <b>Bài 4. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế</b> | 4       | MT3              | CLO 2,3 |

## III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

## IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector;
- Bảng, phấn;
- Câu hỏi phát vấn.

## V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá          | Tiêu chí đánh giá                            | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                | 1            | Theo quy chế của Nhà trường | - Qua sổ nhật ký<br>- Thái độ học tập của SV | CLO 2             | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                | 1            | Bài kiểm tra viết           | $\geq 4$ : Đạt                               | CLO 1             | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 40%                | 1            | Bài kiểm tra viết           | $\geq 4$ : Đạt                               | CLO 2,3           | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40%                | 1            | Bài kiểm tra test           | $\geq 4$ : Đạt                               | CLO 1,2,3         | 10          |

**Công thức tính điểm:**

**Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,1 + Điểm TH x 0,4 + Điểm kết thúc HP x 0,4**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | 1        |
| Nghỉ học không phép | 2        |
| Đi muộn             | 0,5      |

**Rubric 2: Thi viết: 10 điểm**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                  |                                                              |                                                    |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế (2018), Giáo trình *Kinh tế y tế*, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (*lưu hành nội bộ*).

### 2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Thanh (2015). Giáo trình *Kinh tế Y tế* (Sách đào tạo Sau đại học), Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, (*Lưu hành nội bộ*)

2. Trường Đại học Y tế công cộng (2012). Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế & Tài chính y tế, Nhà xuất bản lao động xã hội.
3. Nguyễn Thị Kim Chúc (2007), Kinh tế y tế và Bảo hiểm y tế (Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, Trường Đại học Y Hà Nội). Nhà xuất bản Y học.
4. Vũ Xuân Phú (2008), Kinh tế y tế, Nxb Y học.
5. Đào Văn Dũng (2003), Kinh tế y tế (Giáo trình giảng Sau đại học), Nxb Quân đội nhân dân.
6. Trường Đại học Y tế Công cộng (2002), Những vấn đề cơ bản của Kinh tế y tế, Nxb Y học.
7. Ceri J. Phillips (2005). Health economics: An introduction for health professionals, BMJ Books.
8. Michael F.Drummond, Mark J.Sculpher, et al. (2005), “Methods for the Economic Evaluation of Health care Programmes”. Oxford University Press.
9. Sophie Witter, Tim Ensor, Matthew Jowett, Robin Thompson (2000), Health Economics for developing countries: A practical guide. Royal Tropical Institute, Amsterdam.
10. Nguyễn Hoàng Lan, Nguyễn Thị Bạch Yến (2013), Ứng dụng một số mô hình trong đánh giá kinh tế y tế. Nhà xuất bản Y học.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

### **VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT              | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                         | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                             |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Lý thuyết</i> |                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |                                                                                                    |
| 1                | <b>Bài 1. Những khái niệm cơ bản của kinh tế học</b><br>Câu hỏi<br>1. Theo bạn, có thể tồn tại một thị trường “hoàn hảo” không? Tại sao?<br>2. Thị trường hàng hóa trong đời sống hiện nay hoạt động như thế nào?                                                          | 2                 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [1], [2],<br>+ Câu hỏi thảo luận<br>TLTK [1], [2] |
| 2                | <b>Bài 2. Kinh tế y tế</b><br>Câu hỏi<br>1. Bạn hiểu thế nào về khái niệm “hiệu quả kinh tế” trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe?<br>2. Khi nguồn lực y tế bị hạn chế (ví dụ: giường bệnh, bác sĩ, ngân sách), làm thế nào để đưa ra quyết định phân bổ công bằng và hiệu quả? | 2                 |                                                                                                    |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | <b>Bài 3. Phân tích chi phí</b><br>Câu hỏi<br>1. Có những loại chi phí nào trong hệ thống y tế? Làm sao để phân loại chúng một cách hiệu quả?<br>2. Một chương trình tầm soát ung thư có nên triển khai không nếu chi phí cao nhưng khả năng cứu sống lớn?<br>3. Phân tích chi phí có thể giúp gì cho nhà hoạch định chính sách y tế?<br>4. Theo bạn, chi phí điều trị nên được tính dựa trên chi phí thực tế hay chi phí xã hội (kể cả năng suất lao động mất đi)? Tại sao?                                                                                                                                                                     | 4                 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1], [2],<br>+ Câu hỏi thảo luận TLTK [1], [2], [7], [8], [9]       |
| 4   | <b>Bài 4. Đo lường kết quả can thiệp</b><br>Câu hỏi<br>1. Các chỉ số nào thường được dùng để đo lường kết quả trong y tế công cộng? → Gợi ý: tỷ lệ bệnh mắc, tỷ lệ tử vong, QALY, DALY, số năm sống được điều chỉnh chất lượng.<br>2. So sánh giữa đo lường hiệu quả ngắn hạn (ví dụ: giảm số ca mắc) và dài hạn (ví dụ: cải thiện tuổi thọ). Cái nào quan trọng hơn?                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2                 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1], [2],<br>+ Câu hỏi thảo luận TLTK [1], [2], [7], [8], [9]       |
| 5   | <b>Bài 5. Đánh giá kinh tế y tế</b><br>Câu hỏi<br>1. Phân biệt giữa phân tích chi phí – hiệu quả (CEA), chi phí – lợi ích (CBA), và chi phí – tiện ích (CUA). Trường hợp nào áp dụng mỗi loại?<br>2. Đánh giá thế nào về tính khách quan của phương pháp QALY khi so sánh hiệu quả của các can thiệp?<br>3. Ví dụ thực tế nào cho thấy phân tích kinh tế đã thay đổi chính sách y tế? → Gợi ý: tiêm chủng, điều trị HIV/AIDS, chương trình sàng lọc ung thư.<br>4. Làm sao để tích hợp đánh giá kinh tế vào quá trình ra quyết định trong y tế công cộng?<br>5. Đánh giá kinh tế nên chú trọng vào hiệu quả chi phí hay giá trị xã hội tổng thể? | 4                 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1], [2],<br>+ Câu hỏi thảo luận TLTK [1], [2], [7], [8], [9], [10] |
| 6   | <b>Bài 6. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế</b><br>Câu hỏi<br>1. Làm thế nào để đảm bảo tính công bằng trong phân bổ ngân sách y tế giữa các vùng có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2                 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1], [2],<br>+ Câu hỏi thảo luận TLTK [1], [2], [7],                |

| STT                                       | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời lượng (tiết)                 | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                         |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|-------|-------|---------|------|------|---------|------|------|-----------|---|------|----|-----|------|-------------------|------|------|---------|-------|-------|----------------|--|--|-----------------------|-------|-------|--------------------------------|------|-------|-------------------------------------------|----|----|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                           | điều kiện kinh tế – xã hội khác nhau?<br>2. Suy nghĩ như thế nào về việc áp dụng mô hình “ngân sách theo kết quả đầu ra” (outcome-based budgeting) trong y tế? Có khả thi ở Việt Nam không?                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                   | [8], [9]                                                                                       |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Thực hành                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                   |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| 1                                         | <p>Bài 1. Phân tích chi phí</p> <p>Tình huống: Chi phí cho 2 phương pháp điều trị:</p> <p>+ PP1: 11\$/1 bn</p> <p>+ PP2: 6\$/1 bn</p> <p>+ PP2 có tỷ lệ kháng thuốc là 20%. Có 85% số bn còn lại khỏi bệnh</p> <p>- Nếu điều trị 1000 phụ nữ thì tổng chi phí cho mỗi phương pháp điều trị sẽ là bao nhiêu? chi phí biên để chuyển từ cách điều trị 2 sang cách 1 là bao nhiêu?</p> <p>- Thêm được bao nhiêu bệnh nhân được điều trị khỏi nếu điều trị bằng thuốc đắt tiền.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6                                 | <p>- Tài liệu HT [1],</p> <p>- Làm bài tập tình huống,</p> <p>TLTK [1], [2], [7], [8], [9]</p> |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| 2                                         | <p>Bài 2. Đo lường kết quả can thiệp</p> <p>Tình huống: Chi phí và kết quả của 2 phương án tiêm chủng phòng uốn ván sơ sinh: theo định kỳ và mở chiến dịch, như sau:</p> <table><tr><th>Chi phí</th><th>Tiêm theo định kỳ (triệu đồng)</th><th>Tiêm theo chiến dịch (triệu đồng)</th></tr><tr><td>Các cơ sở y tế</td><td>18500</td><td>13600</td></tr><tr><td>Quản lý</td><td>2000</td><td>7600</td></tr><tr><td>Vaccine</td><td>1250</td><td>2600</td></tr><tr><td>Quảng cáo</td><td>0</td><td>2400</td></tr><tr><td>Ôn</td><td>250</td><td>2400</td></tr><tr><td>Các hạng mục khác</td><td>2250</td><td>2800</td></tr><tr><td>Tổng số</td><td>25000</td><td>40000</td></tr><tr><td><b>Kết quả</b></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Số PN được tiêm chủng</td><td>22000</td><td>45000</td></tr><tr><td>Số PN được tiêm ít nhất 2 liều</td><td>8000</td><td>10000</td></tr><tr><td>Ước tính số ca tử vong do uốn ván giảm đi</td><td>40</td><td>50</td></tr></table> <p>Câu hỏi 1.</p> <p>a. Cách đo lường hiệu quả nào tốt nhất? Tính tỷ suất chi phí-hiệu quả của từng cách đo lường? Dựa trên cơ sở phân tích chi phí - hiệu quả, phương pháp nào sẽ nên được sử dụng?</p> <p>b. Yếu tố nào khiến 2 phương pháp trên có sự khác biệt về chi phí-hiệu quả.</p> <p>Câu hỏi 2. Tính phần chi phí và hiệu quả chênh lệch giữa 2 phương án. Cứu sống thêm 1 người thì chi phí thêm là bao nhiêu?</p> <p>Câu hỏi 3.</p> <p>a. Khi nghiên cứu về tiêm chủng trên được thực hiện, phương án mở chiến dịch tiêm chủng không được tiến hành. Người ta đã ước tính 20% vaccine bị lãng phí. Điều gì sẽ xảy ra đối với tỷ suất chi phí-hiệu quả nếu giả thiết này sai và mức độ lãng phí tăng gấp đôi hoặc</p> | Chi phí                           | Tiêm theo định kỳ (triệu đồng)                                                                 | Tiêm theo chiến dịch (triệu đồng) | Các cơ sở y tế | 18500 | 13600 | Quản lý | 2000 | 7600 | Vaccine | 1250 | 2600 | Quảng cáo | 0 | 2400 | Ôn | 250 | 2400 | Các hạng mục khác | 2250 | 2800 | Tổng số | 25000 | 40000 | <b>Kết quả</b> |  |  | Số PN được tiêm chủng | 22000 | 45000 | Số PN được tiêm ít nhất 2 liều | 8000 | 10000 | Ước tính số ca tử vong do uốn ván giảm đi | 40 | 50 | 12 | <p>- Tài liệu HT [1],</p> <p>- Làm bài tập tình huống,</p> <p>TLTK [1], [2], [7], [8], [9]</p> |
| Chi phí                                   | Tiêm theo định kỳ (triệu đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tiêm theo chiến dịch (triệu đồng) |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Các cơ sở y tế                            | 18500                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 13600                             |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Quản lý                                   | 2000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7600                              |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Vaccine                                   | 1250                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2600                              |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Quảng cáo                                 | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2400                              |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Ôn                                        | 250                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2400                              |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Các hạng mục khác                         | 2250                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2800                              |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Tổng số                                   | 25000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 40000                             |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| <b>Kết quả</b>                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                   |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Số PN được tiêm chủng                     | 22000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 45000                             |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Số PN được tiêm ít nhất 2 liều            | 8000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 10000                             |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |
| Ước tính số ca tử vong do uốn ván giảm đi | 40                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 50                                |                                                                                                |                                   |                |       |       |         |      |      |         |      |      |           |   |      |    |     |      |                   |      |      |         |       |       |                |  |  |                       |       |       |                                |      |       |                                           |    |    |    |                                                                                                |

| STT                          | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                             |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----|------------|-----|---------------------|-----|-------------------|----|---------------|----|---------------------|-----|-----------------|-----|------------------------------|-----|------------|-----|-------------|-----|------|------|---|------------------------------------------------------------------------------|
|                              | chỉ bằng một nửa.<br>b. Người ta cũng đặt giả thiết rằng các hoạt động tiêm chủng chiếm 10% nguồn lực của các cơ sở y tế đối với cả 2 phương pháp trên. Điều gì sẽ xảy ra nếu tỷ lệ này trong thực tế là 20 %.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| 3                            | Bài 3. Đánh giá kinh tế y tế<br>Bài tập tình huống:<br>1. Trong một quần thể 10.000 trẻ có 5.000 trẻ được tiêm chủng dự phòng viêm gan. Trong số trẻ không được tiêm chủng có 40% bị Viêm gan B, trong số này có 4% phát triển thành ung thư gan, trong số 4% đó có 90% bị chết ở tuổi 47. Tính YLLs với tuổi thọ dự tính là 70.<br>2. Một phòng khám có chi phí 50.000 \$. Nếu phòng khám đó có thời gian sử dụng là 30 năm thì chi phí hàng năm của phòng khám đó là bao nhiêu, nếu tỷ lệ triết khấu là 8%, 15%.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 12                | - Tài liệu HT [1],<br>- Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [7], [8], [9], [10] |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| 4                            | Bài 4. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế<br>Bài tập tình huống:<br>Bạn được nhận một khoản ngân sách là 1 tỷ đồng cho công tác CSSK của huyện mình trong một năm tài chính.<br><table><tr><th>Tên chương trình</th><th>Dự kiến chi phí (triệu đồng)</th></tr><tr><td>PC mù loà</td><td>100</td></tr><tr><td>PC bướu cổ</td><td>100</td></tr><tr><td>PC HIV/AIDS và STDs</td><td>400</td></tr><tr><td>PC bệnh học đường</td><td>50</td></tr><tr><td>PC bệnh phong</td><td>50</td></tr><tr><td>CSSK bà mẹ trước đẻ</td><td>100</td></tr><tr><td>Xây dựng 1 PKĐK</td><td>300</td></tr><tr><td>Xây dựng 1 bệnh viện đa khoa</td><td>600</td></tr><tr><td>PC sốt rét</td><td>150</td></tr><tr><td>PC bệnh lao</td><td>200</td></tr><tr><td>Tổng</td><td>2050</td></tr></table><br>1. Bạn hãy lập ngân sách năm.... của mình? Ở địa phương bạn còn có các chương trình gì khác và chi phí ước tính cho các chương trình đó là bao nhiêu? Ngân sách y tế của huyện bạn có đủ để đảm bảo cho nhu cầu CSSK của nhân dân hay không? Bạn làm gì khi ngân sách bị thiếu?<br>2. Giải thích tại sao bạn lại chọn kế hoạch đó.<br>3. Để có được một kế hoạch tốt bạn cần những thông tin gì khác? | Tên chương trình  | Dự kiến chi phí (triệu đồng)                                                       | PC mù loà | 100 | PC bướu cổ | 100 | PC HIV/AIDS và STDs | 400 | PC bệnh học đường | 50 | PC bệnh phong | 50 | CSSK bà mẹ trước đẻ | 100 | Xây dựng 1 PKĐK | 300 | Xây dựng 1 bệnh viện đa khoa | 600 | PC sốt rét | 150 | PC bệnh lao | 200 | Tổng | 2050 | 6 | - Tài liệu HT [1],<br>- Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [7], [8], [9] |
| Tên chương trình             | Dự kiến chi phí (triệu đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| PC mù loà                    | 100                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| PC bướu cổ                   | 100                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| PC HIV/AIDS và STDs          | 400                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| PC bệnh học đường            | 50                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| PC bệnh phong                | 50                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| CSSK bà mẹ trước đẻ          | 100                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| Xây dựng 1 PKĐK              | 300                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| Xây dựng 1 bệnh viện đa khoa | 600                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| PC sốt rét                   | 150                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| PC bệnh lao                  | 200                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |
| Tổng                         | 2050                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                                                                                    |           |     |            |     |                     |     |                   |    |               |    |                     |     |                 |     |                              |     |            |     |             |     |      |      |   |                                                                              |

## IX. Quy định với sinh viên

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

## **2. Quy định điều kiện dự thi:**

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Nguyễn Đức Thanh      |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Nguyễn Đức Thanh      |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Nguyễn Đức Thanh      |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**PGS.TS Nguyễn Đức Thanh**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### Y xã hội học và Nhân học y học

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Y xã hội học và Nhân học Y học**

Tên tiếng Anh: **Social Medical and Anthropology**

Mã học phần 3130SOCMED0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

### I. Hành chính

#### 1. Thông tin chung

|                             |                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                   | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:            | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                  | Sinh viên y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):   | 2                                                                                                                                                                          |
| Số tiết Lý thuyết           | 16                                                                                                                                                                         |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng | 16                                                                                                                                                                         |
| Số giờ tự học:              | 68                                                                                                                                                                         |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): | Giữa học phần: 0<br>Kết thúc học phần: 01                                                                                                                                  |
| Học phần học trước:         | Tâm lý Y học – Y đức, Tổ chức quản lý Y tế                                                                                                                                 |
| Học phần tiên quyết:        |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:         |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:      | Bộ môn Xã hội học sức khỏe                                                                                                                                                 |

#### 2. Mô tả chung về học phần

Y xã hội học và Nhân học Y học là một trong những vấn đề được quan tâm hiện nay trên thế giới và Việt Nam. Môn học giúp cho học viên xác định được các vấn đề sức khỏe của địa phương. Vận dụng được các khái niệm về sức khỏe cộng đồng trong CSSK nhân dân. Triển khai được các hoạt động lồng ghép trong CSSK cộng đồng. Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, quy tắc chuẩn mực xã hội giúp cho mỗi người chúng ta chủ động, tự giác điều chỉnh hành vi, cách ứng xử cho phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng. Vận dụng kiến thức tâm lý – đạo đức y học sẽ góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên               | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                      | Ghi chú   |
|----|----------------------|--------------------|---------------|----------------------------|-----------|
| 1  | Trần Thị Thu Hà      | ThS - BSKHII       | 0989535028    | hatlyd@gmail.com           | Phụ trách |
| 2  | Nguyễn Văn Thịnh     | ThS                | 0989187178    | thinhnv6374@gmail.com      | Tham gia  |
| 3  | Bùi Thị Huyền Diệu   | TS                 | 0889581410    | huyendieu1410@gmail.com    | Tham gia  |
| 4  | TS. Vũ Trung Kiên    | TS                 | 0913019533    | Vutruangkien-ori@yahoo.com | Tham gia  |
| 5  | Đặng Thị Bích Hằng   | ThS                | 0977267116    | dangbichhang@gmail.com     | Tham gia  |
| 6  | Phạm Thị Hương Ly    | ThS                | 098110678     | phamly2504@gmail.com       | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Thị Hà Phương | Trợ giảng          | 0384507552    | hphuong.950522@gmail.com   | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | <b>Kiến thức:</b><br>1. Phân tích được các hoạt động lồng ghép các ban ngành đoàn thể trong CSSKCD, huy động được sự tham gia của cộng đồng<br>2. Trình bày được phương hướng chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, quan điểm, chính sách CSSK<br>3. Xác định được các yếu tố về văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân ở các vùng nông thôn và thành thị. | <b>PEO 1, 4</b>     |
| 2  | <b>Kỹ năng:</b><br>1. Áp dụng kết quả nghiên cứu của nhân học và xã hội học y tế để xây dựng các chính sách can thiệp phù hợp với văn hóa – xã hội tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>PEO 4, 5</b>     |

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|    | 2. Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên cụ thể tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                                          |                     |
| 3  | <b>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b><br>1. Nâng cao vai trò trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế. Trung thực khách quan khiêm tốn, có tinh thần học tập vươn lên.<br>2. Có ý thức tự học, có phương pháp học tập. Tôn trọng chân thành, hợp tác với đồng nghiệp. | PEO 3, 4, 5         |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1  | Vận dụng các kiến thức và kỹ năng Y xã hội học và nhân học y học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành nghề Y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | S: PLO 1, 2, 9<br>H: 11, 12                    |
| 2  | Phân tích được các hoạt động lồng ghép các ban ngành đoàn thể trong CSSKCD, huy động được sự tham gia của cộng đồng Xác định được các yếu tố về văn hóa - Xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân ở các vùng nông thôn và thành thị                                                                                                                                                                                                                                                 | S: PLO 1, 2, 8,<br>H: PLO 10, 12, 14           |
| 3  | Người học có kiến thức, có kỹ năng và gắn với thái độ học tập tích cực thông qua bài giảng của thầy cô, kết hợp cùng phương pháp học tích cực là cơ sở để trau dồi và tích lũy tri thức. Trên cơ sở đó, học viên tự nhìn nhận và tự điều chỉnh bản thân trong suốt quá trình rèn giũa kỹ năng và phát triển chuyên môn. Quan trọng hơn, giúp họ nhìn nhận được vai trò và giá trị của các nhân viên y tế trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hướng tới sự hài lòng của người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp. | S: PLO 1, 2, 8, 9<br>H: PLO 10, 11, 12, 13, 14 |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                   | CDR HP  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | <b>Bài 1. Tổng quan về Y xã hội học và nhân học Y học</b><br>1. Sơ lược hình thành xã hội học Y tế<br>2. Một số lý thuyết khoa học xã hội sử dụng trong xã hội học Y tế<br>3. Một số nội dung trọng tâm trong nghiên cứu và ứng dụng của xã hội học Y tế<br>4. Nhân học<br>5. Nhân học y tế<br>6. Một số khái niệm cơ bản trong nhân học y tế                                                                                                                                                                                                                | 2       | 1. Trình bày được quan điểm, khái niệm cơ bản của xã hội học sức khỏe.<br>2. Trình bày được phương pháp nghiên cứu của xã hội học sức khỏe.<br>3. Áp dụng được lý thuyết về xã hội học sức khỏe để giải thích nguyên nhân của bệnh tật, đau ốm.                                                    | 1, 3    |
| 2  | <b>Bài 2. Xã hội hoá công tác y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu</b><br>1. Khái niệm “xã hội hoá” và “xã hội hoá công tác y tế”<br>2. Những cơ sở nền tảng của việc xã hội hoá công tác y tế<br>3. Nguyên tắc và quá trình tiến hành xã hội hoá công tác y tế<br>4. Lồng ghép và phối hợp các hoạt động liên ngành trong xã hội hoá công tác y tế<br>5. Những trở lực đối với việc xã hội hoá công tác y tế<br>6. Chăm sóc sức khỏe ban đầu<br>7. Lồng ghép các hoạt động CSSKBĐ<br>8. Một số biện pháp chủ yếu để thực hiện lồng ghép trong hoạt động CSSKBĐ | 2       | 1. Trình bày được khái niệm xã hội hóa, xã hội hóa công tác y tế.<br>2. Trình bày được những nguyên tắc và quá trình tiến hành xã hội hóa công tác y tế<br>3. Phân tích được một số chủ trương biện pháp thực hiện xã hội hóa công tác y tế và những trở lực đối với việc xã hội hóa công tác y tế | 1, 2, 3 |
| 3  | <b>Bài 3. Các phương pháp nghiên cứu nhân học</b><br>1. Các bước của quá trình nghiên cứu nhân học y tế:<br>2. Những nguyên tắc cơ bản của nghiên cứu định tính trong nhân học y tế<br>3. Các dạng thông tin cần thu thập trong nghiên cứu nhân học y tế<br>4. Các kỹ thuật thu thập thông tin định tính<br>4.1. Quan sát hoà nhập<br>4.2. Phỏng vấn và nói chuyện                                                                                                                                                                                           | 4       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1, 2, 3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                              | CDR HP  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | <p>4.3. Nghiên cứu trường hợp</p> <p>4.4. Kỹ thuật ghi chép thông tin</p> <p>5. Phân tích dữ liệu định tính và trình bày kết quả định tính</p> <p>5.1. Phân tích dữ liệu định tính</p> <p>5.2. Trình bày dữ liệu định tính</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 4  | <p>Bài 4. Chẩn đoán cộng đồng</p> <p><b>1. ĐẠI CƯƠNG CDCĐ</b></p> <p>1.1. Khái niệm CDCĐ</p> <p>1.2. Thời điểm cần CDCĐ</p> <p>1.3. Mục đích của CDCĐ</p> <p><b>2. VẤN ĐỀ CẦN ĐIỀU TRA TRONG CDCĐ</b></p> <p>2.1. 12 chỉ số về KT-XH</p> <p>2.2. 4 nhóm yếu tố nguy cơ cho sức khỏe</p> <p>2.3. Các chỉ số sức khỏe</p> <p>2.4. Hệ thống chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế</p> <p><b>3. PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN CỘNG ĐỒNG</b></p> <p>3.1. Điều tra cộng đồng</p> <p>3.2. Phương pháp dịch tễ học</p> <p><b>4. LẬP KẾ HOẠCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ SỨC KHOẺ ƯU TIÊN</b></p> | 4       | <p>1. Trình bày được khái niệm và mục đích của chẩn đoán cộng đồng</p> <p>2. Phân tích được 4 vấn đề cần điều tra trong chẩn đoán cộng đồng</p> <p>3. Trình bày 3 bước tiến hành chẩn đoán cộng đồng</p> <p>4. Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên cụ thể tại cộng đồng.</p> | 1, 2, 3 |
| 5  | <p><b>Bài 5. Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe</b></p> <p>1. Ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến sức khỏe</p> <p>2. Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến sức khỏe</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2       | <p>1. Trình bày được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với sức khỏe.</p> <p>2. Phân tích được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với một số bệnh cụ thể.</p>                                                                                                                   | 1, 2, 3 |
| 6  | <p><b>Bài 6. Hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế</b></p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Hệ thống chăm sóc sức khỏe theo quan điểm của nhân học y tế</p> <p>3. Các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2       | <p>1. Trình bày được mô hình khu vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng (theo quan điểm của Arthur Kleinman)</p> <p>2. Trình bày được các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân</p>                                                                                            | 1, 2, 3 |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP |
|----|---------|---------|------------------|--------|
|----|---------|---------|------------------|--------|

|          |                                                                                                                                      |          |                                                                                                          |       |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>1</b> | Bài 1: Các phương pháp nghiên cứu nhân học<br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá              | <b>4</b> | Thiết kế được khung nghiên cứu cho một vấn đề của nhân học y tế                                          | 1,2,3 |
| <b>2</b> | Bài 2: Chẩn đoán cộng đồng<br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá                              | <b>4</b> | Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và đưa ra được giải pháp                                           | 1,2,3 |
| <b>3</b> | Bài 3: Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe<br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá | <b>4</b> | Xác định được ảnh hưởng của yếu tố văn hóa – xã hội đối với một số bệnh cụ thể                           | 1,2,3 |
| <b>4</b> | Bài 4: Hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế<br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá                    | <b>4</b> | Phân tích được các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân tại một địa phương cụ thể | 1,2,3 |

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm.

2. **Thực hành:** Thảo luận nhóm.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết:** Máy chiếu Projector, case, phấn, bảng, câu hỏi lượng giá.

2. **Thực hành:** Chuyên đề, máy chiếu Projector.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|-----------------|--------------------|--------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------|
|-----------------|--------------------|--------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------|

|                                |     |                                                                                 |                            |                                                                                       |       |    |
|--------------------------------|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------|----|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1 | Hàng ngày                                                                       | Điểm danh                  | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.                            | 1,2,3 | 10 |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1 | 1 bài kiểm tra 45 phút gồm 3 câu hỏi ngắn bao gồm các nội dung kiến thức đã học | Thi viết câu hỏi ngắn      | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 3,5 điểm/2 câu, 3 điểm/1 câu. 3 câu là 10 điểm | 1,2,3 | 10 |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4 | Theo hình thức Làm bài tập tình huống                                           | Bài tập                    | Qua kết quả làm bài                                                                   | 1,2,3 | 10 |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4 | 1 bài kiểm tra 40 phút gồm 40 câu hỏi ngắn                                      | Thi trắc nghiệm khách quan | tổng 40 câu là 10 điểm                                                                | 1,2,3 | 10 |

**Công thức tính điểm: ĐHP = 0,1xĐCC+0,1xĐGHP+0,4xĐGHP+0,4 ĐGHP**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ                                                                       |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Không vắng          | Không trừ                                                                      |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/tiết (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do điều động của Nhà trường) |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết                                                                  |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần (nếu đi muộn >15 phút sẽ tính vắng không lí do)                   |

**Rubric 2: Viết (kiểm tra giữa học phần)**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                 | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu nhưng còn 1 số câu sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo**

**1. Tài liệu học tập**

Nguyễn Đức Hình (2012), *Đại cương nhân học và xã hội học y tế*, Nhà xuất bản Y học.

**2. Tài liệu tham khảo**

- Phùng Kim Bảng, Lê Quang Hoành (1997), Y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe ban đầu, Nhà xuất bản Y học.
- Phạm văn linh, Võ Văn Thắng (2008), *Nhân học y tế*, Nhà xuất bản Đại học Huế.
- Nguyễn Quang Uẩn (2005), Tâm lý Đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Nhận (2006), “Tâm lý học Y học”, Nhà xuất bản Y học.

## VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| Tuần | Nội dung giảng dạy                                           | Thời lượng (tiết) | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------|--------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | Bài 1. Tổng quan về Y xã hội học và nhân học Y học           | 8                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4]                                                                                                                                                                                                            |
| 2    | Bài 2. Xã hội hoá công tác y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu | 8                 | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4]                                                                                                                                                                                                            |
| 3    | Bài 3. Các phương pháp nghiên cứu nhân học                   | 16                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4]<br>Bài tập:<br>Thiết kế khung nghiên cứu cho một vấn đề của nhân học y tế                                                                                                                                  |
| 4    | Bài 4. Chẩn đoán cộng đồng                                   | 16                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4]<br>Bài tập: Lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên và đưa ra được giải pháp                                                                                                                                      |
| 5    | Bài 5. Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe      | 10                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4]                                                                                                                                                                                                            |
| 6    | Bài 6. Hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế                         | 10                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4]<br>Bài tập 1: Xác định ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với một số bệnh cụ thể<br>Bài tập 2: Phân tích các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân tại một địa phương cụ thể. |

## IX. Quy định với sinh viên:

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

### 2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt  $\geq 4$  điểm.

### X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| TT | Cập nhật đề cương chi tiết lần | Thời gian | Người cập nhật  |
|----|--------------------------------|-----------|-----------------|
| 1  | Lần 1                          | 5/2019    | Trần Thị Thu Hà |
| 2  | Lần 2                          | 5/2021    | Trần Thị Thu Hà |
| 3  | Lần 3                          | 5/2023    | Trần Thị Thu Hà |
| 4  | Dự kiến lần 4                  | 5/ 2025   |                 |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Trần Thị Thu Hà**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH  
BỘ MÔN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Sức khỏe lứa tuổi**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Sức khỏe lứa tuổi**

Tên tiếng Anh: **Age-specific Health**

Mã học phần: 3130AGEHLT0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

## **I. Hành chính**

### **1. Thông tin chung**

|                              |                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                    | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:             | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                   | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):    | 2                                                                                                                                                                          |
| Số tiết Lý thuyết:           | 16                                                                                                                                                                         |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: | 32                                                                                                                                                                         |
| Số giờ tự học:               | 52                                                                                                                                                                         |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):  | 3                                                                                                                                                                          |
| Giữa học phần:               | 1                                                                                                                                                                          |
| Thực hành                    | 1                                                                                                                                                                          |
| Kết thúc học phần:           | 1                                                                                                                                                                          |
| Học phần học trước:          | Sức khỏe môi trường, dịch tễ học đại cương, SKNN 1                                                                                                                         |
| Học phần tiên quyết:         |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:          | Dịch tễ học                                                                                                                                                                |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:       | Sức khỏe môi trường                                                                                                                                                        |

### **2. Mô tả học phần**

Học phần Sức khỏe lứa tuổi nghiên cứu về thời kỳ phát triển tâm sinh lý và thể chất giúp sinh viên hiểu được mỗi giai đoạn lứa tuổi, tìm hiểu đặc trưng của từng độ tuổi khác nhau. Từ đó xây dựng được các phương pháp tối ưu nhất để chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho từng lứa tuổi.

### **3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy**

| TT | Họ tên                  | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Đặng Thị Vân Quý        | Thạc sỹ            | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 4  | Lê Thị Kiều Hạnh        | Thạc sỹ            | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 5  | Vũ Đức Anh              | Thạc sỹ            | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 6  | Đặng Thị Thu Nga        | Thạc sỹ            | 0942909348    | ngadang21388@gmai.com          | Tham gia  |
| 7  | Đặng Thị Ngọc Anh       | Thạc sỹ            | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 9  | Nguyễn Thị Cúc Phương   | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

#### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được đặc điểm sức khỏe của từng lứa tuổi và mối quan hệ với môi trường | PEO: 1,2            |
| 2  | Xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe con người           | PEO: 2,3            |
| 3  | Tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho từng lứa tuổi                 | PEO: 2,3,5          |

#### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                        | Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1  | CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm sức khỏe của từng lứa tuổi                                                                        | S: PLO: 2<br>H: PLO: 1,4,5,6,7,8,    |
| 2  | CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe từng lứa tuổi | S:<br>H: PLO: 4,5,6,8,13,14          |

|          |                                                                          |                                       |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>3</b> | CLO 3. Tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe theo từng lứa tuổi | S: PLO: 10<br>H: PLO: 3,4,5,7,8,13,14 |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT       | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số tiết  | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                 | CDR HP   |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>1</b> | <b>Bài 1: Đại cương sức khỏe người cao tuổi</b><br>1.Những khái niệm về người cao tuổi<br>2.Tình hình người cao tuổi trên thế giới và Việt Nam<br>3.Đặc điểm sức khỏe người cao tuổi<br>4.Thực trạng cung ứng dịch vụ y tế cho người cao tuổi trên thế giới và Việt Nam                                                                                                                   | <b>4</b> | 1. Trình bày được đặc điểm sức khỏe của người cao tuổi<br>2. Trình bày được mô hình bệnh tật của người cao tuổi và thực trạng cung ứng dịch vụ y tế cho người cao tuổi                                           | CLO: 1,2 |
| <b>2</b> | <b>Bài 2: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi</b><br>1.Mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi<br>2.Các chế độ chính sách dành cho người cao tuổi<br>3.Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo vấn đề sức khỏe cụ thể<br>4.Xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá                                                                                                            | <b>4</b> | 1. Trình bày được các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi<br>2. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo vấn đề sức khỏe cụ thể                                                               | CLO: 2,3 |
| <b>3</b> | <b>Bài 3 : Vệ sinh trường học</b><br>1. Đại cương về sức khỏe trường học<br>2. Tiêu chí xây dựng trường học<br>3. Các yêu cầu chung của vệ sinh trường học<br>4. Yêu cầu về xây dựng trường học<br>5. Các công trình vệ sinh trong trường học<br>6. Trang thiết bị trong trường học<br>7. Sức khỏe của học sinh và các yếu tố liên quan<br>8. Các yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh trường học | <b>2</b> | 1. Trình bày được các cầu chung của vệ sinh trường học<br>2. Trình bày được các yêu cầu trang thiết bị trong trường học<br>3. Xác định được các yếu tố nguy cơ trong trường học và đưa ra các biện pháp dự phòng | CLO: 1,2 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                   | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                    | CDR HP     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    | <b>Bài 4. Mô hình bệnh tật trong trường học một số giải pháp dự phòng</b><br>1. Một số bệnh phổ biến của học sinh<br>2. Các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe trường học<br>3. Các giải pháp dự phòng và nâng cao sức khỏe trường học | 2       | 1. Trình bày được các bệnh phổ biến và yếu tố nguy cơ<br>2. Xây dựng được các biện pháp dự phòng nâng cao sức khỏe trong trường học | CLO: 2,3   |
|    | <b>Bài 5: Các chương trình y tế trường học</b><br>1. Tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình y tế trường học<br>2. Nhiệm vụ của y tế trường học<br>3. Các chương trình y tế trường học                                         | 2       | 1. trình bày được tầm quan trọng và nhiệm vụ của y tế trường học<br>2. Lập được kế hoạch xây dựng các chương trình y tế trường học  | CLO: 2,3   |
| 4  | <b>Bài 6: Vệ sinh lao động nữ</b><br>1. Đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ<br>2. Các yếu tố tác hại nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe phụ nữ<br>3. Các biện pháp chăm sóc sức khỏe phụ nữ                                                   | 2       | 1. Trình bày được các tác hại nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe phụ nữ<br>2. Trình bày được các biện pháp chăm sóc sức khỏe phụ nữ | CLO: 1,2,3 |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                         | CDR        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1  | <b>Bài 1:</b> Các kỹ thuật điều tra các điều kiện vệ sinh trường học<br>- Kỹ thuật đo diện tích trường học<br>- Kỹ thuật đo diện tích trường học<br>- Kỹ thuật đo ánh sáng trong lớp học<br>- Kỹ thuật đo tốc độ gió trong lớp học<br>- Kỹ thuật đo kích thước bàn ghế | 4       | 1. Thực hành đo được các chỉ số vệ sinh trong trường học<br>2. Đánh giá được vệ sinh trường học<br>3. Đưa ra được các biện pháp dự phòng | CLO: 1,2,3 |
| 2  | <b>Bài 2:</b> Đo lường các chỉ số vệ sinh trường học tại cơ sở thực địa<br>- Đo tại trường mầm non<br>- Đo tại trường tiểu học và trung học cơ sở                                                                                                                      | 4       | Thực hành đo được các chỉ số vệ sinh trong trường học<br>2. Đánh giá được vệ sinh trường học<br>3. Đưa ra được các biện pháp dự phòng    | CLO: 1,2,3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                   | CĐR        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 3  | <b>Bài 3:</b> Thiết kế điều tra vệ sinh trường học, lớp học<br>- Xác định các yếu tố nguy cơ từ trường học, lớp học không đủ tiêu chuẩn<br>- Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh trường học và các yếu tố liên quan đến trường học | 4       | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh | CLO: 1,2,3 |
| 4  | <b>Bài 4:</b> Thiết kế điều tra mô hình bệnh tật trong trường học<br>- Xác định các yếu tố nguy cơ gây bệnh trường học<br>- Xây dựng câu hỏi đánh giá thực trạng mô hình bệnh tật của học sinh trong trường học                  |         | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh | CLO: 1,2,3 |

### III. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.
- Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

#### 1. Lý thuyết

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn .

#### 2. Thực hành

- Giáo trình, dụng cụ.
- Sơ đồ mẫu.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần     | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá                                          | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|---------------------|--------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần | 0,1                | -            | Điểm danh          | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn, |                   | 10          |

|                                |     |   |                       |                                                                     |            |    |
|--------------------------------|-----|---|-----------------------|---------------------------------------------------------------------|------------|----|
| (ĐCC)                          |     |   |                       |                                                                     |            |    |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1 | 1 | Thi viết câu hỏi ngắn | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                                   | CLO: 1,2   | 10 |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4 | 1 | Bộ câu hỏi            | Đánh giá được vệ sinh trường học và xây dựng được thiết kế điều tra | CLO: 1,2,3 | 10 |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4 | 1 | Báo cáo chuyên đề     | Hoàn thành báo cáo theo quy định<br>Báo cáo và trả lời câu hỏi      | CLO: 1,2,3 | 10 |

**Công thức tính điểm: Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ            |
|---------------------|---------------------|
| Không vắng          | 0                   |
| Nghỉ học có phép    | 0,5 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết học   |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần        |

**Rubric 2: Vấn đáp (báo cáo chuyên đề)**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                      |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)                                         | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe lứa tuổi*, Nhà xuất bản y học

### 2. Tài liệu tham khảo

- Ngô Thị Nhu, Vũ Phong Túc (2015), Giáo trình sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
- Đào Ngọc Phong, Lê Quang Hoàn (1998), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học.

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT | Tên bài                                                                                             | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Bài 1: Đại cương sức khỏe người cao tuổi</b><br>Thảo luận các thuật ngữ về người cao tuổi        | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|     | Thảo luận tình hình người cao tuổi trên thế giới và Việt Nam                                        | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận đặc điểm sức khỏe người cao tuổi                                                          | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận thực trạng cung ứng dịch vụ y tế cho người cao tuổi trên thế giới và Việt Nam             | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
| 2   | <b>Bài 2: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi</b><br>Thảo luận ô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận các chế độ chính sách dành cho người cao tuổi                                             | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo vấn đề sức khỏe cụ thể             | 1       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá                                                    | 1       |                                                                                                                                                                                                   |
| 3   | <b>Bài 3 : Vệ sinh trường học</b><br>Thảo luận Tiêu chí xây dựng trường học                         | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận Các yêu cầu chung của vệ sinh trường học                                                  | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận Các công trình vệ sinh trong trường học                                                   | 2       |                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Tên bài                                                                                                                  | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------|
|     | Thảo luận Trang thiết bị trong trường học                                                                                | 2       |                        |
|     | Thảo luận Sức khỏe của học sinh và các yếu tố liên quan                                                                  | 2       |                        |
|     | Thảo luận các yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh trường học                                                                    | 2       |                        |
| 4   | <b>Bài 4. Mô hình bệnh tật trong trường học một số giải pháp dự phòng</b><br>Thảo luận Một số bệnh phổ biến của học sinh | 1       |                        |
|     | Thảo luận các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe trường học                                                           | 1       |                        |
|     | Thảo luận các giải pháp dự phòng và nâng cao sức khỏe trường học                                                         | 1       |                        |
| 5   | <b>Bài 5: Các chương trình y tế trường học</b><br>Thảo luận nhiệm vụ của y tế trường học                                 | 1       |                        |
|     | Thảo luận các chương trình y tế trường học                                                                               | 1       |                        |
| 6   | <b>Bài 6: Vệ sinh lao động nữ</b><br>Thảo luận đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ                                           | 1       |                        |
|     | Thảo luận các yếu tố tác hại nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe phụ nữ                                                   | 1       |                        |
|     | Thảo luận các biện pháp chăm sóc sức khỏe phụ nữ                                                                         | 1       |                        |

## IX. Quy định với sinh viên:

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

## **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**PGS.TS Vũ Phong Túc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Sức khỏe môi trường 2**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Sức khỏe môi trường 2**

Tên tiếng Anh: **Environment Health 2**

Mã học phần: 3130ENVHLT2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>4 (3LT, 1TH)</b><br><b>44</b><br><b>32</b><br><b>124</b>                                                                                                                |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | <b>1/1</b><br><b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                                         |
| Học phần học trước:                                                                               | Sinh lý bệnh, miễn dịch; Sinh hóa; Vi sinh; Ký sinh trùng.                                                                                                                 |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               | Dịch tễ                                                                                                                                                                    |

|                        |                     |
|------------------------|---------------------|
| Bộ môn/Khoa giảng dạy: | Sức khỏe môi trường |
|------------------------|---------------------|

## 2. Mô tả học phần

Học phần Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường là môn học gồm học phần SKMT1 và SKMT2. Học phần SKMT 2 nghiên cứu về môi trường, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Học phần KHMT và SKMT sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường, vệ sinh cơ sở điều trị và các biện pháp dự phòng, khắc phục.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên                  | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Đặng Thị Vân Quý        | Thạc sỹ            | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 4  | Lê Thị Kiều Hạnh        | Thạc sỹ            | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 5  | Vũ Đức Anh              | Thạc sỹ            | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 6  | Đặng Thị Thu Nga        | Thạc sỹ            | 0942909348    | ngadang21388@gmai.com          | Tham gia  |
| 7  | Đặng Thị Ngọc Anh       | Thạc sỹ            | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 9  | Nguyễn Thị Cúc Phương   | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

## 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                           | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|---------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được ảnh hưởng của môi trường quy | PEO: 1,2            |

|   |                                                                                                   |           |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|   | hoạch đến sức khỏe con người                                                                      |           |
| 2 | Có khả năng làm việc nhóm phân tích các yếu tố nguy cơ môi trường tác động đến sức khỏe con người | PEO: 4,5  |
| 3 | Xây dựng được các biện pháp dự phòng giảm thiểu ô nhiễm môi trường và chăm sóc sức khỏe con người | PEO:2,3,5 |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                                        | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của môi trường quy hoạch đến sức khỏe con người và tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên                                          | S:<br>H/PLO: 1,4,5                      |
| 2  | CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích được các yếu tố nguy cơ và đề xuất được các biện pháp can thiệp cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý được các nguy cơ | S:<br>H/PLO: 2,4,5,7,8                  |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                  | CĐR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1: Vệ sinh khu dân cư đô thị,</b><br>1. Các yếu tố thiên nhiên với ý nghĩa vệ sinh trong việc thiết kế và xây dựng khu dân cư<br>2. Chọn địa điểm của vùng dân cư và phân vùng ở thành phố<br>3. Vệ sinh nhà ở | 4       | 1. Trình bày được các yếu tố thiên nhiên ảnh hưởng đến vệ sinh nhà ở<br>2. Trình bày được những biện pháp dự phòng giảm thiểu yếu | CLO:1  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |                                                                                                                                                                                                                                                       |           |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|   | 4. Những biện pháp thực hiện yêu vệ sinh nhà ở                                                                                                                                                                                                                                                  |   | tổ nguy cơ nhà ở không hợp vệ sinh đến sức khỏe                                                                                                                                                                                                       |           |
| 2 | <b>Bài 2 : Vệ sinh nhà ở</b><br>1. Tổng quan và xu hướng phát triển nhà ở<br>2. Các yếu tố thiên nhiên ảnh hưởng đến vệ sinh nhà ở<br>3. Các yếu tố nguy cơ và mức độ nguy hại của nhà ở không hợp vệ sinh đến sức khỏe<br>4. Các biện pháp dự phòng giảm thiểu yếu tố nguy cơ trong nhà ở      | 4 | 1. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh nhà ở<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ và mức độ nguy hại của nhà ở không hợp vệ sinh<br>3. Xây dựng được các biện pháp dự phòng nguy cơ trong nhà ở                                        | CLO:<br>1 |
| 3 | <b>Bài 3. Vệ sinh cơ sở điều trị - Rác thải y tế</b><br>1. Phân loại, ý nghĩa và vai trò của vệ sinh các cơ sở điều trị<br>2. Yêu cầu vệ sinh bệnh viện<br>3. Yêu cầu vệ sinh khoa lâm<br>4. Phân loại, thu gom, vận chuyển và lưu giữ rác thải y tế<br>5. Một số biện pháp xử lý rác thải y tế | 4 | 1. Trình bày được tầm quan trọng của bệnh viện<br>2. Xác định được vệ sinh các cơ sở điều trị ảnh hưởng đến kết quả điều trị<br>3. Trình bày các biện pháp phòng chống nhiễm trùng và phòng chống lây chéo<br>4. Một số biện pháp xử lý rác thải y tế | CLO:<br>1 |
| 4 | <b>Bài 4: Xử lý chất thải</b><br>1. Tầm quan trọng của xử lý chất thải<br>2. Phân loại các chất thải bỏ<br>3. Kỹ thuật xử lý chất thải<br>3.1. Xử lý phân                                                                                                                                       | 4 | 1. Trình bày được tầm quan trọng của xử lý các chất thải<br>2. Trình bày được các phương pháp xử lý                                                                                                                                                   | CLO:<br>2 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                    |   |                                                                                                                                                                                                                   |           |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|   | 3.2. Xử lý rác<br>3.3. Xử lý chất thải lỏng                                                                                                                                                                                                        |   | chất thải góp phần<br>phòng bệnh cho con<br>người                                                                                                                                                                 |           |
| 5 | <b>Bài 5: Biến đổi khí hậu và chương trình mục tiêu Quốc gia biến đổi khí hậu</b><br>1. Tác động của BĐKH đến toàn cầu<br>2. Tác động của BĐKH đến Việt Nam<br>3. Ứng phó với BĐKH<br>4. Chương trình mục tiêu Quốc gia BĐKH                       | 4 | 1. Trình bày được tác động củ biến đổi klhis hậu đến toàn cầu và Việt Nam<br>2. Trình bày được các bước ứng phó với biến đổi khí hậu<br>4. Hiểu và tư vấn được chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu | CLO:<br>2 |
| 6 | <b>Bài 6: Đại cương thảm họa và thiên tai</b><br>1. Định nghĩa và phân loại<br>2. Tác hại của thảm họa và thiên tai<br>2.1. Trên thế giới<br>2.2. Tại Việt Nam                                                                                     | 4 | 1. Trình bày được các loại thảm họa thiên tai<br>2. Trình bày được ảnh hưởng của thảm họa thiên tai                                                                                                               | CLO:<br>2 |
| 7 | <b>Bài 7: Chuẩn bị đối phó trước thảm họa</b><br>1. Hiệp định về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp<br>2. Các nguyên tắc xây dựng chiến lược<br>3. Xây dựng hệ thống quản lý thảm họa tại địa phương<br>4. Công tác cứu trợ và khắc phục hậu quả | 4 | 1. Trình bày được các nguyên tắc xây dựng chiến lược ứng phó và xây dựng được hệ thống quản lý thiên tai thảm họa<br>2. Lập được kế hoạch cứu trợ và khắc phục hậu quả củ thảm họa thiên tai                      | CLO:<br>2 |
| 8 | <b>Bài 8: Quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường trong thảm họa</b>                                                                                                                                                                                   | 4 | 1. Trình bày được các biện pháp quản lý                                                                                                                                                                           | CLO:<br>2 |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                |          |                                                                                                                                                                                      |           |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|           | <p>1.Các biện pháp quản lý nước ăn uống, vệ sinh môi trường trong thảm họa</p> <p>2.Các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong thảm họa</p>                                                                                        |          | <p>nước ăn uống, vệ sinh môi trường trong thảm họa</p> <p>2. Trình bày được nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong thảm họa</p>                                          |           |
| <b>9</b>  | <p><b>Bài 9: Các biện pháp xử lý vấn đề sức khỏe sau thảm họa</b></p> <p>1. Xử lý nước sau thảm họa</p> <p>2. Đảm bảo vệ sinh môi trường sau thảm họa</p> <p>3. Các nguyên tắc và biện pháp kiểm soát các vecto truyền bệnh sau thảm họa</p>   | <b>5</b> | <p>1. Trình bày các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và nước sạch sau thảm họa</p> <p>2. Trình bày được nguyên tắc và biện pháp kiểm soát các vecto truyền bệnh sau thảm họa</p> | CLO:<br>2 |
| <b>10</b> | <p><b>Bài 10. Đại cương về tai nạn thương tích</b></p> <p>1. Khái niệm và phân loại tai nạn thương tích</p> <p>2. Tình hình tai nạn thương tích trên thế giới và Việt Nam</p> <p>3. Chiến lược phòng chống tai nạn thương tích</p>             | <b>4</b> | <p>1. Trình bày được khái niệm và phân loại tai nạn thương tích</p> <p>2. Trình bày được các biện pháp dự phòng tai nạn thương tích</p>                                              | CLO:<br>2 |
| <b>11</b> | <p><b>Bài 11. Tai nạn thương tích trong cộng đồng</b></p> <p>1. Khái niệm và phân loại</p> <p>2. Xu hướng tai nạn thương tích trong cộng đồng</p> <p>3. Một số tai nạn thương tích trong cộng đồng</p> <p>4. Biện pháp phòng chống tai nạn</p> | <b>4</b> | <p>1. Mô tả được các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích trong cộng đồng</p> <p>2. Lựa chọn một số biện pháp phòng chống tai nạn thương tích trong cộng đồng</p>                  | CLO:<br>2 |

|  |                                                                                            |  |         |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|--|
|  | thương tích trong cộng đồng<br>5. Mô hình an toàn phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em |  | phù hợp |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------|--|

## 2. Thực hành

| STT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                   | CĐR         |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1   | <b>Bài 1:</b> Thiết kế điều tra vệ sinh nhà ở<br>- Xác định các yếu tố nguy cơ từ môi trường nhà ở<br>- Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh nhà ở và các yếu tố liên quan đến nhà ở                                       | 4       | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh | CLO:<br>1,2 |
| 2   | <b>Bài 2:</b> Thiết kế điều tra vệ sinh nguồn nước tại hộ gia đình<br>- Xác định được yếu tố nguy cơ từ nguồn nước<br>- Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh nguồn nước hộ gia đình và các yếu tố liên quan đến nguồn nước | 4       | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh | CLO:<br>1,2 |
| 3   | <b>Bài 3:</b> Thiết kế điều tra vệ sinh nhà tiêu tại hộ gia đình<br>- Xác định được yếu tố nguy cơ từ nhà tiêu<br>- Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình và các yếu tố liên quan đến nhà tiêu         | 4       | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh | CLO:<br>1,2 |
| 4   | <b>Bài 4:</b> Thiết kế điều tra phân loại và xử lý rác thải hộ gia đình<br>- Xác định được yếu tố nguy cơ từ rác thải<br>- Xây dựng câu hỏi đánh giá phân loại                                                          | 4       | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Xây dựng được                    | CLO:<br>1,2 |

|  |                                                                    |  |                    |  |
|--|--------------------------------------------------------------------|--|--------------------|--|
|  | và xử lý rác thải hộ gia đình và các yếu tố liên quan đến nhà tiêu |  | câu hỏi hoàn chỉnh |  |
|--|--------------------------------------------------------------------|--|--------------------|--|

### III. Phương pháp dạy/học

**1. Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

**2. Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

#### 1. Lý thuyết

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

#### 2. Thực hành

- Giáo trình
- Sơ đồ mẫu

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần           | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá    | Tiêu chí đánh giá                                          | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|---------------------------|--------------------|--------------|-----------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC) | 0,1                | -            | Điểm danh             | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn, |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP) | 0,1                | 1            | Thi viết câu hỏi ngắn | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                          | CLO 1             | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)      | 0,2                | 1            | Bộ câu hỏi            | Xây dựng được thiết kế điều tra                            | CLO: 1,2          | 10          |
| Điểm kết thúc học phần    | 0,6                | 1            | Báo cáo chuyên đề     | Hoàn thành báo cáo theo quy định                           | CLO: 1,2          | 10          |

|         |  |  |  |                                  |  |  |
|---------|--|--|--|----------------------------------|--|--|
| (ĐKTHP) |  |  |  | Báo cáo và<br>trả lời câu<br>hỏi |  |  |
|---------|--|--|--|----------------------------------|--|--|

**Công thức tính điểm: Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,2+ ĐKTHPx0,6**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ            |
|---------------------|---------------------|
| Không vắng          | 0                   |
| Nghỉ học có phép    | 0,5 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết học   |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần        |

**Rubric 2: Vấn đáp (báo cáo chuyên đề)**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                                  |                                    |                                                              |                                                                                 |                                                                         |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí<br>đánh giá      | Điểm<br>(0-3.9)                                                  | Điểm<br>(4.0-5.4)                  | Điểm<br>(5.4-6.9)                                            | Điểm<br>(7.0-8.4)                                                               | Điểm<br>(8.5-10)                                                        |
| Nội dung<br>câu hỏi       | Không giải<br>được hoặc<br>giải một số<br>câu hỏi<br>còn sai sót | Giải<br>chưa hết<br>các câu<br>hỏi | Giải đầy<br>đủ các câu<br>hỏi nhưng<br>còn một số<br>sai sót | Giải đầy đủ và<br>đúng tất cả các<br>câu hỏi nhưng<br>trình bày chưa<br>rõ ràng | Giải đầy đủ<br>và đúng tất cả<br>các câu hỏi và<br>trình bày rõ<br>ràng |

## **VI. Tài liệu học tập và tham khảo**

### **1. Tài liệu học tập**

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản giáo dục.
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

### **2. Tài liệu tham khảo**

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.

4.<https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

5.<https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT      | Tên bài                                                                                                                  | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                            |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Bài 1: Vệ sinh khu dân cư đô thị,</b><br>Thảo luận các yếu tố thiên nhiên với vệ sinh thiết kế và xây dựng khu dân cư | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|          | Thảo luận vai trò của nhà ở và các chỉ tiêu trong nhà ở                                                                  | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận chọn địa điểm của vùng dân cư và phân vùng ở thành phố                                                         | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận vệ sinh nhà ở                                                                                                  | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận những biện pháp thực hiện yêu vệ sinh nhà ở                                                                    | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
| <b>2</b> | <b>Bài 2 : Vệ sinh nhà ở</b><br>Thảo luận xu hướng phát triển nhà ở                                                      | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|          | Thảo luận các yếu tố thiên nhiên ảnh hưởng đến vệ sinh nhà ở                                                             | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận các yếu tố nguy cơ trong vệ sinh nhà ở                                                                         | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận mức độ nguy hại của nhà ở không hợp vệ sinh đến sức khỏe                                                       | 4       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận các biện pháp dự phòng giảm thiểu yếu tố nguy cơ trong nhà ở                                                   | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
| <b>3</b> | <b>Bài 3. Vệ sinh cơ sở điều trị - Rác thải y tế</b><br>Thảo luận vai trò của vệ sinh các cơ sở                          | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> </ul>                                                                         |

|          |                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                         |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | điều trị                                                                                                                    |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul>                                                                        |
|          | Thảo luận các yêu cầu vệ sinh bệnh viện                                                                                     | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận các yêu cầu vệ sinh khoa truyền nhiễm                                                                             | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận Phân loại, thu gom rác thải y tế                                                                                  | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận cách vận chuyển và lưu giữ rác thải y tế                                                                          | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận một số biện pháp xử lý rác thải y tế                                                                              | 2 |                                                                                                                                                                                         |
| <b>4</b> | <b>Bài 4: Xử lý chất thải</b><br>Thảo luận vai trò và yêu cầu xử lý chất thải                                               | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước<br/>+ Tài liệu HT [1],<br/>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|          | Thảo luận các cách phân loại các chất thải                                                                                  | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận các kỹ thuật xử lý chất thải                                                                                      | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận các loại nhà tiêu xử lý phân                                                                                      | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận các hình thức xử lý rác                                                                                           | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thảo luận các hình thức xử lý chất thải lỏng                                                                                | 2 |                                                                                                                                                                                         |
| <b>5</b> | <b>Bài 5: Biến đổi khí hậu và chương trình mục tiêu Quốc gia biến đổi khí hậu</b><br>Thảo luận nguyên nhân biến đổi khí hậu | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước<br/>+ Tài liệu HT [1],<br/>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|          | Tác động của BĐKH đến toàn cầu                                                                                              | 2 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Tác động của BĐKH đến Việt Nam và hậu quả của BĐKH                                                                          | 4 |                                                                                                                                                                                         |
|          | Ứng phó với BĐKH                                                                                                            | 2 |                                                                                                                                                                                         |

|   |                                                                                                                                 |   |                                                             |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------|
| 6 | <b>Bài 6: Đại cương thảm họa và thiên tai</b><br>Thảo luận thảm họa và thiên tai                                                | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2] |
|   | Thảo luận tác hại của thảm họa và thiên tai trên thế giới                                                                       | 2 | - Tìm các tài liệu liên quan                                |
|   | Thảo luận tác hại của thảm họa và thiên tai tại Việt Nam                                                                        | 4 | - Làm bài tập tình huống                                    |
| 7 | <b>Bài 7: Chuẩn bị đối phó trước thảm họa</b><br>Thảo luận về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp trên toàn cầu                | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2] |
|   | Thảo luận các nguyên tắc xây dựng chiến lược và xây dựng hệ thống quản lý thảm họa tại địa phương                               | 4 | - Tìm các tài liệu liên quan                                |
|   | Thảo luận công tác cứu trợ và khắc phục hậu quả                                                                                 | 4 | - Làm bài tập tình huống                                    |
| 8 | <b>Bài 8: Quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường trong thảm họa</b><br>Thảo luận các biện pháp quản lý nước ăn uống trong thảm họa | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2] |
|   | Thảo luận các biện pháp quản lý vệ sinh môi trường trong thảm họa                                                               | 2 | - Tìm các tài liệu liên quan                                |
|   | Thảo luận các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong thảm họa                                                       | 2 | - Làm bài tập tình huống                                    |
| 9 | <b>Bài 9: Các biện pháp xử lý vấn đề sức khỏe sau thảm họa</b><br>Thảo luận các biện pháp xử lý nước sau thảm họa               | 4 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2] |
|   | Thảo luận các nội dung đảm bảo vệ sinh môi trường sau thảm họa                                                                  | 2 | - Tìm các tài liệu liên quan                                |
|   |                                                                                                                                 |   | - Làm bài tập tình huống                                    |

|           |                                                                                                                            |   |                                                                                                                         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | Thảo luận nguyên tắc và biện pháp kiểm soát các vecto truyền bệnh sau thảm họa                                             | 2 | huống                                                                                                                   |
| <b>10</b> | <b>Bài 10. Đại cương về tai nạn thương tích</b><br>Thảo luận các loại tai nạn thương tích và phân loại tai nạn thương tích | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống |
|           | Thảo luận tình hình tai nạn thương tích trên thế giới                                                                      | 2 |                                                                                                                         |
|           | Thảo luận tình hình tai nạn thương tích tại Việt Nam                                                                       | 2 |                                                                                                                         |
|           | Thảo luận các biện pháp phòng chống tai nạn thương tích                                                                    | 2 |                                                                                                                         |
| <b>11</b> | <b>Bài 11. Tai nạn thương tích trong cộng đồng</b><br>Thảo luận các loại tai nạn thương tích trong cộng đồng               | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống |
|           | Thảo luận xu hướng tai nạn thương tích trong cộng đồng                                                                     | 2 |                                                                                                                         |
|           | Thảo luận nhận biết và phân loại nạn thương tích trong cộng đồng                                                           | 2 |                                                                                                                         |
|           | Thảo luận các biện pháp phòng chống tai nạn thương tích trong cộng đồng                                                    | 2 |                                                                                                                         |
|           | Thảo luận một số mô hình an toàn phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em                                                  | 2 |                                                                                                                         |

## **IX. Quy định với sinh viên:**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

#### **IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                             | 05/2019          | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                             | 05/ 2021         | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                             | 05/ 2023         | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến                           | 05/ 2025         |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**PGS.TS Vũ Phong Túc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Sức khỏe nghề nghiệp 2**

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Sức khỏe nghề nghiệp 2**

Tên tiếng anh: **Occupational health 2**

Mã số học phần: 3130OCCHLT2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>2 (1 LT, 1 TH)</b><br><b>16</b><br><b>32</b><br><b>52</b>                                                                                                               |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | <b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                                                       |
| Học phần học trước:                                                                               | Dịch tễ học đại cương, Sức khỏe môi trường 1, Sức khỏe nghề nghiệp 1                                                                                                       |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |

|                        |                                    |
|------------------------|------------------------------------|
| Học phần song hành:    | Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường 2 |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy: | Sức khỏe môi trường                |

## 2. Mô tả học phần

**Sức khỏe nghề nghiệp 2** là một trong nhiều môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên                  | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Nguyễn Quốc Tiến        | PGS. TS            | 0913564374    |                                | Tham gia  |
| 4  | Đặng Thị Vân Quý        | Thạc sỹ            | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 5  | Trương Công Đạt         | BSC.KII.<br>Ths    | 0989650075    |                                | Tham gia  |
| 6  | Lê Thị Kiều Hạnh        | Thạc sỹ            | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 7  | Vũ Đức Anh              | Thạc sỹ            | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 8  | Đặng Thị Thu Nga        | Thạc sỹ            | 0942909348    | ngadang21388@gmail.com         | Tham gia  |
| 9  | Đặng Thị Ngọc Anh       | Thạc sỹ            | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 11 | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 12 | Nguyễn Thị              | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

|  |            |  |  |  |     |
|--|------------|--|--|--|-----|
|  | Cúc Phương |  |  |  | gia |
|--|------------|--|--|--|-----|

#### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                         | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe                                                                         | PEO: 1,3,           |
| 2  | Xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người                                                           | PEO: 1,2            |
| 3  | Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe | PEO:2,3,4           |

#### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                 | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động                                                                                       | S:<br>H/PLO: 1,2,3                      |
| 2  | CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe | S/PLO: 10,<br>H/PLO: 1,4,5,7,8,13,      |
| 3  | CLO 3. Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp.                                                                                | S:<br>H/PLO: 4,7,8,11,13                |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                       | CĐR HP        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1  | <b>Bài 1: Đại cương về bụi và các bệnh bụi phổi</b><br>1.Đại cương<br>2.Đặc tính của bụi<br>3.Ảnh hưởng của bụi với cơ thể<br>4.Biện pháp phòng chống bụi<br>5.Các bệnh bụi phổi<br>6.Bệnh bụi phổi Silic<br>7.Bệnh bụi phổi bông<br>8.Bệnh bụi phổi Amiang                   | 4       | 1. Nêu định nghĩa và phân loại bụi trong môi trường sản xuất.<br>2. Trình bày được những tác hại của bụi trên cơ thể người lao động.<br>3. Phân tích được các biện pháp phòng chống ô nhiễm bụi.                       | CLO:<br>1,2,3 |
| 2  | <b>Bài 2. Hoá chất bảo vệ thực vật</b><br>1.Đại cương<br>2.Bệnh sinh nhiễm độc hoá chất bảo vệ thực vật<br>3.Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc HCBVTV<br>4.Ảnh hưởng của hoá chất trừ sâu Lân hữu cơ với cơ thể<br>5.Dự phòng nhiễm độc hoá chất bảo vệ thực vật | 2       | 1. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc HCBVTV.<br>2. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dự phòng nhiễm độc HCBVTV.<br>3. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng nhiễm độc HCBVTV. | CLO:<br>1,2,3 |
| 3  | <b>Bài 3 : Tiếng ồn và điếc nghề nghiệp</b><br>1.Đại cương<br>2.Khái niệm về tiếng ồn<br>3Ảnh hưởng của tiếng ồn tới cơ thể<br>4.Bệnh điếc nghề nghiệp<br>5.Các biện pháp phòng chống                                                                                         | 4       | 3. Trình bày được các tác hại của tiếng ồn trong môi trường lao động.<br>4. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của bệnh điếc nghề nghiệp.<br>5. Trình bày được phương pháp chẩn đoán, lâm sàng và          | CLO:<br>1,2,3 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |               |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   | cận lâm sàng của bệnh đặc<br>nghề nghiệp.<br>4. Đề xuất được các giải<br>pháp phòng chống tiếng ồn<br>trong sản xuất.                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |
| 4 | <b>Bài 4: Nhiễm độc CO trong lao<br/>động</b><br>1.Đại cương nhiễm độc CO trong<br>lao động<br>2.Bệnh sinh nhiễm độc CO trong<br>lao động<br>3.Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán,<br>xử trí nhiễm độc CO trong lao<br>động<br>4.Dự phòng nhiễm độc CO trong<br>lao động                                             | 4 | 1. Mô tả được bệnh sinh<br>nhiễm độc carbon monoxide<br>(CO) trong lao động.<br>2. Trình bày được biểu hiện<br>bệnh lý, chẩn đoán, xử trí<br>nhiễm độc CO trong lao<br>động.<br>3. Nhận thức được tầm quan<br>trọng của việc dự phòng<br>nhiễm độc CO trong môi<br>trường lao động.<br>4. Đề xuất và tư vấn được<br>các biện pháp dự phòng<br>nhiễm độc CO trong môi<br>trường lao động | CLO:<br>1,2,3 |
| 5 | <b>Bài 5: Nhiễm độc chì trong lao<br/>động</b><br>1.Nhiễm độc chì vô cơ<br>1.1.Đại cương nhiễm độc chì vô<br>cơ trong lao động<br>1.2.Bệnh sinh nhiễm độc chì trong<br>lao động<br>1.3.Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán,<br>xử trí nhiễm độc chì trong lao<br>động<br>1.4.Dự phòng nhiễm độc chì trong<br>lao động | 2 | 1. Mô tả được bệnh sinh<br>nhiễm độc Chì trong lao<br>động.<br>2. Trình bày được biểu hiện<br>bệnh lý, chẩn đoán, xử trí<br>nhiễm độc Chì trong lao<br>động.<br>3. Nhận thức được tầm quan<br>trọng của việc dự phòng<br>nhiễm độc Chì trong môi<br>trường lao động.<br>4. Đề xuất và tư vấn được                                                                                       | CLO:<br>1,2,3 |

|  |                                                                                                                                                                                                              |  |                                                                       |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------|--|
|  | <p>2.Nhiễm độc chì hữu cơ</p> <p>2.1.Đại cương nhiễm độc chì hữu cơ trong lao động</p> <p>2.2.Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc chì trong lao động</p> <p>2.3.Dự phòng nhiễm độc chì hữu cơ</p> |  | <p>các biện pháp dự phòng nhiễm độc Chì trong môi trường lao động</p> |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------|--|

## 2. Thực hành

| STT | Tên bài                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                | CĐR        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | <b>Bài 1:</b> Lập kế hoạch khảo sát môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất                                                                | 4       | <p>1. Xác định được các yếu tố nguy cơ trong mỗi cơ sở.</p> <p>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ.</p> <p>3. Lập được kế hoạch tiến hành khảo sát.</p>                        | CLO: 1,2,3 |
| 2   | <b>Bài 2:</b> Lập kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho người lao động                                                                           | 4       | <p>1.Trình bày được mục đích của việc khám sức khỏe.</p> <p>2.Lập kế hoạch các bước tổ chức khám sức khỏe cho người lao động.</p>                                               | CLO: 1,2,3 |
| 3   | <b>Bài 3: Nguyên tắc chung quản lý sức khỏe người lao động</b><br>1.Thu thập thông tin<br>2.Xây dựng kế hoạch quản lý sức khỏe người lao động | 4       | <p>1.Hiểu được vai trò của quản lý sức khỏe người lao động.</p> <p>2.Trình bày được nguyên tắc chung quản lý sức khỏe người lao động.</p>                                       | CLO: 1,2,3 |
| 4   | <b>Bài 4:</b> Thực địa khảo sát môi trường lao động                                                                                           | 4       | <p>1.Thu thập được các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động.</p> <p>2.Đo được điều kiện vi khí hậu tại môi trường lao động.</p> <p>3.Phân tích điều kiện môi trường lao</p> | CLO: 1,2,3 |

|  |  |  |                                  |  |
|--|--|--|----------------------------------|--|
|  |  |  | động và đưa ra một số giải pháp. |  |
|--|--|--|----------------------------------|--|

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. **Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết:**

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.

- Máy chiếu Projector, bảng, phấn.

2. **Thực hành:** Giáo trình, dụng cụ

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá       | Tiêu chí đánh giá                                              | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | -            | Điểm danh                | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,     |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Thi viết câu hỏi ngắn    | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                              | CLO: 1,2          | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4                | 1            | Tiến hành các xét nghiệm | Thực hiện được các xét nghiệm                                  | CLO: 1,2,3        | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4                | 1            | Báo cáo chuyên đề        | Hoàn thành báo cáo theo quy định<br>Báo cáo và trả lời câu hỏi | CLO: 1,2,3        | 10          |

**Công thức tính điểm:** Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ            |
|---------------------|---------------------|
| Không vắng          | 0                   |
| Nghỉ học có phép    | 0,5 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết học   |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần        |

## Rubric 2: Vấn đáp

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                      |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)                                         | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Thực tập sức khỏe môi trường*, Tài liệu phát tay

### 2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT      | Tên bài                                                                                                       | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                            |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Bài 1: Đại cương về bụi và các bệnh bụi phổi</b><br>Thảo luận về đặc điểm, đặc tính của bụi trong lao động | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|          | Thảo luận ảnh hưởng của bụi với cơ thể                                                                        | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận các biện pháp phòng chống bụi trong lao động                                                        | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận bệnh bụi phổi Silic                                                                                 | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận bệnh bụi phổi bông                                                                                  | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận bệnh bụi phổi Amiang                                                                                | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
| <b>2</b> | <b>Bài 2. Hoá chất bảo vệ thực vật</b><br>Thảo luận bệnh sinh nhiễm độc hoá chất bảo vệ thực vật              | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|          | Thảo luận các biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc HCBVTV                                           | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận các ảnh hưởng của hoá chất trừ sâu Lân hữu cơ với cơ thể                                            | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Thảo luận các biện pháp dự phòng nhiễm độc hoá chất bảo vệ thực vật                                           | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
| <b>3</b> | <b>Bài 3 : Tiếng ồn và điếc nghề nghiệp</b><br>Thảo luận ảnh hưởng của tiếng ồn tới cơ thể                    | 1       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|          | Bệnh điếc nghề nghiệp + thảo luận                                                                             | 1       |                                                                                                                                                                                                   |
|          | Các biện pháp phòng chống + thảo luận                                                                         | 1       |                                                                                                                                                                                                   |

|   |                                                                                                                               |   |                                                                                                                                                                                                   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | <b>Bài 4: Nhiễm độc CO trong lao động</b><br>Thảo luận bệnh sinh nhiễm độc CO trong lao động                                  | 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|   | Thảo luận các biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc CO trong lao động                                                | 1 |                                                                                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các biện pháp dự phòng nhiễm độc CO trong lao động                                                                  | 1 |                                                                                                                                                                                                   |
| 5 | <b>Bài 5: Nhiễm độc chì trong lao động</b><br>Thảo luận các biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc chì trong lao động | 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|   | Thảo luận các biện pháp dự phòng nhiễm độc chì trong lao động                                                                 | 2 |                                                                                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc chì trong lao động                                               | 2 |                                                                                                                                                                                                   |
|   | Thảo luận các biện pháp dự phòng nhiễm độc chì hữu cơ                                                                         | 2 |                                                                                                                                                                                                   |

## IX. Quy định với sinh viên

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### 2. Quy định điều kiện dự thi

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**PGS.TS Vũ Phong Túc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Sức khỏe nghề nghiệp 3**

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Sức khỏe nghề nghiệp 3**

Tên tiếng anh: **Occupational health 3**

Mã số học phần: 3130OCCHLT3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1. Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>2 (1LT, 1TH)</b><br><b>16</b><br><b>32</b><br><b>52</b>                                                                                                                 |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | <b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                                                       |
| Học phần học trước:                                                                               | Sức khỏe môi trường 1, dịch tễ học đại cương, Sức khỏe nghề nghiệp 1                                                                                                       |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |

|                        |                     |
|------------------------|---------------------|
| Học phần song hành:    | Dịch tễ học         |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy: | Sức khỏe môi trường |

## 2. Mô tả học phần

**Sức khỏe nghề nghiệp 3** là một trong nhiều môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên                  | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Nguyễn Quốc Tiến        | PGS. TS            | 0913564374    |                                | Tham gia  |
| 4  | Đặng Thị Vân Quý        | Thạc sỹ            | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 5  | Trương công Đạt         | BSCKII.<br>Ths     | 0989650075    |                                | Tham gia  |
| 6  | Lê Thị Kiều Hạnh        | Thạc sỹ            | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 7  | Vũ Đức Anh              | Thạc sỹ            | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 8  | Đặng Thị Thu Nga        | Thạc sỹ            | 0942909348    | ngadang21388@gmai.com          | Tham gia  |
| 9  | Đặng Thị Ngọc Anh       | Thạc sỹ            | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 11 | Nguyễn Thị              | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

|  |            |  |  |  |     |
|--|------------|--|--|--|-----|
|  | Cúc Phương |  |  |  | gia |
|--|------------|--|--|--|-----|

#### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                          | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe.                                                                         | PEO: 1,             |
| 2  | Xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người.                                                           | PEO: 2,3            |
| 3  | Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe. | PEO: 2,3            |

#### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                                                                                  | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động.                                                                                       | S:<br>H/PLO: 1,2                        |
| 2  | CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe. | S:<br>H/PLO: 7,8,13                     |
| 3  | CLO 3. Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp.                                                                                 | S:<br>H/PLO: 4,9,13                     |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP |
|----|---------|---------|------------------|--------|
|----|---------|---------|------------------|--------|

|   |                                                                                                                                                                                                                                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                      |            |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1 | <b>Bài 1: Một số độc chất trong môi trường lao động</b><br>1. Đại cương y học lao động<br>2. Các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp<br>3. Bệnh nghề nghiệp                                                                                                          | 4 | 4. Trình bày được nguồn gốc, nguyên nhân gây nhiễm độc trong sản xuất và những yếu tố có tính chất quyết định tác hại của độc chất<br>5. Trình bày đường xâm nhập và biểu hiện nhiễm độc mỗi chất<br>6. Trình bày được các cách phòng chống nhiễm độc trong lao động | CLO: 1     |
| 2 | <b>Bài 2: Bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá</b><br>1. Tính chất của bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá<br>2. Tiếp xúc nghề nghiệp với bức xạ điện từ và bức xạ ion hoá<br>3. Tác hại của bức xạ điện từ và bức xạ ion hoá<br>4. Các biện pháp phòng chống phóng xạ | 4 | 1. Trình bày được tính chất và những tác hại của bức xạ điện từ và bức xạ ion hoá<br>2. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh và đưa ra được các biện pháp phòng chống phóng xạ trong sản xuất                                                                    | CLO: 1,3   |
| 3 | <b>Bài 3 : Áp lực cao và các bệnh giảm áp</b><br>1. Đại cương<br>2. Một số tai biến cơ học<br>3. Bệnh giảm áp                                                                                                                                               | 4 | 1. Trình bày được các biểu hiện tai biến cấp tính trong điều kiện làm việc áp lực cao.<br>2. Trình bày được cơ chế bệnh sinh, tiêu chuẩn chẩn đoán và điều trị bệnh giảm áp.<br>3. Đề xuất được các biện pháp phòng chống bệnh do                                    | CLO: 1,2,3 |

|          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |               |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          | áp lực cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |
| <b>4</b> | <b>Bài 4: Stress nghề nghiệp và Ergonomics trong lao động</b><br>1. Khả năng hoạt động thần kinh tâm lý<br>2. Gánh nặng tâm thần trong lao động<br>3. Các phương pháp ước lượng và chẩn đoán mệt mỏi tâm thần trong lao động<br>4. Các biện pháp chính để giảm stress quá mức nơi làm việc<br>5. Đại cương Ergonomics<br>6. Ecgonomics thiết kế vị trí lao động | <b>4</b> | 1. Trình bày được các khái niệm về stress nghề nghiệp, Ergonomics<br>2. Phân tích được nguyên nhân, điều kiện và tác hại do stress nghề nghiệp<br>3. Trình bày được các giải pháp dự phòng stress nghề nghiệp<br>4. Xác định được Ergonomics tại nơi làm việc<br>5. Trình bày được các kỹ thuật đánh giá tư thế lao động và thiết kế vị trí lao động phù hợp với nhân trắc | CLO:<br>1,2,3 |

## 2. Thực hành

| STT      | Tên bài                                                                                                                                                               | Số tiết  | Mục tiêu học tập                                                                                                                      | CDR           |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| <b>1</b> | <b>Bài 1:</b> Phân tích các điều kiện vệ sinh tại các cơ sở sản xuất qua các bài báo<br>1. Thu thập thông tin<br>2. Chia nhóm thảo luận, phân tích các yếu tố nguy cơ | <b>8</b> | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Đề xuất các biện pháp cải thiện môi trường lao động | <b>CDR</b>    |
| <b>2</b> | <b>Bài 1:</b> Phân tích sức khỏe người lao động qua các bài báo<br>1. Thu thập thông tin<br>2. Chia nhóm thảo luận, phân tích các yếu tố nguy cơ                      | <b>8</b> | 1. Xác định được các yếu tố nguy cơ<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ<br>3. Đề xuất các biện pháp nâng cao sức khỏe người       | CLO:<br>1,2,3 |

|  |  |  |          |  |
|--|--|--|----------|--|
|  |  |  | lao động |  |
|--|--|--|----------|--|

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. **Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết:**

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. **Thực hành:** Giáo trình, dụng cụ

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá       | Tiêu chí đánh giá                                              | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | -            | Điểm danh                | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,     |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Thi viết câu hỏi ngắn    | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                              | CLO: 1,2          | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4                | 1            | Tiến hành các xét nghiệm | Thực hiện được các xét nghiệm                                  | CLO: 1,2,3        | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4                | 1            | Báo cáo chuyên đề        | Hoàn thành báo cáo theo quy định<br>Báo cáo và trả lời câu hỏi | CLO: 1,2,3        | 10          |

**Công thức tính điểm:**  $\text{Đ.HP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,4 + \text{ĐKTHP} \times 0,4$



**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ            |
|---------------------|---------------------|
| Không vắng          | 0                   |
| Nghỉ học có phép    | 0,5 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết học   |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần        |

**Rubric 2: Vấn đáp**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                      |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)                                         | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo****1. Tài liệu học tập**

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Thực tập sức khỏe môi trường*, Tài liệu phát tay

**2. Tài liệu tham khảo**

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT | Tên bài                                                                                                   | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Bài 1: Một số độc chất trong môi trường lao động</b><br>Thảo luận các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp       | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|     | Thảo luận các bệnh nghề nghiệp do độc chất gây ra                                                         | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
| 2   | <b>Bài 2: Bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá</b><br>Thảo luận về tính chất của bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình huống</li> </ul> |
|     | Thảo luận các ngành nghề tiếp xúc nghề nghiệp với bức xạ điện từ                                          | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận các ngành nghề tiếp xúc nghề nghiệp với bức xạ ion hoá                                          | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận các tác hại của bức xạ điện từ                                                                  | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận các tác hại của bức xạ ion hoá                                                                  | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận các biện pháp phòng chống phóng xạ                                                              | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
| 3   | <b>Bài 3 : Áp lực cao và các bệnh giảm áp</b><br>Thảo luận một số tai biến do cơ học                      | 2       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước</li> <li>+ Tài liệu HT [1],</li> <li>+ TLTK [1], [2]</li> <li>- Tìm các tài liệu liên quan</li> <li>- Làm bài tập tình</li> </ul>       |
|     | Thảo luận một số tai biến do nhiễm độc                                                                    | 2       |                                                                                                                                                                                                   |
|     | Thảo luận một số tai biến do giảm áp nhanh                                                                | 2       |                                                                                                                                                                                                   |

|          |                                                                                                                       |   |                                                                                                                         |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | Thảo luận về bệnh giảm áp                                                                                             | 2 | huống                                                                                                                   |
| <b>4</b> | <b>Bài 4: Stress nghề nghiệp và Ergonomics trong lao động</b><br><br>Thảo luận về khả năng hoạt động thần kinh tâm lý | 2 | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1], [2]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống |
|          | Thảo luận các gánh nặng tâm thần trong lao động                                                                       | 2 |                                                                                                                         |
|          | Thảo luận các phương pháp ước lượng và chẩn đoán mệt mỏi tâm thần trong lao động                                      | 2 |                                                                                                                         |
|          | Thảo luận các biện pháp chính để giảm stress quá mức nơi làm việc                                                     | 2 |                                                                                                                         |
|          | Thảo luận áp dụng Ecgonomics vào thiết kế vị trí lao động                                                             | 2 |                                                                                                                         |

## **IX. Quy định với sinh viên**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương chi tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|---------------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                                 | 5/2019           | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                                 | 5/2021           | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                                 | 5/2023           | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                         | 5/ 2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**PGS.TS Vũ Phong Túc**

**BỘ MÔN DỊCH TỄ HỌC****ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Dịch tễ học 2**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dịch tễ học 2**Tên tiếng Anh: **Epidemiology 2**

Mã học phần: 3130EPIDEM2T

Ngành: Y Học Dự Phòng

Mã ngành: 7720110

**I.Hành chính.****1.Thông tin chung:**

|                              |                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                    | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:             | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                   | Sinh viên Y Học Dự Phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):    | 04 (LT: 02, TH: 02)                                                                                                                                                        |
| Số tiết Lý thuyết:           | 32                                                                                                                                                                         |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: | 60                                                                                                                                                                         |
| Số giờ tự học:               | 108                                                                                                                                                                        |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):  |                                                                                                                                                                            |
| Giữa học phần:               | 01                                                                                                                                                                         |
| Thực hành                    | 01                                                                                                                                                                         |
| Kết thúc học phần:           | 01                                                                                                                                                                         |
| Học phần học trước:          | Dịch tễ học 1                                                                                                                                                              |
| Học phần tiên quyết:         |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:          |                                                                                                                                                                            |

|                        |                    |
|------------------------|--------------------|
| Bộ môn/Khoa giảng dạy: | Bộ môn Dịch tễ học |
|------------------------|--------------------|

## 2. Mô tả chung về học phần

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống các bệnh truyền nhiễm thường gặp đặc biệt là các bệnh mới nổi và tái nổi, các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về điều tra một vụ dịch, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên          | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                                                                  | Ghi chú   |
|----|-----------------|--------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | Trần Thị Khuyên | TS                 | 0915539417    | khuyendhytb@gmail.com                                                  | Phụ trách |
| 2  | Nguyễn Hữu Ngự  | ThS                | 0913260712    | <a href="mailto:huunguytb@gmail.com">huunguytb@gmail.com</a>           | GV        |
| 3  | Đặng Bích Thủy  | TS                 | 0985201899    | <a href="mailto:dangbichthuy71@gmail.com">dangbichthuy71@gmail.com</a> | GV        |
| 4  | Vũ T Kim Dung   | ThS                | 0912792567    | <a href="mailto:kimdung.ytb@gmail.com">kimdung.ytb@gmail.com</a>       | GV        |
| 5  | Lê Đức Cường    | TS                 | 0938042668    | <a href="mailto:cuongldvn@gmail.com">cuongldvn@gmail.com</a>           | GV        |
| 6  | Trần Thị Phương | PGS.TS             | 0969816605    | <a href="mailto:phuong170978@gmail.com">phuong170978@gmail.com</a>     | GV        |
| 7  | Lê Trần Hoàng   | CN                 | 0765891557    | Hoangmata3697@gmail.com                                                | Trợ giảng |
| 8  | Vũ Việt Trung   | BS                 | 0966635218    | Viettrung17b9@gmail.com                                                | Trợ giảng |

## 4. Mục tiêu học phần:

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Kiến thức: Vận dụng được các kiến thức về bệnh truyền nhiễm và quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch, các kiến thức về giám sát dịch và bệnh truyền nhiễm mới nổi trong việc, các bệnh truyền từ động vật sang người trong lập kế hoạch điều tra xác định dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch tại cộng đồng | PEO 1, PEO 2        |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |              |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 2 | <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch tổ chức đoàn điều tra xác định một vụ dịch cụ thể, lập kế hoạch đoàn chống dịch, kế hoạch vật tư, trang thiết bị và kinh phí cho đoàn chống dịch,</li> <li>- Tổ chức được một đoàn điều tra ca bệnh, điều tra thực địa với các nhiệm vụ được phân công rõ ràng</li> <li>- Lựa chọn được các biện pháp xử lý dịch của một vụ dịch cụ thể.</li> </ul>                                                                             | PEO 1, PEO 2 |
| 3 | <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức được mức độ nguy hiểm của các bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi đối với sức khỏe cộng đồng. Vai trò của vector truyền bệnh và động vật nuôi cũng như động vật hoang dã trong việc lan truyền các bệnh dịch cho con người.</li> <li>- Xác định công tác điều tra dịch và đáp ứng phòng chống dịch là nhiệm vụ của cả cộng đồng, đòi hỏi phải có sự phối kết hợp đa ngành, sự vào cuộc của các cấp chính quyền và các ban ngành đoàn thể xã hội</li> </ul> | PEO 3, PEO 4 |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                         | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1  | CLO 1: Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong thực hành chuyên môn Y khoa                             | S: PLO 1, 4                                    |
| 2  | CLO 2: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động Y khoa | S: PLO 1, 4<br>H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14 |
| 3  | CLO 3: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện                                                               | S: PLO 1, 4                                    |

|   |                                                                                                                                                                                      |                                                |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
|   | đầy đủ và thành thạo quy trình khi chăm sóc người bệnh                                                                                                                               | H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14                |
| 4 | CLO 4: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại cộng đồng. Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương. Đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch | H: PLO 3, 8<br>H: PLO 1,5,7,9,10,11,12,13,14   |
| 5 | CLO 5: Đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh                                                                       | S: PLO 1, 4<br>H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14 |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| STT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                       | CLO     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | <b>Bài 1. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết</b><br><b>1. Giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue</b><br>1.1. Mục đích<br>1.2. Các thành phần giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue<br>1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh sốt Dengue<br><b>2. Muỗi Aedes aegypti</b><br>2.1. Phân bố<br>2.2. Vai trò y học<br>2.3. Sinh học của muỗi Aedes aegypti<br><b>3. Giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue</b> | 04      | 1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh SXH<br>2. Trình bày đặc điểm sinh học của muỗi Aegypti<br>3. Trình bày giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue<br>4. Trình bày các biện pháp phòng chống vector sốt Dengue | CLO 1,5 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |                                                                                                                                                                                                                              |         |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|   | 3.1. Giám sát muỗi<br>3.2. Giám sát bọ gậy<br>3.3. Tính các chỉ số<br><b>4. Biện pháp phòng chống vector sốt Dengue</b><br>4.1. Không chế môi trường sinh sống của muỗi<br>4.2. Chống vector khi xảy ra dịch sốt Dengue<br>4.3. Phương pháp sử dụng cá diệt bọ gậy                                                                                                                                                                                                                                                                                                |    |                                                                                                                                                                                                                              |         |
| 2 | <b>Bài 2. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh dịch hạch</b><br><b>1. Giám sát bệnh dịch hạch</b><br>1.1. Mục đích<br>1.2. Các thành phần giám sát bệnh dịch hạch<br>1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh dịch hạch<br><b>2. Vật chủ bệnh dịch hạch</b><br>2.1. Vai trò của chuột trong đời sống con người<br>2.2. Giám sát dịch động vật<br>2.3. Giám sát chuột<br>2.4. Các biện pháp diệt chuột<br><b>3. Bọ chét truyền bệnh dịch hạch</b><br>3.1. Vai trò truyền bệnh của bọ chét<br>3.2. Đặc điểm sinh học, sinh thái của bọ chét<br>3.3. Giám sát bọ chét | 04 | 1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh dịch hạch<br>2. Trình bày vai trò của vật chủ bệnh dịch hạch<br>3. Trình bày vai trò, đặc điểm sinh học, các biện pháp giám sát bọ chét truyền bệnh dịch hạch | CLO 1,5 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |    |                                                                                                                                                                                                                                                        |       |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|   | 3.4. Các biện pháp diệt bọ chét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |    |                                                                                                                                                                                                                                                        |       |
| 3 | <b>Bài 3. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh Viêm não Nhật Bản</b><br><b>1. Giám sát bệnh viêm não Nhật bản B</b><br>1.1. Mục đích<br>1.2. Các thành phần giám sát bệnh viêm não Nhật bản B<br>1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh viêm não Nhật bản B<br><b>2.Vector truyền bệnh viêm não Nhật Bản B</b><br>2.1.Mở đầu<br>2.2.Hình thái, sinh học, sinh thái của muỗi truyền bệnh<br>2.3.Giám sát muỗi truyền bệnh viêm não Nhật Bản<br>2.4.Giám sát muỗi<br>2.5.Giám sát bọ gây<br>2.6.Tính các chỉ số | 04 | 1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh Viêm não NB<br>2. Trình bày đặc điểm sinh học của muỗi truyền bệnh<br>3. Trình bày giám sát muỗi truyền bệnh Viêm não Nhật Bản                                                          | CLO 2 |
| 4 | <b>Bài 4. Kiểm dịch y tế biên giới</b><br><b>1. Sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới</b><br>1.1. Tình hình dịch bệnh trên thế giới<br>1.2. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam<br>1.3. Dự báo tình hình dịch<br><b>2. Cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới</b><br>2.1. Các quy định quốc tế<br>2.2. Các quy định quốc gia                                                                                                                                                          | 04 | 1. Nêu sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới<br>2. Nêu cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới<br>3. Trình bày về hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam<br>4. Trình bày về các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế | CLO 4 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |    |                                                                                                     |       |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|   | <b>3. Hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam</b><br><b>4. Các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới</b><br><b>5. Đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới</b><br><b>6. Nội dung của kiểm dịch y tế biên giới</b><br>6.1. Kiểm tra y tế<br>6.2. Xử lý y tế<br>6.3. Giám sát và phòng chống một số bệnh phải kiểm dịch                                                                                                                                                                                             |    | biên giới<br>5. Nêu các đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới                                |       |
| 5 | <b>Bài 5. Dịch tễ học trong giám sát, đánh giá dự án/ hoạt động y tế</b><br><b>1. Giám sát</b><br>1.1. Đặt vấn đề<br>1.2. Khái niệm về giám sát hỗ trợ<br>1.3. Vai trò của giám sát trong hoạt động dự án<br>1.4. Giám sát viên dự án<br>1.4.1. Ai là giám sát viên<br>1.4.2. Yêu cầu đối với giám sát viên<br>1.4.3. Nhiệm vụ của giám sát viên<br>1.5. Phương tiện để giám sát<br>1.6. Phương pháp giám sát<br>1.7. Quy trình giám sát<br>1.8. Kinh phí cho hoạt động giám sát<br>1.9. Những điều cần chú ý khi thực hiện giám sát | 02 | 1. Trình bày các khái niệm trong giám sát<br>2. Trình bày về xây dựng, thiết kế, quy trình đánh giá | CLO 4 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |    |                                                                                                          |       |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|   | <p>1.10. Xây dựng, chuẩn bị công cụ cho giám sát</p> <p><b>2. Đánh giá</b></p> <p>2.1. Mở đầu</p> <p>2.2. Xây dựng khung chính sách để viết đề cương đánh giá</p> <p>2.3. Thiết kế đề cương đánh giá</p> <p>2.4. Quy trình đánh giá</p> <p>2.4.1. Xác định mục tiêu đánh giá</p> <p>2.4.2. Xác định phạm vi đánh giá</p> <p>2.4.3. Chọn các chỉ số đánh giá</p> <p>2.4.4. Phương pháp đánh giá</p>                                                                                                                                                                                               |    |                                                                                                          |       |
| 6 | <p><b>Bài 6. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm mới nổi, dịch cúm ở gia cầm, đại dịch cúm ở người</b></p> <p><b>1. Định nghĩa</b></p> <p><b>2. Một số bệnh truyền nhiễm mới nổi</b></p> <p>2.1. Bệnh chân - tay - miệng</p> <p>2.2. Bệnh sốt xuất huyết</p> <p>2.3. Bệnh tả</p> <p>2.4. Bệnh cúm A (H5N1)</p> <p>2.5. Cúm A (H1N1)</p> <p><b>3. Phòng chống cúm gia cầm</b></p> <p>3.1. Khái niệm về bệnh cúm gia cầm</p> <p>3.2. Đặc điểm của vi rút cúm gia cầm</p> <p>3.3. Phương thức lây truyền</p> <p>3.4. Phòng lây cúm từ gia cầm sang gia cầm</p> <p>3.5. Làm gì khi có dịch cúm gia</p> | 02 | <p>1. Nêu một số bệnh truyền nhiễm mới nổi</p> <p>2. Trình bày các biện pháp phòng chống cúm gia cầm</p> | CLO 3 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |    |                                                                                                                                                                                     |       |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|   | <p>cầm trong vùng</p> <p>3.6. Phòng lây cúm A (H5N1) từ gia cầm sang người</p> <p>3.7. Nhiệm vụ của cộng tác viên tham gia phòng chống dịch cúm gia cầm</p>                                                                                                                                                                                                                                              |    |                                                                                                                                                                                     |       |
| 7 | <p><b>Bài 7. Phòng chống bệnh dại</b></p> <p><b>1. Định nghĩa</b></p> <p><b>2. Lịch sử nghiên cứu</b></p> <p><b>3. Quá trình dịch</b></p> <p>3.1. Mầm bệnh</p> <p>3.2. Nguồn bệnh</p> <p>3.3. Đường lây</p> <p>3.4. Cơ thể cảm thụ</p> <p><b>4. Cơ chế bệnh sinh</b></p> <p><b>5. Lâm sàng và chẩn đoán</b></p> <p><b>6. Phòng bệnh</b></p> <p>6.1. Phòng bệnh chung</p> <p>6.2. Phòng bệnh đặc hiệu</p> | 02 | <p>1. Nêu định nghĩa, lịch sử của bệnh dại</p> <p>2. Trình bày quá trình dịch của bệnh dại</p> <p>3. Trình bày các biện pháp phòng chống bệnh dại</p>                               | CLO 2 |
| 8 | <p><b>Bài 8. Phòng chống bệnh Leptospirosis</b></p> <p><b>1. Định nghĩa</b></p> <p><b>2. Lịch sử nghiên cứu</b></p> <p><b>3. Quá trình dịch</b></p> <p>3.1. Mầm bệnh</p> <p>3.2. Nguồn bệnh</p> <p>3.3. Đường lây</p> <p>3.4. Cơ thể cảm thụ</p> <p><b>4. Cơ chế bệnh sinh</b></p> <p><b>5. Lâm sàng và chẩn đoán</b></p> <p><b>6. Phòng bệnh</b></p> <p>6.1. Phòng bệnh chung</p>                       | 02 | <p>1. Nêu định nghĩa, lịch sử của bệnh Leptospirosis</p> <p>2. Trình bày quá trình dịch của bệnh Leptospirosis</p> <p>3. Trình bày các biện pháp phòng chống bệnh Leptospirosis</p> | CLO 2 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |    |                                                                                                                                                                                                                     |       |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
|    | 6.2. Phòng bệnh đặc hiệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |    |                                                                                                                                                                                                                     |       |
| 9  | <b>Bài 9. Phòng chống bệnh sốt mò</b><br><b>1. Đặc điểm dịch tễ</b><br><b>2. Quá trình dịch sốt mò</b><br>2.1. Mầm bệnh<br>2.2. Nguồn bệnh<br>2.3. Đường lây truyền<br>2.4. Cơ thể cảm thụ<br><b>3. Lâm sàng</b><br>3.1. Thể điển hình<br>3.2. Các thể khác<br>3.3. Chẩn đoán và điều trị<br><b>4. Phòng chống bệnh</b><br>4.1. Các biện pháp chung<br>4.2. Biện pháp đặc hiệu                                                                                                                         | 04 | 1. Nêu đặc điểm dịch tễ của bệnh sốt mò<br>2. Trình bày đặc điểm dịch tễ về bệnh sốt mò<br>3. Trình bày các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh sốt mò<br>4. Trình bày các biện pháp phòng bệnh sốt mò | CLO 2 |
| 10 | <b>Bài 10. Điều tra dịch và đáp ứng phòng chống dịch</b><br><b>1. Đặt vấn đề</b><br><b>2. Lập kế hoạch điều tra dịch</b><br>2.1. Nguồn thông báo dịch<br>2.2. Nội dung chuyên môn chủ yếu của điều tra dịch<br><b>3. Kế hoạch tổ chức đoàn điều tra dịch</b><br><b>4. Kế hoạch kinh phí cho đoàn chống dịch</b><br><b>5. Chuẩn bị cho điều tra thực địa</b><br><b>6. Xác định sự tồn tại của dịch</b><br><b>7. Xác định chẩn đoán</b><br><b>8. Thực hiện nghiên cứu mô tả và hình thành giả thuyết</b> | 04 | 1. Trình bày về lập kế hoạch điều tra dịch<br>2. Trình bày lập kế hoạch tổ chức đoàn điều tra dịch<br>3. Trình bày kế hoạch kinh phí cho đoàn chống dịch<br>4. Trình bày các bước chuẩn bị cho điều tra thực địa    | CLO 4 |

|  |                                                                                                                                                                 |  |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  | <b>9. Đánh giá giả thuyết</b><br><b>10. Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch</b><br><b>11. Báo cáo điều tra dịch</b><br><b>12. Đáp ứng phòng chống dịch</b> |  |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**2. Thực hành :** Bao gồm 25 bài tập và 2 ngày đi điều tra thực địa và viết chuyên đề

| Stt      | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                            | CDR   |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------|-------|
| <b>1</b> | <b>Bài tập từ bài 1 đến bài 25:</b><br>1. Phân tích tình hình dựa vào báo cáo<br>2. Tham mưu sơ bộ với lãnh đạo<br>3. Lập kế hoạch điều tra<br>4. Lập kế hoạch kinh phí<br>5. Xác định nội dung điều tra<br>6. Dự thảo báo cáo                   | 08      |                                                             | CLO 4 |
| <b>2</b> | Thực địa điều tra vụ dịch:<br>- Lập kế hoạch thực địa<br>- Chuẩn bị, phân công (Công cụ thu thập sl, phương tiện,...)<br>- Tổ chức đi thực địa<br>- Thu thập thông tin<br>- Tổng hợp, phân công viết báo cáo                                     | 16      |                                                             | CLO 4 |
| <b>3</b> | Thực hiện viết chuyên đề (mỗi sinh viên lựa chọn và viết 01 chuyên đề về một bệnh truyền nhiễm)<br>- Hướng dẫn viết chuyên đề<br>- Thảo luận về các mục của chuyên đề<br>- Phân công viết chuyên đề<br>- Báo cáo chuyên đề<br>- Thảo luận, góp ý | 08      | 1. Thực hành thiết kế nghiên cứu<br>2. Làm được các bài tập | CLO 3 |

### **III. Phương pháp dạy/học**

**1. Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm.

**2. Thực hành:** Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm.

#### **IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học**

**1. Lý thuyết:** Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints.

**2. Thực hành:** Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints.

#### **V. Phương pháp lượng giá**

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| <b>Điểm thành phần</b>         | <b>Trọng số tính điểm</b> | <b>Bài đánh giá</b> | <b>Hình thức đánh giá</b> | <b>Tiêu chí đánh giá</b>                     | <b>CĐR được đánh giá</b> | <b>Điểm tối đa</b> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------------------------|--------------------------|--------------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                       | 1                   | Theo quy định             | - Qua sổ nhật ký<br>- Thái độ học tập của SV | CLO 4                    | 10                 |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                       | 1                   | Viết                      | $\geq 4$ : Đạt                               | CLO 1,2,3,5              | 10                 |
| Điểm Thực hành (ĐTH)           | 20%                       | 1                   | Theo quy định             | $\geq 4$ : Đạt                               | CLO 1,2,3,5              | 10                 |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 60%                       | 1                   | Test                      | $\geq 4$ : Đạt                               | CLO 1,2,3,5              | 10                 |

**Công thức tính điểm: 1:1:2:6**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Điểm trừ</b> |
|---------------------|-----------------|
| Không vắng          | 0               |
| Nghỉ học có phép    | 1               |
| Nghỉ học không phép | 2               |
| Đi muộn             | 0,5             |

**Rubric 2: Thi viết (GHP): 10 điểm**

| Tiêu chí đánh giá | Điểm (0-3,9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
|-------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Nội dung câu hỏi  | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**Rubric 3: Thi test (kết thúc học phần): 10 điểm**

| Tiêu chí đánh giá | Điểm (0-3,9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
|-------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Nội dung câu hỏi  | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo** (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2013). Bài giảng dịch tễ học
2. Lã Ngọc Quang và cộng sự (2016). Điều tra một vụ dịch. Giáo trình dành cho cử nhân y tế công cộng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội .
3. Phạm Ngọc Đính (2013). Dịch tễ học, giáo trình giảng dạy sau đại học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. Nhà xuất bản y học (tr 143-165).
4. Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế (2010). Dịch tễ học thực địa. Tài liệu tập huấn
5. Klaus Krickeberg, Phạm Thị Mỹ Hạnh, Phạm Văn Trọng (2014). Dịch tễ học - Chìa khóa của dự phòng. Nhà xuất bản Y học (Tr. 39-73)

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT | Tên bài | Số | Nhiệm vụ của |
|-----|---------|----|--------------|
|-----|---------|----|--------------|

|          |                                                                                                        | <b>tiết</b> | <b>sinh viên</b>                                                                                          |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | Bài 1. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết + Thảo luận                                  | 10          | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [4]. |
| <b>2</b> | Bài 2. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh dịch hạch + Thảo luận                                       | 10          | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [4]. |
| <b>3</b> | Bài 3. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh Viêm não Nhật Bản + Thảo luận                               | 10          | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [4]. |
| <b>4</b> | Bài 4. Kiểm dịch y tế biên giới + Thảo luận                                                            | 10          | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [2],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [4]. |
| <b>5</b> | Bài 5. Dịch tễ học trong giám sát, đánh giá dự án/ hoạt động y tế + Thảo luận                          | 6           | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [2],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [4]. |
| <b>6</b> | Bài 6. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm mới nổi, dịch cúm ở gia cầm, đại dịch cúm ở người + Thảo luận | 8           | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình huống, TLTK [4]. |

|           |                                                                  |           |                                                                                                              |
|-----------|------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>7</b>  | Bài 7. Phòng chống bệnh dại + Thảo luận                          | <b>6</b>  | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình<br>huống, TLTK [4]. |
| <b>8</b>  | Bài 8. Phòng chống bệnh Leptospirosis +<br>Thảo luận             | <b>6</b>  | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình<br>huống, TLTK [4]. |
| <b>9</b>  | Bài 9. Phòng chống bệnh sốt mò + Thảo<br>luận                    | <b>10</b> | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình<br>huống, TLTK [4]. |
| <b>10</b> | Bài 10. Điều tra dịch và đáp ứng phòng<br>chống dịch + Thảo luận | <b>10</b> | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [2],<br>TLTK [3], [4], [5]<br><br>+ Làm bài tập tình<br>huống, TLTK [4]. |

#### **IX. Quy định với sinh viên:**

**1. Nhiệm vụ của sinh viên:** nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi

**2. Quy định điều kiện dự thi:** Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                             | 05/2019          | Trần Thị Khuyên       |
| <b>2</b>  | Lần 2                             | 05/2021          | Trần Thị Khuyên       |
| <b>3</b>  | Lần 3                             | 05/2023          | Trần Thị Khuyên       |
| <b>4</b>  | Lần 4 dự kiến                     | 05/2025          |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**TS Trần Thị Khuyên**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm 2**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dinh dưỡng và VSATTP2**

Tên tiếng Anh: **Nutrition and Food Safety 2**

Mã học phần: 3130NUTSFE2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I.Hành chính.**

**1.Thông tin chung:**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)                                    | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | <b>Sinh viên Y học dự phòng</b>                                                                                                                                            |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>03 (02 TC lý thuyết/01 TC Thực hành)</b><br><b>32</b><br><b>32</b><br><b>86</b>                                                                                         |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành<br>Kết thúc học phần:                  | <b>03</b><br><b>01</b><br><b>01</b><br><b>01</b>                                                                                                                           |
| Học phần học trước:                                                                               | Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm 1                                                                                                                                          |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | <b>Bộ môn Dinh dưỡng &amp; an toàn thực phẩm</b>                                                                                                                           |

## 2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Dinh dưỡng cơ bản và khoa học thực phẩm sẽ cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức cơ bản có cập nhật về lĩnh vực an toàn thực phẩm, biết được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh một số thực phẩm thường sử dụng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người, để có thể thực hiện tư vấn lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh cho đối tượng trong cộng đồng cũng như trong bệnh viện. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức về khái niệm, phân loại, phân tích được một số ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm thường gặp, từ đó biết cách phân tích nguy cơ và xử lý được một số ngộ độc thực phẩm. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc điều tra khẩu phần, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và người bệnh.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

| TT | Họ tên              | Học hàm/<br>học vị | Số điện<br>thoại | Email                      | Ghi chú   |
|----|---------------------|--------------------|------------------|----------------------------|-----------|
| 1  | Phạm Thị Dung       | PGS.TS             | 0989981359       | dungpt@tbmc.edu.vn         | Phụ trách |
| 2  | Ninh Thị Nhung      | PGS.TS             | 0912850028       | nhungntytb@yahoo.com       | Tham gia  |
| 3  | Phạm Ngọc Khái      | PGS.TS             | 0983090927       | Phamngockhaiydtb@gmail.com | Tham gia  |
| 4  | Tạ Thúy Loan        | BSCKII             | 0915585415       | loantt@tbmc.edu.vn         | Tham gia  |
| 5  | Phạm Thị Kiều Chinh | ThS                | 0389987259       | huanchinh225@gmail.com     | Tham gia  |

## 4. Mục tiêu học phần:

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được thành phần các chất dinh dưỡng có chứa trong thực phẩm, quá trình biến đổi của các chất dinh dưỡng trong quá trình thu hái, vận chuyển, bảo quản và chế biến. Áp dụng hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng. | PEO 1,2,3,4,5       |
| 2  | Trình bày được các loại ô nhiễm thực phẩm và các con đường gây ô nhiễm thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                            | PEO 1,2,3           |
| 3  | Trình bày được cách phân loại, nguyên nhân, đặc điểm và biện pháp dự phòng của một số ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm thường gặp tại cộng đồng.                                                                                                                                                 | PEO 1,2,2,3,4,5     |
| 4  | Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm.                                                                                                                                                                                        | PEO 1,2,3           |

|   |                                                                                                                                                                                                                                  |               |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 5 | Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động và quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm                                                                                                             | PEO 1,2,4,5   |
| 6 | Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng cùng tham gia thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm. Hướng dẫn cộng đồng áp dụng các phương pháp bảo quản thực phẩm hợp lý. | PEO 1,2,3,4,5 |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT<br>(PLO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | CLO1: Trình bày được thành phần các chất dinh dưỡng có chứa trong thực phẩm, quá trình biến đổi của các chất dinh dưỡng trong quá trình thu hái, vận chuyển, bảo quản và chế biến.                                                                                                                      | S: PLO 4<br>H: PLO 1,2                     |
| 2  | CLO2: Trình bày được các loại ô nhiễm thực phẩm và các con đường gây ô nhiễm thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                 | S: PLO 4<br>H: PLO 1,2,3                   |
| 3  | CLO3: Trình bày được cách phân loại, nguyên nhân, đặc điểm và biện pháp dự phòng của một số ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền quan thực phẩm thường gặp tại cộng đồng.                                                                                                                                     | S: PLO 4,6<br>H: PLO 1,2,3,5,7,8           |
| 4  | CLO4: Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm.                                                                                                                                                                             | S: PLO 4<br>H: PLO 1,2,3,5,7,8             |
| 5  | CLO5: Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động và quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm                                                                                                                                                                              | S: PLO 5<br>H: PLO 1,3,7,13,14             |
| 6  | CLO6: Trình bày được khái niệm, ưu nhược điểm, phân loại, các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố.                                                                                                                                                                                        | S: PLO 4<br>H: PLO 1, 7                    |
| 7  | CLO7: Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng cùng tham gia thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm. Hướng dẫn cộng đồng áp dụng các phương pháp bảo quản thực phẩm hợp lý. Hướng dẫn cộng đồng thực hiện đảm bảo an toàn thức ăn đường phố. | S: PLO 3<br>H: PLO 1,4,5                   |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                  | CDR HP  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | <b>Bài 1. Ô nhiễm thực phẩm</b><br>1. Một số khái niệm cơ bản<br>2. Phân loại ô nhiễm thực phẩm<br>2.1. Ô nhiễm sinh học<br>2.2. Ô nhiễm hóa học<br>2.3. Ô nhiễm thực phẩm do các yếu tố vật lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 04      | 1. Trình bày được khái niệm, phân loại ô nhiễm thực phẩm<br>2. Áp dụng kiến thức đã học để phòng ngừa các tác nhân và con đường gây ô nhiễm thực phẩm                                                                                                                                             | CLO 2,7 |
| 2  | <b>Bài 2. Bảo quản thực phẩm</b><br>1. Ý nghĩa tầm quan trọng của bảo quản thực phẩm<br>2. Các nguyên nhân làm hư hỏng thực phẩm<br>3. Nguyên lý và yêu cầu bảo quản thực phẩm<br>4. Các phương pháp bảo quản thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 04      | 1. Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm.<br>2. Hướng dẫn được cộng đồng áp dụng các biện pháp bảo quản thực phẩm hợp lý                                                                                           | CLO 4,7 |
| 3  | <b>Bài 3. Ngộ độc thực phẩm</b><br>1. Một số khái niệm về ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm<br>2. Đặc điểm DTH ngộ độc thực phẩm<br>3. Phân loại NĐTP<br>4. Một số ngộ độc thực phẩm thường gặp<br>4.1. Ngộ độc thực phẩm do Salmonella<br>4.2. Ngộ độc thực phẩm do tụ cầu<br>4.3. Ngộ độc thực phẩm do Botulism<br>4.4. Ngộ độc thực phẩm do Aflatoxin<br>4.5. Ngộ độc thực phẩm do hóa chất bảo vệ thực vật<br>4.6. Ngộ độc thực phẩm do bản thân thức ăn có chất độc<br>5. Chẩn đoán và xử trí NĐTP | 04      | 1. Trình bày một số về khái niệm ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm.<br>2. Phân tích được các đặc điểm của DTH ngộ độc thực phẩm<br>3. Phân loại được ngộ độc thực phẩm<br>4. Phân tích được một số ngộ độc thực phẩm thường gặp<br>5. Xử lý được một số ngộ độc thực phẩm thường gặp | CLO 3,7 |
| 4  | <b>Bài 4. Thanh tra an toàn thực phẩm</b><br>1. Khái niệm về thanh tra, kiểm tra<br>2. Mục đích của hoạt động thanh tra<br>3. Các nguyên tắc trong hoạt động thanh tra<br>4. Giới thiệu khái quát về hệ thống thanh tra y tế và thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                  | 04      | 1. Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động của thanh tra an toàn thực phẩm<br>2. Trình bày được quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm                                                                                                                         | CLO 5   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                   | CDR HP    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|    | 5. Nội dung, hình thức và phương pháp thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm<br>6. Quy trình tiến hành một cuộc thanh tra<br>7. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm                                                                                                                                                                             |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |
| 5. | <b>Bài 5. Bệnh truyền qua thực phẩm</b><br>1. Bệnh cúm gia cầm<br>2. Bệnh bò điên<br>3. Bệnh tai xanh ở lợn<br>4. Bệnh lở mồm, long móng<br>5. Bệnh liên cầu khuẩn ở lợn                                                                                                                                                                                                             | 04      | 1. Trình bày được các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền qua thực phẩm<br>2. Hướng dẫn cộng đồng tham gia phòng chống một số bệnh truyền qua thực phẩm                                                                                                                       | CLO 3,7   |
| 6  | <b>Bài 6. Vệ sinh thức ăn đường phố + Vệ sinh ăn uống công cộng</b><br>1. Khái niệm, phân loại thức ăn đường phố<br>2. Lợi ích và nhược điểm của thức ăn đường phố<br>3. Các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố<br>4. Yêu cầu điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các loại hình thức ăn đường phố<br>5. Các biện pháp cải thiện vệ sinh an toàn thức ăn đường phố | 04      | 1. Trình bày được khái niệm, ưu nhược điểm và phân loại của thức ăn đường phố<br>2. Trình bày được các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố<br>3. Hướng dẫn cộng đồng thực hiện đảm bảo an toàn thức ăn đường phố.                                                    | CLO 6,7   |
| 7  | <b>Bài 7. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm</b><br>1. Định nghĩa, cách phân loại thực phẩm<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Phân loại<br>2. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh thực phẩm<br>2.1. Thịt<br>2.2. Cá<br>2.3. Trứng<br>2.4. Sữa<br>2.5. Gạo, bột mì, khoai, sắn, hạt có dầu<br>2.6. Rau quả                                                              | 08      | 1. Nêu được định nghĩa, cách phân loại thực phẩm.<br>2. Nêu được giá trị dinh dưỡng chính của thực phẩm nguồn gốc động vật và thực vật.<br>3. Trình bày được những đặc điểm vệ sinh của một số thực phẩm thường sử dụng và biện pháp phòng chống bệnh gây ra do các thực phẩm này. | CLO 2,3,7 |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                | CĐR          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1  | <b>Bài 1. Xây dựng khẩu phần</b><br>1. Tình hình khẩu phần thực tế hiện nay<br>2. Phương pháp xây dựng khẩu phần<br>3. Một số biện pháp nâng cao chất lượng khẩu phần trong cộng đồng<br>4. Thực hành bài tập                                                                                                                                              | 04      | 1. Trình bày được các nguyên tắc xây dựng khẩu phần<br>2. Trình bày các bước xây dựng khẩu phần.<br>3. Xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho các đối tượng.                                                                                     | <b>CLO 1</b> |
| 2  | <b>Bài 2. Điều tra khẩu phần</b><br>1. Phương pháp điều tra trọng lượng lương thực thực phẩm<br>2. Phương pháp hỏi ghi<br>3. Điều tra tập quán ăn uống<br>4. Thực hành bài tập                                                                                                                                                                             | 04      | 1. Trình bày được ứng dụng, ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp cơ bản điều tra khẩu phần.<br>2. Áp dụng thực hành điều tra khẩu phần bằng phương pháp nhớ lại 24 giờ qua và phương pháp hỏi ghi tần suất tiêu thụ lương thực, thực phẩm. | <b>CLO 1</b> |
| 3  | <b>Bài 3. Đánh giá khẩu phần</b><br>1. Cách sử dụng bảng thành phần thực phẩm Việt Nam<br>2. Các bước đánh giá khẩu phần<br>3. Thực hành bài tập                                                                                                                                                                                                           | 04      | 1. Sử dụng được bảng thành phần dinh dưỡng thực phẩm Việt Nam.<br>2. Đánh giá được giá trị dinh dưỡng của một khẩu phần ăn cụ thể.<br>3. Phát hiện được các đối tượng có nguy cơ dinh dưỡng không hợp lý.                                       | <b>CLO 1</b> |
| 4  | <b>Bài 4. Kiểm tra test thực phẩm</b><br>1. Phương pháp phát hiện nhanh hàn the<br>2. Phương pháp phát hiện nhanh phẩm màu<br>3. Phương pháp phát hiện nhanh acid vô cơ trong giấm ăn<br>4. Phương pháp phát hiện nhanh Formol<br>5. Phương pháp phát hiện nhanh Nitrit<br>6. Phương pháp phát hiện nhanh Nitrat<br>7. Phương pháp phát hiện nhanh Ethanol | 04      | 1. Thực hành được các phương pháp phát hiện nhanh thực phẩm bị ô nhiễm hóa học                                                                                                                                                                  | <b>CLO 7</b> |

### III. Phương pháp dạy/học

**1. Lý thuyết:** Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa.
- Hỏi - đáp trực tiếp.
- Giao bài đọc về nhà.
- Hướng dẫn tự học.

#### 2. Thực hành

- Hướng dẫn thực hiện.
- Cầm tay chỉ việc.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

#### 1. Lý thuyết

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

#### 2. Thực hành

- Sách thực hành
- Bài tập trường hợp

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá      | Tiêu chí đánh giá       | CĐR được đánh giá  | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|-------------------------|--------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | 1            | Đi học đầy đủ, đúng giờ | Đi học đầy đủ, đúng giờ |                    | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Viết câu hỏi ngắn       | Thang điểm              | CLO3               | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,2                | 1            | Bài tập thực hành       | Thang điểm              | CLO1,7             | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,6                | 1            | Thi trắc nghiệm         | Thang điểm              | CLO 1,2,3,4,5, 6,7 | 10          |

**Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ            |
|---------------------|---------------------|
| Không vắng          | 0                   |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/2tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/ 2tiết học |
| Đi muộn             | Trừ 0,5 điểm/lần    |

**Rubric 2: Vấn đáp**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                           |                                     |                                    |                                    |                                     |
|---------------------------|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)              | Điểm (4.0-5.4)                      | Điểm (5.4-6.9)                     | Điểm (7.0-8.4)                     | Điểm (8.5-10)                       |
| Nội dung câu hỏi          | Trả lời đúng câu hỏi <39% | Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 % | Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69% | Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84% | Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100% |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo** (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

**1. Tài liệu học tập**

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2009), Bài giảng vệ sinh an toàn thực phẩm, NXB Y học.
2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2014), Giáo trình thực hành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

**2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng, Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2017, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016). Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| Tuần                                                                                 | Nội dung giảng dạy                     | Thời lượng hướng dẫn tự học | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>HỌC PHẦN 2:<br/>DINH DƯỠNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM 2 (AN TOÀN THỰC PHẨM)</b> |                                        |                             |                                                                                                                                            |
|                                                                                      | Lý thuyết:<br>Bài 1. Ô nhiễm thực phẩm | 8,5                         | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá. |
|                                                                                      | Lý thuyết:                             | 8,5                         | - Nghiên cứu trước:                                                                                                                        |

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                                  | <b>Thời lượng<br/>hướng dẫn tự học</b> | <b>Nhiệm vụ<br/>của sinh viên</b>                                                                                                                                |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | Bài 2. Bảo quản thực phẩm                                                  |                                        | + Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                                              |
|             | Lý thuyết:<br>Bài 3. Ngộ độc thực phẩm                                     | 8,5                                    | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                            |
|             | Lý thuyết:<br>Bài 4. Thanh tra an toàn thực phẩm                           | 8,5                                    | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                            |
|             | Lý thuyết:<br>Bài 5. Bệnh truyền qua thực phẩm                             | 8,5                                    | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                       |
|             | Lý thuyết:<br>Bài 6. Vệ sinh thức ăn đường phố + Vệ sinh ăn uống công cộng | 8,5                                    | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                       |
|             | Lý thuyết:<br>Bài 7. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm  | 17                                     | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tự lượng giá.                       |
|             | Thực hành:<br>Bài 1. Xây dựng khẩu phần                                    | 4,5                                    | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi thực hành. |
|             | Thực hành:<br>Bài 2. Điều tra khẩu phần                                    | 4,5                                    | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi thực hành. |
|             | Thực hành:<br>Bài 3. Đánh giá khẩu phần                                    | 4,5                                    | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi            |

| Tuần | Nội dung giảng dạy                           | Thời lượng hướng dẫn tự học | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                           |
|------|----------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                              |                             | thực hành.                                                                                                                                                       |
|      | Thực hành:<br>Bài 4. Kiểm tra test thực phẩm | 4,5                         | - Nghiên cứu trước:<br>+ Tài liệu học tập [1], [2].<br>+ Tài liệu tham khảo [1], [2].<br>+ Tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi tình huống, câu hỏi thực hành. |

## IX. Quy định với sinh viên:

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đi học đúng giờ.
- Chuẩn bị bài học.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Chấp hành các nội quy của lớp học.

### 2. Quy định điều kiện dự thi

Sinh viên phải có điểm thực hành  $\geq 4$  điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

## X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Lần 1                      | 5/2019         |                |
| 2  | Lần 2                      | 5/2021         |                |
| 3  | Lần 3                      | 5/2023         |                |
| 4  | Dự kiến cập nhật           | 5/2025         |                |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Phạm Thị Dung**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm 3**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dinh dưỡng và VSATTP3 (Dinh dưỡng lâm sàng)**

Tên tiếng Anh: **Nutrition and Food Safety 3**

Mã học phần: 3130NUTSFE3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I.Hành chính.**

**1.Thông tin chung**

|                                                                                         |                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)                          | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                        | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                              | <b>Sinh viên Y học dự phòng</b>                                                                                                                                            |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành:<br>Số giờ tự học: | <b>02 (1/1)</b><br><b>16</b><br><b>32</b><br><b>52</b>                                                                                                                     |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành<br>Kết thúc học phần:        | <b>03</b><br><b>01</b><br><b>01</b><br><b>01</b>                                                                                                                           |
| Học phần học trước:                                                                     | <b>Dinh dưỡng &amp;ATTP1,<br/>Dinh dưỡng &amp;ATTP2</b>                                                                                                                    |
| Học phần tiên quyết:                                                                    |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                     |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                  | <b>Bộ môn Dinh dưỡng &amp; an toàn thực phẩm</b>                                                                                                                           |

## 2. Mô tả chung về học phần

Học phần Dinh dưỡng & VSATTP 3 (Dinh dưỡng lâm sàng) cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức, kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện sàng lọc, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và các rối loạn dinh dưỡng thường gặp; Thực hiện Khám - tư vấn dinh dưỡng theo hướng thực hành tại các bệnh viện, các cơ sở khám, chữa bệnh. Xây dựng và nâng cao hiệu quả công tác dinh dưỡng lâm sàng và dinh dưỡng điều trị; Xây dựng được thực đơn dinh dưỡng cho các đối tượng có bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng; Đào tạo cán bộ có năng lực phù hợp cho các Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế tại các bệnh viện theo qui định của thông tư 18/2020/TT-BYT của Bộ Y Tế.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên              | Học hàm/<br>học vị | Số<br>điện thoại | Email                      | Ghi chú   |
|----|---------------------|--------------------|------------------|----------------------------|-----------|
| 1  | Phạm Thị Dung       | PGS.TS             | 0989981359       | dungpt@tbmc.edu.vn         | Phụ trách |
| 2  | Ninh Thị Nhung      | PGS.TS             | 0912850028       | nhungntytb@yahoo.com       | Tham gia  |
| 3  | Phạm Ngọc Khái      | PGS.TS             | 0983090927       | phamngockhaiydtb@gmail.com | Tham gia  |
| 4  | Tạ Thúy Loan        | BSCCKII            | 0915585415       | loantt@tbmc.edu.vn         | Tham gia  |
| 5  | Phạm Thị Kiều Chinh | ThS                | 0389987259       | huanchinh225@gmail.com     | Tham gia  |

## 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                    | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được các khái niệm, cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng và các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.                       | PEO 1,2,5           |
| 2  | Trình bày được một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng                                                                               | PEO 1,2             |
| 3  | Trình bày được mô hình tổ chức, hoạt động, cách triển khai sắp xếp các bộ phận của khoa dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện         | PEO 1,2,4,5         |
| 4  | Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc, nhu cầu dinh dưỡng và một số chế độ ăn cơ bản trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh | PEO 1,2,3           |

|   |                                                                                                           |           |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 5 | Áp dụng được các kỹ thuật và các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện | PEO 1,2,5 |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                               | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT<br>(PLO) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | CLO1: Trình bày được các khái niệm, cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng và các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.                       | S: PLO 4,7<br>H: PLO 1                     |
| 2  | CLO2: Trình bày được một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng                                                                               | S: PLO 4,7<br>H: PLO 1,6,11                |
| 3  | CLO3 Trình bày được mô hình tổ chức, hoạt động, cách triển khai sắp xếp các bộ phận của khoa dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện          | S: PLO 4,6,5<br>H: PLO 1,13,14             |
| 4  | CLO4: Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc, nhu cầu dinh dưỡng và một số chế độ ăn cơ bản trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh | S: PLO 4<br>H: PLO 1,7,11                  |
| 5  | CLO5: Áp dụng được các kỹ thuật và các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện                            | S: PLO 5<br>H: PLO 1,4,12                  |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                    | CĐR HP       |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1  | <b>Bài 1. Quy trình can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng</b><br>1. Cơ sở của can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Hoạt động dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện hiện nay<br>1.3. Mô hình chăm sóc dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện<br>1.4. Quá trình can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng trong bệnh viện<br>2. Quy trình can thiệp dinh | 04      | 1. Trình bày được các khái niệm của quy trình chăm sóc dinh dưỡng.<br>2. Trình bày được cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng tới chăm sóc dinh dưỡng.<br>3. Trình bày được các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng. | <b>CLO 1</b> |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                         | CĐR HP  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|    | dưỡng cho người bệnh<br>2.1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng<br>2.2. Chẩn đoán dinh dưỡng<br>2.3. Can thiệp dinh dưỡng<br>2.4. Theo dõi và đánh giá chăm sóc dinh dưỡng<br>2.5. Ghi chép hồ sơ chăm sóc dinh dưỡng                                                                                                                                                                      |         |                                                                                                                                                                                                                                                                          |         |
| 2  | <b>Bài 2. Một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng</b><br>1. Suy dinh dưỡng Protein năng lượng<br>2. Thiếu VitaminA và bệnh khô mắt<br>3. Thiếu máu dinh dưỡng:<br>4. Bệnh béo phì<br>5. Các bệnh khác: bướu cổ do thiếu Iod, Beri- Beri...                                                                                                                                             | 04      | 1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học thiếu dinh dưỡng protein năng lượng.<br>2. Mô tả được các thang phân loại và đánh giá TTDD.<br>3. Trình bày được các nội dung triển khai hoạt động phòng chống SDD trẻ em.<br>4. Mô tả được một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng. | CLO 2   |
| 3  | <b>Bài 3. Dinh dưỡng trong điều trị một số bệnh</b><br>1. Dinh dưỡng trong bệnh lý đường tiêu hoá<br>2. Dinh dưỡng trong bệnh lý thận<br>3. Dinh dưỡng trong bệnh lý tim mạch<br>4. Dinh dưỡng trong bệnh lý nội tiết chuyển hoá                                                                                                                                                       | 04      | 1. Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh<br>2. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh.<br>3. Mô tả được một số chế độ ăn cơ bản trong bệnh viện.                                                               | CLO 2,3 |
| 4  | <b>Bài 4. Tổ chức khoa dinh dưỡng</b><br>1. Các văn bản pháp luật liên quan<br>2. Xác định chức năng của khoa dinh dưỡng<br>3. Tổ chức khoa dinh dưỡng<br>4. Chức năng nhiệm vụ các thành viên<br>4.1. Trưởng khoa<br>4.2. Bác sỹ dinh dưỡng<br>4.3. Cử nhân kinh tế (Kế toán)<br>4.4. Điều dưỡng trưởng<br>4.5. Điều dưỡng, kỹ thuật viên tiết chế<br>4.6. Kỹ thuật, Nhân viên nấu ăn | 02      | 1. Mô tả được chức năng và tổ chức của khoa dinh dưỡng trong bệnh viện.<br>2. Mô tả được hoạt động khoa dinh dưỡng trong bệnh viện.                                                                                                                                      | CLO 3   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                         | CĐR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 4.7. Nhân viên phục vụ<br>5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ<br>6. Tổ chức các hoạt động khoa dinh dưỡng<br>7. Khoa dinh dưỡng và các đơn vị khác trong bệnh viện                                                                                                                                                                                                   |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |        |
| 5  | <b>Bài 5. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh</b><br>1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Các nội dung trong đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh<br>2. Quy trình đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân<br>2.1. Sàng lọc dinh dưỡng<br>2.2. Đánh giá dinh dưỡng<br>2.3. Các công cụ sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng | 02      | 1. Nêu được các nội dung đánh giá tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân.<br>2. Nêu được các phương pháp, kỹ thuật sử dụng trong đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.<br>3. Nêu được quy trình đánh giá dinh dưỡng trên người bệnh.<br>4. Tính được nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh | CLO5   |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                     | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                  | CĐR         |
|----|-----------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1  | Lâm sàng khoa Nội tiết      | 08      | 1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.<br>2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng<br>3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh. | CLO 1,2,4,5 |
| 2  | Lâm sàng khoa Thận nhân tạo | 08      | 1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.<br>2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng<br>3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh. | CLO 1,2,4,5 |
| 3  | Lâm sàng khoa tim mạch      | 08      | 1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.<br>2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng<br>3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh. | CLO 1,2,4,5 |
| 4  | Lâm sàng khoa ngoại         | 08      | 1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.<br>2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng<br>3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người       | CLO 1,2,4,5 |

|  |  |  |       |  |
|--|--|--|-------|--|
|  |  |  | bệnh. |  |
|--|--|--|-------|--|

### III. Phương pháp dạy/học

#### 1. Lý thuyết: Tại giảng đường

- Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm;
- Thuyết trình;
- Thảo luận nhóm;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

#### 2. Lâm sàng: tại bệnh viện

- Giảng đầu giường;
- Thảo luận nhóm;
- Dạy - học theo nghiên cứu từng ca bệnh;
- Bình bệnh án.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

#### 1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, bài giảng PP, bảng, phấn

#### 2. Thực hành: Bệnh nhân, ca bệnh, tình huống lâm sàng, hồ sơ, bệnh án

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá      | Tiêu chí đánh giá       | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|-------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | 1            | Đi học đầy đủ, đúng giờ | Đi học đầy đủ, đúng giờ |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Viết câu hỏi ngắn       | Thang điểm              | CLO 2             | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,2                | 1            | Bài tập thực hành       | Thang điểm              | CLO 1,2,4,5       | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,6                | 1            | Thi trắc nghiệm         | Thang điểm              | CLO 1,2,4,5       | 10          |

**Công thức tính điểm:**  $\text{Đ.HP} = \text{Đ.GHP} \times 0,1 + \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.LT} \times 0,6 + \text{Đ.TH} \times 0,2$

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí | Điểm trừ |
|----------|----------|
|----------|----------|

|                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| Không vắng          | 0                   |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/2tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/2tiết học  |
| Đi muộn             | Trừ 0,5 điểm/lần    |

## Rubric 2: Vấn đáp

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                           |                                     |                                    |                                    |                                     |
|---------------------------|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)              | Điểm (4.0-5.4)                      | Điểm (5.4-6.9)                     | Điểm (7.0-8.4)                     | Điểm (8.5-10)                       |
| Nội dung câu hỏi          | Trả lời đúng câu hỏi <39% | Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 % | Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69% | Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84% | Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100% |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

### 1. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2017), Bài giảng Dinh dưỡng điều trị, NXB Y học.
2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, nhà xuất bản y học.

### 2. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội, Dinh dưỡng lâm sàng, nhà xuất bản y học.

## VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| Tuần | Nội dung giảng dạy                                    | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------|-------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | <b>Bài 1. Quy trình can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng</b> | 04         | Nghiên cứu trước tài liệu:<br>- Bài giảng Quy trình can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng - Giáo trình Dinh dưỡng An toàn thực phẩm, Bộ môn DD&ATTP, trường ĐHYD Thái Bình, NXB Y học.<br>- TLTK: Dinh dưỡng lâm sàng - Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản y học.<br>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống |
| 1    | <b>Bài 2. Một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng</b> | 04         | Nghiên cứu trước tài liệu:<br>- Bài giảng Một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng - Giáo trình Dinh dưỡng An toàn thực phẩm, Bộ môn DD&ATTP, trường ĐHYD Thái Bình, NXB Y học.                                                                                                                              |

|   |                                                         |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|---------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                         |    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- TLTK: Dinh dưỡng lâm sàng - Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản y học.</li> <li>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 2 | <b>Bài 3. Dinh dưỡng trong điều trị một số bệnh</b>     | 04 | <p>Nghiên cứu trước tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng Dinh dưỡng trong điều trị một số bệnh - Giáo trình Dinh dưỡng điều trị, Bộ môn DD&amp;ATTP, trường ĐHYD Thái Bình, NXB Y học.</li> <li>- TLTK: Dinh dưỡng lâm sàng - Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản y học.</li> <li>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống</li> </ul>                                                                                                    |
| 2 | <b>Bài 4. Tổ chức khoa dinh dưỡng</b>                   | 04 | <p>Nghiên cứu trước tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng Tổ chức khoa dinh dưỡng - Giáo trình Dinh dưỡng An toàn thực phẩm, Bộ môn DD&amp;ATTP, trường ĐHYD Thái Bình, NXB Y học.</li> <li>- Thông tư số 18/2020/TT-BYT Quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện- Bộ Y tế (2020).</li> <li>- TLTK: Dinh dưỡng lâm sàng - Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản y học.</li> <li>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống</li> </ul> |
| 2 | <b>Bài 5. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh</b> | 04 | <p>Nghiên cứu trước tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài giảng Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh - Giáo trình Dinh dưỡng An toàn thực phẩm, Bộ môn DD&amp;ATTP, trường ĐHYD Thái Bình, NXB Y học.</li> <li>- TLTK: Dinh dưỡng lâm sàng - Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản y học.</li> <li>- Mẫu phiếu sàng lọc và đánh giá TTDD người bệnh</li> <li>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống</li> </ul>                             |
| 3 | <b>Lâm sàng khoa Nội tiết</b>                           | 8  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem video mô phỏng đánh giá SGA mẫu</li> <li>- Sàng lọc, đánh giá TTDD người bệnh trên mẫu phiếu SGA (2 phiếu/sv/tuần)</li> <li>- Chuẩn bị trước ca lâm sàng, bệnh án nghiên cứu, người bệnh</li> <li>- Phân tích tình huống, xây dựng quy trình và lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng</li> </ul>                                                                                                                                 |
| 4 | <b>Lâm sàng khoa Thận nhân tạo</b>                      | 8  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem video mô phỏng đánh giá SGA mẫu</li> <li>- Sàng lọc, đánh giá TTDD người bệnh trên mẫu phiếu SGA (2 phiếu/sv/tuần)</li> <li>- Chuẩn bị trước ca lâm sàng, bệnh án nghiên cứu, người bệnh</li> <li>- Phân tích tình huống, xây dựng quy trình và lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng</li> </ul>                                                                                                                                 |

|   |                               |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|-------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5 | <b>Lâm sàng khoa tim mạch</b> | 8 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem video mô phỏng đánh giá SGA mẫu</li> <li>- Sàng lọc, đánh giá TTDD người bệnh trên mẫu phiếu SGA (2 phiếu/sv/tuần)</li> <li>- Chuẩn bị trước ca lâm sàng, bệnh án nghiên cứu, người bệnh</li> <li>- Phân tích tình huống, xây dựng quy trình và lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng</li> </ul> |
| 6 | <b>Lâm sàng khoa ngoại</b>    | 8 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem video mô phỏng đánh giá SGA mẫu</li> <li>- Sàng lọc, đánh giá TTDD người bệnh trên mẫu phiếu SGA (2 phiếu/sv/tuần)</li> <li>- Chuẩn bị trước ca lâm sàng, bệnh án nghiên cứu, người bệnh</li> <li>- Phân tích tình huống, xây dựng quy trình và lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng</li> </ul> |

## **IX. Quy định với sinh viên:**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Đi học đúng giờ.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Chấp hành các nội quy của lớp học.
- Tiếp cận với các thao tác trên phần mềm.
- Tiếp cận với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân để nắm bắt được các thông tin cần thiết về bệnh lý mà bệnh nhân đang điều trị.
- Khám bệnh và theo dõi diễn biến của người bệnh.
- Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.
- Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng.
- Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.
- Tham gia các buổi giảng lâm sàng.
- Tham gia các buổi sinh hoạt khoa học.

### **2. Quy định điều kiện dự thi**

Sinh viên phải có điểm thực hành  $\geq 4$  điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Ngày/tháng/năm</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1         | Lần 1                             | 5/2019                |                       |
| 2         | Lần 2                             | 5/2021                |                       |
| 3         | Lần 3                             | 5/2023                |                       |
| 4         | Dự kiến                           | 5/2025                |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Phạm Thị Dung**

## Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 2

Mã ngành: 7720110

## 1.Thông tin chung

196

## 2. Mô tả chung về học phần

Giáo dục và nâng cao sức khỏe nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về các phương tiện, phương pháp, cách thức trong truyền thông giáo dục sức khỏe để từ đó cán bộ y tế vận dụng các kiến thức trong truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học bác sỹ y học dự phòng trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên           | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                     | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|---------------------------|-----------|
| 1  | Nguyễn Đức Thanh | PGS. TS            | 0912357575    | bsthanh@hotmail.com       | Phụ trách |
| 2  | Trần Đình Thoan  | Tiến sỹ            | 0979895118    | trandinhthoantb@gmail.com | Tham gia  |
| 3  | Đặng Văn Nghiễm  | Tiến sỹ            | 0904269378    | nghiemdv1961@gmail.com    | Tham gia  |
| 4  | Phan Thu Nga     | Thạc sỹ            | 0976625250    | phanthunga2710@gmail.com  | Tham gia  |
| 5  | Nguyễn Thị Ái    | Thạc sỹ            | 0984391406    | nguyenai198@gmail.com     | Tham gia  |
| 6  | Nguyễn Hà My     | Thạc sỹ            | 0976599971    | hamy0359@gmail.com        | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Văn Tiến  | Thạc sỹ            | 0972213609    | tiennv@tbump.edu.vn       | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Quỳnh Hoa | Thạc sỹ            | 0987324899    | quynhhoanckh@gmail.com    | Tham gia  |

## 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                      | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe                               | PEO 1               |
| 2  | Phân tích được hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe, các phương pháp, phương tiện, kỹ năng TT-GDSK    | PEO 2<br>PEO 4      |
| 3  | Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động cho một chương trình TT-GDSK tại cộng đồng, nơi làm việc | PEO4                |
| 4  | Thực hiện được một chương trình truyền thông tại cộng đồng                                                             | PEO4                |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                   | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của<br>CTĐT (PLO) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Vận dụng được kiến thức TT-GDSK trong thực hành chuyên môn YHDP                                                                | S/PLO1<br>H/PLO3                           |
| 2  | Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng và đưa ra được các giải pháp để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng     | H/PLO1<br>H/PLO11                          |
| 3  | Tham gia đào tạo cán bộ YHDP và nhân viên y tế                                                                                 | S/PLO9<br>H/PLO13                          |
| 4  | Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp | H/PLO7<br>H/PLO8                           |
| 5  | Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động                        | H/PLO4<br>H/PLO5<br>H/PLO9<br>S/PLO13      |
| 6  | Thực hiện được chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe trong các lĩnh vực về YHDP                                          | H/PLO8<br>H/PLO9<br>S/PLO13                |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1. Khái niệm về Truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, chiến lược và địa điểm nâng cao sức khỏe.</b><br>1. Một số khái niệm<br>2. Mục đích cơ bản của TT-GDSK là giúp cá nhân và mọi thành viên trong cộng đồng<br>3. Các mô hình truyền thông giáo dục sức khỏe<br>4. Vị trí, vai trò của TT-GDSK trong CSSKBĐ<br>5. Trách nhiệm thực hiện TT-GDSK<br>6. Hệ thống tổ chức TT-GDSK<br>7. Mười điều cần ghi nhớ khi làm TT-GDSK<br>8. Mô hình PRECEDE/PROCEED<br>9. Tại sao dùng mô hình PRECEDE/PROCEED trong GD&NCSK<br>10. Nâng cao sức khỏe | 2       | PEO 1            | CLO 1  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập | CĐR HP    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|-----------|
| 2  | <b>Bài 2: Mô hình truyền thông và kỹ năng truyền thông giao tiếp trong GDSK</b><br>1. Mô hình truyền thông<br>2. Các yêu cầu giúp TTGDSK đạt hiệu quả<br>3. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản<br>4. Ứng dụng các kỹ năng TTGDSK và một tình huống cụ thể                                                                                                                                              | 2       | MT 2             | CĐR 1     |
| 3  | <b>Bài 3. Cách sử dụng một số tài liệu truyền thông tại cộng đồng</b><br>1. Tầm quan trọng của tài liệu truyền thông tại cộng đồng<br>2. Cách sử dụng các tài liệu truyền thông<br>3. Lựa chọn tài liệu truyền thông<br>4. Bảng kiểm sử dụng tài liệu truyền thông trực tiếp                                                                                                                     | 2       | MT 3             | CĐR 2,3   |
| 4  | <b>Bài 4. Một số hình thức truyền thông tại cộng đồng</b><br>1. Tư vấn sức khỏe<br>2. Thảo luận nhóm<br>3. Thăm hộ gia đình<br>4. Tổ chức chiến dịch truyền thông<br>5. Một số hình thức truyền thông khác                                                                                                                                                                                       | 2       | MT 3             | CĐR 2,3   |
| 5  | <b>Bài 5. Giám sát và đánh giá các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe</b><br>1. Giám sát các hoạt động TT-GDSK<br>2. Đánh giá các hoạt động TT-GDSK<br>3. Những vấn đề cơ bản của đánh giá một chương trình TT-GDSK<br>4. Các bước cơ bản của quá trình đánh giá<br>5. Các bước đánh giá                                                                                                   | 2       | MT 3,4           | CĐR 4,5,6 |
| 6  | <b>Bài 6. Đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng</b><br>1. Các đối tượng có thể đào tạo để thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe ở cộng đồng<br>2. Các nội dung cần thực hiện trong đào tạo cán bộ truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng<br>3. Thực hiện kế hoạch đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo<br>4. Giới thiệu một số phương pháp dạy/học sử dụng trong các khóa đào tạo TT-GDSK | 4       | MT 3,4           | CĐR 4,5,6 |
| 7  | <b>Bài 7: Xã hội hoá các hoạt động truyền thông – GDSK tại cộng đồng</b><br>1. Khái niệm, mục đích của xã hội hóa hoạt động TT-GDSK<br>2. Các đối tác và các ban ngành có thể tham gia hoạt động TT-GDSK<br>3. Các biện pháp thực hiện xã hội hóa TT-GDSK                                                                                                                                        | 2       | MT 3,4           | CĐR 4,5,6 |

| TT | Tên bài                                                   | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------|---------|------------------|--------|
|    | 4. Một số nguyên tắc chỉ đạo thực hiện xã hội hóa TT-GDSK |         |                  |        |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|---------|
| 1  | Truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, các chiến lược và địa điểm nâng cao sức khỏe | 2       | MT2              | CDR 2,3 |
| 2  | Mô hình truyền thông và kỹ năng truyền thông giao tiếp trong giáo dục sức khỏe                    | 2       | MT2              | CDR 2,3 |
| 3  | Cách sử dụng một số mô hình truyền thông tại cộng đồng                                            | 2       | MT2              | CDR 2,3 |
| 4  | Giám sát và đánh giá các hoạt động TT-GDSK                                                        | 2       | MT3              | CDR 4,5 |
| 5  | Một số hình thức truyền thông tại cộng đồng                                                       | 4       | MT4              | CDR 6   |
| 6  | Đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng                                                              | 4       | MT4              | CDR 6   |

## III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Thảo luận nhóm;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

## IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector;
- Bảng, phấn;
- Câu hỏi phát vấn.

## V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 5.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần           | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá                            | CDR được đánh giá                 | Điểm tối đa |
|---------------------------|--------------------|--------------|--------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC) | 10%                | 1            | Theo quy chế       | - Qua sổ nhật ký<br>- Thái độ học tập của SV | CLO 4                             | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP) | 10%                | 1            | Bài kiểm tra viết  | $\geq 4$ : Đạt                               | CDR 1,2,3,4,5,6 (không lấy hết 6) | 10          |
| Điểm thực hành            | 40%                | 1            | Bài kiểm tra viết  | $\geq 4$ : Đạt                               | CDR 1,2,3,4,5,6                   | 10          |

|                                |     |   |                          |                |                 |    |
|--------------------------------|-----|---|--------------------------|----------------|-----------------|----|
| (ĐTH)                          |     |   |                          |                | (xem lại: bỏ 1) |    |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40% | 1 | Bài kiểm tra trắc nghiệm | $\geq 4$ : Đạt | CĐR 1,2,3,4,5,6 | 10 |

**Công thức tính điểm:**

Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,1 + Điểm TH x 0,4 + Điểm kết thúc HP x 0,4

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | 0.5      |
| Nghỉ học không phép | 1        |
| Đi muộn             | 0.5      |

**Rubric 2: Thi báo cáo chuyên đề (thực hành): 10 điểm**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                  |                                                              |                                                    |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                               | Điểm (8.5-10)                                      |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**Rubric 3: Thi trắc nghiệm: 10 điểm**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                   |                                                               |                                                     |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                    | Điểm (7.0-8.4)                                                | Điểm (8.5-10)                                       |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót. | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng. | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng. |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo**

**1. Tài liệu học tập**

1. Trương Quang Tiến (2012), *Truyền thông sức khỏe*, Nhà xuất bản lao động xã hội, Hà Nội.
2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế - Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2019), *Truyền thông – Giáo dục sức khỏe II*.

## 2. Tài liệu tham khảo

1. Klaus Krickeberg, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Bích (2014), *Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Dịp (2001), *Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
3. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho giảng viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho học viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| STT              | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                              |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lý thuyết</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |                                                                                                     |
| 1                | <b>Bài 1. Khái niệm về Truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, chiến lược và địa điểm nâng cao sức khỏe.</b><br>Câu hỏi thảo luận:<br>1. Truyền thông - giáo dục sức khỏe khác gì so với nâng cao sức khỏe?<br>2. Hiểu thế nào về khái niệm nâng cao sức khỏe (Health Promotion)? Đây là sự khác biệt giữa nâng cao sức khỏe và chăm sóc sức khỏe? | 2          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [1], [2],<br>+Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1].  |
| 2                | <b>Bài 2: Mô hình truyền thông và kỹ năng truyền thông giao tiếp trong GDSK</b><br>Thảo luận: Làm thế nào để lựa chọn mô hình truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể?                                                                                                                                                                                | 2          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [1], [2],<br>+Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1].  |
| 3                | <b>Bài 3. Cách sử dụng một số tài liệu truyền thông tại cộng đồng</b><br>Thảo luận: 1. Áp phích có hiệu quả trong việc truyền tải thông điệp sức khỏe không? Vì sao?<br>2. Việc sử dụng video truyền thông tại cộng đồng được hiểu như thế nào? Video có những lợi ích gì so với tài liệu in ấn?                                                                  | 4          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [1], [2],<br>+Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1].  |
| 4                | <b>Bài 4. Một số hình thức truyền thông tại cộng đồng</b><br>Thảo luận: vai trò của truyền thông qua phương tiện đại chúng (TV, radio, mạng xã hội) trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng?                                                                                                                                                                       | 2          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [3], [4],<br>+ Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1]. |
| 5                | <b>Bài 5. Giám sát và đánh giá các hoạt</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2          | - Nghiên cứu trước                                                                                  |

| STT              | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                       |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  | <b>động truyền thông giáo dục sức khỏe</b><br>Thảo luận: Giám sát và đánh giá có vai trò gì trong việc nâng cao chất lượng các chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe?                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |            | +Tài liệu HT [1], [2], TLTK [3], [4],<br>- Câu hỏi thảo luận, TLTK [1], [2], [3], [4].                       |
| 6                | <b>Bài 6. Đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng</b><br>Thảo luận: Các nội dung đào tạo cơ bản dành cho cán bộ TT-GDSK. Nội dung nào là quan trọng nhất?                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2], TLTK [3], [4],<br>- Câu hỏi thảo luận, TLTK [1], [2], [3], [4]. |
| 7                | <b>Bài 7: Xã hội hoá các hoạt động truyền thông – GDSK tại cộng đồng</b><br>Thảo luận: Các hình thức xã hội hóa phổ biến trong truyền thông - GDSK tại cộng đồng. Hình thức nào hiệu quả nhất? Vì sao?                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2], TLTK [3], [4],<br>- Câu hỏi thảo luận, TLTK [1], [2], [3], [4]. |
| <b>Thực hành</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |                                                                                                              |
| 1                | Bài 1. Truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, các chiến lược và địa điểm nâng cao sức khỏe<br>Tình huống: Một cộng đồng tại khu vực nông thôn đang đối mặt với các vấn đề sức khỏe như tỷ lệ mắc bệnh không lây nhiễm (tiểu đường, tăng huyết áp) ngày càng tăng, thói quen ăn uống không lành mạnh, và thiếu hoạt động thể chất. Chính quyền địa phương đã quyết định triển khai một chiến dịch truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính và nhân lực còn hạn chế, và sự tham gia của cộng đồng chưa thực sự tích cực.<br>1. Những yếu tố nào cần được xem xét khi xây dựng chiến lược truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng này?<br>2. Những địa điểm nào là phù hợp nhất để triển khai các hoạt động nâng cao sức khỏe tại cộng đồng này? Vì sao? | 6          | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4].                                                           |
| 2                | Bài 2. Mô hình truyền thông và kỹ năng truyền thông giao tiếp trong giáo dục sức khỏe<br>Tình huống: Tại một trường trung học phổ thông, tỷ lệ học sinh gặp các vấn đề về sức khỏe tâm lý như căng thẳng, lo âu và mất ngủ ngày càng gia tăng. Nhà trường quyết định triển khai một chương trình giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6          | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4].                                                           |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------|
|     | <p>sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức và hỗ trợ học sinh cải thiện sức khỏe tâm lý. Tuy nhiên, nhiều học sinh cảm thấy khó chia sẻ vấn đề của mình, và giáo viên chưa được đào tạo đầy đủ về kỹ năng truyền thông giao tiếp để hỗ trợ học sinh.</p> <p>1. Hãy thảo luận về các mô hình truyền thông phổ biến (ví dụ: mô hình KAP, mô hình Health Belief Model). Mô hình nào phù hợp nhất với tình huống này? Vì sao?</p> <p>2. Bạn nghĩ gì về việc sử dụng các kênh truyền thông kỹ thuật số (ví dụ: mạng xã hội, ứng dụng di động) để tiếp cận học sinh trong tình huống này?</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |                                                    |
| 3   | <p>Bài 3. Cách sử dụng một số mô hình truyền thông tại cộng đồng</p> <p>Tình huống: ại một cộng đồng ven đô, tỷ lệ người dân mắc các bệnh không lây nhiễm như tiểu đường, tăng huyết áp và béo phì đang gia tăng. Chính quyền địa phương quyết định triển khai một chiến dịch truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân. Tuy nhiên, người dân trong cộng đồng này có trình độ học vấn không đồng đều, và một số nhóm dân cư chưa thực sự quan tâm đến các vấn đề sức khỏe. Chính quyền muốn áp dụng các mô hình truyền thông để tối ưu hóa hiệu quả chiến dịch.</p> <p>1. Làm thế nào để đảm bảo thông điệp giáo dục sức khỏe được truyền tải một cách rõ ràng và hiệu quả đến người dân?</p> <p>2. Các thách thức nào thường gặp trong việc áp dụng mô hình truyền thông tại cộng đồng này? Làm thế nào để khắc phục?</p> | 6          | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4]. |
| 4   | <p>Bài 4. Giám sát và đánh giá các hoạt động TT-GDSK</p> <p>Tình huống: Tại một huyện miền núi, chính quyền địa phương đã triển khai một chương trình truyền thông - giáo dục sức khỏe (TT-GDSK) nhằm nâng cao nhận thức về vệ sinh cá nhân và phòng chống dịch bệnh. Chương trình bao gồm các hoạt động như tổ chức hội thảo, phát tờ rơi, và phát thanh qua loa truyền thanh xã. Sau 6 tháng triển khai, chính quyền muốn đánh giá hiệu quả của</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6          | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4]. |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------|
|     | <p>chương trình để cải thiện và mở rộng trong tương lai. Tuy nhiên, việc giám sát và đánh giá gặp nhiều khó khăn do địa bàn rộng, dân cư phân tán, và thiếu nguồn lực.</p> <p>1. Hãy thảo luận về các phương pháp giám sát phổ biến (ví dụ: khảo sát, phỏng vấn, quan sát). Phương pháp nào phù hợp nhất với tình huống này? Vì sao?</p> <p>2. Theo bạn, làm thế nào để thu thập dữ liệu giám sát một cách hiệu quả tại các khu vực dân cư phân tán?</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |                                                    |
| 5   | <p>Bài 5. Một số hình thức truyền thông tại cộng đồng</p> <p>Tình huống: Tại một xã nông thôn, chính quyền địa phương nhận thấy rằng người dân chưa có đủ kiến thức về việc bảo vệ môi trường và xử lý rác thải sinh hoạt. Để giải quyết vấn đề này, chính quyền quyết định triển khai một chiến dịch truyền thông cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích hành động bảo vệ môi trường. Các hình thức truyền thông được đề xuất bao gồm: tổ chức hội thảo, phát tờ rơi, sử dụng loa phát thanh xã, và truyền thông qua mạng xã hội. Tuy nhiên, mỗi hình thức truyền thông đều có ưu và nhược điểm riêng, và cần được lựa chọn phù hợp với đặc điểm của cộng đồng.</p> <p>1. Nếu bạn được giao nhiệm vụ thiết kế một chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường cho cộng đồng này, bạn sẽ áp dụng hình thức truyền thông nào? Vì sao?</p> <p>2. Bạn nghĩ gì về việc tổ chức các buổi thảo luận nhóm hoặc tư vấn cá nhân để hỗ trợ người dân thay đổi hành vi bảo vệ môi trường?</p> | 6          | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4]. |
| 6   | <p>Bài 6. Đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng</p> <p>Tình huống: Tại một xã vùng sâu, vùng xa, chính quyền địa phương nhận thấy rằng đội ngũ cán bộ truyền thông - giáo dục sức khỏe (TT-GDSK) chưa được đào tạo bài bản, dẫn đến hiệu quả truyền thông chưa cao. Các cán bộ thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận người dân, truyền tải thông điệp một cách rõ ràng, và tổ chức các hoạt động giáo</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6          | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4]. |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|
|     | <p>đục sức khỏe. Chính quyền quyết định triển khai một chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ TT-GDSK, tập trung vào các kỹ năng như giao tiếp, lập kế hoạch, và đánh giá hiệu quả.</p> <p>1. Nếu bạn được giao nhiệm vụ thiết kế một chương trình đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng này, bạn sẽ áp dụng phương pháp nào? Vì sao?</p> <p>2. Làm thế nào để xây dựng mối quan hệ tin cậy giữa đội ngũ đào tạo và cán bộ TT-GDSK trong quá trình đào tạo?</p> |            |                        |

## IX. Quy định với sinh viên:

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

### 2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

## X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Lần 1                      | 5/2019         |                |
| 2  | Lần 2                      | 5/2021         |                |
| 3  | Lần 3                      | 5/2023         |                |
| 4  | Dự kiến                    | 5/2025         |                |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Phạm Thị Dung**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Dân số học**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dân số học**

Tên tiếng Anh: **Demography**

Mã học phần: 3130DEMOGR0T

Ngành: Y học Dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I.Hành chính.**

**1.Thông tin chung:**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>2(1-1)</b><br><b>16</b><br><b>16</b><br><b>68</b>                                                                                                                       |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành:<br>Kết thúc học phần:                 | <b>3</b><br><b>1</b><br><b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                               |
| Học phần học trước:                                                                               | Tâm lý y học – Y đức; Xác suất thống kê                                                                                                                                    |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Bộ môn Xã hội học sức khỏe                                                                                                                                                 |

**2.Mô tả chung về học phần:**

Dân số học là một môn khoa học – xã hội. Các hiện tượng dân số gắn chặt với đời sống của xã hội. Vì vậy, dân số học nghiên cứu đến hành vi của con người. Chẳng hạn: sinh và chết không phải chỉ có tác động của yếu tố sinh học mà còn chịu tác động của ý thức và hành vi của con người. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh thì tuổi kết hôn, các biện pháp tránh thai... là những yếu tố tác động trực tiếp. Những yếu tố kinh tế - xã hội có tác động trực tiếp đến mức sinh, vì vậy tác động đến số lượng con mà phụ nữ đó sinh ra. Qua việc giải thích mối quan hệ này, những quan hệ kinh tế - xã hội và dân số có thể được giải thích rõ.

Dân số học là một trong những môn nhằm trang bị kiến thức dân số cơ bản: Dân số, quy mô dân số, nguồn số liệu, mức sinh – mức chết, di dân, các yếu tố ảnh hưởng đến biến động dân số và chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

Mục tiêu của nghiên cứu dân số học là tìm ra quy luật trong các hiện tượng: sinh, chết, li hôn và di dân; các yếu tố ảnh hưởng tới các hiện tượng đó và mối quan hệ giữa các hiện tượng trên đối với tăng trưởng dân số góp phần đưa ra giải pháp chăm sóc sức khỏe người dân ngày càng tốt hơn.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

| TT | Họ tên                 | Học hàm /học vị | Số điện thoại | Email                        | Ghi chú   |
|----|------------------------|-----------------|---------------|------------------------------|-----------|
| 1  | Trần Thị Thu Hà        | ThS - BSKII     | 0989535028    | hatlyd@gmail.com             | Phụ trách |
| 2  | Nguyễn Văn Thịnh       | Thạc sỹ         | 0989187178    | thinhnv6374@gmail.com        | Tham gia  |
| 3  | Nguyễn Thị Minh Phương | Thạc sỹ         | 0977993710    | nguyenminhphuong84@gmail.com | Tham gia  |
| 4  | Bùi Thị Huyền Diệu     | Tiến sỹ         | 0889581410    | huyendieu1410@gmail.com      | Tham gia  |
| 5  | Đặng Thị Bích Hằng     | Thạc sỹ         | 0977267116    | dangbichhang@gmail.com       | Tham gia  |
| 6  | Phạm Thị Hương Ly      | Thạc sỹ         | 098110678     | phamly2504@gmail.com         | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Thị Hà Phương   | Trợ giảng       | 0384507552    | hphuong.950522@gmail.com     | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần:

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mục tiêu CTĐT (PEO)   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1  | <b>Kiến thức:</b><br>1. Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản về dân số và nguồn số liệu.<br>2. Trình bày được định nghĩa, phương pháp tính, các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh, mức chết và di dân.<br>3. Trình bày được nội dung cơ bản của chương trình ĐSKHHGD và chính sách dân số của Việt Nam qua từng thời kỳ | <b>PEO 1</b>          |
| 2  | <b>Kỹ năng:</b><br>a. Tính toán được các chỉ số về mức sinh, mức chết, di dân giúp cho việc xây dựng chính sách một cách phù hợp.<br>b. Thực hành vẽ được tháp dân số<br>c. Xây dựng được 1 cuộc điều tra theo phương pháp chọn mẫu                                                                                          | <b>PEO 1, 3, 4, 5</b> |
| 3  | <b>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b><br>1. Nâng cao vai trò trách nhiệm của mình trong hoạt động về dân số. Trung thực khách quan khiếm tốn, có tinh thần học tập vươn lên.<br>2. Có ý thức tự học, có phương pháp học tập. Tôn trọng chân thành, hợp tác với đồng nghiệp.                                                  | <b>PEO 4, 5</b>       |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1  | Vận dụng được các chỉ số về dân số trong chăm sóc sức khỏe.                                                                                                                                                                                                                                                             | S: PLO 1, 2<br>H: 8                            |
| 2  | Vận dụng các kiến thức về dân số để thực hiện chương trình dân số KHHGD                                                                                                                                                                                                                                                 | S: PLO 1, 2<br>H: PLO 9, 11                    |
| 3  | Người học có kiến thức, có kỹ năng và gắn với thái độ học tập tích cực thông qua bài giảng của thầy cô, kết hợp cùng phương pháp học tích cực là cơ sở để trau dồi và tích lũy tri thức. Trên cơ sở đó, học viên tự nhìn nhận và tự điều chỉnh bản thân trong suốt quá trình rèn giũa kỹ năng và phát triển chuyên môn. | S: PLO 1, 2, 8, 9<br>H: PLO 10, 11, 12, 13, 14 |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                            | CĐR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1: Đại cương về dân số</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2       | 1.Trình bày được khái niệm cơ bản của dân số<br>2.Trình bày được khái niệm về quy mô, cơ cấu và phân bố dân số.<br>3.Trình bày được thành phần tháp dân số và thực hành vẽ được tháp dân số | 1, 3   |
| 2  | <b>Bài 2. Nguồn số liệu dân số</b><br><b>1. Nguồn số liệu dân số</b><br><b>2. Tổng điều tra dân số</b><br>2.1. Lịch sử TĐTDS<br>2.2. Định nghĩa, đặc điểm và nội dung TĐTDS<br>2.3. Điều tra thử<br>2.4. Thu thập số liệu<br>2.5. Đánh giá kết quả<br><b>3. Điều tra chọn mẫu</b><br>3.1. Sự cần thiết<br>3.2. Nội dung<br>3.3. Các bước tiến hành<br><b>4. Thống kê hộ tịch</b>                                                                                                                                                                                                                            | 2       | 1.Trình bày được định nghĩa, đặc điểm và nội dung của tổng điều tra dân số.<br>2.Trình bày được điều tra theo phương pháp chọn mẫu<br>3.Trình bày được đặc điểm của thống kê hộ tịch.       | 1, 3   |
| 3  | <b>Bài 3: Mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng</b><br><b>1. Các khái niệm cơ bản về sinh sản</b><br><b>2. Các chỉ số đo lường mức sinh</b><br>2.1. Tỷ suất sinh thô (CBR)<br>2.2. Tỷ suất sinh chung (GFR)<br>2.3. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (ASFR)<br>2.3. Tổng tỷ suất sinh (TFR)<br>2.3. Tái sinh sản<br>2.4. Độ dài thế hệ và thời gian gấp đôi dân số<br><b>3. Xu hướng biến động mức sinh</b><br><b>4. Các yếu tố ảnh hưởng mức chết</b><br>- Yếu tố văn hóa/xã hội<br>- Yếu tố kinh tế<br>- Trình độ phát triển y học, mạng lưới y tế, vệ sinh phòng bệnh<br>- Chính sách dân số<br>- Yếu tố khác | 3       | 1. Trình bày được các khái niệm về sinh sản<br>2. Trình bày và áp dụng tính toán được các chỉ số đo lường mức sinh<br>3. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh.                  | 1, 3   |
| 4  | <b>Bài 4: Mức chết và yếu tố ảnh hưởng</b><br><b>1. Các khái niệm cơ bản/Phân loại nguyên nhân tử vong và sự cần thiết nghiên cứu mức chết</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2       | 1 Trình bày được khái niệm tử vong (chết), sự cần thiết nghiên cứu mức tử vong.                                                                                                             | 1, 3   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                               | CDR HP |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | <b>2. Các chỉ số đo lường mức chết chung (CDR, ASDRx)</b><br>2.1. Tỷ suất chết thô (CDR)<br>2.2. Tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi (ASDR)<br>2.3. Tỷ suất chết bà mẹ (MMR)<br>2.4. Các chỉ số đo lường mức chết trẻ em (IMR, PMR, U5MR)<br>- Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi (IMR - Infant Mortality Rate).<br>- Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi (U5-MR):<br>2.5. Đo lường mức chết theo nguyên nhân<br>2.6. Tuổi thọ ( $e_x$ )<br><b>3. Mô hình tử vong tại Việt Nam và thế giới</b><br><b>4. Các yếu tố ảnh hưởng mức chết</b><br>- Mức sống của dân cư<br>- Trình độ phát triển y học, mạng lưới y tế, vệ sinh phòng bệnh<br>- Môi trường sống<br>- Điều kiện tự nhiên |         | 1. Trình bày được định nghĩa, phương pháp tính và ý nghĩa của các chỉ số cơ bản đo lường mức tử vong.<br>2. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến mức tử vong.                                              |        |
| 5  | <b>Di dân</b><br><b>1. Khái niệm và phân loại di dân</b><br>1.1. Khái niệm di dân<br>1.2. Phân loại di dân<br><b>2. Các thước đo và phương pháp đo lường di dân</b><br>2.1. Các thước đo di dân<br>2.2. Phương pháp đo lường di dân<br>3.1. Ảnh hưởng của di dân đến phát triển dân số<br>- Đối với nơi đến<br>- Đối với nơi đi<br>3.2. Ảnh hưởng của di dân đến phát triển kinh tế - xã hội<br>- Đối với nơi đến<br>- Đối với nơi đi                                                                                                                                                                                                                                        | 2       | Trình bày được khái niệm và phân loại di dân.<br>2. Liệt kê và tính toán được các thước đo và phương pháp đo lường di dân.<br>3. Trình bày được ảnh hưởng của di dân đến phát triển dân số và kinh tế - xã hội | 1, 3   |
| 6  | <b>Kế hoạch hóa gia đình</b><br><b>1. Khái niệm KHHGD</b><br>- Khái niệm<br>- Lợi ích<br><b>2. Nội dung chương trình KHHGD</b><br><b>3. Các BPTT</b><br>3.1. Yêu cầu chung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2       | <b>1.</b> Trình bày được khái niệm và nội dung cơ bản của chương trình KHHGD<br><b>2.</b> Trình bày được các biện pháp thai<br><b>3.</b> Liệt kê được các chỉ                                                  | 1, 3   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                          | CĐR HP |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 3.2. Các biện pháp tránh thai<br>- BPTT hiện đại<br>- BPTT truyền thống<br><b>4. Một số chỉ số KHHGD</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         | số về kế hoạch hóa gia đình.                                                                                                                                                                                              |        |
| 7  | <b>Chính sách dân số</b><br><b>1. Khái niệm về chính sách dân số</b><br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Mục đích của CSDS<br>1.3. Nguyên tắc viết mục tiêu của CSDS<br><b>2. Khái quát các CSDS tại Việt Nam và thế giới</b><br><b>3. Phân loại các CSDS</b><br>3.1. Các chính sách trong lĩnh vực sinh sản<br>3.2. Các chính sách trong lĩnh vực tử vong<br>3.3. Các chính sách trong lĩnh vực di cư<br><b>4. Chiến lược dân số Việt Nam</b><br><b>5. Các giải pháp và tổ chức thực hiện chiến lược dân số</b> | 2       | 1. Trình bày được khái niệm chính sách dân số và cách phân loại các chính sách dân số<br>2. Trình bày được 11 chính sách dân số hiện nay.<br>3. Trình bày được 7 giải pháp thực hiện Chiến lược dân số giai đoạn hiện nay | 1, 3   |

## 2. Thực hành

| STT | Tên bài                                                                                                  | Số tiết | Mục tiêu học tập                                   | CĐR   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|-------|
| 1   | <b>Bài 1: Mức sinh</b><br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá      | 4       | Tính toán được các chỉ số về mức sinh              | 1,2,3 |
| 2   | <b>Bài 2: Mức chết</b><br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá      | 4       | Tính toán được các chỉ số về mức chết              | 1,2,3 |
| 3   | <b>Bài 3: Di dân</b><br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá        | 4       | Tính toán được các chỉ số về di dân                | 1,2,3 |
| 4   | <b>Bài 4: Nguồn số liệu</b><br>1. Khái quát vấn đề<br>2. Thực hành theo nhóm<br>3. Tổng kết và lượng giá | 2       | Xây dựng các bước tiến hành cuộc điều tra chọn mẫu | 1,2,3 |

## 3. Lâm sàng

## III. Phương pháp dạy/học

**1. Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm.

**2. Thực hành:** thảo luận nhóm.

#### **IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học**

**1. Lý thuyết:** Máy chiếu, case, phấn, bảng, câu hỏi lượng giá, câu hỏi thảo luận.

**2. Thực hành:** chuyên đề

#### **V. Phương pháp lượng giá**

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| <b>Điểm thành phần</b>         | <b>Trọng số tính điểm</b> | <b>Bài đánh giá</b>                                                         | <b>Hình thức đánh giá</b>  | <b>Tiêu chí đánh giá</b>                                                              | <b>CDR được đánh giá</b> | <b>Điểm tối đa</b> |
|--------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                       | Hàng ngày                                                                   | Điểm danh                  | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.                            | 1,2,3                    | 10                 |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                       | 1 bài kiểm tra 45 phút gồm 3 câu hỏi ngắn gồm các nội dung kiến thức đã học | Thi viết câu hỏi ngắn      | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 3,5 điểm/2 câu, 3 điểm/1 câu. 3 câu là 10 điểm | 1,2,3                    | 10                 |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4                       | Theo hình thức Làm bài tập tình huống                                       | Bảng kiểm                  | Qua kết quả làm bài                                                                   | 1,2,3                    | 0,4                |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4                       | 1 bài kiểm tra 40 phút gồm 40 câu hỏi ngắn                                  | Thi trắc nghiệm khách quan | tổng 40 câu là 10 điểm                                                                | 1,2,3                    | 10                 |

**Công thức tính điểm: ĐHP = 0,1xĐCC+0,1xĐGHP+0,4xĐTH+0,4 ĐKTHP**

#### **Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Điểm trừ</b>                                                                |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Không vắng          | Không trừ                                                                      |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/tiết (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do điều động của Nhà trường) |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/tiết                                                                  |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần (nếu đi muộn >15 phút sẽ tính vắng không lý do)                   |

#### **Rubric 2: Vấn đáp**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                 | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu nhưng còn 1 số câu sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

### 1. Tài liệu học tập

Bộ môn Tổ chức và QLYT, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), *Giáo trình Dân số học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

### 2. Tài liệu tham khảo:

Klaus Krickeberg, Trần Trọng Khuê, Nguyễn Đức Thanh (2014), *Khoa học Dân số và Y tế Công cộng*, Nhà xuất bản Y học.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

### VIII. Hướng dẫn tự học

| Tuần | Nội dung giảng dạy                      | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                              |
|------|-----------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | Bài 1. Đại cương về dân số học          | 2          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1]                                                               |
|      | Bài 2. Nguồn số liệu dân số             | 2          | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1]<br>Bài tập Xây dựng các bước tiến hành cuộc điều tra chọn mẫu |
| 2    | Bài 3. Mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng | 10         | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1]<br>Bài tập : Tính toán được các chỉ số về mức sinh            |
|      | Bài 4. Mức chết và yếu tố ảnh hưởng     | 20         | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1]<br>Bài tập : Tính toán được các chỉ số về mức chết            |
| 3    | Bài 5. Di dân                           | 18         | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1]<br>Bài tập : Tính toán được các chỉ số về di dân              |

| Tuần | Nội dung giảng dạy           | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                                 |
|------|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------|
|      | Bài 6. Kế hoạch hóa gia đình | 8          | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1] |
| 4    | Bài 7. Chính sách dân số     | 8          | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1] |

## IX. Quy định với sinh viên:

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

### 2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt  $\geq 4$  điểm.

## X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật  |
|----|----------------------------|----------------|-----------------|
| 1. | Lần 1                      | 05/2019        | Trần Thị Thu Hà |
| 2. | Lần 2                      | 05/2021        | Trần Thị Thu Hà |
| 3. | Lần 3                      | 05/2023        | Trần Thị Thu Hà |
| 4. | Dự kiến lần 4              | 05/2025        |                 |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Phạm Thị Dung**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng**

Tên tiếng Anh: **Public health research methods**

Mã học phần: 3130COMREM0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính**

**1.Thông tin chung:**

|                              |                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                    | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:             | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                   | <b>Sinh viên Y học dự phòng</b>                                                                                                                                            |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):    | <b>4 (1/3)</b>                                                                                                                                                             |
| Số tiết Lý thuyết:           | <b>16</b>                                                                                                                                                                  |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: | <b>48</b>                                                                                                                                                                  |
| Số giờ tự học:               | <b>136</b>                                                                                                                                                                 |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):  | <b>3</b>                                                                                                                                                                   |
| Giữa học phần:               | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Thực hành:                   | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Kết thúc học phần:           | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Học phần học trước:          | Dịch tễ học; Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                                                                                               |
| Học phần tiên quyết:         |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:          |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:       | Khoa Y tế công cộng                                                                                                                                                        |

**2.Mô tả chung về học phần:**

Môn Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng.

Học phần/module Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng thuộc khối kiến thức kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, Nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

| TT | Họ tên         | Học hàm /học vị | Số điện thoại | Email                    | Ghi chú   |
|----|----------------|-----------------|---------------|--------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc   | PGS.TS          | 0978626648    | tucvp@tbump.edu.vn       | Phụ trách |
| 2  | Phạm Văn Trọng | PGS.TS          | 0912111921    | phamvantrong56@gmail.com | Tham gia  |
| 3  | Đặng Bích Thủy | TS              | 0985201899    | dangbichthuy71@gmail.com | Tham gia  |
| 4  | Nguyễn Hữu Ngự | ThS             | 0988347506    | huunguytb@gmail.com      | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần:

| TT | Mục tiêu học phần                                                      | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Xác định được PPNC định tính và các loại thiết kế nghiên cứu định tính | PEO 1, PEO 2, PEO 3 |
| 2  | Chọn mẫu trong NCĐT, Phân tích thống kê suy luận                       | PEO 1, PEO 2        |
| 3  | Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm                            | PEO 1, PEO 2, PEO 3 |
| 4  | Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng, Phân tích số liệu định tính  | PEO 1, PEO 2, PEO 3 |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                 | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1  | Nắm được các kiến thức cơ bản về xây dựng đề cương nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng và sự kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu 1 vấn đề tại cộng đồng | S: PLO 2<br>H: PLO 1, 4, 11              |
| 2  | Thực hiện được việc chọn mẫu, thiết kế nghiên cứu phù hợp với các vấn đề nghiên cứu cụ thể                                                                                                   | S: PLO 2, 3, 5<br>H: PLO 1, 4, 11, 13    |
| 3  | Phân tích được các số liệu dạng định tính và định lượng theo chủ đề nghiên cứu                                                                                                               | S: PLO 5, 8<br>H: PLO 1, 3, 4, 5, 11, 13 |
| 4  | Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức học tập vào thực tiễn.                                                                                                                               | S: PLO 10, PLO 12<br>H: PLO 11           |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                       | CĐR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1: Đại cương về PPNC định tính + Thiết kế NCĐT</b><br><b>1.Đại cương về phương pháp nghiên cứu định tính</b><br><b>2.Thiết kế nghiên cứu định tính</b><br>2.1.Xác định mục đích nghiên cứu<br>2.2.Xác định câu hỏi nghiên cứu<br>2.3.Lựa chọn phương pháp thu thập thông tin<br>2.4.Một số vấn đề về độ tin cậy và khái quát hóa<br>2.5.Các câu hỏi đưa ra khi thiết kế NC | 04      | Xác định được PPNC định tính và các loại thiết kế nghiên cứu định tính | CLO 1  |
| 2  | <b>Bài 2: Chọn mẫu trong NCĐT + Phân tích số liệu</b><br><b>1.Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính</b><br>1.1. Lựa chọn thực địa nghiên cứu<br>1.2. Lựa chọn đối tượng nghiên cứu<br>1.3. Một số phương pháp chọn mẫu thường sử dụng<br>1.4. Các điểm chú ý về cỡ mẫu<br><b>2.Phân tích thống kê suy luận</b><br>2.1 ứng dụng của ước lượng điểm, ước                              | 04      | Chọn mẫu trong NCĐT, Phân tích thống kê suy luận                       | CLO 2  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                      | CDR HP |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------|--------|
|    | lượng khoảng trong phân tích số liệu nghiên cứu<br>2.2 Các sai lầm có thể xảy ra khi tiến hành kiểm định giả thuyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |                                                                       |        |
| 3  | <b>Bài 3: Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm</b><br>1. Phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm<br>2. Phương pháp quan sát tự nhiên<br>3. Phương pháp trắc nghiệm<br>4. Phương pháp chuyên gia<br>5. Phương pháp tiếp cận lịch sử<br>6. Phương pháp logic<br>7. Phương pháp thống kê<br>8. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.<br>- Khái niệm<br>- Phân loại<br>- Địa điểm tiến hành PPNC thực nghiệm<br>- Thiết kế thực nghiệm<br>- Phương pháp nghiên cứu trên động vật<br>- Phương pháp thử nghiệm lâm sàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 04      | Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm                           | CLO 3  |
| 4  | <b>Bài 4: Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng + Phân tích số liệu định tính</b><br>1. Nghiên cứu kết hợp phương pháp định tính và định lượng<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Lý do sử dụng kết hợp NC định tính và định lượng<br>1.3. Các câu hỏi cần lưu ý khi kết hợp NC định tính và định lượng<br>1.4. Các phương pháp NC kết hợp định tính và định lượng<br>a. Thiết kế kết hợp đồng thời để đối chiếu kết quả<br>b. Thiết kế kết hợp giải thích theo trình tự<br>c. Thiết kế kết hợp khám phá theo trình tự<br>d. Thiết kế kết hợp để đánh giá theo trình tự<br>1.5. Các bước của quá trình kết hợp NC định tính và định lượng<br>2. Phân tích số liệu<br>2.1. Các bước phân tích số liệu định tính<br>2.2. Xây dựng bảng mã trong nghiên cứu định tính<br>2.3. Thực hiện mã hóa một đoạn số liệu dạng văn bản<br>2.4. Tóm tắt và tổng hợp số liệu định tính vào bảng theo chủ đề | 04      | Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng, Phân tích số liệu định tính | CLO 4  |

| <b>STT</b> | <b>Tên bài</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Số tiết</b>                             | <b>Mục tiêu học tập</b>                                                | <b>CĐR</b>   |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>1</b>   | <b>Bài thực hành 1: Lựa chọn chủ đề NC,<br/>Thiết kế NC định tính</b><br><b>1. Lựa chọn chủ đề NC</b><br><b>2. Thực hành Thiết kế nghiên cứu định<br/>tính theo chủ đề đã chọn</b><br>Sinh viên chia nhóm thực hành theo chủ đề                                                                                                                                                                                                 | <b>04</b>                                  | Xác định được PPNC định tính và các loại thiết kế nghiên cứu định tính | <b>CLO 1</b> |
| <b>2</b>   | <b>Bài thực hành 2:</b><br><b>1. Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính</b><br>1.1. Hướng dẫn sinh viên:<br>1.2. Chọn người cung cấp thông tin chính<br>1.3. Chọn mẫu có chủ đích<br>1.4. Chọn mẫu chỉ tiêu<br>1.5. Chọn mẫu “quả bóng tuyết”<br><b>2. Thực hành Phân tích số liệu định tính</b><br>Hướng dẫn sinh viên:<br>Xây dựng bảng mã<br>Thực hiện mã hóa<br>Trình bày số liệu<br>Sinh viên chia nhóm thực hành theo chủ đề | <b>04</b><br><br><br><br><br><br><b>04</b> | Chọn mẫu trong NCĐT, Phân tích thống kê suy luận                       | CLO 2        |
| <b>3</b>   | <b>Bài thực hành 3:</b><br><b>1. Phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm</b><br><b>Thảo luận case study theo nhóm</b><br><b>2. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.</b><br>Thảo luận case study theo nhóm                                                                                                                                                                                                                         | <b>04</b><br><br><br><b>04</b>             | Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm                            | CLO 3        |
| <b>4</b>   | <b>Bài thực hành 4:</b><br><b>Quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu SKCĐ</b><br>1.Lý do phải xây dựng đề cương<br>2.Các bước xây dựng đề cương<br>3.Thực hành xây dựng đề cương theo nhóm<br><b>Lựa chọn vấn đề NC (theo nhóm)</b><br>Xây dựng mục tiêu NC theo chủ đề                                                                                                                                                         | <b>04</b><br><br><br><br><b>04</b>         | Xác định được PPNC định tính và các loại thiết kế nghiên cứu định tính | <b>CLO 1</b> |

| STT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                      | CDR   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------|-------|
|     | <b>Tổng quan tài liệu</b><br>1. Xác định thông tin cần tìm kiếm<br>2. Xác định nguồn thông tin<br>3. Tiến hành tìm kiếm<br>4. Đánh giá tài liệu tìm được<br>5. Tổng hợp thông tin<br><b>Đối tượng và PP nghiên cứu</b><br>Địa điểm, đối tượng, thời gian NC<br>Phương pháp NC<br>- Thiết kế NC<br>- Chọn mẫu, cỡ mẫu<br>- Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin<br>- Quản lý và phân tích số liệu<br>- Sai số và biện pháp không chế<br>- Đạo đức trong NC<br>Thực hành theo nhóm, hoàn thành đề cương | 08      |                                                                       |       |
| 5   | <b>Bài thực hành 5: Thực hành Thiết kế công cụ thu thập thông tin</b><br>1. Hướng dẫn xây dựng Công cụ thu thập số liệu định lượng<br>2. Hướng dẫn Công cụ thu thập số liệu định tính<br>Sinh viên chia nhóm thực hành theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                      | 08      | Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng, Phân tích số liệu định tính | CLO 4 |

### III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, Thảo luận nhóm.
2. Thực hành: Hướng dẫn, thảo luận nhóm.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Bảng phân, máy chiếu
2. Số bài kiểm tra giữa học phần: 01
3. Thực hành: bảng phân, máy chiếu

### V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan
2. Thực hành: báo cáo đề cương

| Điểm thành | Trọng số tính | Bài đánh | Hình thức | Tiêu chí đánh giá | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|------------|---------------|----------|-----------|-------------------|-------------------|-------------|
|------------|---------------|----------|-----------|-------------------|-------------------|-------------|

| phần                           | điểm | giá                 | đánh giá        |                                                                          |             |    |
|--------------------------------|------|---------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|----|
| Đánh giá thực hành (ĐTH)       | 40%  | 1 bài viết          | Kiểm tra viết   |                                                                          | CLO 1,2,3,4 | 10 |
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%  | Điểm danh hằng ngày | Điểm danh       | Điểm danh hằng ngày<br>Đi học đúng giờ<br>Đảm bảo nội quy của bộ môn     |             | 10 |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%  | 1 bài viết          | Kiểm tra viết   | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm   | CLO 1,2     | 10 |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40%  | 1 bài viết          | Thi trắc nghiệm | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm | CLO 1,2,3,4 | 10 |

**Công thức tính điểm:**

**Điểm tổng kết môn học = 0,4 \* thực hành + 0,1 \* chuyên cần + 0,1 \* GHP + 0,4 \* CHP**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Nghỉ học có phép    | 0.5      |
| Nghỉ học không phép | 1        |
| Đi muộn             | 0.5      |

**Rubric 2: Vấn đáp**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                    |                               |                                                 |                                                      |                                              |
|---------------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)       | Điểm (4.0-5.4)                | Điểm (5.4-6.9)                                  | Điểm (7.0-8.4)                                       | Điểm (8.5-10)                                |
| Nội dung câu hỏi          | Không trả lời được | Trả lời không hết các câu hỏi | Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót | Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

Phương pháp nghiên cứu định tính trong chương trình y tế (1997), Nhà xuất bản Đại học y

## 2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học, NXB Y học.
2. Trường Đại học Y tế công cộng (2014), Phương pháp nghiên cứu định tính, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| Nội dung giảng dạy                                                                         | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|
| Bài 1. Đại cương về phương pháp nghiên cứu định tính và thiết kế nghiên cứu định tính      | 10         | - Nghiên cứu trước TLHT [1] TLTK [1], [2] |
| Thảo luận nhóm: Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên, lựa chọn chủ đề nghiên cứu             | 10         |                                           |
| Bài 2. Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính và phân tích số liệu                            | 10         |                                           |
| Thảo luận nhóm đưa ra một số phương pháp chọn mẫu nghiên cứu phù hợp cho các vấn đề cụ thể | 10         |                                           |
| Xây dựng được bộ công cụ nghiên cứu định tính                                              | 12         |                                           |
| Thảo luận nhóm mã hóa bộ công cụ nghiên cứu định tính                                      | 12         |                                           |
| Bài 3. Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm                                         | 12         |                                           |
| Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi nghiên cứu cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể                    | 12         |                                           |
| Thảo luận nhóm xây dựng đối tượng và PPNC cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể                 | 12         |                                           |
| Bài 4. Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng + Phân tích số liệu định tính              | 12         |                                           |
| Xây dựng được bộ công cụ nghiên cứu định tính kết hợp định lượng                           | 12         |                                           |
| Phân tích một bộ số liệu nhỏ                                                               | 12         |                                           |
|                                                                                            | 136        |                                           |

## IX. Quy định với sinh viên:

1. **Nhiệm vụ của sinh viên:** Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

**2. Quy định điều kiện dự thi:** Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học.

- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...).

- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do).

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Lần 1                      | 05/2019        |                |
| 2  | Lần 2                      | 05/2021        |                |
| 3  | Lần 3                      | 05/2023        |                |
| 4  | Dự kiến lần 4              | 05/2025        |                |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Thống kê y học**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Thống kê y học**

Tên tiếng Anh: **Statistics**

Mã học phần: 3130HLTSTA0T

Ngành: Bác sĩ Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

**I. Hành chính.**

**1. Thông tin chung:**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Sinh viên Y học dự phòng                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>03 (LT: 01, TH: 02)</b><br><b>16</b><br><b>44</b><br><b>90</b>                                                                                                          |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành<br>Kết thúc học phần:                  | <b>01</b><br><b>01</b><br><b>01</b>                                                                                                                                        |
| Học phần học trước:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Bộ môn Dịch tễ học                                                                                                                                                         |

**2. Mô tả chung về học phần:**

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng những khái niệm liên quan tới thống kê y học và những phép phân tích số liệu nhằm mô tả hoặc suy luận về toàn bộ hay 1 phần của quần thể mà chúng ta nghiên cứu

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

| TT | Họ tên          | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                    | Ghi chú   |
|----|-----------------|--------------------|---------------|--------------------------|-----------|
| 1  | Đặng Bích Thủy  | TS                 | 0985201899    | dangbichthuy71@gmail.com | GV        |
| 2  | Vũ Thị Kim Dung | ThS                | 0912792567    | kimdung.ytb@gmail.com    | GV        |
| 3  | Lê Đức Cường    | TS                 | 0938042668    | cuongldvn@gmail.com      | GV        |
| 4  | Lê Trần Hoàng   | CN                 | 0765891557    |                          | Trợ giảng |
| 5  | Vũ Việt Trung   | BS                 | 0966635218    |                          | Trợ giảng |

### 4. Mục tiêu học phần:

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | <p><i>* Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm, các ứng dụng của thống kê y học.</li> <li>- Trình bày được các đặc trưng của 1 số phân phối xác suất thường gặp trong thống kê.</li> <li>- Trình bày được các tham số đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu</li> <li>- Trình bày được các nguyên tắc khi chọn kiểm định sự khác biệt trong phân tích số liệu.</li> </ul> | PEO 1, PEO 2        |
| 2  | <p><i>* Kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán được một số phép thống kê mô tả, thống kê suy luận trong từng số liệu cụ thể.</li> <li>- Phiên giải được các kết quả tính được từ kiểm định thống kê.</li> </ul>                                                                                                                                                                                    | PEO 1, PEO 2        |
| 3  | <p><i>* Thái độ:</i></p> <p>Nhận thức được tầm quan trọng của thống kê y học là một môn y học cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về y tế công cộng, liên quan đến quá trình thu thập, tổ chức, tóm tắt và phân tích số liệu nhằm đưa ra các suy luận về quần thể nghiên cứu dựa trên các kết quả quan sát thu được từ mẫu nghiên cứu.</p>                                                                                        | PEO 3, PEO 4        |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần | Mức độ đạt |
|----|--------------|------------|
|----|--------------|------------|

|   |                                                                                                                                           | (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1 | Vận dụng kiến thức cơ sở ngành trong thực hành phân tích số liệu                                                                          | S: PLO 1, 4               |
| 2 | Vận dụng được các phương pháp thu thập thông tin nhằm đảm bảo chất lượng của số liệu thu thập                                             | S: PLO 1, 4               |
| 3 | Vận dụng được kiến thức về thống kê mô tả, thống kê suy luận trong việc phân tích số liệu nhằm đưa ra các suy luận về quần thể nghiên cứu | S: PLO 1, 4               |
| 4 | Phát hiện sớm các nguy cơ gây bệnh tại cộng đồng dựa trên phân tích các yếu tố nguy cơ                                                    | H: PLO 3, 8               |
| 5 | Đề xuất các biện pháp can thiệp áp dụng tại cộng đồng nhằm nâng cao sức khỏe cho cộng đồng dựa trên phân tích các kết quả điều tra        | S: PLO 1, 4               |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. Nội dung

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                        | CĐR |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1  | <b>Bài 1. Đại cương về thống kê y học</b><br><b>1. Khái niệm về thống kê y học</b><br><b>2. Phân biệt thống kê mô tả, thống kê suy luận</b><br>2.1. Thống kê mô tả<br>2.2. Thống kê suy luận<br><b>3. Một số ví dụ về ứng dụng của thống kê y học</b>                                                                                                                                                                                                                                                      | 01      | 1. Trình bày được khái niệm, ứng dụng của thống kê y học<br>2. So sánh sự khác nhau giữa thống kê mô tả, thống kê suy luận                                                                                              | 1   |
| 2  | <b>Bài 2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến thống kê</b><br><b>1. Số liệu, nguồn số liệu</b><br>1.1. Số liệu<br>1.2. Các dạng số liệu<br>1.3. Các nguồn số liệu<br>1.4. Phân biệt về số liệu, thông tin, bằng chứng<br><b>2. Phân loại biến số</b><br>2.1. Phân loại theo bản chất<br>2.1.1. Biến định lượng<br>2.1.2. Biến định tính<br>2.2. Phân loại theo mối tương quan<br>2.1.1. Biến phụ thuộc<br>2.1.2. Biến độc lập<br>2.1.3. Yếu tố nhiễu<br><b>3. Một số khái niệm khác</b><br>3.1. Quần thể | 01      | 1. Trình bày được khái niệm về số liệu, dạng số liệu, nguồn số liệu<br>2. Phân biệt được các loại biến số theo bản chất, theo mối liên quan giữa các biến số<br>3. Trình bày được khái niệm về quần thể, mẫu nghiên cứu | 1   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | CDR |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    | 3.2. Mẫu nghiên cứu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |
| 3  | <b>Bài 3. Đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu</b><br><b>1. Trình bày số liệu</b><br><b>2. Đo lường độ tập trung của số liệu</b><br>2.1. Giá trị trung vị<br>2.2. Giá trị trung bình<br>2.3. Giá trị Mode<br>2.4. Đặc điểm của các số đo tập trung<br><b>3. Đo lường độ phân tán của số liệu</b>                                                                                                                                                                                           | 04      | 1. Trình bày được các tham số đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu<br>2. Tính toán được các giá trị trung vị, trung bình, mode, phương sai, độ lệch chuẩn, sai số chuẩn của 1 dãy số liệu cho trước<br>3. Phân giải được các kết quả từ việc tính toán các tham số đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu | 2   |
| 4  | <b>Bài 4. Một số phân phối xác suất thường gặp</b><br><b>1. Một số phân phối xác suất thông dụng</b><br>1.1. Phân phối nhị thức<br>1.2. Phân phối siêu bội<br>1.3. Phân phối Poisson<br>1.4. Phân phối chuẩn<br>1.4.1. Đặc điểm của phân phối chuẩn<br>1.4.2. Kiểm định tính chuẩn<br>1.5. Phân phối Khi bình phương<br>1.6. Phân phối Student<br><b>2. Giới hạn sinh lý bình thường</b><br>2.1. Trường hợp phân phối đối xứng<br>2.2. Trường hợp phân phối không đối xứng<br>2.3. Nguyên cơ sai lầm | 01      | 1. Trình bày được các đặc trưng của 1 số phân phối xác suất thường gặp trong thống kê<br>2. Xác định và sử dụng được giới hạn sinh lý bình thường của phân phối đối xứng và phân phối không đối xứng                                                                                                                        | 4   |
| 5  | <b>Bài 5. Ước lượng thống kê</b><br><b>1. Ước lượng</b><br>1.1. Tham số quần thể và tham số mẫu<br>1.2. Ước lượng điểm<br>1.3. Ước lượng khoảng<br><b>2. Khoảng tin cậy cho số trung bình của quần thể</b><br>2.1. Trường hợp đã biết phương sai<br>2.2. Trường hợp không biết độ lệch chuẩn<br>2.3. Khoảng tin cậy của tỷ lệ<br><b>3. Xác định kích thước mẫu</b><br>3.1. Trong trường hợp ước lượng                                                                                                | 01      | 1. Trình bày được được ước lượng điểm, ước lượng khoảng<br>2. Tính toán được ước lượng điểm, ước lượng khoảng<br>3. Phân giải được ý nghĩa của ước lượng điểm và khoảng tin cậy trong nghiên cứu các vấn đề sức khỏe                                                                                                        | 4   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                    | CDR |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|    | khoảng tin cậy của trung bình quần thể<br>3.2. Trong trường hợp khoảng tin cậy của tỷ lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
| 6  | <b>Bài 6. Kiểm định sự khác biệt – Kiểm định các giá trị trung bình</b><br><b>1. Những khái niệm cơ bản về kiểm định thống kê</b><br>1.1. Giả thuyết thống kê<br>1.2. Kiểm định giả thuyết thống kê<br>1.3. Các loại sai lầm trong việc kiểm định giả thuyết thống kê<br><b>2. Lựa chọn kiểm định thích hợp để so sánh sự khác biệt</b><br>2.1. Loại biến số khảo sát<br>2.2. Số mẫu khảo sát<br>2.3. Tính chất của mẫu khảo sát<br>2.4. Tính chất phân phối của mẫu khảo sát<br>2.5. Chọn kiểm định thích hợp<br><b>3. Một số kiểm định sự khác biệt</b><br>3.1. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa 2 phương sai<br>3.2. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa 2 số trung bình<br>3.2.1. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa trung bình quan sát và trung bình lý thuyết<br>3.2.2. Kiểm định giả thuyết về sự khác biệt giữa 2 trung bình trên 2 mẫu độc lập<br>3.2.3. Kiểm định giả thuyết về sự khác biệt của 2 số trung bình trên 2 mẫu điều tra từng cặp<br>3.3. Phân tích phương sai 1 chiều | 04      | 1. Trình bày được các nguyên tắc khi lựa chọn kiểm định sự khác biệt trong phân tích số liệu<br>2. Chọn lựa được kiểm định thống kê thích hợp để so sánh các số trung bình trong từng trường hợp cụ thể<br>3. Phiên giải được các kết quả tính được từ kiểm định thống kê so sánh các số trung bình | 3   |
| 7  | <b>Bài 7. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa 2 tỷ lệ - Các kiểm định khác</b><br><b>1. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa tỷ lệ quan sát và tỷ lệ lý thuyết</b><br><b>2. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau của 2 tỷ lệ trên 2 mẫu điều tra độc lập</b><br><b>3. Kiểm định phi tham số</b><br>3.1. Kiểm định Khi bình phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 04      | 1. Trình bày được các nguyên tắc khi lựa chọn kiểm định khi bình phương<br>2. Chọn lựa được kiểm định thống kê thích hợp để so sánh các tỷ lệ trong từng trường hợp cụ thể<br>3. Phiên giải được các kết quả tính được từ kiểm định thống kê so sánh các                                            | 2   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|-----|
|    | 3.2. Kiểm định McNemar<br>3.3. Kiểm định dấu<br>3.4. Kiểm định dấu và hạng Wilcoxon<br>3.5. Kiểm định Mann – Whitney<br>3.6. Kiểm định Kruskal - Wallis |         | tỷ lệ            |     |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                            | CDR |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1  | <b>Bài 1. Hướng dẫn sử dụng phần mềm SPSS</b><br>Các nội dung bắt buộc:<br>- Cài đặt được phần mềm<br>- Mở được các giao diện của phần mềm để thao tác các nội dung theo bài học | 04      | Cài đặt và sử dụng được phần mềm SPSS                                       | 4   |
| 2  | <b>Bài 2. Nhập liệu trên SPSS</b><br>Nhập liệu từ các phiếu điều tra thu thập từ cộng đồng                                                                                       | 04      | Nhập số liệu từ các phiếu ghi thông tin                                     | 4   |
| 3  | <b>Bài 3. Quản lý, khai thác số liệu</b><br>1.Quản lý được số liệu<br>2.Làm sạch số liệu                                                                                         | 04      | Làm sạch được số liệu                                                       | 4   |
| 4  | <b>Bài 4.Đo lường độ tập trung của số liệu</b><br>1. Trung bình<br>2.Trung vị<br>3. Mode<br>4. Min<br>5. Max                                                                     | 04      | Tính toán được các giá trị đo lường độ tập trung của dữ liệu                | 3   |
| 5  | <b>Bài 5.Kiểm định tính chuẩn</b><br>1. Phân phối chuẩn<br>2. Phân phối không chuẩn                                                                                              | 04      | Vẽ được đường cong phân phối chuẩn của 1 dãy số liệu nhận định được kết quả | 3   |
| 6  | <b>Bài 6 +7. Thực hành thống kê mô tả</b><br>1. Bảng đơn chiều<br>2. Bảng đa chiều<br>3. Các dạng biểu đồ                                                                        | 08      | Thiết kế được các bảng số liệu đơn chiều, đa chiều, biểu đồ                 | 3   |
| 7  | <b>Bài 8+9. Kiểm định các giá trị trung bình</b><br>- Thực hiện được các lệnh kiểm định<br>- Trình bày, phiên giải được kết quả                                                  | 08      | Thực hiện được các kiểm định trung bình, phiên giải kết quả                 | 4   |
| 8  | <b>Bài 10+11. Kiểm định các tỷ lệ</b><br>- Thực hiện được các lệnh kiểm định<br>- Trình bày, phiên giải được kết quả                                                             | 08      | Thực hiện được các kiểm định tỷ lệ, phiên giải kết quả                      | 5   |

## III. Phương pháp dạy/học

**1. Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm

**2. Thực hành:** Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm

#### **IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học**

**1. Lý thuyết:** Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints

**2. Thực hành:** Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints

#### **V. Phương pháp lượng giá**

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

| <b>Điểm thành phần</b>         | <b>Trọng số tính điểm</b> | <b>Bài đánh giá</b>                                                             | <b>Hình thức đánh giá</b>  | <b>Tiêu chí đánh giá</b>                                                              | <b>CĐR được đánh giá</b> | <b>Điểm tối đa</b> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                       | Hàng ngày                                                                       | Điểm danh                  | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.                            | 1,2,3                    | 10                 |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                       | 1 bài kiểm tra 45 phút gồm 3 câu hỏi ngắn bao gồm các nội dung kiến thức đã học | Thi viết câu hỏi ngắn      | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 3,5 điểm/2 câu, 3 điểm/1 câu. 3 câu là 10 điểm | 1,2,3                    | 10                 |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 40%                       | Theo hình thức Làm bài tập tình huống                                           | Bài tập                    | Qua kết quả làm bài                                                                   | 3,4,5                    | 10                 |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40%                       | 1 bài kiểm tra 40 phút gồm 40 câu hỏi ngắn                                      | Thi trắc nghiệm khách quan | tổng 40 câu là 10 điểm                                                                | 3,4,5                    | 10                 |

**Công thức tính điểm: ĐHP = 0,1xĐCC+0,1xĐGHP+0,4xĐTH+0,4 ĐKTHP**

#### **VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)**

1. Trường Đại học Y tế công cộng (2005), Giáo trình thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản y học.

2. Trường Đại học Y Hà Nội (2010), Thống kê cơ bản trong y sinh học, Nhà xuất bản y học.

3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), Giáo trình thống kê ứng dụng trong y học, Nhà xuất bản y học.
4. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), Bài giảng Thực hành Thống kê ứng dụng Y học
5. <https://www.fao.org/3/w7295e/w7295e08.htm> basic statistical tools

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                                                                                                                                                                                                  | <b>Thời lượng</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                                                       |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Bài 1. Đại cương về thống kê y học, Số liệu, nguồn số liệu + Thảo luận                                                                                                                                                                     | 12                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>TLTK [2], [3], [4]<br>+Làm bài tập tình huống 1          |
| 2           | Bài 2. Thống kê mô tả + Thảo luận                                                                                                                                                                                                          | 12                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>TLTK [2], [3], [4], [5]<br>+Làm bài tập tình huống 2,3,4 |
| 3           | Bài 3. Một số phân phối thường gặp trong thống kê; Ước lượng điểm, Ước lượng điểm + Thảo luận                                                                                                                                              | 12                | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1],<br>TLTK [2], [3], [4], [5]<br>+Làm bài tập tình huống 5,6,7 |
| 4           | Bài 4. Thống kê suy luận + Thảo luận                                                                                                                                                                                                       | 12                | +Tài liệu HT [1],<br>TLTK [2], [3], [4], [5]<br>+Làm bài tập tình huống 8,9,10                      |
| 5           | Phần thực hành<br>- Nhập số liệu trên SPSS<br>- Phân tích số liệu trên SPSS<br>- Thống kê mô tả: Trung bình, trung vị, Mode. Min, Max, Range, Tứ phân vị<br>- Kiểm định phân bố chuẩn<br>- Thống kê suy luận: Các Kiểm định trong thống kê | 58                | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [2],<br>TLTK [1], [4], [5], [6],<br>+Làm bài tập                  |

**IX. Quy định với sinh viên:**

1. **Nhiệm vụ của sinh viên:** nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi
2. **Quy định điều kiện dự thi:** Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Ngày/tháng/năm</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                             | 05/2019               | Đặng Bích Thủy        |
| <b>2</b>  | Lần 2                             | 05/2021               | Đặng Bích Thủy        |
| <b>3</b>  | Lần 3                             | 05/2023               | Đặng Bích Thủy        |
| <b>4</b>  | Lần 4                             | 05/2025               |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Chương trình y tế quốc gia

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Chương trình y tế quốc gia**

Tên tiếng Anh: **Medical National Program**

Mã học phần: 3130NAHEP0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.

1.Thông tin chung

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | <b>Sinh viên Y học dự phòng</b>                                                                                                                                            |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>3 (2/1)</b><br><b>32</b><br><b>16</b><br><b>102</b>                                                                                                                     |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành:<br>Kết thúc học phần:                 | <b>3</b><br><b>1</b><br><b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                               |
| Học phần học trước:                                                                               | Xác suất thống kê                                                                                                                                                          |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Khoa Y tế công cộng                                                                                                                                                        |

2. Mô tả chung về học phần

Môn Chương trình y tế quốc gia là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng

Học phần/module Chương trình y tế quốc gia thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kiến thức về các chương trình y tế quốc gia đang được triển khai. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên           | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                  | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc     | PGS.TS             | 0978626648    | tucvp@tbump.edu.vn     | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu      | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn@gmail.com     | Tham gia  |
| 3  | Ninh Thị Nhung   | PGS.TS             | 0912850028    | nhungntyb@yahoo.com    | Tham gia  |
| 4  | Nguyễn Đức Thanh | PGS.TS             | 0912357575    | bsthanh@hotmail.com    | Tham gia  |
| 5  | Đặng Bích Thủy   | TS                 | 0989981359    | dungpt@tbmc.edu.vn     | Tham gia  |
| 6  | Nguyễn Hữu Ngự   | ThS                | 0988347506    | huunguytb@gmail.com    | Tham gia  |
| 7  | Đặng Thị Thu Nga | ThS                | 0942909348    | ngadang21388@gmail.com | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                         | Mục tiêu CTĐT (PEO)               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng | PEO 1, PEO 2, PEO 5               |
| 2  | Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.               | PEO 2, PEO 4, PEO 5               |
| 3  | Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.         | PEO 2, PEO 3, PEO 4               |
| 4  | Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe                                               | PEO 2, PEO 3, PEO 4, PEO 5        |
| 5  | Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần                                    | PEO 1, PEO 2, PEO 3, PEO 4, PEO 5 |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của<br>CTĐT (PLO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | CLO 1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trong thực hiện các hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.                                                                                               | S: PLO 1, 2<br>H: PLO 5, 7, 8, 12, 13      |
| 2  | CLO 2. Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                      | S: PLO 1,2<br>H: PLO 3, 5, 8, 13           |
| 3  | CLO 3. Thực hiện được kỹ năng tổ chức phát hiện ca bệnh và quản lý khu dịch đối với bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.                                                                                                                                                                                                   | S: PLO 1, 2, 3<br>H: PLO 5, 7, 8, 13, 14   |
| 4  | CLO 4. Thực hiện được các kỹ năng đánh giá nguy cơ trong đánh giá nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe, từ đó đề xuất và thực hiện các biện pháp dự phòng nguy cơ.                                                                                                                                            | S: PLO 1, 2, 3<br>H: PLO 5, 7, 8, 13, 14   |
| 5  | CLO 5. Nhận thức được sức khỏe con người được đặt trong mối quan hệ tổng hòa giữa môi trường, dinh dưỡng và các yếu tố hành vi khác, do đó cần giải quyết vấn đề không chỉ tập trung vào cá nhân mà cần thực hiện trên mức độ vĩ mô toàn quốc để đạt đến sự toàn diện và thống nhất trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. | S: PLO 1, 2, 3<br>H: PLO 5, 7, 8, 13, 14   |

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                               | CĐR HP         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1  | <b>Bài 1: Quản lý, theo dõi và đánh giá dự án</b><br><b>1.Một số khái niệm cơ bản</b><br>1.1.Chương trình, dự án<br>1.2.Quản lý dự án<br>1.3.Đánh giá<br>1.4.Theo dõi<br><b>2.Quy trình thiết kế dự án</b><br>Phân tích tình hình<br>2.1.Phân tích các bên liên quan<br>2.2.Xác định mục tiêu của dự án<br>2.3.Xác định kết quả mong đợi của dự án<br>2.4.Xác định các hoạt động và nguồn lực cần thiết<br>2.5.Xác định các chỉ số | 4       | 1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng<br>2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.<br>3. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại | <b>CLO 1,5</b> |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                 | CDR HP             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|    | 2.6.Xác định các giả định và rủi ro khi thực hiện DA<br>2.7.Xác định phương án tổ chức, quản lý và thực hiện DA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         | cộng đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |
| 2  | <b>Bài 2: Chiến lược Quốc gia phòng chống SDD trẻ em giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn đến 2030</b><br><b>1. Các vấn đề dinh dưỡng cần giải quyết đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030</b><br><b>2. Đối tượng và phạm vi thực hiện dự án</b><br><b>3. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể</b><br><b>4. Nội dung chương trình</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4       | 1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe<br>2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.<br>3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng | <b>CLO 1,4, 5</b>  |
|    | <b>Bài 3: Các chương trình vệ sinh môi trường</b><br><b>1. Biến đổi khí hậu và chương trình mục tiêu Quốc gia</b><br>1.1. Tác động của BĐKH đến toàn cầu<br>1.2. Tác động của BĐKH đến Việt Nam<br>1.3. Ứng phó với BĐKH<br>1.4. Chương trình mục tiêu Quốc gia BĐKH<br><b>2. Các Chương trình vệ sinh trường học</b><br>2.1. Chương trình Nha học đường<br>2.2. Chương trình VSMT<br>2.3. Chương trình Mắt học đường.<br>2.4. Chương trình phòng chống giun sán<br>2.5. Chương trình Phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch<br>2.6. Chương trình phòng chống sốt rét<br>2.7. Một số chương trình khác được triển khai | 4       | 1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe<br>2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.<br>3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng | <b>CLO 1, 4, 5</b> |
|    | <b>Bài 4: Chiến lược quốc gia phòng chống các bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025</b><br><b>1. Quan điểm</b><br><b>2. Mục tiêu</b><br><b>3. Giải pháp thực hiện</b><br><b>Một số chương trình phòng chống các bệnh không lây nhiễm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6       | 1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng<br>2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động                                                                                                                           | <b>CLO 1, 2, 5</b> |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | CDR HP             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|    | <b>1. Chương trình PC bệnh tăng huyết áp</b><br>1.1. Mục tiêu<br>1.2. Nội dung hoạt động<br>1.3. Quản lý THA tại cộng đồng<br><b>2. Chương trình PC bệnh đái tháo đường</b><br>2.1. Mục tiêu<br>2.2. Nội dung hoạt động<br>2.3. Quản lý ĐTĐ tại cộng đồng<br><b>3. Chương trình PC bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính</b><br>3.1. Mục tiêu<br>3.2. Nội dung hoạt động<br>3.3. Quản lý COPD tại cộng đồng                                                                                                                                             |         | sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.<br>3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe<br>4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần                                                                                                                                                        |                    |
|    | <b>Bài 5: Các chương trình phòng chống bệnh truyền nhiễm</b><br><b>1. Một số quy định chung trong luật phòng chống bệnh truyền nhiễm</b><br><b>2. Chương trình tiêm chủng mở rộng</b><br>2.1. Mục đích<br>2.2. Nội dung của chương trình tiêm chủng mở rộng<br><b>3. Chương trình phòng chống sốt xuất huyết</b><br>3.1. Đặc điểm chung của bệnh sốt xuất huyết<br>3.2. Các biện pháp phòng chống sốt xuất huyết<br><b>4. Chương trình phòng chống bệnh dại</b><br>4.1. Đặc điểm chung của bệnh dại<br>2.4. Các biện pháp phòng chống bệnh dại | 4       | 1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng<br>2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.<br>3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe<br>4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần | <b>CLO 1, 3, 5</b> |
|    | <b>Bài 6: Các chương trình phòng chống và sàng lọc sớm ung thư</b><br><b>1. Các chương trình y tế quốc gia về phòng chống ung thư</b><br>1.1. Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế giai đoạn 2011- 2015<br>1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế giai đoạn 2016 - 2020<br>1.3. Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác                                                                                               | 4       | 1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng<br>2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.<br>3. Đánh giá được nguy                                                                                                                       | <b>CLO 1,2,5</b>   |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | CDR HP         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|    | giai đoạn 2015 – 2025.<br><b>2. Đặc điểm bệnh ung thư và các bệnh không lây nhiễm</b><br><b>3. Các yếu tố nguy cơ của ung thư</b><br>3.3. Hút thuốc lá<br>3.4. Lạm dụng rượu<br>3.5. Dinh dưỡng không hợp lý<br>3.6. Ít vận động<br><b>4. Các hoạt động phòng chống ung thư tại Việt Nam</b><br>4.2. Hoạt động giám sát<br>4.3. Sàng lọc |         | cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe<br>4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần                                                                                                                                                                                                                                                |                |
|    | <b>Bài 7</b><br>Chương trình quốc gia về an toàn-vệ sinh lao động                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4       | 1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng<br>2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.<br>3. Đánh giá được nguy cơ môi trường đến sức khỏe người lao động<br>4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần | <b>CLO 1,5</b> |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                          | CDR HP           |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1  | <b>Quản lý, theo dõi và đánh giá dự án</b><br>Xây dựng/ lập kế hoạch cho một chương trình y tế về dân số.<br><b>Chiến lược quốc gia phòng chống các bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025</b><br>Lập kế hoạch phòng chống ung thư<br>Lập kế hoạch phòng chống tăng huyết áp, béo phì, hen phế quản, ... (bệnh mới nổi) | 4       | 1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng<br>2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.<br>3. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng. | <b>CLO 1,2,5</b> |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | CDR HP             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|    | <p><b>Các chương trình phòng chống và sàng lọc sớm bệnh ung thư</b></p> <p>Lập kế hoạch phòng chống một số bệnh ung thư phổ biến (phổi, vú, đại tràng, dạ dày...)</p> <p><b>Chương trình an toàn lao động</b></p> <p>Lập Chương trình về phòng chống tai nạn lao động</p>                                  |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                    |
| 2  | <p><b>Chiến lược Quốc gia phòng chống SDD trẻ em giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn đến 2030</b></p> <p>Lập kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em</p> <p><b>Các chương trình vệ sinh môi trường</b></p> <p>Lập kế hoạch phòng chống biến đổi khí hậu</p> <p>Lập kế hoạch phòng chống bệnh học đường</p> | 4       | <p>1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe</p> <p>2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.</p> <p>3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng</p>                                                                                        | <b>CLO 1,4, 5</b>  |
|    | <p><b>Các chương trình phòng chống bệnh truyền nhiễm</b></p> <p>Lập kế hoạch xây dựng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đang lưu hành</p>                                                                                                                                                                    | 4       | <p>1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng</p> <p>2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.</p> <p>3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe</p> <p>4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần</p> | <b>CLO 1, 3, 5</b> |
|    | <p><b>Bài 7</b></p> <p>Chương trình quốc gia về an toàn-vệ sinh lao động</p>                                                                                                                                                                                                                               | 4       | <p>1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng</p> <p>2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.</p> <p>3. Đánh giá được nguy cơ môi trường đến sức khỏe người lao động</p>                                                                                 | <b>CLO 1,5</b>     |

| TT | Tên bài | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                          | CDR HP |
|----|---------|---------|---------------------------------------------------------------------------|--------|
|    |         |         | 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần |        |

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết:** máy chiếu, phần bảng, giấy a0

2. **Thực hành:** máy tính, máy chiếu

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá        | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá                                                        | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá thực hành (ĐTH)       | 40%                | 1 bài viết          | Kiểm tra viết      |                                                                          | CLO 1,2,3,4,5     | 10          |
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                | Điểm danh hằng ngày | Điểm danh          | -Điểm danh hằng ngày<br>-Đi học đúng giờ<br>-Đảm bảo nội quy của bộ môn  |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                | 1 bài viết          | Kiểm tra viết      | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm   | CLO 1,2,3         | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40%                | 1 bài viết          | Thi viết cải tiến  | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm | CLO 1,2,3,4 5     | 10          |

**Công thức tính điểm:**

**Điểm tổng kết môn học=0,4\*thực hành+0,1\*chuyên cần+0,1 \*GHP+0,4\*CHP**

### Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

| Tiêu chí         | Điểm trừ |
|------------------|----------|
| Không vắng       |          |
| Nghỉ học có phép |          |

|                     |  |
|---------------------|--|
| Nghỉ học không phép |  |
| Đi muộn             |  |

## Rubric 2: Vấn đáp

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                 |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|-----------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)    | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1. Tài liệu học tập: Tài liệu phát tay

1. Thủ tướng chính phủ (2015), Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015-2025
2. Bộ môn tổ chức y tế (2018), Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế, Trường đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ).
3. Bộ môn Dịch tễ học (2018), Dịch tễ học, trường Đại học Y Dược Thái Bình (lưu hành nội bộ)
4. Bộ y tế - Viện dinh dưỡng, Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà xuất bản y học.

### 2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2015), Quyết định Số: 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 về việc ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.
2. Quản lý dự án, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.
3. Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.
4. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.
5. Dinh dưỡng hợp lý và sức khỏe, Nhà xuất bản Y học, 2009.

## VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| Nội dung giảng dạy                         | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên      |
|--------------------------------------------|------------|-----------------------------|
| <b>Lý thuyết</b>                           |            |                             |
| Bài 1: Quản lý, theo dõi và đánh giá dự án | 04         | - Nghiên cứu trước TLHT [2] |

| Nội dung giảng dạy                                                                                           | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------|
|                                                                                                              |            | TLTK [2]                                                    |
| Bài 2: Chiến lược Quốc gia phòng chống SDD trẻ em giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn đến 2030                      | 08         | - Nghiên cứu trước TLHT [4]<br>TLTK [5]                     |
| Bài 3: Các chương trình vệ sinh môi trường và y tế học đường                                                 | 08         | - Nghiên cứu trước TLHT [2]<br>TLTK [2], [4], [5]           |
| Thảo luận nhóm xác định các nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu                                           | 4          |                                                             |
| Thảo luận nhóm đưa ra các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu                                             | 04         |                                                             |
| Thảo luận nhóm các chương trình y tế học đường, đưa ra các phương án thực hiện hiệu quả các chương trình này | 04         |                                                             |
| Bài 4: Chiến lược quốc gia phòng chống các bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025                          | 08         | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [1], [4]                |
| Bài 5: Các chương trình phòng chống bệnh truyền nhiễm                                                        | 08         | - Nghiên cứu trước TLHT [3]<br>TLTK [5], [3]                |
| Thảo luận nhóm về các bệnh truyền nhiễm hiện đang lưu hành phổ biến và biện pháp không chế                   | 08         |                                                             |
| Bài 6: Các chương trình phòng chống và sàng lọc sớm ung thư                                                  | 06         | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [1], [4]                |
| Bài 7: Chương trình quốc gia về an toàn-vệ sinh lao động                                                     | 08         | - Nghiên cứu trước TLHT [2]<br>TLTK [2]                     |
| <b>TỔNG</b>                                                                                                  | <b>70</b>  |                                                             |
| <b>Thực hành</b>                                                                                             |            |                                                             |
| Xây dựng/ lập kế hoạch cho một chương trình y tế về dân số.                                                  | 04         | - Nghiên cứu trước TLHT [1], [2]<br>TLTK [1], [2], [4], [5] |
| Lập kế hoạch phòng chống tăng huyết áp                                                                       | 04         |                                                             |
| Lập kế hoạch phòng chống tăng huyết áp, béo phì, hen phế quản                                                | 04         |                                                             |
| Lập kế hoạch phòng chống một số bệnh ung thư phổ biến (phổi, vú, đại tràng, dạ dày...)                       | 04         |                                                             |
| Lập Chương trình về phòng chống tai nạn lao động                                                             | 04         |                                                             |
| Lập kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em                                                           | 04         | - Nghiên cứu trước TLHT [4]<br>TLTK [5]                     |
| Lập kế hoạch phòng chống biến đổi khí hậu                                                                    | 04         | - Nghiên cứu trước TLHT [2]<br>TLTK [2], [4], [5]           |
| Lập kế hoạch phòng chống bệnh học đường                                                                      | 04         |                                                             |
| <b>TỔNG</b>                                                                                                  | <b>32</b>  |                                                             |

## **IX. Quy định với sinh viên:**

**1. Nhiệm vụ của sinh viên:** Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

**2. Quy định điều kiện dự thi:** Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học.

- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)

- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do).

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Ngày/tháng/năm</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                             | 05/2019               |                       |
| <b>2</b>  | Lần 2                             | 05/2021               |                       |
| <b>3</b>  | Lần 3                             | 05/2023               |                       |
| <b>4</b>  | Dự kiến                           | 05/2025               |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Một sức khỏe

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Một sức khỏe**

Tên tiếng Anh: **One health**

Mã học phần: 3130HLTSTA0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.

1.Thông tin chung:

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Y học dự phòng                                                                                                                                                             |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | 2 (1/1)<br>15<br>32<br>53                                                                                                                                                  |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành:<br>Kết thúc học phần:                 | 3<br>1<br>1<br>1                                                                                                                                                           |
| Học phần học trước:                                                                               | Dịch tễ học cơ sở và Vi sinh                                                                                                                                               |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Khoa Y tế công cộng                                                                                                                                                        |

2.Mô tả chung về học phần

Môn Một sức khỏe/One health là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng.

Học phần/module Một sức khỏe/One health thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần/module này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng những khái niệm liên quan tới cách tiếp cận Một sức khỏe đối với các bệnh truyền lây giữa động vật và người, kiến thức về ứng dụng phương pháp tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề trên cơ sở cân nhắc các yếu tố văn hóa đặc thù. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên           | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                  | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc     | PGS.TS             | 0978626648    | tuctbmc@gmail.com      | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu      | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn@gmail.com     | Tham gia  |
| 3  | Nguyễn Đức Thanh | PGS.TS             | 0912357575    | bsthanh@hotmail.com    | Tham gia  |
| 4  | Trần Thị Thu Hà  | BS CKII            | 0989535028    | hatlyd@gmail.com       | Tham gia  |
| 5  | Nguyễn Hữu Ngự   | TS                 | 0988347506    | huunguytb@gmail.com    | Tham gia  |
| 6  | Đặng Thị Thu Nga | ThS                | 0942909348    | ngadang21388@gmail.com | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                         | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Xác định được nguyên lý hệ sinh thái và mối liên quan của hệ sinh thái đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật                                                                                                        | PEO 1, PEO2         |
| 2  | Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở                                                                                         | PEO 1, PEO 2        |
| 3  | Trình bày được một số đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, đường lây truyền và kỹ thuật xét nghiệm cơ bản xét nghiệm cơ bản xác định nhanh căn nguyên vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng trong Một sức khỏe | PEO 1, PEO 2, PEO 3 |
| 4  | Xác định các thành phần chính trong tư duy hệ thống và giải thích sự kết hợp giữa các thành phần này để giải quyết các vấn đề Một sức khỏe                                                                                | PEO3, PEO 4, PEO 5  |

|   |                                                                                     |                            |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 5 | Hiểu được vai trò của chính sách và phân tích chính sách liên quan đến Một sức khỏe | PEO2, PEO3                 |
| 6 | Xác định các yếu tố văn hóa trong xây dựng các chương trình Y tế dự phòng           | PEO 5                      |
| 7 | Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật | PEO 1, PEO 2, PEO 3, PEO 5 |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                      | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT<br>(PLO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Vận dụng được các kiến thức về Một sức khỏe trong giải quyết các vấn đề sức khỏe của con người mà ở đó có sự liên quan đến sức khỏe vật nuôi và sức khỏe môi trường.                              | S: PLO 1,2<br>H: PLO 3, 5, 13              |
| 2  | Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch tổ chức đoàn chuyên gia một sức khỏe để điều tra xác định một vấn đề sức khỏe cộng đồng, lập kế hoạch vật tư, trang thiết bị và kinh phí cho đoàn chuyên gia. | S: PLO 1, 2<br>H: PLO 3, 5, 7, 8, 13, 14   |
| 3  | Xây dựng được sơ đồ giải pháp giải quyết vấn đề sức khỏe                                                                                                                                          | S: PLO 1<br>H: PLO 2, 3, 4                 |
| 4  | Xác định được các yếu tố nguy cơ và phân tích nguy cơ trong bệnh truyền nhiễm                                                                                                                     | S: PLO 5<br>H: PLO 7                       |
| 5  | Nhận thức được cách tiếp cận một sức khỏe là cách tiếp cận toàn diện trong giải quyết các vấn đề sức khỏe liên quan đến các bệnh truyền lây giữa động vật và con người.                           | S: PLO 1, 2<br>H: PLO 10, 11, 13           |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                   | CĐR HP       |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1  | <b>Bài 1:</b><br><b>1.Tổng quan và các khái niệm cơ bản về Một sức khỏe</b><br>1.1.Khái niệm và lịch sử tiếp cận<br>1.2.Các năng lực cơ bản của cách tiếp cận « Một sức khỏe »<br>1.3.Ứng dụng của phương pháp tiến cận « Một sức khỏe » trong y học dự phòng.<br><b>2.Sức khỏe hệ sinh thái</b><br>2.1.Nguyên lý cơ bản của sức khỏe hệ sinh thái liên quan đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật<br>2.2.Mối tương quan qua lại giữa sức khỏe | 4       | Xác định được nguyên lý hệ sinh thái và mối liên quan của hệ sinh thái đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật | <b>CLO 1</b> |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                               | CDR HP   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    | <p>con người, sức khỏe động vật và sức khỏe hệ sinh thái</p> <p>2.3. Biến đổi khí hậu và sức khỏe con người, vật nuôi.</p> <p><b>3. Tư duy hệ thống và Một sức khỏe</b></p> <p>3.1. Khái niệm và vai trò của tư duy hệ thống</p> <p>3.2. Sơ đồ hóa các giải pháp giải quyết vấn đề Một sức khỏe theo phương pháp tư duy hệ thống</p>                                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                                                                                |          |
| 2  | <p><b>Bài 2: Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong Một sức khỏe</b></p> <p>Một số đặc điểm sinh học chính, khả năng gây bệnh, đường lây truyền của các căn nguyên VSV gây bệnh truyền nhiễm</p> <p>a. Căn nguyên gây bệnh đường tiêu hóa</p> <p>b. Căn nguyên gây bệnh đường hô hấp</p> <p>c. Căn nguyên gây bệnh đường máu</p> <p>Nguyên tắc và ứng dụng của một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản xác định nhanh tại cộng đồng</p>                           | 2       | <p>Trình bày được một số đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, đường lây truyền và kỹ thuật xét nghiệm cơ bản xác định nhanh căn nguyên vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng trong Một sức khỏe</p> | CLO 1    |
| 3  | <p><b>Bài 3 : Bệnh lây truyền giữa động vật và người</b></p> <p><b>1.Đại cương về bệnh truyền lây giữa động vật và người</b></p> <p>1.1. Định nghĩa và lịch sử tên gọi bệnh truyền lây giữa động vật và người</p> <p>1.2. Phân loại các bệnh truyền lây giữa động vật và người</p> <p><b>2.Một số bệnh truyền lây giữa động vật và người</b></p> <p>2.1.Bệnh dại</p> <p>2.2.Bệnh cúm gia cầm</p> <p>2.3.Bệnh xoắn khuẩn</p> <p>2.4.Bệnh liên cầu ở lợn</p> <p>2.5.Bệnh than</p> <p>2.6.Bệnh sán lá gan lớn</p> | 2       | <p>Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở</p>                                                                       | CLO 1    |
| 4  | <p><b>Bài 4: Phân tích nguy cơ và quản lý các bệnh truyền nhiễm</b></p> <p><b>1.Khái niệm cơ bản về dây truyền dịch và các yếu tố nguy cơ</b></p> <p>1.1. Phân loại dịch</p> <p>1.2. Động lực bên trong</p> <p>1.3. Động lực bên ngoài</p>                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2       | <p>Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật</p>                                                                                                                     | CLO 1, 4 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                    | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | <b>2. Khái niệm về phân tích nguy cơ và đánh giá nguy cơ hướng tới Một sức khỏe</b><br>2.1. Phân tích nguy cơ<br>2.2. Đánh giá nguy cơ<br><b>3. Các yếu tố nguy cơ liên quan tới đường lây truyền, mất xích dịch tễ và mô hình lây truyền</b><br><b>4. Các bước trong quản lý nguy cơ bùng phát một vụ dịch</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |                                                                                     |        |
| 5  | <b>Bài 5: Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe – kinh tế Một sức khỏe</b><br><b>1. Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe</b><br>1.1. Một số điều lệ, chiến lược liên quan đến Một sức khỏe do cơ quan quốc tế ban hành<br>1.2. Phân tích một số chính sách, các quy định, điều lệ, hướng dẫn liên quan đến Một sức khỏe do cơ quan quốc tế ban hành.<br>1.3. Phân tích một chính sách cụ thể<br><b>2. Kinh tế Một sức khỏe</b><br>2.1. Nhắc lại một số khái niệm cơ bản về kinh tế<br>2.2. Các yếu tố về môi trường tạo điều kiện cho những vấn đề sức khỏe<br>2.3. Logic kinh tế của đầu tư vào một sức khỏe<br>2.4. Hậu quả và hiệu suất từ Một sức khỏe                                       | 2       | Hiểu được vai trò của chính sách và phân tích chính sách liên quan đến Một sức khỏe | CLO 5  |
| 6  | <b>Bài 6:</b><br><b>Nội dung 1. Các yếu tố văn hóa và Một sức khỏe</b><br>1. Khái niệm văn hóa<br>1.2. Các khái niệm cơ bản về văn hóa liên quan đến môi trường và sức khỏe<br>1.2.1. Văn hóa là cách con người thích nghi với môi trường (Nanda & Warms)<br>1.2.2. Khoa học, công nghệ và sự thích<br>1.2.3. Văn hóa là hệ thống các chuẩn mực và giá trị<br>1.2.4. Niềm tin và quan niệm về sức khỏe, nguyên nhân bệnh tật từ góc độ văn hóa<br>2. Quan niệm và hành vi của con người đối với môi trường thuộc các nền văn hóa khác nhau<br>2.1. Môi trường, sự sống và văn hóa<br>2.1.1. Mối liên quan giữa môi trường và sự đa dạng văn hóa<br>2.1.2. Chiến lược sinh tồn và thích ứng với môi trường | 3       | Xác định các yếu tố văn hóa trong xây dựng các chương trình Y tế dự phòng           | CLO 5  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập | CDR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|--------|
|    | <p>2.1.3. Thiên tai và các yếu tố tâm linh thần thánh</p> <p>2.2. Quan niệm âm dương ngũ hành của người châu Á</p> <p>2.3. Quan niệm, niềm tin và thái độ đối với động vật thuộc các nền văn hóa khác nhau</p> <p>2.3.1. Bò (trâu) trong các nền văn hóa khác nhau</p> <p>2.3.2. Gà và các mục đích sử dụng gà</p> <p>2.3.3. Lợn và thịt lợn</p> <p>2.3.4. Chó và quan niệm khác biệt văn hóa Đông - Tây</p> <p>2.4. Quan niệm về tác hại, tác dụng của cây cối</p> <p>3. Một số thói quen, tập quán của Việt nam và vấn đề “Một sức khỏe”</p> <p>3.1. Thói quen ăn uống</p> <p>3.1.1. Ăn gỏi cá (cá sông)</p> <p>3.1.2. Ăn tiết canh:</p> <p>3.1.3. Văn hóa ăn uống đường phố (ảnh hưởng và bị ảnh hưởng môi trường)</p> <p>3.2. Thói quen sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp</p> <p>3.3. Thói quen nhốt giữ vật nuôi gần nhà ở</p> <p>3.4. Thói quen không dùng nhà vệ sinh và sử dụng chất thải tươi trong trồng trọt</p> <p>3.5. Vai trò giới và ‘một sức khỏe’</p> <p>3.5.1. Vai trò giới và sự phân công lao động:</p> <p>3.5.2. Ai hay ăn đồ có nguy cơ bị bệnh?</p> <p>3.5.3. Những thực phẩm bổ dưỡng, bổ âm theo quan niệm dân gian:</p> <p>4. Xây dựng các chương trình can thiệp sức khỏe (dự phòng) cân nhắc yếu tố văn hóa</p> <p><b>Nội dung 2. Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong cách tiếp cận Một sức khỏe</b></p> <p>2.1. Khái niệm về nhóm và nhóm làm việc vì một sức khỏe</p> <p>2.1.1. Khái niệm nhóm</p> <p>2.1.2. Khái niệm nhóm làm việc vì một sức khỏe</p> <p>2.1.3. Mục đích của làm việc nhóm</p> <p>2.2. Quá trình nhóm làm việc vì một sức khỏe</p> <p>2.2.1. Các thành phần tham gia nhóm làm việc</p> <p>2.2.2. Quá trình nhóm</p> <p>2.2.3. Các vai trò trong nhóm</p> <p>2.3. Một số đặc điểm của nhóm làm việc hiệu</p> |         |                  |        |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | CDR HP            |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|    | quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |
| 7  | <b>Bài 7 : Phân tích nguy cơ và quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật</b><br><b>1. Thu thập thông tin về vấn đề Một sức khỏe tại cộng đồng</b><br>1.1. Xác định thông tin, số liệu cần thu thập<br>1.2. Xác định kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin<br>1.3. Cách xác định vấn đề: Một sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng<br><b>2. Xác định vấn đề Một sức khỏe và lựa chọn một sức khỏe ưu tiên dựa trên các thông tin đã thu thập</b><br>2.1. Cách xác định một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng<br>2.2. Cách xác định một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng | 2       | Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở<br>Xác định các thành phần chính trong tư duy hệ thống và giải thích sự kết hợp giữa các thành phần này để giải quyết các vấn đề Một sức khỏe<br>Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật | CLO 1, 2, 3, 4, 5 |

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                  | CDR   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1  | <b>Bài thực hành 1:</b><br>1. Sức khỏe hệ sinh thái<br>Nghiên cứu một trường hợp, phân tích mối quan hệ qua lại giữa sức khỏe hệ sinh thái, sức khỏe vật nuôi và sức khỏe con người<br>2. Tư duy hệ thống và Một sức khỏe<br>Nghiên cứu một trường hợp cụ thể để áp dụng tư duy hệ thống trong giải quyết vấn đề. | 6       | Xác định được nguyên lý hệ sinh thái và mối liên quan của hệ sinh thái đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật                | CLO 1 |
| 2  | <b>Bài thực hành 2:</b><br><b>Thực hành Case study về một số bệnh truyền nhiễm và hướng giải quyết theo phương thức tiếp cận Một sức khỏe</b><br>1. Case study về bệnh Đại<br>2. Case study về bệnh Zika virut<br>Sinh viên chia nhóm thực hành                                                                   | 6       | Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở | CLO 1 |
| 3  | <b>Bài thực hành 3 : Bệnh lây truyền giữa động vật và người</b><br><b>1. Bài tập tình huống về bệnh dại</b><br>1.1. Phân tích các tình huống xử trí khi bị                                                                                                                                                        | 6       | Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả                                                            | CLO 1 |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|   | phơi nhiễm (động vật cắn)<br>1.2. Phân tích các giải pháp Một sức khỏe trong phòng chống bệnh dại<br><b>2. Bài tập tình huống về bệnh cúm gia cầm</b><br>2.1. Phân tích dịch tễ, biểu hiện ở động vật trong bệnh cúm gia cầm<br>Phân tích các giải pháp Một sức khỏe trong phòng chống bệnh cúm gia cầm                                      |   | năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở                                                                                                                                                                                                                      |                   |
| 4 | <b>Bài thực hành 4: Phân tích nguy cơ và quản lý các bệnh truyền nhiễm</b><br><b>1. Bài tập tình huống 1</b><br>1.1. Phân tích nguy cơ<br>1.2. Đề xuất các biện pháp quản lý<br><b>2. Bài tập tình huống 2</b><br>2.1. Phân tích nguy cơ<br>2.2. Đề xuất các biện pháp quản lý                                                               | 6 | Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật                                                                                                                                                                                             | CLO 1, 4          |
| 5 | <b>Bài thực hành 5: Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe – kinh tế Một sức khỏe</b><br>1. Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe : Sử dụng phương pháp phân tích SWOT để phân tích 1 số nghị định, thông tư, quyết định có liên quan đến một sức khỏe<br>2. Kinh tế Một sức khỏe : Xác định chi phí can thiệp trên cách tiếp cận MSK | 4 | Hiểu được vai trò của chính sách và phân tích chính sách liên quan đến Một sức khỏe                                                                                                                                                                                             | CLO 5             |
| 6 | <b>Bài thực hành 6: Các yếu tố văn hóa và Một sức khỏe</b><br>1. Giới thiệu bài tập tình huống, hướng dẫn làm việc nhóm<br>2. Làm việc theo nhóm nhỏ<br>3. Trình bày kết quả làm việc nhóm và thảo luận chung                                                                                                                                | 6 | Xác định các yếu tố văn hóa trong xây dựng các chương trình Y tế dự phòng                                                                                                                                                                                                       | CLO 5             |
| 7 | <b>Bài thực hành 7 : Xác định và đề xuất giải pháp giải quyết một vấn đề sức khỏe cụ thể</b><br>1. Xác định mục tiêu<br>2. Xác định các giải pháp giải quyết một VĐ SK cụ thể<br>3. Xác định các hoạt động cụ thể<br>4. Kế hoạch về thời gian, nhân lực, tài chính                                                                           | 6 | Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở<br>Xác định các thành phần chính trong tư duy hệ thống và giải thích sự kết hợp giữa các thành phần này để giải quyết các vấn đề Một sức khỏe | CLO 1, 2, 3, 4, 5 |

|  |  |  |                                                                                     |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------|--|

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, Thảo luận nhóm.

2. **Thực hành:** Thảo luận nhóm.

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết:**

2. **Thực hành:**

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.

- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá    | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá                                                                           | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                | Điểm danh       |                    |                                                                                             |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                | 1 bài viết      | Kiểm tra viết      | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm                      | CLO 1,2,3         | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 40%                | 1 bài báo cáo   | Báo cáo case study |                                                                                             | CLO 1,2,3,4,5     | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40%                | 1 bài chuyên đề |                    | - Nội dung đầy đủ, phù hợp theo yêu cầu<br>- Hình thức rõ ràng mạch lạc<br>- Báo cáo tự tin | CLO 1,2,3,4,5     | 10          |

**Công thức tính điểm:**

**Điểm tổng kết môn học = 0,1 \* chuyên cần + 0,1 \* GHP + 0,4 \* TH + 0,4 \* CHP**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí | Điểm trừ |
|----------|----------|
|----------|----------|

|                     |          |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | Học bù   |
| Nghỉ học không phép | Nghỉ thi |
| Đi muộn             | 0.5      |

## Rubric 2: Vấn đáp

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                    |                               |                                                 |                                                      |                                              |
|---------------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)       | Điểm (4.0-5.4)                | Điểm (5.4-6.9)                                  | Điểm (7.0-8.4)                                       | Điểm (8.5-10)                                |
| Nội dung câu hỏi          | Không trả lời được | Trả lời không hết các câu hỏi | Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót | Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Nguyễn Đức Hình, Lê Thị Hương (2015), Một sức khỏe trong Y học dự phòng và Y tế công cộng
2. Nguyễn Đức Thanh (2015). Giáo trình Kinh tế Y tế (Sách đào tạo Sau đại học), Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ)
3. Trường Đại học Y tế công cộng (2012). Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế & Tài chính y tế, Nhà xuất bản lao động xã hội.
4. WHO (2003), climate change and human health, risk and response [https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/42742/924156248X\\_eng.pdf?sequence=1](https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/42742/924156248X_eng.pdf?sequence=1)
5. Bộ tài nguyên môi trường (2009), Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam
6. WHO (2009), Dịch tễ học cơ bản (bản dịch)

## VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| Nội dung giảng dạy                                       | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                  |
|----------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------|
| Bài 1. Tổng quan và các khái niệm cơ bản về Một sức khỏe | 6          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [1] |

| Nội dung giảng dạy                                                                                                                 | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------|
| Bài 2: Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong Một sức khỏe                      | 6          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [5]      |
| Bài 3. Bệnh lây truyền giữa động vật và người                                                                                      | 6          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [5]      |
| Bài 4. Phân tích nguy cơ và quản lý các bệnh truyền nhiễm                                                                          | 6          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [5]      |
| Bài 5. Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe – kinh tế Một sức khỏe                                                            | 6          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [1], [2] |
| Bài 6. Các yếu tố văn hóa và Một sức khỏe                                                                                          | 6          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [3], [4] |
| Thảo luận nhóm về các tập tục văn hóa, các thói quen, phong tục tập quán có thể làm lây truyền các bệnh liên quan đến một sức khỏe | 8          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [3], [4] |
| Bài 7. Phân tích nguy cơ và quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật                                                  | 9          | - Nghiên cứu trước TLHT [1]<br>TLTK [5]      |
|                                                                                                                                    | <b>53</b>  |                                              |

#### IX. Quy định với sinh viên:

**1. Nhiệm vụ của sinh viên:** Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

**2. Quy định điều kiện dự thi:** Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

#### X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Lần 1                      | 05/2019        |                |

|          |         |         |  |
|----------|---------|---------|--|
| <b>2</b> | Lần 2   | 05/2021 |  |
| <b>3</b> | Lần 3   | 05/2023 |  |
| <b>4</b> | Dự kiến | 05/2025 |  |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Sức khỏe môi trường 3

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Sức khỏe môi trường 3**

Tên tiếng anh: **Environmental Health 3**

Mã số học phần: 3130ENVHLT3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Y học dự phòng                                                                                                                                                             |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | 3<br>16<br>16<br>118                                                                                                                                                       |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành<br>Kết thúc học phần:                  | 3<br>1<br>1<br>1                                                                                                                                                           |
| Học phần học trước:                                                                               | Sức khỏe môi trường 1, 2.                                                                                                                                                  |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               | Sức khỏe nghề nghiệp, sức khỏe lứa tuổi                                                                                                                                    |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Sức khỏe môi trường                                                                                                                                                        |

2. Mô tả học phần

Học phần Sức khỏe môi trường 3 là môn học giúp sinh viên phân tích, nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Học phần SKMT 3 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức phân tích, đánh giá tác động môi trường. Áp dụng vào thực tiễn đưa ra các giải pháp phòng chống, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng không tốt tới môi trường và sức khỏe

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên                  | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Đặng Thị Vân Quý        | Thạc sỹ            | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 4  | Lê Thị Kiều Hạnh        | Thạc sỹ            | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 5  | Vũ Đức Anh              | Thạc sỹ            | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 6  | Đặng Thị Thu Nga        | Thạc sỹ            | 0942909348    | ngadang21388@gmai.com          | Tham gia  |
| 7  | Đặng Thị Ngọc Anh       | Thạc sỹ            | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 9  | Nguyễn Thị Cúc Phương   | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Phân tích, đánh giá được tác động của môi trường tới sức khỏe con người                                                          | PEO: 2,3            |
| 2  | Có khả năng nghiên cứu khoa học đưa ra các giải pháp giảm thiểu các yếu tố ô nhiễm môi trường và nâng cao sức khỏe của con người | PEO: 1,2,3,5        |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                                        | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT<br>(PLO) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích đánh giá được điều kiện vệ sinh môi trường                                                                                                                                      | S:<br>H/PLO: 4, 13                         |
| 2  | CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích được các yếu tố nguy cơ và đề xuất được các biện pháp can thiệp cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý được các nguy cơ | S:<br>H/PLO 4,5,7,8, 13                    |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                            | CĐR HP |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1: Yếu tố khí tượng tác động lên cơ thể con người</b><br>1. Những yếu tố khí tượng tác động lên cơ thể con người về mặt vệ sinh<br>2. Sinh khí tượng và sự thích ứng của cơ thể trong môi trường nóng ẩm<br>3. Sự thích nghi của người Việt Nam với nóng ẩm                             | 4       | 1. Trình bày được yếu tố khí tượng tác động lên cơ thể con người<br>2. Trình bày được sự thích ứng của cơ thể trong môi trường nóng ẩm                                      | CLO: 1 |
| 2  | <b>Bài 2. Can thiệp môi trường</b><br>1. Chiến lược phòng chống môi trường<br>2. Đánh giá hiệu quả một số giải pháp cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường<br>3. Những giải pháp can thiệp vào môi trường đất – nước<br>4. Bảo vệ môi trường cộng đồng<br>5. Phát triển môi trường bền vững  | 4       | 1. Trình bày được các chiến lược phòng chống ô nhiễm môi trường<br>2. Trình bày được các biện pháp can thiệp môi trường<br>3. Trình bày được phát triển môi trường bền vững | CLO: 2 |
| 3  | <b>Bài 3. Sinh thái đô thị</b><br>1. Quản lý môi trường đô thị<br>* Các vấn đề môi trường đô thị<br>* Quản lý chất thải rắn đô thị<br>* Quản lý môi trường đô thị trên các nước Đông Nam Á<br>* Môi trường đô thị ở Việt Nam<br>2. Đô thị sinh thái<br>* Một số vấn đề cơ bản sinh thái đô thị | 4       | 1. Trình bày được quản lý môi trường đô thị<br>2. Trình bày được đô thị sinh thái và nhà ở sinh thái                                                                        | CLO: 1 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                  | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                               | CDR HP   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    | * Sinh thái đô thị và phát triển bền vững<br>* Xây dựng nhà ở sinh thái<br>* Thực trạng nhà ở hiện nay                                                                                   |         |                                                                                                                                                |          |
| 4  | <b>Bài 4:</b> Bảo vệ sức khỏe môi trường<br>1. Thực trạng ô nhiễm đất và nước<br>2. Nguy cơ từ môi trường đất, nước lên sức khỏe<br>3. Các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường | 4       | 1. Trình bày được nguy cơ từ môi trường lên sức khỏe con người<br>2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ môi trường và đưa ra giải pháp dự phòng | CLO: 1,2 |

## 2. Thực hành

| STT | Tên bài                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                 | CDR      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | <b>Bài 1:</b> Tài liệu tham khảo<br>1. Lý thuyết<br>2. Thực hành      | 8       | 1. Tìm tài liệu tham khảo từ các trang tạp chí, web<br>2. Biết cách chèn và trích dẫn tài liệu trong các báo cáo | CLO: 1,2 |
| 2   | <b>Bài 2:</b> Tổng hợp các nghiên cứu<br>1. Lý thuyết<br>2. Thực hành | 8       | 1. Đọc các tài liệu NCKH<br>2. Tổng hợp vấn đề khoa học từ các nghiên cứu đã có                                  | CLO: 1,2 |

## III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. **Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn

## IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

### 1. Lý thuyết

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn.

### 2. Thực hành

- Giáo trình
- Sơ đồ mẫu

## V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành | Trọng | Bài | Hình thức | Tiêu chí đánh giá | CDR | Điểm |
|------------|-------|-----|-----------|-------------------|-----|------|
|------------|-------|-----|-----------|-------------------|-----|------|

| phần                           | số tính điểm | đánh giá | đánh giá              |                                                                | được đánh giá | tối đa |
|--------------------------------|--------------|----------|-----------------------|----------------------------------------------------------------|---------------|--------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1          | -        | Điểm danh             | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,     |               | 10     |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1          | 1        | Thi viết câu hỏi ngắn | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                              | CLO: 1        | 10     |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4          | 1        | Bộ câu hỏi            | Xây dựng được thiết kế điều tra                                | CLO: 1,2      | 10     |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4          | 1        | Báo cáo chuyên đề     | Hoàn thành báo cáo theo quy định<br>Báo cáo và trả lời câu hỏi | CLO: 1, 2     | 10     |

**Công thức tính điểm: Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ             |
|---------------------|----------------------|
| Không vắng          | 0                    |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/2 tiết học  |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần         |

**Rubric 2: Vấn đáp**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                      |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)                                         | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản giáo dục.
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

### 2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

### IX. Hướng dẫn tự học

| STT | Tên bài                                                                                                                                       | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Bài 1: Yếu tố khí tượng tác động lên cơ thể con người</b><br>Thảo luận những yếu tố khí tượng tác động lên cơ thể con người về mặt vệ sinh | 2       | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1],<br>[2],[3],[4],[5] |
|     | Thảo luận Sinh khí tượng và sự thích ứng của cơ thể trong môi trường nóng ẩm                                                                  | 2       | - Tìm các tài liệu liên quan                                               |
|     | Thảo luận Sự thích nghi của người Việt Nam với nóng ẩm                                                                                        | 2       | - Làm bài tập tình huống                                                   |
| 2   | <b>Bài 2. Can thiệp môi trường</b><br>Thảo luận xây dựng chiến lược phòng chống môi trường                                                    | 2       | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1],<br>[2],[3],[4],[5] |
|     | Thảo luận đánh giá hiệu quả một số giải pháp cung cấp nước sạch                                                                               | 2       | - Tìm các tài liệu liên quan                                               |
|     | Thảo luận đánh giá hiệu quả một số giải pháp đảm bảo vệ sinh môi trường                                                                       | 2       | - Làm bài tập tình huống                                                   |
|     | Thảo luận những giải pháp can thiệp vào môi trường nước                                                                                       | 2       |                                                                            |
|     | Thảo luận những giải pháp can thiệp vào môi trường đất                                                                                        | 2       |                                                                            |
|     | Thảo luận các biện pháp bảo vệ môi trường cộng đồng                                                                                           | 2       |                                                                            |
|     | Thảo luận các mô hình phát triển môi trường bền vững                                                                                          | 2       |                                                                            |
| 3   | <b>Bài 3. Sinh thái đô thị</b><br>Thảo luận quản lý chất thải rắn đô thị                                                                      | 2       | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1],<br>[2],[3],[4],[5] |
|     | Thảo luận quản lý môi trường đô thị trên các nước Đông Nam Á                                                                                  | 2       | - Tìm các tài liệu liên quan                                               |
|     | Thảo luận môi trường đô thị ở Việt Nam                                                                                                        | 2       | - Làm bài tập tình huống                                                   |
|     | Thảo luận sinh thái đô thị và phát triển bền vững                                                                                             | 2       |                                                                            |
|     | Thảo luận mô hình xây dựng nhà ở sinh                                                                                                         | 2       |                                                                            |

| STT | Tên bài                                                                              | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------|
|     | thái                                                                                 |         |                                                                            |
|     | Thảo luận thực trạng nhà ở hiện nay                                                  | 1       |                                                                            |
| 4   | <b>Bài 4:</b> Bảo vệ sức khỏe môi trường<br>Thảo luận thực trạng ô nhiễm đất và nước | 1       | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],<br>+ TLTK [1],<br>[2],[3],[4],[5] |
|     | Thảo luận các nguy cơ từ môi trường đất, nước lên sức khỏe                           | 1       |                                                                            |
|     | Thảo luận các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường                          | 1       | - Tìm các tài liệu liên quan<br>- Làm bài tập tình huống                   |

## **X. Quy định với sinh viên:**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Lần 1                      | 5/2019         |                |
| 2  | Lần 2                      | 5/2021         |                |
| 3  | Lần 3                      | 5/2023         |                |
| 4  | Dự kiến lần 4              | 5/2025         |                |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Thực tập cộng đồng 2

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Thực tập cộng đồng 2**

Tên tiếng anh: **Community internship**

Mã số học phần: 3130COMPRT2P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Y học dự phòng                                                                                                                                                             |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | 2<br>0<br>60<br>40                                                                                                                                                         |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | 1<br>0<br>1                                                                                                                                                                |
| Học phần học trước:                                                                               | Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP                                                                                                                          |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               | Các môn lâm sàng                                                                                                                                                           |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Khoa y tế công cộng                                                                                                                                                        |

2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 2 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khỏe cho người dân tại cơ sở y tế tuyến huyện. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

\* **Cán bộ phụ trách** : PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 - vuphongtuc@yahoo.com

\* **Cán bộ giảng dạy**: Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                  | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.                                                                                            | 1,2,3, 5            |
| 2  | Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương | 1,2,3, 5            |
| 3  | Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương                                                                                                       | 1,2,3, 5            |
| 4  | Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã                                                                                | 1,2,3, 5            |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                                                                                                          | Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1  | Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng                                                                                                                                | H: 1,2,3                             |
| 2  | Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người dân | H: 4,5,7,8                           |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

## 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1: Tổ chức quản lý y tế</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề          | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng. | 1,2    |
| 2  | <b>Bài 2 : Dịch tễ học</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề                  | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng. | 1,2    |
| 3  | <b>Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1,2    |

| TT | Tên bài                                                                                                                                      | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | CDR HP |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    |                                                                                                                                              |         | <p>đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.</p> <p>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.</p> <p>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |
| 4  | <p><b>Bài 4: Sức khỏe môi trường</b></p> <p>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế</p> <p>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề</p> | 4       | <p>1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.</p> <p>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.</p> <p>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.</p> <p>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.</p> <p>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng</p> | 1,2    |
| 5  | <p><b>Bài 5: Chủ đề Nội</b></p> <p>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế</p> <p>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề</p>          | 4       | <p>1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.</p> <p>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.</p> <p>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.</p> <p>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.</p> <p>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng</p> | 1,2    |
| 6  | <p><b>Bài 6: Chủ đề Ngoại</b></p> <p>1. Các vấn đề sức</p>                                                                                   | 4       | <p>1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,2    |

| TT | Tên bài                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | CDR HP |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề                                               |         | y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng                                                                                                                                      |        |
| 7  | <b>Bài 7: Chủ đề Sản</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng | 1,2    |
| 8  | <b>Bài 8: Chủ đề Nhi</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt                                                                                       | 1,2    |

| TT | Tên bài                                                                                                                      | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | CĐR HP |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    |                                                                                                                              |         | động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |        |
| 9  | <b>Bài 9: Chủ đề Chấn thương</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng | 1,2    |

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. **Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

#### 1. Lý thuyết

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn.

#### 2. Thực hành

- Giáo trình, dụng cụ.
- Sơ đồ mẫu.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần           | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá                                          | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|---------------------------|--------------------|--------------|--------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC) | 3                  | -            | Điểm danh          | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn, | PLO:2,3,4,10      | 10          |

|                                            |   |   |                                     |                                                                     |                                   |    |
|--------------------------------------------|---|---|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----|
| Điểm hoàn thành môn học ( <b>ĐHTMH</b> )   | 2 | - | Viết bài truyền thông, báo cáo tuần | Có bài truyền thông được phát thanh. Có báo cáo công việc từng tuần | PLO:2,3,4,10                      | 10 |
| Điểm viết báo cáo thu hoạch ( <b>ĐBC</b> ) | 3 | 1 | Báo cáo                             | Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn                    | PLO:2,3,4,10                      | 10 |
| Điểm hỏi vấn đáp ( <b>ĐVD</b> )            | 2 | - | Trả lời câu hỏi                     | Trả lời được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi                         | PLO:1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 | 10 |

**Công thức tính điểm: Đ.HP = ĐCC + ĐHTMH + ĐBC + ĐVD**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ                     |
|---------------------|------------------------------|
| Không vắng          | 0                            |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/1 tiết học (có bù) |
| Nghỉ học không phép | Không duyệt thi              |
| Đi muộn             | 0,25 điểm/2 lần              |

**Rubric 2: Vấn đáp**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                |                              |                                              |                                                                        |                                                                |
|---------------------------|------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-0.5)                                   | Điểm (0.5-1,0)               | Điểm (1.2)                                   | Điểm (2-2.5)                                                           | Điểm (2.75-3)                                                  |
| Nội dung câu hỏi          | Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót | Trả lời chưa hết các câu hỏi | Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót | Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## **VI. Tài liệu học tập và tham khảo**

### **1. Tài liệu học tập**

1. Ban chỉ đạo TTCD (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình.
2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.

3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.
4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục.
5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

## 2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiền, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.
4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.
5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.
7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles
8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.
9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.
10. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.
11. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
12. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

## VIII. Hướng dẫn tự học

| STT | Tên bài                              | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                            |
|-----|--------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bài 1: Tổ chức quản lý y tế          | 8       | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2],[3]<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Thu thập số liệu theo chủ đề của các bộ môn |
| 2   | Bài 2 : Dịch tễ học                  | 8       |                                                                                                                                                                   |
| 3   | Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm | 8       |                                                                                                                                                                   |
| 4   | Bài 4: Sức khỏe môi                  | 8       |                                                                                                                                                                   |

|   |                            |   |                                                    |
|---|----------------------------|---|----------------------------------------------------|
|   | trường                     |   | - Thực hiện các nhiệm vụ cùng nhân viên y tế cơ sở |
| 5 | Bài 5: Xã hội học sức khỏe | 8 |                                                    |

## **IX. Quy định với sinh viên**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành.
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau.

## **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Ngày/tháng/năm</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                             | 5/2019                |                       |
| <b>2</b>  | Lần 2                             | 5/2021                |                       |
| <b>3</b>  | Lần 3                             | 5/2023                |                       |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                     | 5/2025                |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH  
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

### **Thực tập cộng đồng 3**

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Thực tập cộng đồng 3**

Tên tiếng anh: **Community internship 3**

Mã số học phần: 3130COMPRT3P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

## **I. Hành chính**

### **1. Thông tin chung**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Y học dự phòng                                                                                                                                                             |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | 2<br>0<br>60<br>40                                                                                                                                                         |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | 1<br><br>1                                                                                                                                                                 |
| Học phần học trước:                                                                               | Sức khỏe môi trường <sup>1</sup> , Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP                                                                                                            |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Khoa y tế công cộng                                                                                                                                                        |

### **2. Mô tả học phần**

Học phần thực tập cộng đồng 3 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khỏe cho người dân tại cơ sở y tế tuyến tỉnh. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường. Tiếp cận khi có dịch bệnh xảy ra tại địa phương

### **3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy**

\* **Cán bộ phụ trách :** PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 - vuphongtuc@yahoo.com

\* **Cán bộ giảng dạy:** Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

#### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                  | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.                                                                                            | 1,2,3, 5            |
| 2  | Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương | 1,2,3, 5            |
| 3  | Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương                                                                                                       | 1,2,3, 5            |
| 4  | Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã                                                                                | 1,2,3, 5            |

#### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                                      | Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1  | Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng                                                                                                                            | H: 1,2,3                             |
| 2  | Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người dân | H: 4,5,7,8                           |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

### 2. Thực hành

| TT | Tên bài                            | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                        | CĐR HP |
|----|------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1: Tổ chức quản lý y tế</b> | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động | 1,2    |

| TT | Tên bài                                                                                                                                 | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề                                                |         | của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng                                                                                          |        |
| 2  | <b>Bài 2 : Dịch tễ học</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề                  | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng. | 1,2    |
| 3  | <b>Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng                                                                                                                                   | 1,2    |

| TT | Tên bài                                                                                                                       | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | CDR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    |                                                                                                                               |         | giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |        |
| 4  | <b>Bài 4: Sức khỏe môi trường</b><br>1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế<br>2. Hướng dẫn học tập các chủ đề | 4       | 1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.<br>2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương.<br>3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương.<br>4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.<br>5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng | 1,2    |

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. **Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết**

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. **Thực hành**

- Giáo trình, dụng cụ
- Sơ đồ mẫu

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần           | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá                                         | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|---------------------------|--------------------|--------------|--------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC) | 3                  | -            | Điểm danh          | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn | PLO:2,3,4,10      | 10          |

|                                            |   |   |                                     |                                                                        |                                    |    |
|--------------------------------------------|---|---|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----|
| Điểm hoàn thành môn học ( <b>ĐHTMH</b> )   | 2 | - | Viết bài truyền thông, báo cáo tuần | Có bài truyền thông được phát thanh.<br>Có báo cáo công việc từng tuần | PLO:2,3,4,10                       | 10 |
| Điểm viết báo cáo thu hoạch ( <b>ĐBC</b> ) | 3 | 1 | Báo cáo                             | Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn                       | PLO:2,3,4,10                       | 10 |
| Điểm hỏi vấn đáp ( <b>ĐVD</b> )            | 2 | - | Trả lời câu hỏi                     | Trả lời được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi                            | PLO: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 | 10 |

**Công thức tính điểm: Đ.HP = ĐCC + ĐHTMH + ĐBC + ĐVD**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ                     |
|---------------------|------------------------------|
| Không vắng          | 0                            |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/2 tiết học (có bù) |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/2 tiết học          |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/1 lần               |

**Rubric 2: Vấn đáp**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                |                              |                                              |                                                                        |                                                                |
|---------------------------|------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-0.5)                                   | Điểm (0.5-1,0)               | Điểm (1.2)                                   | Điểm (2-2.5)                                                           | Điểm (2.75-3)                                                  |
| Nội dung câu hỏi          | Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót | Trả lời chưa hết các câu hỏi | Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót | Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo**

**1. Tài liệu học tập**

1. Ban chỉ đạo TTCĐ (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình
2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.
3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.
4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục
5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

**2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiền, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.
4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.
5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.
7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles
8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.
9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.
10. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.
11. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
12. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

### **VIII. Hướng dẫn tự học**

| STT | Tên bài                              | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bài 1: Tổ chức quản lý y tế          | 8       | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2],[3]<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan<br>- Thu thập số liệu theo chủ đề của các bộ môn<br>- Thực hiện các nhiệm vụ cùng nhân viên y tế cơ sở |
| 2   | Bài 2 : Dịch tễ học                  | 8       |                                                                                                                                                                                                                         |
| 3   | Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm | 8       |                                                                                                                                                                                                                         |
| 4   | Bài 4: Sức khỏe môi trường           | 8       |                                                                                                                                                                                                                         |
| 5   | Bài 5: Xã hội học sức khỏe           | 8       |                                                                                                                                                                                                                         |

### **X. Quy định với sinh viên**

#### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

#### **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.

- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành.
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau.

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Lần 1                      | 5/2019         |                |
| 2  | Lần 2                      | 5/2021         |                |
| 3  | Lần 3                      | 5/2023         |                |
| 4  | Dự kiến lần 4              | 5/2025         |                |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH  
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Thực tập tốt nghiệp**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**

Tên tiếng Anh: **Graduation Internship**

Mã số học phần: 3130GRADNR0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

## I. Hành chính

### 1. Thông tin chung

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Y học dự phòng                                                                                                                                                             |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | 6<br>0<br>240<br>60                                                                                                                                                        |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Kết thúc học phần:                               | 0<br>0                                                                                                                                                                     |
| Học phần học trước:                                                                               | Tổ chức quản lý y tế, Thống kê y học, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, Dinh dưỡng an toàn thực phẩm, Tâm lý Y học – Y đức, Dịch tễ học                           |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh                                                                                                                                          |

### 2. Mô tả học phần

Với học phần thực tập tốt nghiệp, sinh viên được tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khỏe cho người dân tại trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh. Sinh viên được thực tế đi vào các khoa, phòng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh để học cách quản lý bệnh tật, tiếp cận vấn đề xử lý vấn đề cụ thể tại từng khoa phòng như: khoa Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường và y tế học đường, khoa dinh dưỡng, khoa sức khỏe nghề nghiệp, khoa truyền thông... Đây cũng được coi là bước đầu tiếp cận và làm quen với công việc thực tế sau khi ra trường.

### 3. Cán bộ giảng dạy

Cán bộ tại các khoa, phòng của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh (CDC).

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                   | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của các khoa phòng tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh | PEO 1, 2, 3         |
| 2  | Thực hiện thành thực các kỹ năng cơ bản trong công tác kiểm soát bệnh tật cũng như thu thập dữ liệu, phân tích tình hình thực tế                    | PEO 1, 2, 3, 4      |
| 3  | Áp dụng kiến thức đã học vào thực tế tình huống công việc tại trung tâm, từ đó nâng cao khả năng giải quyết vấn đề                                  | PEO 1, 2, 3, 4      |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                         | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO) |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Vận dụng kiến thức để xác định và phân tích được các vấn đề/tình huống tại các khoa/phòng của trung tâm                              | S: PLO 1, 5<br>H: PLO 4, 7, 8,          |
| 2  | Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích và định hướng giải quyết các vấn đề thực tế tại thực địa | S: PLO 1, 9<br>H: PLO 5, 7, 8, 13       |
| 3  | Có khả năng đề xuất được các biện pháp giải quyết các vấn đề cụ thể trong và sau quá trình học tập tại đơn vị                        | S: PLO 1, 9<br>H: PLO 5, 7, 8, 13       |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

### 2. Thực hành

| STT | Chủ đề                                                         | Số tiết | Mục tiêu học phần | CDR HP |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------|-------------------|--------|
| 1   | Các loại vắc xin sử dụng trong chương trình Tiêm chủng mở rộng | 8       | 1,2,3             | 1,2,3  |
| 2   | Hoạt động tiêm vaccin VGB sơ sinh tại bệnh viện                | 8       | 1,2,3             | 1,2,3  |

|    |                                                                                                                                                                        |   |       |       |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------|
| 3  | Hệ thống dây truyền lạnh và vấn đề quản lý, bảo quản vắc xin                                                                                                           | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 4  | Lập kế hoạch và chuẩn bị cho buổi tiêm chủng. Giám sát phản ứng sau tiêm chủng mở rộng                                                                                 | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 5  | Lập kế hoạch tổ chức tập huấn về tiêm chủng mở rộng và phòng chống dịch cho CBYT tuyến xã                                                                              | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 6  | Lập kế hoạch hoạt động phòng chống dịch, tiêm chủng mở rộng của tỉnh                                                                                                   | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 7  | Giám sát, phòng chống cúm A                                                                                                                                            | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 8  | Giám sát, phòng chống sởi/rubella                                                                                                                                      | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 9  | Giám sát, phòng chống viêm não Nhật Bản                                                                                                                                | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 10 | Giám sát, phòng chống Bệnh do vi rút Zika                                                                                                                              | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 11 | Giám sát, phòng chống Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng                                                                                                                | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 12 | Giám sát, phòng chống Sốt xuất huyết                                                                                                                                   | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 13 | Giám sát, phòng chống bệnh tay chân miệng                                                                                                                              | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 14 | Giám sát và phòng chống bệnh liên cầu lợn ở người                                                                                                                      | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 15 | Luật phòng chống Bệnh truyền nhiễm                                                                                                                                     | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 16 | Thông tư về Báo cáo các bệnh truyền nhiễm (hoặc thông tư về tiêm chủng mở rộng)                                                                                        | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 17 | Thống kê, báo cáo bệnh truyền nhiễm (theo ngày, theo tuần và theo tháng)                                                                                               | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 18 | Tìm hiểu về công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại doanh nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình/Nam Định ( <i>Tổ chức khám, phân loại sức khỏe..</i> )             | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 19 | Tìm hiểu về công tác khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động tại doanh nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình/Nam Định ( <i>Tổ chức khám, phân loại, lập hồ sơ..</i> ) | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 20 | Tìm hiểu các chương trình, dự án về an toàn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại tỉnh Thái Bình/Nam Định                                                         | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 21 | Tìm hiểu một số chương trình y tế triển khai trong trường học tại Thái Bình/Nam Định                                                                                   | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 22 | Tìm hiểu chương trình Vệ sinh môi trường tại tỉnh                                                                                                                      | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |

|    |                                                                                                   |   |       |       |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------|
|    | Thái Bình/Nam Định                                                                                |   |       |       |
| 23 | Tìm hiểu về chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn                                  | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 24 | Xử lý môi trường nhiễm dịch                                                                       | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 25 | Xử lý môi trường, phòng bùng phát dịch                                                            | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 26 | Tìm hiểu về triển khai chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại tỉnh Thái Bình/Nam Định | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 27 | Tìm hiểu về triển khai chương trình phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng tại Thái Bình/ Nam Định  | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 28 | Tìm hiểu về chương trình YTQG phòng chống bệnh không lây nhiễm                                    | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 29 | Tìm hiểu về năng lực xét nghiệm tại TTYTDP tỉnh Thái Bình/Nam Định: Vi sinh, hoá lý, nước, ATVSTP | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |
| 30 | Tìm hiểu hoạt động KCB tại phòng khám đa khoa TTYTDP                                              | 8 | 1,2,3 | 1,2,3 |

### III. Phương pháp dạy/học

#### Thực hành

- Thuyết trình, hướng dẫn, thảo luận nhóm
- Làm việc nhóm
- Cầm tay, chỉ việc

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Máy chiếu, giấy A0.

### V. Phương pháp lượng giá

Sổ Nhật ký thực tập

### VI. Tài liệu học tập và tham khảo

**VII. Lịch học:** Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

### VIII. Hướng dẫn tự học

| TT | Nội dung giảng dạy                                                                                    | Thời lượng |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1  | Thảo luận nhóm các loại vắc xin sử dụng trong chương trình Tiêm chủng mở rộng                         | 2          |
| 2  | Thảo luận nhóm hoạt động tiêm vaccin VGB sơ sinh tại bệnh viện                                        | 2          |
| 3  | Thảo luận nhóm hệ thống dây truyền lạnh và vấn đề quản lý, bảo quản vắc xin                           | 2          |
| 4  | Thảo luận nhóm lập kế hoạch và chuẩn bị cho buổi tiêm chủng. Giám sát phản ứng sau tiêm chủng mở rộng | 2          |
| 5  | Thảo luận nhóm lập kế hoạch tổ chức tập huấn về tiêm chủng mở rộng                                    | 2          |

|             |                                                                                                                                                                                       |           |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|             | và phòng chống dịch cho CBYT tuyến xã                                                                                                                                                 |           |
| 6           | Thảo luận nhóm lập kế hoạch hoạt động phòng chống dịch, tiêm chủng mở rộng của tỉnh                                                                                                   | 2         |
| 7           | Thảo luận nhóm giám sát, phòng chống cúm A                                                                                                                                            | 2         |
| 8           | Thảo luận nhóm giám sát, phòng chống sởi/rubella                                                                                                                                      | 2         |
| 9           | Thảo luận nhóm giám sát, phòng chống viêm não Nhật Bản                                                                                                                                | 2         |
| 10          | Thảo luận nhóm GS, phòng chống Bệnh do vi rút Zika                                                                                                                                    | 2         |
| 11          | Thảo luận nhóm sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng                                                                                                                                      | 2         |
| 12          | Thảo luận nhóm giám sát, phòng chống Sốt xuất huyết                                                                                                                                   | 2         |
| 13          | Thảo luận nhóm giám sát, phòng chống bệnh tay chân miệng                                                                                                                              | 2         |
| 14          | Thảo luận nhóm giám sát và phòng chống bệnh liên cầu lợn ở người                                                                                                                      | 2         |
| 15          | Thảo luận nhóm luật phòng chống Bệnh truyền nhiễm                                                                                                                                     | 2         |
| 16          | Thảo luận nhóm thông tư về Báo cáo các bệnh truyền nhiễm (hoặc thông tư về tiêm chủng mở rộng)                                                                                        | 2         |
| 17          | Thảo luận nhóm thống kê, báo cáo bệnh truyền nhiễm (theo ngày, theo tuần và theo tháng)                                                                                               | 2         |
| 18          | Thảo luận nhóm tìm hiểu về công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại doanh nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình/Nam Định ( <i>Tổ chức khám, phân loại SK..</i> )                   | 2         |
| 19          | Thảo luận nhóm tìm hiểu về công tác khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động tại doanh nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình/Nam Định ( <i>Tổ chức khám, phân loại, lập hồ sơ..</i> ) | 2         |
| 20          | Thảo luận nhóm tìm hiểu các chương trình, dự án về an toàn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại tỉnh Thái Bình/Nam Định                                                         | 2         |
| 21          | Thảo luận nhóm tìm hiểu một số chương trình y tế triển khai trong trường học tại Thái Bình/Nam Định                                                                                   | 2         |
| 22          | Thảo luận nhóm tìm hiểu chương trình Vệ sinh môi trường tại tỉnh Thái Bình/Nam Định                                                                                                   | 2         |
| 23          | Thảo luận nhóm tìm hiểu về chương trình nước sạch, VSMT nông thôn                                                                                                                     | 2         |
| 24          | Thảo luận nhóm xử lý môi trường nhiễm dịch                                                                                                                                            | 2         |
| 25          | Thảo luận nhóm xử môi trường phòng bùng phát dịch                                                                                                                                     | 2         |
| 26          | Thảo luận nhóm tìm hiểu về triển khai chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại tỉnh Thái Bình/Nam Định                                                                      | 2         |
| 27          | Thảo luận nhóm tìm hiểu về triển khai chương trình phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng tại Thái Bình/ Nam Định                                                                       | 2         |
| 28          | Thảo luận nhóm tìm hiểu về chương trình YTQG phòng chống bệnh không lây nhiễm                                                                                                         | 2         |
| 29          | Thảo luận nhóm tìm hiểu về năng lực xét nghiệm tại TTYTDP tỉnh Thái Bình/Nam Định: Vi sinh, hoá lý, nước, ATVSTP                                                                      | 2         |
| 30          | Thảo luận nhóm tìm hiểu hoạt động KCB tại phòng khám đa khoa TTYTDP                                                                                                                   | 2         |
| <b>TỔNG</b> |                                                                                                                                                                                       | <b>60</b> |

## IX. Quy định với sinh viên:

### Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa.

- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Ngày/tháng/năm</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                             | 5/2019                |                       |
| <b>2</b>  | Lần 2                             | 5/2021                |                       |
| <b>3</b>  | Lần 3                             | 5/2023                |                       |
| <b>4</b>  | Dự kiến                           | 5/2025                |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm (Học phần thay thế tốt nghiệp)

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dinh dưỡng - Vệ sinh ATTP 4**

Tên tiếng Anh: **Nutrition – Food Safety 4**

Mã học phần: 3130NUTSFE4T

Ngành: Y học dự phòng năm thứ 6

Mã ngành: 7720110

### I. Hành chính.

#### 1. Thông tin chung:

|                                                               |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (Học phần thay thế) | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                              | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                    | Y học dự phòng năm thứ 6                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):                                     | <b>3 (1/2)</b>                                                                                                                                                             |
| Số tiết Lý thuyết:                                            | <b>16</b>                                                                                                                                                                  |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:                                  | <b>64</b>                                                                                                                                                                  |
| Số giờ tự học:                                                | <b>70</b>                                                                                                                                                                  |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):                                   | <b>3</b>                                                                                                                                                                   |
| Giữa học phần:                                                | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Thực hành:                                                    | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Kết thúc học phần:                                            | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Học phần học trước:                                           |                                                                                                                                                                            |
| Học phần tiên quyết:                                          | Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm 1, Dinh dưỡng & VSATTP 2,3                                                                                                                 |
| Học phần song hành:                                           | Không có                                                                                                                                                                   |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                        | Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm                                                                                                                                            |

#### 2. Mô tả chung về học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng xác định và lựa chọn vấn đề sức khoẻ dinh dưỡng ưu tiên. Học phần bao gồm hướng dẫn các kỹ năng xây dựng và phát triển vật liệu truyền thông dinh dưỡng, xây dựng kế hoạch, viết chuyên đề và thực hiện truyền thông dinh dưỡng tại cơ sở y tế và cộng đồng.

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

| TT | Họ tên              | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                  | Ghi chú   |
|----|---------------------|--------------------|---------------|------------------------|-----------|
| 1  | Phạm Thị Dung       | PGS.TS             | 0989981359    | dungpt@tbmc.edu.vn     | Phụ trách |
| 2  | Ninh Thị Nhung      | PGS.TS             | 0912850028    | nhungntytb@yahoo.com   | Tham gia  |
| 3  | Tạ Thúy Loan        | BSCCKII            | 0915585415    | loantt@tbmc.edu.vn     | Tham gia  |
| 4  | Phạm Thị Kiều Chinh | ThS                | 0389987259    | huanchinh225@gmail.com | Tham gia  |

### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                              | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Thiết kế, thử nghiệm và sử dụng có hiệu quả một số tài liệu, thông điệp truyền thông tại cộng đồng                                                             | PEO 1,2,4           |
| 2  | Trình bày được các kiến thức và kỹ năng thiết kế đề cương, xây dựng bộ công cụ                                                                                 | PEO 1,2,4           |
| 3  | Mô tả được các kỹ thuật và công cụ thu thập số liệu, ưu nhược điểm của từng loại công cụ. Xây dựng được công cụ thu thập số liệu phù hợp                       | PEO 1,2,4           |
| 4  | Mô tả được các phương pháp tổ chức thu thập thông tin, ưu nhược điểm của từng phương pháp và lên kế hoạch tổ chức được 1 buổi thu thập thông tin tại cộng đồng | PEO 1,2,4           |

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                         | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT<br>(PLO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | CLO1: Thiết kế, thử nghiệm và sử dụng có hiệu quả một số tài liệu, thông điệp truyền thông tại cộng đồng                                                             | S: PLO 2<br>H: PLO 1,3                     |
| 2  | CLO2: Trình bày được các kiến thức và kỹ năng thiết kế đề cương, xây dựng bộ công cụ                                                                                 | S: PLO 8<br>H: PLO 3,4                     |
| 3  | CLO3: Mô tả được các kỹ thuật và công cụ thu thập số liệu, ưu nhược điểm của từng loại công cụ. Xây dựng được công cụ thu thập số liệu phù hợp                       | S: PLO 8<br>H: PLO 3,4                     |
| 4  | CLO4: Mô tả được các phương pháp tổ chức thu thập thông tin, ưu nhược điểm của từng phương pháp và lên kế hoạch tổ chức được 1 buổi thu thập thông tin tại cộng đồng | S: PLO 7,8<br>H: PLO 5                     |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                         | CĐR HP         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1  | <b>Bài 1. Xây dựng thông điệp truyền thông</b><br>1. Khái niệm<br>2. Ý nghĩa thông điệp truyền thông<br>3. Các bước xây dựng thông điệp truyền thông                                                                                                                                                                                              | 04      | 1. Trình bày được khái niệm và ý nghĩa thông điệp truyền thông<br>2. Trình bày được các bước xây dựng thông điệp truyền thông            | <b>CLO 1</b>   |
| 2  | <b>Bài 2. Thiết kế đề cương và bộ công cụ</b><br>1. Các yêu cầu cơ bản đối với đề cương nghiên cứu<br>2. Các bước thiết kế đề cương<br>3. Cấu trúc chung của đề cương<br>4. Công cụ thu thập số liệu<br>4.1. Một số bộ công cụ thu thập số liệu thường gặp<br>4.2. Lựa chọn công cụ thu thập số liệu<br>4.3. Các bước thiết kế công cụ nghiên cứu | 08      | 1. Trình bày được cấu trúc của một đề cương nghiên cứu<br>2. Trình bày được các bước thiết kế công cụ nghiên cứu                         | <b>CLO 2,3</b> |
| 3  | <b>Bài 3. Phương pháp tổ chức thu thập thông tin</b><br>1. Khái niệm<br>2. Các bước của quy trình thu thập số liệu<br>3. Lập kế hoạch triển khai thu thập số liệu                                                                                                                                                                                 | 04      | 1. Trình bày được khái niệm và các bước của quy trình thu thập số liệu<br>2. Trình bày các bước lập kế hoạch triển khai thu thập số liệu | <b>CLO 4</b>   |

### 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                | CDR            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1  | <b>Bài 1. Lập kế hoạch các chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm (1)</b><br>1. Các bước lập kế hoạch<br>2. Thực hành lập kế hoạch một chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương                                                                                                                                                            | 08      | 1. Thực hành lập kế hoạch một chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương                       | <b>PLO 1,4</b> |
| 2  | <b>Bài 1. Lập kế hoạch các chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm (2)</b><br>1. Các bước lập kế hoạch<br>2. Thực hành lập kế hoạch một chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương                                                                                                                                                            | 08      | 1. Thực hành lập kế hoạch một chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương                       | <b>PLO 1,4</b> |
| 3  | <b>Bài 2. Thiết kế đề cương (1)</b><br>1. Xác định thiết kế đề cương nghiên cứu<br>2. Phác thảo cấu trúc đề cương: tên, nội dung chính<br>3. Xây dựng chi tiết đề cương đã xác định                                                                                                                                                                                 | 08      | 1. Xây dựng chi tiết được một đề cương đã xác định                                                              | <b>PLO 2</b>   |
| 4  | <b>Bài 2. Thiết kế đề cương (2)</b><br>1. Xác định thiết kế đề cương nghiên cứu<br>2. Phác thảo cấu trúc đề cương: tên, nội dung chính<br>3. Xây dựng chi tiết đề cương đã xác định                                                                                                                                                                                 | 08      | 1. Xây dựng chi tiết được một đề cương đã xác định                                                              | <b>PLO 2</b>   |
| 5  | <b>Bài 3. Thiết kế và xây dựng bộ công cụ (1)</b><br>1. Xác định công cụ thu thập số liệu cho nghiên cứu<br>2. Phác thảo công cụ thu thập thông tin<br>3. Xây dựng chi tiết một công cụ/ một phần của công cụ đã xác định                                                                                                                                           | 08      | 1. Xây dựng chi tiết một công cụ, một phần của công cụ đã xác định                                              | <b>PLO 3</b>   |
| 6  | <b>Bài 3. Thiết kế và xây dựng bộ công cụ (2)</b><br>1. Xác định công cụ thu thập số liệu cho nghiên cứu<br>2. Phác thảo công cụ thu thập thông tin<br>3. Xây dựng chi tiết một công cụ/ một phần của công cụ đã xác định                                                                                                                                           | 08      | 1. Xây dựng chi tiết một công cụ, một phần của công cụ đã xác định                                              | <b>PLO 3</b>   |
| 7  | <b>Bài 4. Phương pháp tổ chức thu thập thông tin (1)</b><br>Xây dựng bảng kế hoạch triển khai tổ chức thu thập thông tin, số liệu cho đề tài nghiên cứu đã lựa chọn<br>1. Kế hoạch về thời gian<br>2. Kế hoạch về địa điểm<br>3. Kế hoạch về hoạt động theo thời gian<br>4. Kế hoạch về nhân lực<br>5. Kế hoạch về tài chính<br>6. Kế hoạch về phương tiện, dụng cụ | 08      | 1. Xây dựng được bảng kế hoạch triển khai tổ chức thu thập thông tin, số liệu cho đề tài nghiên cứu đã lựa chọn | <b>PLO 4</b>   |
| 8  | <b>Bài 4. Phương pháp tổ chức thu thập</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 08      | 1. Xây dựng được                                                                                                | <b>PLO</b>     |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                               | CDR      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    | <b>thông tin (2)</b><br>Xây dựng bảng kế hoạch triển khai tổ chức thu thập thông tin, số liệu cho đề tài nghiên cứu đã lựa chọn<br>1. Kế hoạch về thời gian<br>2. Kế hoạch về địa điểm<br>3. Kế hoạch về hoạt động theo thời gian<br>4. Kế hoạch về nhân lực<br>5. Kế hoạch về tài chính<br>6. Kế hoạch về phương tiện, dụng cụ |         | bảng kế hoạch triển khai tổ chức thu thập thông tin, số liệu cho đề tài nghiên cứu đã lựa chọn | <b>4</b> |

### III. Phương pháp dạy/học

- Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành:** Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Lý thuyết:** Máy chiếu Projector, tranh
- Thực hành:** Bài tập trường hợp.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá                      | Tiêu chí đánh giá       | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-----------------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | 1            | Đi học đầy đủ, đúng giờ                 | Đi học đầy đủ, đúng giờ |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Viết câu hỏi ngắn                       | Thang điểm              |                   | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,2                | 1            | Bài tập thực hành                       | Thang điểm              |                   | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,6                | 1            | Thi viết (bài thi tốt nghiệp lý thuyết) | Thang điểm              |                   | 10          |

**Công thức tính điểm:**  $\text{Đ.HP} = \text{Đ.GHP} \times 0,1 + \text{Đ.CC} \times 0,1 + \text{Đ.LT} \times 0,6 + \text{Đ.TH} \times 0,2$

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ           |
|---------------------|--------------------|
| Không vắng          | 0                  |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/ tiết học |
| Đi muộn             | Trừ 0,5 điểm/lần   |

## Rubric 2: Thi viết

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                           |                                     |                                    |                                    |                                     |
|---------------------------|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)              | Điểm (4.0-5.4)                      | Điểm (5.4-6.9)                     | Điểm (7.0-8.4)                     | Điểm (8.5-10)                       |
| Nội dung câu hỏi          | Trả lời đúng câu hỏi <39% | Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 % | Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69% | Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84% | Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100% |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

### 1. Tài liệu học tập

- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, NXB Y học.

### 2. Tài liệu tham khảo

- Ninh Thị Nhung, Phạm Thị Dung, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2017) Dinh dưỡng điều trị, NXB Y học.

- Phạm Ngọc Khái, Nguyễn Thị Lâm, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2016) Dinh dưỡng lâm sàng, NXB Y học.

## VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

## VIII. Hướng dẫn tự học

| Tuần             | Nội dung giảng dạy                      | Thời lượng | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                                                     |
|------------------|-----------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LÝ THUYẾT</b> |                                         |            |                                                                                                                                                                                            |
| 1                | Bài 1. Xây dựng thông điệp truyền thông | 8          | Nghiên cứu trước tài liệu:<br>- Đọc trước tài liệu/bài giảng, thuật ngữ cần nắm<br>- Tìm hiểu một số thông điệp truyền thông thực tế<br>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống |

|                  |                                                                      |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------|----------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2                | Bài 2. Thiết kế đề cương và bộ công cụ                               | 8  | <p>Nghiên cứu trước tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trước tài liệu/bài giảng, thuật ngữ cần nắm</li> <li>- Tìm hiểu khái niệm và cấu trúc đề cương nghiên cứu, bộ công cụ đã có sẵn từ các nghiên cứu đã được triển khai</li> <li>- Xác định 1 vấn đề sức khỏe cộng đồng thực tế tại địa phương</li> <li>- Xây dựng dàn ý đề cương sơ bộ, dự thảo sơ bộ công cụ</li> <li>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống</li> </ul> |
| 3                | Bài 3. Phương pháp tổ chức thu thập thông tin                        | 6  | <p>Nghiên cứu trước tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trước tài liệu/bài giảng, thuật ngữ cần nắm</li> <li>- Tìm hiểu các phương pháp thu thập thông tin phổ biến</li> <li>- Tìm hiểu các bước tổ chức thu thập thông tin</li> <li>- Trả lời các câu hỏi ngắn, làm bài tập tình huống</li> </ul>                                                                                                                                         |
| <b>THỰC HÀNH</b> |                                                                      |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1                | Bài 1. Lập kế hoạch các chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm | 12 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện được các vấn đề về an toàn thực phẩm tại cộng đồng hoặc địa phương cụ thể (tìm hiểu có số liệu cụ thể)</li> <li>- Chuẩn bị các dữ liệu nền và ý tưởng ban đầu cho dự án nhóm.</li> <li>- Viết tên dự án + mục tiêu chính + đối tượng → Thảo luận trên lớp</li> </ul>                                                                                                                                           |
| 2                | Bài 2. Thiết kế đề cương                                             | 12 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm chắc cấu trúc của một đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế trong bài lý thuyết đã học</li> <li>- Tìm hiểu cách lựa chọn vấn đề và đặt mục tiêu nghiên cứu</li> <li>- Tham khảo đề cương mẫu (do giảng viên cung cấp hoặc nguồn từ thư viện Trường)</li> <li>- Viết 1–2 trang trình bày tên đề tài, đặt vấn đề, mục tiêu, thiết kế nghiên cứu sơ bộ → Trình bày và thảo luận trên lớp</li> </ul>          |
| 3                | Bài 3. Thiết kế và xây dựng bộ công cụ                               | 12 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm rõ khái niệm bộ công cụ và thành phần của bộ công cụ trong bài lý thuyết đã học</li> <li>- Tìm hiểu, đọc và phân tích trước một số Bộ công cụ mẫu giảng viên cung cấp</li> <li>- Xây dựng dự thảo một bộ công cụ sơ</li> </ul>                                                                                                                                                                                       |

|   |                                               |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---|-----------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                               |    | khai phù hợp với đề tài nhóm/cá nhân (10 câu hỏi) → Trình bày và thảo luận trên lớp                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4 | Bài 4. Phương pháp tổ chức thu thập thông tin | 12 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị nội dung thảo luận nhóm: so sánh 3 phương pháp thu thập thông tin (theo bảng hoặc đoạn văn)</li> <li>- Vẽ sơ đồ hoặc viết trình tự các bước dự kiến triển khai thu thập số liệu</li> <li>- Xây dựng giả định rủi ro khi thu thập thông tin và hướng xử lý</li> </ul> |

## IX. Quy định với sinh viên:

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đi học đúng giờ.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Chấp hành các nội quy của lớp học.
- Thực hiện được các nội dung theo yêu cầu.

### 2. Quy định điều kiện dự thi

Sinh viên phải có điểm thực hành  $\geq 4$  điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

## X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật |
|----|----------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Lần 1                      | 5/2019         | Phạm Thị Dung  |
| 2  | Lần 2                      | 5/2021         | Phạm Thị Dung  |
| 3  | Lần 3                      | 5/2023         | Phạm Thị Dung  |
| 4  | Dự kiến                    | 5/2025         |                |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Phạm Thị Dung**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Sức khỏe nghề nghiệp (Học phần thay thế tốt nghiệp)

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Sức khỏe nghề nghiệp 4**

Tên tiếng Anh: **Occupation health 4**

Mã học phần: 3130OCCHLT0T

Ngành: Y học dự phòng năm thứ 6

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | Y học dự phòng                                                                                                                                                             |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | 2<br>16<br>16<br>68                                                                                                                                                        |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành:<br>Kết thúc học phần:                 | 3<br>1<br>1<br>1                                                                                                                                                           |
| Học phần học trước:                                                                               | Sức khỏe môi trường 1, dịch tể học đại cương, Sức khỏe nghề nghiệp 1                                                                                                       |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               | Dịch tể học cộng đồng,                                                                                                                                                     |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | Sức khỏe môi trường                                                                                                                                                        |

2. Mô tả học phần

**Sức khỏe nghề nghiệp 4** là một học phần môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận định, phân tích và đánh giá được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này sinh viên áp dụng được những kiến thức về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và đưa ra các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp

### 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

| TT | Họ tên                  | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                          | Ghi chú   |
|----|-------------------------|--------------------|---------------|--------------------------------|-----------|
| 1  | Vũ Phong Túc            | PGS.TS             | 0978626648    | vuphongtuc@yahoo.com           | Phụ trách |
| 2  | Ngô Thị Nhu             | PGS.TS             | 0912623826    | nhuytbvn.@gmail.com            | Tham gia  |
| 3  | Nguyễn Quốc Tiến        | PGS. TS            | 0913564374    |                                | Tham gia  |
| 4  | Đặng Thị Vân Quý        | Thạc sỹ            | 0912105287    | vanquyytb@gmail.com            | Tham gia  |
| 5  | Trương công Đạt         | BSCKII. Ths        | 0989650075    |                                | Tham gia  |
| 6  | Lê Thị Kiều Hạnh        | Thạc sỹ            | 0919217848    | lehanh.qn85@gmail.com          | Tham gia  |
| 7  | Vũ Đức Anh              | Thạc sỹ            | 0979098389    | duc.anh1402@gmail.com          | Tham gia  |
| 8  | Đặng Thị Thu Nga        | Thạc sỹ            | 0942909348    | ngadang21388@gmai.com          | Tham gia  |
| 9  | Đặng Thị Ngọc Anh       | Thạc sỹ            | 0369696014    | cappu.dang@gmail.com           | Tham gia  |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Phương | KTV                | 0988268910    | nguyenthanhphuongytb@gmail.com | Tham gia  |
| 11 | Nguyễn Thị Cúc Phương   | KTV                | 0989661993    | cucphuongytb@gmail.com         | Tham gia  |

#### 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                         | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe                                                                         | PEO: 1,2            |
| 2  | Xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người                                                           | PEO: 2,3,4,5        |
| 3  | Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe | PEO: 2,3,4,5        |

#### 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CĐR Học phần                                                                                                                                                                                 | Mức độ đạt<br>(S, H)/CĐR của CTĐT (PLO) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động                                                                                       | S/PLO: 5,7<br>H/PLO: 1,2,4,13           |
| 2  | CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe | S/PLO: 5,<br>H/PLO: 3,4,7,8,13          |
| 3  | CLO3. Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp.                                                                                 | S/PLO: 4,<br>H/PLO: 5,7,8,13            |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra*

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                  | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                | CĐR HP     |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1  | <b>Bài 1: Bức xạ ion hoá trong sản xuất</b><br>1. Tính chất của bức xạ ion hoá<br>2. Tiếp xúc nghề nghiệp với bức xạ ion hoá<br>3. Tác hại của bức xạ ion hoá<br>4. Phòng chống phóng xạ | 4       | 1. Đọc được các chỉ số điều kiện vệ sinh môi trường lao động.<br>2. Phân tích được điều kiện môi trường lao động .                                                              | CLO: 1,2   |
| 2  | <b>Bài 2: Bệnh rung chuyển nghề nghiệp</b><br>1. Cơ chế bệnh sinh<br>2. Biểu hiện bệnh lý<br>3. Các phương pháp chẩn đoán                                                                | 4       | 1. Mô tả được bệnh sinh của bệnh rung chuyển nghề nghiệp.<br>2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh rung chuyển nghề nghiệp.<br>3. Nhận thức được tầm quan | CLO: 1,2,3 |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                              | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                           | CDR HP     |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    | 4. Điều trị dự phòng                                                                                                                                                                 |         | trọng của việc dự phòng bệnh rung chuyển nghề nghiệp.<br>4. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng bệnh rung chuyển nghề nghiệp.                                                                                                                    |            |
| 3  | <b>Bài 3 : Bệnh nhiễm xạ</b><br>1. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh<br>2. Biểu hiện bệnh lý<br>3. Các phương pháp chẩn đoán<br>4. Điều trị và dự phòng                                  | 4       | 1. Mô tả được bệnh sinh của bệnh nhiễm xạ.<br>2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh nhiễm xạ.<br>3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dự phòng bệnh nhiễm xạ.<br>4. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng bệnh nhiễm xạ | CLO: 1,2,3 |
| 4  | <b>Bài 4: Bệnh áp lực của không khí</b><br>1. Mở đầu<br>2. Một số tai biến cấp tính<br>3. Bệnh không khí nén nghề nghiệp                                                             | 2       | 1. Mô tả được tai biến của bệnh do áp lực cao.<br>2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh không khí nén nghề nghiệp.                                                                                                                   | CLO: 1,2   |
| 5  | <b>Bài 5. Giám định bệnh nghề nghiệp</b><br>1. Mở đầu<br>2. Các văn bản pháp quy làm cơ sở cho giám định bệnh nghề nghiệp<br>3. Các bước chuyên môn trong giám định bệnh nghề nghiệp | 2       | 1. Mô tả được tai biến của bệnh do áp lực cao.<br>2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh không khí nén nghề nghiệp.                                                                                                                   | CLO: 2     |

## 2. Thực hành

| STT | Tên bài                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                  | CDR        |
|-----|-------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | <b>Bài 1:</b> Tài liệu tham khảo<br>3. Lý thuyết<br>4. Thực hành  | 8       | 1. Tìm tài liệu tham khảo từ các trang tạp chí, web<br>2. Biết cách chèn và trích dẫn tài liệu trong các báo cáo? | CLO: 1,2,3 |
| 2   | <b>Bài 2:</b> Tổng hợp nghiên cứu<br>3. Lý thuyết<br>4. Thực hành | 8       | 1. Đọc các tài liệu NCKH<br>2. Tổng hợp vấn đề khoa học từ các nghiên cứu đã có?                                  | CLO: 1,2,3 |

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. **Thực hành:** Thuyết trình, hướng dẫn

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết:**

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. **Thực hành:** Giáo trình, dụng cụ

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá                      | Tiêu chí đánh giá                                              | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 0,1                | -            | Điểm danh                               | Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,     |                   | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 0,1                | 1            | Thi viết câu hỏi ngắn                   | Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác                              | CLO: 1,2          | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 0,4                | 1            | Tiến hành các xét nghiệm                | Thực hiện được các xét nghiệm                                  | CLO: 1,2,3        | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 0,4                | 1            | Thi viết (bài thi tốt nghiệp lý thuyết) | Hoàn thành báo cáo theo quy định<br>Báo cáo và trả lời câu hỏi | CLO: 1,2,3        | 10          |

**Công thức tính điểm: Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4**

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ             |
|---------------------|----------------------|
| Không vắng          | 0                    |
| Nghỉ học có phép    | 0,25 điểm/2 tiết học |
| Nghỉ học không phép | 0,5 điểm/2 tiết học  |
| Đi muộn             | 0,5 điểm/lần         |

## Rubric 2: Thi viết

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                                                      |                           |                                                  |                                                                     |                                                             |
|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí đánh giá         | Điểm (0-3.9)                                         | Điểm (4.0-5.4)            | Điểm (5.4-6.9)                                   | Điểm (7.0-8.4)                                                      | Điểm (8.5-10)                                               |
| Nội dung câu hỏi          | Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót | Giải chưa hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

## VI. Tài liệu học tập và tham khảo

### 1. Tài liệu học tập

- Trần Quốc Kham (2016), Bài giảng Y học lao động, Nhà xuất bản Y học
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

### 2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Xuân Phước (2017), Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi, Nhà xuất bản đại học Huế.
2. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản Y học.
3. Đào Ngọc Phong, Lê Quang Hoàn, Trần Quốc Kham (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
4. Đào Ngọc Phong, Lê Quang Hoàn, Trần Quốc Kham (2014), Y học lao động, Nhà xuất bản Y học.
5. Đỗ Hàm (2007), Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản lao động xã hội.

## VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

## VIII. Hướng dẫn tự học:

| STT | Tên bài                                                                                         | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Bài 1: Bức xạ ion hoá trong sản xuất</b><br>Thảo luận phân tích tính chất của bức xạ ion hoá | 4       | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan |
|     | Thảo luận các ngành nghề có tiếp xúc nghề nghiệp với bức xạ ion hoá                             | 4       |                                                                                                              |
|     | Thảo luận các tác hại của bức xạ ion hoá                                                        | 4       |                                                                                                              |
|     | Thảo luận các biện pháp phòng chống phóng xạ                                                    | 4       |                                                                                                              |
| 2   | <b>Bài 2: Bệnh rung chuyển nghề nghiệp</b>                                                      | 4       | Nghiên cứu trước                                                                                             |

| STT | Tên bài                                                                                                               | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Thảo luận tìm hiểu cơ chế bệnh sinh                                                                                   |         | + Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan                     |
|     | Thảo luận về các biểu hiện bệnh lý khi tiếp xúc với rung chuyển trong lao động                                        | 4       |                                                                                                              |
|     | Thảo luận các phương pháp chẩn đoán mắc bệnh do rung chuyển nghề nghiệp                                               | 4       |                                                                                                              |
|     | Thảo luận các biện pháp điều trị dự phòng                                                                             | 4       |                                                                                                              |
| 3   | <b>Bài 3 : Bệnh nhiễm xạ</b><br>Thảo luận tìm hiểu nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh                                      | 4       | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan |
|     | Thảo luận về biểu hiện bệnh lý                                                                                        | 4       |                                                                                                              |
|     | Thảo luận đưa ra các phương pháp chẩn đoán                                                                            | 4       |                                                                                                              |
|     | Thảo luận đưa ra các phương pháp điều trị                                                                             | 4       |                                                                                                              |
|     | Thảo luận đưa ra các phương pháp dự phòng                                                                             | 4       |                                                                                                              |
| 4   | <b>Bài 4: Bệnh áp lực của không khí</b><br>Thảo luận một số tai biến cấp tính do áp lực không khí                     | 4       | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan |
|     | Thảo luận về bệnh không khí nén nghề nghiệp                                                                           | 4       |                                                                                                              |
| 5   | <b>Bài 5. Giám định bệnh nghề nghiệp</b><br>Các văn bản pháp quy làm cơ sở cho giám định bệnh nghề nghiệp + Thảo luận | 4       | Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], [2]<br>+ TLTK [1], [2], [3], [4], [5]<br>- Tìm các tài liệu liên quan |
|     | Các bước chuyên môn trong giám định bệnh nghề nghiệp + Thảo luận                                                      | 4       |                                                                                                              |

## IX. Quy định với sinh viên:

### 1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập.

### 2. Quy định điều kiện dự thi

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên.
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành.
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành.

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Cập nhật đề cương tiết lần</b> | <b>Ngày/tháng/năm</b> | <b>Người cập nhật</b> |
|-----------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1</b>  | Lần 1                             | 5/2019                | Vũ Phong Túc          |
| <b>2</b>  | Lần 2                             | 5/2021                | Vũ Phong Túc          |
| <b>3</b>  | Lần 3                             | 5/2023                | Vũ Phong Túc          |
| <b>4</b>  | Dự kiến lần 4                     | 5/2025                |                       |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Vũ Phong Túc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Dịch tễ học (Học phần thay thế tốt nghiệp)

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dịch tễ học (Học phần thay thế)**

Tên tiếng Anh: **Epidemiology replacement part**

Mã học phần: 3130EPIDEM3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. **Hành chính.**

1. **Thông tin chung:**

|                                                                                                   |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                                                                                         | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:                                                                                  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                                                                                        | <b>Sinh viên Y học dự phòng</b>                                                                                                                                            |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):<br>Số tiết Lý thuyết:<br>Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:<br>Số giờ tự học: | <b>03 (01LT, 02 TH)</b><br><b>16</b><br><b>32</b><br><b>102</b>                                                                                                            |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):<br>Giữa học phần:<br>Thực hành:<br>Kết thúc học phần:                 | <b>3</b><br><b>1</b><br><b>1</b><br><b>1</b>                                                                                                                               |
| Học phần học trước:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Học phần tiên quyết:                                                                              |                                                                                                                                                                            |
| Học phần song hành:                                                                               |                                                                                                                                                                            |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:                                                                            | <b>Bộ môn Dịch tễ học</b>                                                                                                                                                  |

## 2. Mô tả chung về học phần:

Học phần dịch tễ học học phần thay thế sẽ cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng những khái niệm liên quan tới những nguyên lý và các phương pháp cơ bản của dịch tễ học được áp dụng trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống các bệnh truyền nhiễm thường gặp đặc biệt là các bệnh mới nổi và tái nổi, các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về điều tra một vụ dịch, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

| TT | Họ tên             | Học hàm/<br>học vị | Số điện<br>thoại | Email                 | Ghi<br>chú   |
|----|--------------------|--------------------|------------------|-----------------------|--------------|
| 1  | Trần Thị Khuyên    | TS                 | 0915539417       | khuyendhytb@gmail.com | Phụ<br>trách |
| 2  | Vũ Thị Kim<br>Dung | ThS                | 0912792567       |                       | Tham<br>gia  |

## 4. Mục tiêu học phần

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mục tiêu<br>CTĐT (PEO) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1  | <p><i>* Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giám sát phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương.</li><li>- Lập kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp.</li><li>- Xác định một số vấn đề sức khỏe, bệnh tật cần sàng tuyển phát hiện sớm tại cộng đồng.</li><li>- Thiết kế cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng.</li><li>- Mô tả được các vấn đề sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng.</li><li>- Xử lý phân tích các thông tin đã thu được, biết nhận xét các kết quả đã được trình bày.</li><li>- Xác định các yếu tố nguy cơ của một bệnh trạng tại cộng đồng và đề xuất được các giải pháp thích hợp loại trừ yếu tố nguy cơ.</li><li>- Vận dụng được các kiến thức về bệnh truyền nhiễm và quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch, các kiến thức về giám sát dịch và bệnh truyền nhiễm mới nổi trong việc, các bệnh truyền từ động vật sang người trong lập kế hoạch điều tra xác định dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng</li></ul> | PEO1, PEO2             |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |              |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|   | chống dịch tại cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |              |
| 2 | <p><i>* Kỹ năng:</i></p> <p>- Thiết kế được một cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng.</p> <p>- Xây dựng được kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp.</p>                                                                                                                                 | PEO 1, PEO 2 |
| 3 | <p><i>* Thái độ:</i></p> <p>Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học là một môn y học cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về y tế công cộng, liên quan đến quá trình đặt câu hỏi về tình trạng sức khỏe cũng như bệnh tật của quần thể, đưa ra phương pháp để tiến hành điều tra những vấn đề sức khỏe, tìm ra những yếu tố căn nguyên có thể của vấn đề để đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao sức khỏe và đánh giá hiệu quả của các giải pháp can thiệp đó.</p> | PEO 3, PEO 4 |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                                                                                                                                         | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO)    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  | CLO 1: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn y học dự phòng                                                                                                                 | S: PLO 1, 4<br>H: 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14 |
| 2  | CLO 2: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động Y khoa                                                                                                                 | S: PLO 1, 4<br>H: 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14 |
| 3  | CLO 3: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đầy đủ và thành thạo quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh                                                                                                             | S: PLO 1, 4<br>H: 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14 |
| 4  | CLO 4: Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động các chương trình mục tiêu y tế quốc gia về y tế dự phòng, các chương trình bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. | S: PLO 5<br>H1,3,4,7,8,9,10,11,12,13,14    |
| 5  | CLO 5: Thực hiện được công tác tập huấn, giám sát, hỗ trợ cho y tế cơ sở và y tế dự phòng. Tham gia giám sát, phát hiện sớm các bệnh dịch phổ biến và tổ chức phòng chống dịch.                                      | S: PLO 7<br>H1,3,4,5,8,9,10,11,12,13,14    |

*Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.*

## II. NỘI DUNG

## 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | CDR HP |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1  | <p><b>Bài 1. Nguyên lý dịch tễ học các Bệnh truyền nhiễm</b></p> <p><b>I. Bệnh truyền nhiễm</b></p> <p>1. Khái niệm, phân loại bệnh truyền nhiễm</p> <p>2. Đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm</p> <p>2.1. Bệnh truyền nhiễm phải do một loại vi sinh vật ký sinh gây nên</p> <p>2.2. Bệnh truyền nhiễm thường phát triển theo mùa, mang tính chu kỳ và trải qua 4 thời kỳ</p> <p>2.3. Bệnh truyền nhiễm thường lây lan và phát triển thành dịch</p> <p>2.4. Hầu hết các bệnh truyền nhiễm đều để lại miễn dịch sau khi mắc bệnh</p> <p>3. Ý nghĩa lâm sàng và dịch tễ học của 4 thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm</p> <p>3.1. Thời kỳ ủ bệnh</p> <p>3.2. Thời kỳ khởi phát</p> <p>3.3. Thời kỳ toàn phát</p> <p>3.4. Thời kỳ lui bệnh</p> <p><b>II. Quá trình dịch</b></p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Các yếu tố của quá trình dịch</p> <p>* Động lực trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn truyền nhiễm</li> <li>- Yếu tố truyền nhiễm</li> <li>- Khỏi cơ thể cảm thụ</li> </ul> <p>* Động lực gián tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yếu tố của môi trường tự nhiên</li> <li>- Yếu tố của môi trường xã hội</li> </ul> <p><b>III. Điều tra xử lý dịch</b></p> <p>1. Khái niệm về vùng dịch, khu dịch</p> <p>1.1. Ổ dịch</p> <p>1.2. Vùng dịch (khu dịch)</p> <p>2. Nguyên tắc phòng chống dịch</p> <p>3. Điều tra dịch</p> <p>3.1. Điều tra trường hợp mắc bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện người bệnh</li> <li>- Xác định các chỉ số mắc, chết</li> </ul> | 04      | <p>1. Nêu được đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm</p> <p>2. Trình bày được ý nghĩa lâm sàng và ý nghĩa dịch tễ của các thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm</p> <p>4. Nêu được các khâu của quá trình dịch và trình nguyên tắc phòng chống dịch</p> <p>5. Nêu những nội dung chính trong điều tra dịch</p> <p>6. Trình bày được các biện pháp xử lý khu dịch</p> | CLO 4  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | CDR HP |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả tình hình mắc bệnh</li> <li>3.2. Điều tra các yếu tố liên quan</li> <li>- Dân số</li> <li>- Trình độ phát triển kinh tế, xã hội</li> <li>- Vệ sinh môi trường</li> <li>- Các thông tin về phát triển sản xuất</li> <li>- Các ổ chứa mầm bệnh tự nhiên</li> <li>- Điều kiện đại lý, khí hậu</li> <li>4. Xử lý khu dịch:</li> <li>4.1. Khai báo</li> <li>4.2. Cách ly và điều trị người bệnh</li> <li>4.3. Tẩy uế</li> <li>4.4. Thành lập ban phòng chống dịch</li> <li>4.5. Khoanh vùng dịch</li> <li>4.6. Các biện pháp đối với người lành trong vùng dịch</li> <li>4.7. Các biện pháp đối với ngoại cảnh</li> <li>4.8. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe</li> </ul>                |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |        |
| 2  | <p><b>Bài 2. Quần thể và mẫu</b></p> <p>1. Khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu</p> <p>1.1. Mẫu nghiên cứu (Study sample).</p> <p>1.2. Đơn vị mẫu và đơn vị quan sát</p> <p>1.3. Tham số mẫu</p> <p>1.4. Khung mẫu</p> <p>1.5. Phân bố mẫu</p> <p>1.6. Quần thể nghiên cứu và quần thể đích</p> <p>1.7. Tham số quần thể</p> <p>2. Cỡ mẫu</p> <p>2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến cỡ mẫu</p> <p>2.2. Công thức tính cỡ mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cỡ mẫu cho ước tính một tỷ lệ</li> <li>- Cỡ mẫu cho ước tính một giá trị trung bình</li> <li>- Cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập</li> <li>- Cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng</li> <li>- Cỡ mẫu cho nghiên cứu can thiệp</li> </ul> <p>3. Các kỹ thuật chọn mẫu</p> | 02      | <p>1. Trình bày được các khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu.</p> <p>2. Trình bày được các công thức tính cỡ mẫu.</p> <p>3. Trình bày định nghĩa, cách tiến hành, ưu nhược điểm của 4 kỹ thuật chọn mẫu cơ bản: Ngẫu nhiên đơn, ngẫu nhiên chùm, ngẫu nhiên hệ thống và ngẫu nhiên phân tầng.</p> <p>4. áp dụng để giải các bài tập và các tình huống cụ thể</p> | CLO 5  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                            | CDR HP |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 3.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn<br>3.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống<br>3.3. Chọn mẫu chùm<br>3.4. Chọn mẫu phân tầng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |                                                                                                                                                                                                                                                                             |        |
| 3  | <b>Bài 3. Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học</b><br>1. Đại cương về thiết kế nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu dịch tễ học<br>- Nghiên cứu quan sát<br>Các thiết kế nghiên cứu mô tả<br>Các thiết kế nghiên cứu phân tích<br>- Nghiên cứu can thiệp<br>2. Các thiết kế nghiên cứu quan sát<br>*Các thiết kế nghiên cứu quan sát mô tả<br>- Nghiên cứu mô tả ca bệnh<br>- Nghiên cứu mô tả chùm bệnh/ nghiên cứu loạt trường hợp<br>- Nghiên cứu cắt ngang mô tả<br>*Các thiết kế nghiên cứu quan sát phân tích<br>- Nghiên cứu thuần tập<br>- Nghiên cứu bệnh - chứng<br>- Nghiên cứu cắt ngang có phân tích<br>- Nghiên cứu tương quan/ nghiên cứu sinh thái<br>3. Các thiết kế nghiên cứu can thiệp<br>*Can thiệp cộng đồng:<br>- Nghiên cứu so sánh trước - sau can thiệp<br>- Nghiên cứu có nhóm chứng.<br>*Thử nghiệm lâm sàng:<br>- Nghiên cứu đơn nhóm<br>- Nghiên cứu đa nhóm<br>- Phân bố ngẫu nhiên<br>- Làm mù<br>- Nhóm chứng lịch sử<br>- Thử nghiệm phòng bệnh | 01      | 1. Nêu được các loại thiết kế nghiên cứu mô tả, vai trò của các thiết kế nghiên cứu mô tả<br>2. Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu phân tích<br>3. Nêu được ưu nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu phân tích<br>4. Trình bày được các loại nghiên cứu can thiệp | CLO 2  |
| 4  | <b>Bài 4. Sàng tuyển phát hiện bệnh</b><br>1. Định nghĩa<br>2. Xác định những bệnh cần sàng tuyển<br>2.1. Bệnh có tính chất nghiêm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 01      | 1. Trình bày được khái niệm về sàng tuyển và tiêu chuẩn của các bệnh cần sàng tuyển trong cộng đồng.                                                                                                                                                                        | CLO 4  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                | CDR HP |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | <p>trọng</p> <p>2.2. Có nghiệm pháp phát hiện được ở thời kỳ tiền lâm sàng</p> <p>2.3. Khả năng điều trị sớm có hiệu quả</p> <p>3. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt</p> <p>3.1. Hai kỹ thuật phát hiện hàng loạt</p> <p>3.2. Xây dựng một kế hoạch phát hiện hàng loạt</p> <p>3.2.1. Bệnh</p> <p>3.2.2. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt</p> <p>3.2.3. Quần thể bị đe dọa</p> <p>4. Các trắc nghiệm áp dụng trong sàng tuyển</p> <p>4.1. Độ nhạy và độ đặc hiệu</p> <p>4.2. Giá trị tiên đoán của trắc nghiệm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |         | <p>2. Phân loại các kỹ thuật (trắc nghiệm) sử dụng để sàng tuyển phát hiện bệnh.</p> <p>3. Xác định được những bệnh cần sàng tuyển và các trắc nghiệm tương ứng sử dụng để sàng tuyển các bệnh đó.</p>                                          |        |
| 5  | <p><b>Bài 5. Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin</b></p> <p>1. Kỹ thuật thu thập thông tin</p> <p>1.1. Phỏng vấn</p> <p>1.2. Quan sát</p> <p>1.3. Thảo luận nhóm</p> <p>1.4. Sử dụng thông tin có sẵn</p> <p>1.5. Thăm khám, xét nghiệm</p> <p>2. Công cụ thu thập thông tin</p> <p>2.1. Những tư liệu cần thiết để xây dựng bộ câu hỏi</p> <p>2.1.1. Mục tiêu của cuộc điều tra</p> <p>2.1.2. Loại điều tra</p> <p>2.1.3. Những thông tin cần có sau khi điều tra</p> <p>2.2. Trình tự xây dựng bộ câu hỏi</p> <p>2.2.1. Lựa chọn xếp đặt các cụm thông tin</p> <p>2.2.2. Xếp đặt câu hỏi cụ thể trong mỗi cụm thông tin</p> <p>2.2.3. Mã hóa câu hỏi, câu trả lời</p> <p>2.2.4. Dạng câu hỏi trong phiếu điều tra</p> <p>2.3. Kiểm tra đánh giá bộ câu hỏi</p> <p>2.3.1. Tổ chức đào tạo cán bộ phỏng vấn</p> <p>2.3.2. Tổ chức điều tra thử trên cộng đồng</p> | 01      | <p>1. Trình bày được khái niệm và cách phân loại biến số</p> <p>2. Liệt kê được các kỹ thuật thu thập thông tin chủ yếu</p> <p>3. Nêu những cân nhắc lựa chọn công cụ thu thập thông tin, ưu nhược điểm của các kỹ thuật thu thập thông tin</p> | CLO 4  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                | CDR HP |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 2.3.4. Sửa chữa bổ sung hoàn chỉnh bộ câu hỏi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |        |
| 6  | <b>Bài 6. Nghiên cứu bệnh chứng</b><br>1. Định nghĩa<br>2. Thiết kế nghiên cứu<br>- Định nghĩa và chọn nhóm bệnh<br>- Chọn nhóm chứng<br>- Thu thập thông tin<br>3. Phân tích số liệu<br>4. Các sai lệch trong nghiên cứu bệnh chứng<br>- Sai lệch lựa chọn<br>- Sai lệch quan sát<br>- Sai lệch nhớ lại<br>- Sai lệch xếp loại<br>5. Ưu nhược điểm<br>- Ưu điểm<br>- Nhược điểm | 01      | 1. Trình bày được định nghĩa, thiết kế, các sai lệch và ưu nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng.<br>2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng<br>3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu bệnh chứng<br>4. Vận dụng được nghiên cứu bệnh chứng vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng      | CLO 3  |
| 7  | <b>Bài 7. Nghiên cứu thuần tập</b><br>1. Định nghĩa<br>2. Các loại thiết kế nghiên cứu thuần tập<br>- Thuần tập hồi cứu<br>- Thuần tập tương lai<br>- Thuần tập vừa hồi cứu vừa tương lai<br>3. Thiết kế nghiên cứu<br>- Chọn phơi nhiễm<br>- Chọn nhóm đối chứng<br>- Thu thập thông tin<br>4. Phân tích số liệu<br>5. Ưu nhược điểm<br>- Ưu điểm<br>- Nhược điểm               | 01      | 1. Trình bày được định nghĩa, các loại nghiên cứu, thiết kế và ưu nhược điểm của nghiên cứu thuần tập.<br>2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập<br>3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu<br>4. áp dụng được phương pháp nghiên cứu thuần tập vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. | CLO 2  |
| 8  | <b>Bài 8. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết</b><br>1. Giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue<br>1.1. Mục đích<br>1.2. Các thành phần giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue<br>1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh sốt Dengue<br>2. Muỗi Aedes aegypti<br>2.1. Phân bố<br>2.2. Vai trò y học                                                                     | 02      | 1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh SXH<br>2. Trình bày đặc điểm sinh học của muỗi Aegypti<br>3. Trình bày giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue<br>4. Trình bày các biện pháp phòng chống vector sốt Dengue                                                                          | CLO 1  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                                                                                                                                                             | CDR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 2.3.Sinh học của muỗi Aedes aegypti<br>3.Giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue<br>3.1.Giám sát muỗi<br>3.2.Giám sát bọ gậy<br>3.3.Tính các chỉ số<br>4.Biện pháp phòng chống vector sốt Dengue<br>4.1.Không chế môi trường sinh sống của muỗi<br>4.2.Chống vector khi xảy ra dịch sốt Dengue<br>4.3.Phương pháp sử dụng cá diệt bọ gậy                                                                                                                                                                                                                             |         |                                                                                                                                                                                                                                              |        |
| 9  | <b>Bài 9. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh dịch hạch</b><br>1.Giám sát bệnh dịch hạch<br>1.1.Mục đích<br>1.2.Các thành phần giám sát bệnh dịch hạch<br>1.3.Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh dịch hạch<br>2.Vật chủ bệnh dịch hạch<br>2.1.Vai trò của chuột trong đời sống con người<br>2.2.Giám sát dịch động vật<br>2.3.Giám sát chuột<br>2.4.Các biện pháp diệt chuột<br>3.Bọ chét truyền bệnh dịch hạch<br>3.1.Vai trò truyền bệnh của bọ chét<br>3.2.Đặc điểm sinh học, sinh thái của bọ chét<br>3.3.Giám sát bọ chét<br>3.4.Các biện pháp diệt bọ chét | 02      | 1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh dịch hạch<br>2. Trình bày vai trò của vật chủ bệnh dịch hạch<br>3. Trình bày vai trò, đặc điểm sinh học, các biện pháp giám sát bọ chét truyền bệnh dịch hạch                 | CLO 1  |
| 10 | <b>Bài 10. Kiểm dịch y tế biên giới</b><br>1. Sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới<br>1.1. Tình hình dịch bệnh trên thế giới<br>1.2. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam<br>1.3. Dự báo tình hình dịch<br>2. Cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới<br>2.1. Các quy định quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                        | 01      | 1. Nêu sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới<br>2. Nêu cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới<br>3. Trình bày về hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam<br>4. Trình bày về các bệnh truyền nhiễm phải kiểm | CLO 4  |

| TT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                               | CDR HP |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------|--------|
|    | 2.2. Các quy định quốc gia<br>3. Hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam<br>4. Các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới<br>5. Đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới<br>6. Nội dung của kiểm dịch y tế biên giới<br>6.1. Kiểm tra y tế<br>6.2. Xử lý y tế<br>6.3. Giám sát và phòng chống một số bệnh phải kiểm dịch |         | dịch y tế biên giới<br>5. Nêu các đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới |        |

## 2. Thực hành

| STT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số tiết | Mục tiêu học tập                                                                                          | CDR   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | <b>Bài 1. Thực hành xây dựng bài tuyên truyền về phòng chống dịch</b><br>Các nội dung bắt buộc:<br>- Loại dịch gì, lây truyền thế nào?<br>- Mức độ nguy hiểm của bệnh dịch này?<br>- Biểu hiện như thế nào? Khi bị mắc bệnh phải làm gì?<br>- Phòng chống lây nhiễm cho bản thân và cộng đồng như thế nào?                          | 04      | Xây dựng được 01 bài truyền thông về phòng chống dịch                                                     | CLO 4 |
| 2   | <b>Bài 2. Sàng tuyển phát hiện bệnh</b><br>1. Sử dụng các nghiệm pháp sàng tuyển vào thực tế<br>2. Áp dụng để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm<br>3. Tìm hiểu về ý nghĩa của các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm<br>4. Làm các bài tập tình huống về các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm       | 04      | 1. Áp dụng lý thuyết để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm.<br>2. Làm được các bài tập | CLO 4 |
| 3   | <b>Bài 3. Thực hành thiết kế nghiên cứu thuần tập</b><br><b>1. Thiết kế nghiên cứu</b><br>- Chọn nhóm phơi nhiễm<br>- Chọn nhóm so sánh<br>- Xác định tình trạng bệnh<br><b>2. Phân tích và phiên giải số liệu</b><br>- Tính tỷ lệ mắc mới<br>- Tính nguy cơ tương đối<br>- Tính nguy cơ quy thuộc<br><b>3. Xác định các sai số</b> | 04      | 1. Thực hành thiết kế nghiên cứu<br>2. Làm được các bài tập                                               | CLO 3 |

| STT | Tên bài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số tiết | Mục tiêu học tập            | CDR   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------|-------|
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sai số chọn</li> <li>- Sai số xếp loại</li> <li>- Sai số quan sát</li> <li>- Sai số do mất đối tượng</li> </ul> <b>4. Khắc phục và hạn chế sai số</b><br><b>5. Xác định các ưu, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập</b>                                                                                                                                                   |         |                             |       |
| 4   | <b>Bài 4. Thực hành tính cỡ mẫu và chọn mẫu</b><br>1. Bài tập thực hành tính cỡ mẫu<br>1.1. Tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ<br>1.2. Tính cỡ mẫu ước tính một giá trị trung bình<br>2. Bài tập thực hành chọn mẫu<br>2.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn<br>2.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống<br>2.3. Chọn mẫu chùm<br>2.4. Chọn mẫu phân tầng<br>3. Xác định cỡ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu trong các nghiên cứu được báo cáo | 04      | Làm được các bài tập        | CLO 5 |
| 5   | <b>Bài 5. Thực hành xây dựng công cụ thu thập thông tin</b><br>1. Bộ câu hỏi phỏng vấn<br>2. Phiếu điều tra trong quan sát                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 04      | Xây dựng được bộ câu hỏi    | CLO 4 |
| 6   | <b>Bài 6. Hoàn thành chuyên đề về tình hình mắc bệnh sốt xuất huyết trên thế giới và tại Việt Nam</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 12      | Viết chuyên đề theo yêu cầu | 4     |

### III. Phương pháp dạy/học

1. **Lý thuyết:** thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm
2. **Thực hành:** Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm

### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. **Lý thuyết:** Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints.
2. **Thực hành:** Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints.

### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá | Tiêu chí đánh giá | CDR được đánh giá | Điểm tối đa |
|-----------------|--------------------|--------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá        | 10%                | 1            | Theo quy           | - Qua sổ nhật     | CDR 4             | 10          |

|                                         |     |   |                                                  |                                   |                |    |
|-----------------------------------------|-----|---|--------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|----|
| chuyên cần<br>(ĐCC)                     |     |   | định                                             | ký<br>- Thái độ học<br>tập của SV |                |    |
| Điểm giữa<br>học phần<br>(ĐGHP)         | 10% | 1 | Theo quy<br>định                                 | x                                 | CĐR<br>1,2,3,5 | 10 |
| Điểm Thực<br>hành<br>(ĐTH)              | 20% | 1 | Theo quy<br>định                                 | x                                 | CĐR<br>1,2,3,5 | 10 |
| Điểm kết<br>thúc học<br>phần<br>(ĐKTHP) | 60% | 1 | Thi viết<br>(bài thi<br>tốt nghiệp<br>lý thuyết) | x                                 | CĐR<br>1,2,3,5 | 10 |

**Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm**

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | 0,5      |
| Nghỉ học không phép | 10       |
| Đi muộn             | 0,5      |

**Rubric 2: Thi viết**

| Mức độ đạt chuẩn quy định |                    |                                 |                                                    |                                                               |                                                          |
|---------------------------|--------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Tiêu chí<br>đánh giá      | Điểm<br>(0-3.9)    | Điểm<br>(4.0-5.4)               | Điểm<br>(5.4-6.9)                                  | Điểm<br>(7.0-8.4)                                             | Điểm<br>(8.5-10)                                         |
| Nội dung<br>câu hỏi       | Không<br>giải được | Chưa giải<br>hết các<br>câu hỏi | Giải đầy đủ<br>các câu hỏi<br>nhưng còn<br>sai sót | Giải đầy đủ các<br>câu hỏi nhưng<br>trình bày chưa<br>rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng<br>các câu hỏi và<br>trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)**

**1. Tài liệu học tập**

- Bộ môn Dịch tễ học Khoa Y tế công cộng, Dịch tễ học (2007) lưu hành nội bộ.
- Tài liệu phát tay.

**2. Tài liệu tham khảo**

1. Dịch tễ học (1993), Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.
2. Thực hành Dịch tễ học (1996), Bộ môn Dịch tễ học Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.

**VIII. Hướng dẫn tự học**

| <b>Tuần</b> | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                                                       | <b>Số tiết</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                                                           |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Bài 1. Nguyên lý dịch tễ học các Bệnh truyền nhiễm                                              | 8              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1],[2]<br>+ Làm bài tập tình huống                       |
|             | Thực hành xây dựng bài tuyên truyền về phòng chống dịch                                         | 8              |                                                                                                         |
| 2           | Bài 2. Quần thể và mẫu                                                                          | 5              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1],[2]<br>+ Làm bài tập tình huống về cỡ mẫu và chọn mẫu |
|             | Thực hành tính cỡ mẫu và chọn mẫu                                                               | 10             |                                                                                                         |
| 3           | Bài 3. Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học                                           | 2              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1],[2]                                                   |
| 4           | Bài 4. Sàng tuyển phát hiện bệnh                                                                | 2              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1],[2]<br>+ Làm bài tập tình huống                       |
|             | Thực hành phân tích các chỉ số đánh giá của trắc nghiệm và làm bài tập tình huống               | 8              |                                                                                                         |
| 5           | Bài 5. Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin                                               | 2              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1],[2]<br>+ Xây dựng bộ câu hỏi và phiếu điều tra        |
|             | Thực hành xây dựng công cụ thu thập thông tin: Bộ câu hỏi và phiếu điều tra                     | 10             |                                                                                                         |
| 6           | Bài 6. Nghiên cứu bệnh chứng                                                                    | 3              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1],[2]                                                   |
| 7           | Bài 7. Nghiên cứu thuần tập                                                                     | 2              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1], TLTK [1],[2]<br>+ Làm bài tập tình huống                       |
|             | Thực hành thiết kế nghiên cứu thuần tập                                                         | 8              |                                                                                                         |
| 8           | Bài 8. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết                                       | 4              | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],[2], TLTK [1],[2]                                               |
| 9           | Bài 9. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết                                       | 4              |                                                                                                         |
| 10          | Bài 10. Kiểm dịch y tế biên giới                                                                | 2              |                                                                                                         |
| 11          | Bài 11. Hoàn thành chuyên đề về tình hình mắc bệnh sốt xuất huyết trên thế giới và tại Việt Nam | 24             | - Nghiên cứu trước<br>+ Tài liệu HT [1],[2], TLTK [1],[2]<br>+ Viết chuyên đề theo yêu cầu              |

**IX. Quy định với sinh viên:**

**1. Nhiệm vụ của sinh viên:** nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi

**2. Quy định điều kiện dự thi:** Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

**X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật  |
|----|----------------------------|----------------|-----------------|
| 1  | Lần 1                      | 5/2019         | Trần Thị Khuyên |
| 2  | Lần 2                      | 5/2021         | Trần Thị Khuyên |
| 3  | Lần 3 dự kiến              | 5/2023         | Trần Thị Khuyên |
| 4  | Dự kiến lần 4              | 5/2025         |                 |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Trần Thị Khuyên**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tổ chức và quản lý y tế (Học phần thay thế tốt nghiệp)**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Tổ chức và quản lý y tế (Học phần thay thế tốt nghiệp)**

Tên tiếng Anh: **Organization and Management Health replacement part**

Mã học phần: 3130HEAMAN2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành:

**I.Hành chính.**

**1. Thông tin chung:**

|                              |                                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Học phần:                    | <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc<br><input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Không tính điểm                                               |
| Thuộc kiến thức:             | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Bổ trợ |
| Đối tượng:                   | Y học dự phòng năm thứ 6                                                                                                                                                   |
| Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):    | <b>2 (1/1)</b>                                                                                                                                                             |
| Số tiết Lý thuyết:           | <b>16</b>                                                                                                                                                                  |
| Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: | <b>16</b>                                                                                                                                                                  |
| Số giờ tự học:               | <b>68</b>                                                                                                                                                                  |
| Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):  | <b>3</b>                                                                                                                                                                   |
| Giữa học phần:               | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Thực hành:                   | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Kết thúc học phần:           | <b>1</b>                                                                                                                                                                   |
| Học phần học trước:          | Tổ chức và quản lý y tế                                                                                                                                                    |
| Học phần tiên quyết:         | Không có                                                                                                                                                                   |
| Học phần song hành:          | Không có                                                                                                                                                                   |
| Bộ môn/Khoa giảng dạy:       | Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế                                                                                                                                             |

## 2. Mô tả chung về học phần:

Tổ chức & Quản lý Y tế là một khoa học của chuyên ngành Y xã hội học. Kiến thức về Tổ chức & Quản lý Y tế sẽ giúp cho cán bộ y tế sử dụng các nguồn lực của đơn vị, cộng đồng một cách có hiệu quả cao. Nội dung môn học Tổ chức & Quản lý Y tế được biên soạn theo phương châm: Kiến thức cơ bản, hệ thống, nội dung chính xác, khoa học, cập nhập các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn ở Việt Nam.

## 3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

| TT | Họ tên           | Học hàm/<br>học vị | Số điện thoại | Email                     | Ghi chú   |
|----|------------------|--------------------|---------------|---------------------------|-----------|
| 1  | Nguyễn Đức Thanh | PGS. TS            | 0912357575    | bsthanh@hotmail.com       | Phụ trách |
| 2  | Trần Đình Thoan  | TS                 | 0979895118    | trandinhthoantb@gmail.com | Tham gia  |
| 3  | Đặng Văn Nghiễm  | TS                 | 0904269378    | nghiemdv1961@gmail.com    | Tham gia  |
| 4  | Phan Thu Nga     | ThS                | 0976625250    | phanthunga2710@gmail.com  | Tham gia  |
| 5  | Nguyễn Thị Ái    | ThS                | 0984391406    | nguyenai198@gmail.com     | Tham gia  |
| 6  | Nguyễn Hà My     | ThS                | 0976599971    | hamy0359@gmail.com        | Tham gia  |
| 7  | Nguyễn Văn Tiến  | ThS                | 0972213609    | tiennv@tbump.edu.vn       | Tham gia  |
| 8  | Nguyễn Quỳnh Hoa | ThS                | 0987324899    | quynhhoanckh@gmail.com    | Tham gia  |

## 4. Mục tiêu học phần:

| TT | Mục tiêu học phần                                                                                                                       | Mục tiêu CTĐT (PEO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Phân tích được hệ thống tổ chức y tế, nhiệm vụ và hoạt động của các cơ sở y tế                                                          | PEO 3               |
| 2  | Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động nhân lực, tài chính cho một chương trình y tế tại cộng đồng, nơi làm việc | PEO 4<br>PEO 5      |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần

| TT | CDR Học phần                                                                                        | Mức độ đạt<br>(S, H)/CDR của CTĐT (PLO) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1  | Vận dụng được kiến thức TCQLYT trong thực hành chuyên môn y học dự phòng và chăm sóc người bệnh     | H/PLO2<br>S/PLO4<br>S/PLO5              |
| 2  | Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương dựa trên các mô hình tổ chức y tế | H/PLO7                                  |

|   |                                                                                                                                |                            |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 3 | Tham gia đào tạo cán bộ y học dự phòng và nhân viên y tế                                                                       | H/PLO7                     |
| 4 | Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp | H/PLO7<br>S/PLO9           |
| 5 | Có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ CSSK tại cộng đồng, nơi làm việc                                 | H/PLO5<br>H/PLO7<br>H/PLO8 |
| 6 | Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, tài chính đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động CSSK         | H/PLO8<br>H/PLO12          |

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

## II. NỘI DUNG

### 1. Lý thuyết

| TT | Tên bài                                                                                                                                               | Số tiết | Mục tiêu học tập | CĐR HP |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|--------|
| 1  | <b>Bài 1. Quản lý trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã</b><br>1. Quản lý trung tâm y tế huyện<br>2. Quản lý trạm y tế xã/phường/thị trấn              | 8       | MT 1             | CĐR 1  |
| 2  | <b>Bài 2: Quản lý nhân lực y tế</b><br>1. Khái quát về quản lý nhân lực y tế<br>2. Một số phương pháp quản lý nhân lực<br>3. Phát triển nhân lực y tế | 8       | MT 2             | CĐR 2  |

### 2. Thực hành

| TT | Tên bài                                           | Số tiết | Mục tiêu học tập | CĐR       |
|----|---------------------------------------------------|---------|------------------|-----------|
| 1  | Lập kế hoạch quản lý trung tâm y tế huyện         | 4       | MT1              | CĐR 1,2,3 |
| 2  | Lập kế hoạch quản lý trạm y tế xã/phường/thị trấn | 4       | MT1              | CĐR 1,2,3 |
| 3  | Lập kế hoạch quản lý nhân lực                     | 4       | MT2              | CĐR 4,5,6 |
| 4  | Lập kế hoạch phát triển nhân lực                  | 4       | MT2              | CĐR 4,5,6 |

## III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;

- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

#### IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector;
- Bảng, phấn;
- Câu hỏi phát vấn.

#### V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 5.
- Các điểm thành phần:

| Điểm thành phần                | Trọng số tính điểm | Bài đánh giá | Hình thức đánh giá                      | Tiêu chí đánh giá                            | CĐR được đánh giá | Điểm tối đa |
|--------------------------------|--------------------|--------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------|-------------|
| Đánh giá chuyên cần (ĐCC)      | 10%                | 1            | Theo quy chế của Nhà trường             | - Qua sổ nhật ký<br>- Thái độ học tập của SV | CĐR 4             | 10          |
| Điểm giữa học phần (ĐGHP)      | 10%                | 1            | Bài kiểm tra viết                       | ≥ 4: Đạt                                     | CĐR 1,2,3,4,5, 6  | 10          |
| Điểm thực hành (ĐTH)           | 40%                | 1            | Bài kiểm tra viết                       | ≥ 4: Đạt                                     | CĐR 1,2,3,4,5, 6  | 10          |
| Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP) | 40%                | 1            | Thi viết (bài thi tốt nghiệp lý thuyết) | ≥ 4: Đạt                                     | CĐR 1,2,3,4,5, 6  | 10          |

#### Công thức tính điểm:

**Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,1 + Điểm TH x 0,4 + Điểm kết thúc HP x 0,4**

#### Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

| Tiêu chí            | Điểm trừ |
|---------------------|----------|
| Không vắng          | 0        |
| Nghỉ học có phép    | 1        |
| Nghỉ học không phép | 2        |
| Đi muộn             | 0,5      |

**Rubric 2: Thi báo cáo chuyên đề (thực hành): 10 điểm**

| <b>Mức độ đạt chuẩn quy định</b> |                     |                           |                                                  |                                                              |                                                    |
|----------------------------------|---------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>Tiêu chí đánh giá</b>         | <b>Điểm (0-3.9)</b> | <b>Điểm (4.0-5.4)</b>     | <b>Điểm (5.4-6.9)</b>                            | <b>Điểm (7.0-8.4)</b>                                        | <b>Điểm (8.5-10)</b>                               |
| Nội dung câu hỏi                 | Không giải được     | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**Rubric 3: Thi báo cáo chuyên đề (kết thúc học phần): 10 điểm**

| <b>Mức độ đạt chuẩn quy định</b> |                     |                           |                                                  |                                                              |                                                    |
|----------------------------------|---------------------|---------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>Tiêu chí đánh giá</b>         | <b>Điểm (0-3.9)</b> | <b>Điểm (4.0-5.4)</b>     | <b>Điểm (5.4-6.9)</b>                            | <b>Điểm (7.0-8.4)</b>                                        | <b>Điểm (8.5-10)</b>                               |
| Nội dung câu hỏi                 | Không giải được     | Chưa giải hết các câu hỏi | Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót | Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng | Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng |

**VI. Tài liệu học tập và tham khảo****1. Tài liệu học tập**

1. Trương Quang Tiến (2012), *Truyền thông sức khỏe*, Nhà xuất bản lao động xã hội, Hà Nội.
2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế - Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2019), *Truyền thông – Giáo dục sức khỏe*.

**2. Tài liệu tham khảo**

1. Klaus Krickeberg, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Bích (2014), *Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Dịp (2001), *Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
3. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho giảng viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho học viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

**VII. Lịch học:** Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Hướng dẫn tự học**

| <b>STT</b>       | <b>Nội dung giảng dạy</b>                                                                                                                               | <b>Số tiết</b> | <b>Nhiệm vụ của sinh viên</b>                                                                                     |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lý thuyết</b> |                                                                                                                                                         |                |                                                                                                                   |
| 1                | <b>Bài 1. Quản lý trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã</b><br>Câu hỏi<br>1. Các thách thức thường gặp trong việc quản lý trung tâm y tế huyện và trạm y | 8              | - Nghiên cứu trước<br>+Tài liệu HT [1], [2],<br>TLTK [1], [2],<br>+Câu hỏi thảo luận,<br>TLTK [1], [2], [3], [4]. |

| STT              | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                                                                                                                                             |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  | <p>tế xã. Làm thế nào để khắc phục?</p> <p>2. Làm thế nào để đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã trong việc cung cấp dịch vụ y tế?</p> <p>3. Vai trò của công nghệ thông tin (ví dụ: hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử) trong việc quản lý trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã?</p> <p>4. Làm thế nào để nâng cao năng lực quản lý tài chính tại trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã?</p>                                                                                                                                                                                                                                              |         |                                                                                                                                                                    |
| 5                | <p><b>Bài 2: Quản lý nhân lực y tế</b></p> <p>1. Hãy thảo luận về các phương pháp quản lý nhân lực y tế phổ biến (ví dụ: quản lý theo năng lực, quản lý theo mục tiêu). Phương pháp nào phù hợp nhất với tình huống thực tế tại Việt Nam? Vì sao?</p> <p>2. Theo bạn, làm thế nào để đảm bảo sự cân bằng giữa số lượng và chất lượng nhân lực y tế tại các cơ sở y tế?</p> <p>3. Làm thế nào để xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực y tế một cách hiệu quả?</p> <p>4. Theo bạn, làm thế nào để đánh giá hiệu quả làm việc của nhân lực y tế tại các cơ sở y tế?</p>                                                                                                  | 8       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu trước + Tài liệu HT [1], [2], TLTK [3], [4],</li> <li>- Câu hỏi thảo luận, TLTK [1], [2], [3], [4].</li> </ul> |
| <b>Thực hành</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |                                                                                                                                                                    |
| 1                | <p>Lập kế hoạch quản lý trung tâm y tế huyện</p> <p>Tình huống: Tại một huyện miền núi, trung tâm y tế huyện đang đối mặt với nhiều thách thức như thiếu nhân lực, cơ sở vật chất xuống cấp, và ngân sách hạn chế. Để cải thiện tình hình, ban lãnh đạo trung tâm quyết định lập một kế hoạch quản lý toàn diện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Kế hoạch này cần bao gồm các nội dung như: phân bổ nguồn lực, nâng cấp cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực, và xây dựng các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch gặp khó khăn do thiếu dữ liệu đầy đủ về nhu cầu y tế của người dân và sự phối hợp chưa hiệu quả giữa các bên liên quan</p> | 6       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4].</li> </ul>                                                               |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|
|     | <p>1. Làm thế nào để thu thập dữ liệu đầy đủ và chính xác về nhu cầu y tế của người dân trong huyện?</p> <p>2. Làm thế nào để đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan (ví dụ: chính quyền địa phương, tổ chức xã hội) trong quá trình lập kế hoạch?</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |                                                    |
| 2   | <p>Lập kế hoạch quản lý trạm y tế xã/phường/thị trấn</p> <p>Tình huống: Tại một xã nông thôn, trung tâm y tế xã đang đối mặt với nhiều thách thức như thiếu nhân lực, trang thiết bị y tế không đầy đủ, và ngân sách hạn chế. Ngoài ra, người dân trong xã chưa có thói quen sử dụng dịch vụ y tế thường xuyên, dẫn đến việc phòng ngừa và điều trị bệnh chưa đạt hiệu quả cao. Để cải thiện tình hình, ban lãnh đạo trung tâm quyết định lập một kế hoạch quản lý toàn diện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Kế hoạch này cần bao gồm các nội dung như: cải thiện cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực, tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe, và xây dựng các chương trình chăm sóc sức khỏe phù hợp với đặc điểm của cộng đồng. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch gặp khó khăn do thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan và hạn chế về nguồn lực.</p> <p>1. Vai trò của các tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ lập kế hoạch quản lý trạm y tế xã là gì?</p> <p>2. Làm thế nào để đánh giá tính khả thi của kế hoạch quản lý trung tâm y tế xã trước khi triển khai?</p> | 6       | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4]. |
| 3   | <p>Lập kế hoạch quản lý nhân lực</p> <p>Tình huống: Tại một bệnh viện tuyến huyện, ban lãnh đạo nhận thấy rằng việc quản lý nhân lực đang gặp nhiều khó khăn. Một số vấn đề nổi bật bao gồm: thiếu hụt nhân lực ở các khoa trọng yếu, sự phân bổ nhân sự không đồng đều giữa các bộ phận, và tình trạng nhân viên y tế nghỉ việc do áp lực công việc cao. Ngoài ra, bệnh viện chưa có kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực dài</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 12      | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4]. |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên                             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|
|     | <p>hạn, dẫn đến việc thiếu hụt kỹ năng chuyên môn trong một số lĩnh vực. Để giải quyết các vấn đề này, ban lãnh đạo quyết định lập một kế hoạch quản lý nhân lực toàn diện, bao gồm các nội dung như: tuyển dụng, đào tạo, phân bổ nhân sự, và xây dựng chính sách động viên nhân viên. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch gặp khó khăn do hạn chế về ngân sách và thiếu sự phối hợp giữa các phòng ban.</p> <p>1. Nếu bạn được giao nhiệm vụ lập kế hoạch quản lý nhân lực tại một bệnh viện, bạn sẽ ưu tiên giải quyết vấn đề nào trước tiên? Vì sao?</p> <p>2. Bạn nghĩ gì về việc tổ chức các buổi đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho nhân viên y tế?</p> <p>3. Vai trò của các chính sách động viên (ví dụ: khen thưởng, tăng lương) trong việc quản lý nhân lực là gì?</p>                                                                                                                                                                                                                                               |         |                                                    |
| 4   | <p>Lập kế hoạch phát triển nhân lực</p> <p>Tình huống: Tại một bệnh viện tuyển tỉnh, ban lãnh đạo nhận thấy rằng đội ngũ nhân viên y tế chưa được phát triển toàn diện. Một số vấn đề nổi bật bao gồm: thiếu các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn, nhân viên y tế chưa được khuyến khích tham gia các khóa học cập nhật kiến thức, và thiếu cơ hội thăng tiến trong công việc. Ngoài ra, bệnh viện chưa có kế hoạch dài hạn để phát triển nhân lực, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân sự có trình độ cao ở một số chuyên khoa quan trọng. Để giải quyết các vấn đề này, ban lãnh đạo quyết định lập một kế hoạch phát triển nhân lực toàn diện, bao gồm các nội dung như: đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, xây dựng lộ trình thăng tiến, và áp dụng các chính sách động viên nhân viên. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch gặp khó khăn do hạn chế về ngân sách và thiếu sự hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài.</p> <p>1. Bạn nghĩ gì về việc kết hợp các phương pháp định tính (ví dụ: phỏng vấn sâu) và định lượng (ví dụ: khảo sát)</p> | 12      | - Làm bài tập tình huống, TLTK [1], [2], [3], [4]. |

| STT | Nội dung giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------|
|     | <p>trong quá trình lập kế hoạch phát triển nhân lực?</p> <p>2. Làm thế nào để phân tích và trình bày kế hoạch phát triển nhân lực một cách rõ ràng và dễ hiểu cho các bên liên quan? → Gợi ý: báo cáo, biểu đồ.</p> <p>3. Làm thế nào để đảm bảo tính bền vững của kế hoạch phát triển nhân lực sau khi triển khai?</p> |         |                        |

#### **IX. Quy định với sinh viên:**

##### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

##### **2. Quy định điều kiện dự thi**

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên.
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

#### **X. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết**

| TT | Cập nhật đề cương tiết lần | Ngày/tháng/năm | Người cập nhật   |
|----|----------------------------|----------------|------------------|
| 1  | Lần 1                      | 05/2019        | Nguyễn Đức Thanh |
| 2  | Lần 2                      | 05/2021        | Nguyễn Đức Thanh |
| 3  | Lần 3                      | 05/2023        | Nguyễn Đức Thanh |
| 4  | Dự kiến lần 4              | 05/2025        |                  |

**TRƯỞNG PHÒNG  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS. TS Ngô Thanh Bình**

**Nguyễn Đức Thanh**